

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thị Oanh

CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC
DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội - 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Thị Oanh

CHÍNH SÁCH CỦA AN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC
DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

GS.TS HOÀNG KHẮC NAM

Hà Nội - 2022

Lời cam đoan

Tôi xin cam đoan: Luận án này là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả và số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Lời cảm ơn

Trong quá trình thực hiện luận án này, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn và giúp đỡ tận tình của nhiều thầy cô và đồng nghiệp cũng như sự ủng hộ và động viên của gia đình và bạn bè.

Trước hết, tác giả đặc biệt biết ơn sâu sắc người thầy đã trực tiếp hướng dẫn và luôn tận tình giúp đỡ mình trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu, đó là GS. TS. Hoàng Khắc Nam.

Tác giả cũng xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành đối với các thầy cô giáo tại Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, đã giúp tác giả được tiếp cận với những nguồn tri thức cập nhật và chuyên sâu về lĩnh vực mà tác giả lựa chọn; đối với cán bộ trợ lý khoa và những cán bộ khác tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tạo điều kiện để tác giả có thể thực hiện công việc học tập thuận lợi và đúng tiến độ; các đồng nghiệp tại Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á đã ủng hộ và hỗ trợ trong các công việc của cơ quan để tác giả có thể dành thời gian nhiều hơn cho việc học tập và nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Tác giả cũng xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành đến Khoa Chính trị học, Trường Đại học Hyderabad (Ấn Độ) đã tạo điều kiện để tác giả được tiếp xúc với nguồn tài liệu quý giá của phía Ấn Độ.

Cuối cùng, luận án này sẽ không thể hoàn thành nếu như không có sự ủng hộ và giúp đỡ từ phía gia đình và bạn bè. Tác giả xin được bày tỏ sự biết ơn sâu sắc đối với những người thân yêu trong gia đình cũng như những người bạn đã chia sẻ và động viên trong suốt quá trình thực hiện luận án.

Xin chân thành cảm ơn.

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| Lời cam đoan | |
| Lời cảm ơn | |
| Danh mục chữ viết tắt..... | 5 |
| Danh mục bảng và phụ lục..... | 8 |
| MỞ ĐẦU | 9 |
| 1. Lý do chọn đề tài | 9 |
| 2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu..... | 11 |
| 2.1 Mục tiêu nghiên cứu | 11 |
| 2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu..... | 11 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... | 11 |
| 4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu | 12 |
| 4.1. Cách tiếp cận | 12 |
| 4.2 Phương pháp nghiên cứu | 13 |
| 5. Đóng góp mới về khoa học của luận án..... | 14 |
| 6. Bố cục của luận án..... | 15 |
| CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI | 17 |
| 1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân tố ảnh hưởng đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc | 17 |
| 1.2 Các công trình nghiên cứu liên quan đến mục tiêu và sự triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc | 20 |
| 1.3 Các công trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ Ấn - Trung | 31 |
| 1.4 Nhận xét | 42 |
| CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019) | 45 |
| 2.1. Cơ sở lý luận | 45 |
| 2.1.1 Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế | 45 |
| 2.1.2 Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế | 47 |

| | |
|---|-----------|
| 2.1.3 Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế | 48 |
| 2.1.4 Lý thuyết hoạch định chính sách đối ngoại | 50 |
| 2.2. Các nhân tố tác động đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc | 52 |
| 2.2.1 Cấp độ hệ thống | 52 |
| 2.2.1.1 Xu thế trật tự thế giới đa cực | 53 |
| 2.2.1.2 Xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới..... | 56 |
| 2.2.1.3 Nhân tố Mỹ..... | 58 |
| 2.2.1.4 Những thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc | 61 |
| 2.2.1.5 Biến động địa chính trị ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ (IPOI) | 63 |
| 2.2.1.6 Nhân tố Pakistan trong quan hệ Ấn - Trung..... | 66 |
| 2.2.1.7 Các nhân tố khác..... | 68 |
| 2.2.2 Cấp độ quốc gia | 70 |
| 2.2.2.1 Nhân tố lịch sử trong quan hệ hai nước | 71 |
| 2.2.2.2 Tình hình phát triển kinh tế - quốc phòng của Ấn Độ | 74 |
| 2.2.2.3 Sự chuyển đổi từ chủ nghĩa Lý tưởng sang chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ | 77 |
| 2.2.2.4 Các nhân tố khác..... | 80 |
| 2.2.3 Cấp độ cá nhân | 85 |
| 2.2.3.1 Xuất thân và đặc điểm tính cách của Thủ tướng N. Modi | 85 |
| 2.2.3.2 Phong cách lãnh đạo và sự nghiệp chính trị | 86 |
| Tiểu kết chương 2 | 91 |
| CHƯƠNG 3: NỘI DUNG VÀ SỰ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019) | 92 |
| 3.1 Mục tiêu và nguyên tắc | 92 |
| 3.1.1. Mục tiêu | 92 |
| 3.1.1.1 Nỗ lực khẳng định cường quốc hàng đầu thế giới của Ấn Độ..... | 92 |

| | |
|--|------------|
| 3.1.1.2 Hợp tác cùng phát triển | 93 |
| 3.1.1.3 Hợp tác cân bằng | 94 |
| 3.1.1.4 Kiểm chế, cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc | 97 |
| 3.1.2 Nguyên tắc | 99 |
| 3.1.2.1 Nguyên tắc tự chủ chiến lược trong chính sách đối ngoại | 99 |
| 3.1.2.2 Lợi ích quốc gia là trên hết | 100 |
| 3.1.2.3 Tiếp cận ở vị thế ngang hàng/đồng đẳng với Trung Quốc | 101 |
| 3.2 Nội dung chính sách | 102 |
| 3.2.1 Hợp tác | 102 |
| 3.2.2 Quản lý xung đột | 110 |
| 3.2.3 Cân bằng quyền lực | 112 |
| 3.2.4 Kiểm chế ảnh hưởng | 115 |
| 3.3 Sự triển khai chính sách | 122 |
| 3.3.1 Chính trị - ngoại giao | 122 |
| 3.3.2 Kinh tế | 131 |
| 3.3.3 An ninh - quốc phòng | 139 |
| Tiểu kết chương 3 | 148 |
| CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT CHÍNH SÁCH CỦA ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC (2014 - 2019) VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM | 149 |
| 4.1 Đánh giá chung | 149 |
| 4.2 Đánh giá kết quả triển khai chính sách | 154 |
| 4.2.1 Kết quả đạt được | 154 |
| 4.2.2 Hạn chế/thách thức | 159 |
| 4.3. Tác động | 162 |
| 4.3.1 Đối với khu vực Đông Nam Á | 162 |
| 4.3.2 Đối với khu vực Nam Á/Án Độ Dương | 164 |
| 4.3.3 Đối với Việt Nam | 166 |
| 4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam | 171 |
| Tiểu kết chương 4 | 176 |

| | |
|--|------------|
| KẾT LUẬN | 177 |
| DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN..... | 180 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 182 |
| PHỤ LỤC..... | 215 |

Danh mục chữ viết tắt

| Từ viết tắt | Tiếng Anh | Tiếng Việt |
|-------------|--|---|
| AAGC | Asia - Africa Growth Corridor | Hành lang tăng trưởng Á - Phi |
| ADMM | ASEAN Defence Minister's Meeting | Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN |
| ADMM+ | ASEAN Defence Minister's Meeting - Plus | Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN mở rộng |
| APEC | Asia - Pacific Economic Cooperation | Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương |
| ASEAN | Association of Southeast Asian Nations | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| AIIB | Asian Infrastructure Investment Bank | Ngân hàng đầu tư cơ sở hạ tầng châu Á |
| ASEM | Asia - Europe Meeting | Hội nghị thượng đỉnh Á - Âu |
| ARF | ASEAN Regional Forum | Diễn đàn khu vực ASEAN |
| BIMSTEC | Bay of Bengal Initiative for Multi-Sectoral Technical and Economic Cooperation | Sáng kiến về Hợp tác kinh tế và kỹ thuật đa ngành Vịnh Bengal |
| BRI | Belt and Road Initiative | Sáng kiến Vành đai, Con đường |
| CPEC | China - Pakistan Economic Corridor | Hành lang Kinh tế Trung Quốc - Pakistan |
| CPTPP | Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership | Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương |
| EAS | East Asia Summit | Hội nghị thượng đỉnh Đông Á |
| EU | European Union | Liên minh châu Âu |
| FDI | Foreign Direct Investment | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |

| | | |
|-------|--|---|
| FIPIC | Forum for India-Pacific Islands cooperation | Diễn đàn hợp tác Ấn Độ - quần đảo Thái Bình Dương |
| FTA | Free Trade Area | Khu vực mậu dịch tự do |
| GDP | Gross Domestic Product | Tổng sản phẩm quốc nội |
| IMF | International Monetary Fund | Quỹ Tiền tệ Quốc tế |
| IMO | International Maritime Organization | Tổ chức Hàng hải Quốc tế |
| IORA | Indian Ocean Rim Association | Hiệp hội Vành đai Ấn Độ Dương |
| IONS | Indian Ocean Naval Symposium | Hội nghị chuyên đề hải quân Ấn Độ Dương |
| IPOI | Indo - Pacific Oceans Initiative | Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương |
| LAC | Line of Actual Control | Đường kiểm soát thực tế |
| NATO | North Atlantic Treaty Organization | Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương |
| NDB | New Development Bank | Ngân hàng Phát triển mới |
| NSG | Nuclear Suppliers Group | Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân |
| NSS | National Security Strategy | Chiến lược an ninh quốc gia |
| PIF | Pacific Islands Forum | Diễn đàn quần đảo Thái Bình Dương |
| QUAD | Quadrilateral Security Dialogue | Đối thoại An ninh bốn bên |
| TAC | Treaty of Amity and Cooperation | Hiệp ước thân thiện và hợp tác |
| TTP | Trans-Pacific Strategic Economic Partnership Agreement | Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương |
| RCEP | Regional Comprehensive Economic Partnership | Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực |
| SAGAR | Security and Growth for All in the Region | An ninh và tăng trưởng cho tất cả mọi người trong khu vực |
| SAARC | South Asian Association for Regional Cooperation | Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á |

| | | |
|------|-----------------------------------|---|
| SCO | Shanghai Cooperation Organisation | Tổ chức Hợp tác Thượng Hải |
| WTO | World Trade Organization | Tổ chức Thương mại Thế giới |
| WPNS | Western Pacific Naval Symposium | Hội nghị Tư lệnh Hải quân Tây Thái Bình Dương |
| WFP | World Food Programme | Chương trình Lương thực Thế giới |

Danh mục bảng và phụ lục

Danh mục bảng

| | |
|---|-----|
| Bảng 2.1: Kinh tế Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2019..... | 75 |
| Bảng 2.2: Ngân sách quốc phòng Ấn Độ giai đoạn 2010 - 2019..... | 76 |
| Bảng 2.3: So sánh sức mạnh quân sự Ấn Độ - Trung Quốc năm 2020..... | 76 |
| Bảng 3.1: Thương mại song phương Ấn - Trung giai đoạn 2015 - 2020..... | 133 |
| Bảng 3.2: Giá trị thương mại và cơ cấu hàng hóa xuất - nhập khẩu song phương Ấn - Trung năm 2019..... | 134 |
| Bảng 3.3 Đầu tư FDI của Trung Quốc vào Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2019..... | 136 |
| Bảng 3.4 Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu của các công ty Trung Quốc vào Ấn Độ giai đoạn 2007 - 2020..... | 136 |
| Bảng 3.5 Đầu tư FDI của Ấn Độ sang Trung Quốc giai đoạn 2014 - 2019..... | 137 |

Danh mục phụ lục

| | |
|---|-----|
| Phụ lục 1: Biên niên những sự kiện chính trị - ngoại giao tiêu biểu trong quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc giai đoạn 2014 - 2021..... | 215 |
|---|-----|

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Là hai trong số các nền văn minh phương Đông cổ đại và là hai nước lớn đang trỗi dậy trên thế giới, hiện nay Ấn Độ và Trung Quốc là hai chủ thể đóng vai trò quan trọng trong cục diện châu Á nói riêng và trên bàn cờ chính trị thế giới nói chung. Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc nói riêng và quan hệ song phương, đa phương Ấn - Trung nói riêng tác động rất lớn đến cán cân quyền lực và cục diện khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và bối cảnh thế giới. Ấn Độ là một cường quốc đang nổi lên, nhưng sự nổi lên của nó phần nào đang bị “cản trở” bởi sự trỗi dậy của Trung Quốc. Điều này đòi hỏi New Delhi phải có những chính sách và phản ứng để đảm bảo và thúc đẩy lợi ích, vị thế quốc gia. Theo đó, một *chính sách đối ngoại thực dụng gắn liền với các nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực* đang được Ấn Độ triển khai với Trung Quốc.

Ấn Độ đặt mối quan hệ với Trung Quốc trong tổng thể mối quan hệ với các nước lớn, duy trì chiến lược vừa hợp tác và cạnh tranh, vừa là đối tác cạnh tranh vừa là đối thủ tiềm tàng ở châu Á, trong đó vừa hợp tác vừa cạnh tranh là xu thế chính. Chính sách Trung Quốc của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi là kết quả từ sự tác động tổng hợp của các nhân tố bên trong và bên ngoài. Những nhân tố này bao gồm sự biến động của các trục quốc tế, khu vực, các nhân tố bên trong quốc gia và sự thay đổi bộ máy lãnh đạo của chính quyền Ấn Độ. Sự tác động tổng hợp này ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, cách thức tiếp cận và quá trình hình thành chính sách của Ấn Độ đối với quốc gia láng giềng khổng lồ - Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ nhìn nhận Trung Quốc là “đối thủ” hơn là “đối tác” nên cần có chính sách “quyết đoán” hơn. Do đó, trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc đấu tranh là yếu tố cần thiết trong khi hợp tác là một lựa chọn khi có thể. Điều này không chỉ làm thay đổi cả cán cân quyền lực giữa Ấn Độ và Trung Quốc mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cách hành xử của hai quốc gia đối với nhau.

Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi là sự tiếp nối có điều chỉnh so với các chính phủ tiền nhiệm, là chiến lược và sự phản ứng của

một nước lớn đang nổi lên với một nước lớn đang trỗi dậy đầy tham vọng ở châu Á. Từ trước đến nay, Ấn Độ luôn coi trọng “sức mạnh quy tắc” (sức mạnh quyền lực quy chuẩn) - yếu tố để định hình những giá trị chuẩn mực mà các quốc gia đều có thể chấp nhận trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, đến thời Thủ tướng N. Modi, quan niệm về những giá trị chuẩn mực đã thay đổi, theo đó, bên cạnh khẳng định sự hòa hợp trong chính sách đối ngoại với khu vực và quốc tế thông qua các định chế quốc tế, ngày nay Ấn Độ nhấn mạnh mục tiêu trở thành một cường quốc trên thế giới và ủng hộ xây dựng một trật tự thế giới đa cực, một “châu Á đa cực”, đồng thời nỗ lực cân bằng và chống lại chủ nghĩa bá quyền của Trung Quốc, hướng tới một cấu trúc khu vực châu Á cân bằng với nhiều trung tâm quyền lực. Sự điều chỉnh này phù hợp với sự chuyển đổi từ chủ nghĩa lý tưởng sang chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng như sự thay đổi trong nước, khu vực và bối cảnh toàn cầu. Mặt khác, sự biến động mối quan hệ Ấn - Trung ảnh hưởng rất lớn đến cục diện và cấu trúc khu vực. Do đó, nghiên cứu chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc rất cần thiết và cấp thiết.

Mặt khác, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng tác động tới Việt Nam bởi cả hai đều là đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam. Bên cạnh mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam - Ấn Độ đang ngày càng phát triển sâu rộng và bền chặt, tạo xung lực mới cho quan hệ hai nước và khu vực, thì Trung Quốc cũng là một láng giềng lớn, là một trong ba đối tác chiến lược toàn diện hiện nay của Việt Nam¹. Do đó, một nghiên cứu hệ thống và chuyên sâu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc sẽ cung cấp căn cứ khoa học đối với quá trình hoạch định chính sách của Việt Nam đối với Ấn Độ, đối với Trung Quốc cũng như đối với quan hệ Ấn - Trung.

Là hai chủ thể quan trọng và có ảnh hưởng đến hệ thống quốc tế hiện nay, nên hướng nghiên cứu này cũng phù hợp với chuyên ngành đào tạo Quan hệ quốc tế. Ngoài ra, Ấn Độ cũng là một nước lớn có chính sách đối ngoại tác động mạnh mẽ đến khu vực châu Á, nhưng ở Việt Nam lại chưa có công trình khoa học nào nghiên

¹ Hiện nay, ba đối tác Chiến lược toàn diện của Việt Nam là: Nga, Trung Quốc và Ấn Độ.

cứu chuyên sâu về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N.Modi. Nên việc thực hiện một luận án Tiến sĩ về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng là một nỗ lực nhằm bổ sung thêm vào khoảng trống trong nghiên cứu về Ấn Độ tại Việt Nam.

Với những lý do trên, tôi chọn lựa đề tài cho luận án Tiến sĩ là: “*Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019)*”.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là làm rõ chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc qua đó đánh giá tác động của chính sách này (đối với khu vực, Việt Nam) và đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam.

2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nêu trên, luận án tập trung giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc và quan hệ Ấn - Trung;

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố (bên ngoài và bên trong) tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc (2014 -2019);

Thứ ba, phân tích và làm rõ nội dung và sự triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019) trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh - quốc phòng;

Thứ tư, rút ra một số đánh giá về chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc đồng thời đánh giá tác động của những chính sách này đối với khu vực và Việt Nam;

Thứ năm, đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- *Đối tượng nghiên cứu* của luận án là chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi .

- *Phạm vi nghiên cứu:*

+ *Về thời gian*, luận án nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong giai đoạn từ tháng 5/2014 đến năm 2019. Tháng 5/2014 là thời điểm ông Narendra Modi chính thức đảm nhận cương vị thủ tướng thứ 14 của Ấn Độ. Năm 2019 là năm kết thúc nhiệm kỳ 1 của Thủ tướng N. Modi - thời điểm để có thể tổng kết, đánh giá một cách toàn diện về những điều chỉnh, kết quả đã đạt được của chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc.

+ *Về nội dung*, luận án nghiên cứu toàn diện chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi, trong đó trọng tâm là nghiên cứu về nội dung chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc. Luận án cũng sẽ phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc, đồng thời đánh giá tác động của những chính sách này đối với khu vực, qua đó đưa ra một số gợi ý đối với Việt Nam.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận từ cơ sở lý luận tổng quan về các vấn đề, cách tiếp cận lịch sử-logic nhằm phát hiện nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển của đối tượng nghiên cứu trong những thời gian, không gian gắn với những hoàn cảnh cụ thể để làm rõ sự phát triển của vấn đề nghiên cứu. Bên cạnh đó, cách tiếp cận hệ thống, đa ngành theo các góc độ kinh tế - chính trị - xã hội, và các lý thuyết kinh tế - chính trị trong quan hệ quốc tế (chủ nghĩa trọng thương) cũng được sử dụng.

Để tạo khuôn khổ và đánh giá khách quan vấn đề nghiên cứu, luận án tiếp cận dựa trên lý thuyết *chủ nghĩa Tự do*, *chủ nghĩa Hiện thực* và *chủ nghĩa Kiến tạo*. Trong đó, lý thuyết *chủ nghĩa Hiện thực* được vận dụng để làm rõ xu hướng cạnh tranh quyền lực để giành vị thế lãnh đạo trong hệ thống cấu trúc, từ đó làm rõ ảnh hưởng các nhân tố ở cấp độ hệ thống (quốc tế, khu vực) đến sự hình thành chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc. Lý thuyết của *chủ nghĩa Tự do* được vận dụng nhằm làm rõ xu hướng phụ thuộc trong quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc, đặc biệt là chính sách hợp tác (kinh tế) của Ấn Độ với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi. Còn lý thuyết của *chủ nghĩa Kiến tạo* được sử dụng nhằm làm rõ ảnh hưởng của bản sắc và

lợi ích quốc gia trong việc hoạch định và triển khai chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc. Ngoài ra, chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc có một quá trình vận động lâu dài, vì vậy đề tài sẽ sử dụng cách tiếp cận lịch sử nhằm tìm nguồn gốc phát sinh, quá trình phát triển, bản chất và quy luật vận động của chính sách.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

Là đề tài về quốc tế học nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là các *phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế* nhằm xem xét sự ra đời, nội dung chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới góc độ tương tác lợi ích địa chiến lược và địa chính trị của nước lớn trong quan hệ quốc tế, trong đó:

Phương pháp phân tích hệ thống (analysis of system) thông qua ba cấp độ phân tích được sử dụng ở chương 2 của luận án nhằm đặt vấn đề nghiên cứu như một bộ phận cấu trúc trong quan hệ quốc tế thông qua ba bộ phận của cấu trúc bao gồm: trật tự thứ bậc được xây dựng dựa trên quyền lực; những mối quan hệ phổ biến, các luật lệ chung thông qua 3 cấp độ: hệ thống (quốc tế, khu vực), quốc gia và cá nhân.

Ngoài ra, là đề tài nghiên cứu chính sách nên đề tài sử dụng *phương pháp nghiên cứu chính sách* nhằm làm rõ sự hình thành chính sách thông qua phân tích tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài cũng như phân tích mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, sự triển khai và tác động của chính sách.

Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc có một quá trình vận động lâu dài nên đề tài cũng sử dụng *phương pháp lịch sử*, trong đó *phương pháp nghiên cứu lịch sử lịch đại* được sử dụng nhằm đặt vấn đề nghiên cứu trong sự vận động theo tuần tự thời gian và logic lịch sử để làm rõ mục tiêu nghiên cứu, còn *phương pháp nghiên cứu đồng đại* được sử dụng để phân tích các sự kiện, hiện tượng lịch sử xảy ra trong cùng một giai đoạn nhưng ở những không gian khác nhau, từ đó làm rõ mối liên hệ, tác động lẫn nhau giữa các sự kiện này trong quá trình lịch sử cụ thể.

Phương pháp nghiên cứu diễn ngôn: nhằm làm rõ nội dung chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc thông qua phân tích các diễn ngôn chính trị, tuyên bố, tranh luận, thông cáo của Thủ tướng Modi, Ngoại trưởng Ấn Độ, các chính trị gia nói riêng và của Chính phủ Ấn Độ nói chung.

Phương pháp phân tích nội dung (Content Analysis): nhằm phân tích các nội dung thể hiện hoặc tiềm ẩn trong các tài liệu truyền thông, văn bản ngoại giao và các phát biểu của giới hoạch định chính sách Ấn Độ liên quan đến Trung Quốc.

Phương pháp so sánh được sử dụng để đánh giá và so sánh mức độ tác động của các nhân tố cũng như những điều chỉnh trong mục tiêu, nguyên tắc và nội dung chính sách của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi so với các chính quyền tiền nhiệm.

Ngoài ra, đề tài sử dụng các phương pháp bổ trợ khác trong nghiên cứu quan hệ quốc tế như phương pháp quan sát; phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp phân tích, giải thích.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Có thể khẳng định, luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong nhiệm kỳ 1 (2014- 2019) của Thủ tướng N. Modi. Vì vậy, luận án có những đóng góp mới cả về khoa học, thực tiễn và tư liệu.

Về khoa học, trên cơ sở những tuyên bố chính thức của Chính phủ Ấn Độ và các nguồn tài liệu đa chiều khác, luận án là công trình nghiên cứu có hệ thống về chính sách của của một nước lớn (Ấn Độ) với một nước lớn đang trỗi dậy (Trung Quốc), góp phần chỉ ra được nguồn gốc, mục tiêu, nội dung, sự triển khai chính sách, những thành công và hạn chế của quá trình triển khai chính sách từ phía Ấn Độ đối với Trung Quốc, từ đó làm rõ sự vận động và điều chỉnh chính sách của Ấn Độ trong giai đoạn 2014 - 2019 so với các giai đoạn trước. Đặc biệt, về mặt lý luận, luận án đóng góp thêm cơ sở lý luận cho việc phân tích chính sách của một nước lớn với một nước lớn láng giềng đang trỗi dậy.

Về thực tiễn, luận án cũng phân tích những tác động từ chính sách Ấn Độ đối với Trung Quốc đối với khu vực Đông Nam Á, Nam Á, từ đó rút một số gợi ý chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Ấn Độ và Trung Quốc.

Về tư liệu, trên cơ sở tập hợp, khái quát và xử lý các tài liệu trong và ngoài nước về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc nói riêng và quan hệ hai nước nói chung, luận án sẽ là một nguồn tư liệu tham khảo quan trọng cho những ai quan tâm

đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ và quan hệ Ấn - Trung.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án được kết cấu thành 4 chương với những nội dung chính như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về đề tài

Chương này tác giả tập trung hệ thống lại nguồn tư liệu (tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Trung) liên quan đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc và quan hệ Ấn - Trung.

Chương 2: Cơ sở hình thành chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019)

Chương này tác giả tập trung làm rõ cơ sở lý luận và các nhân tố (cấp độ hệ thống, cấp độ quốc gia và cấp độ cá nhân) tác động đến sự hình thành mục tiêu, nguyên tắc và nội dung chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi.

Chương 3: Nội dung và sự triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi Modi (2014 - 2019)

Tiếp nối chương 2, nội dung chương 3 luận án tập trung làm rõ mục tiêu, nguyên tắc, nội dung (hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiềm chế) và sự triển khai chính sách (thông qua các công cụ và phương thức: chính trị - ngoại giao, kinh tế, an ninh - quốc phòng) của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong nhiệm kỳ 1 (2014 - 2019) của Thủ tướng N. Modi.

Chương 4: Nhận xét chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc (2014 - 2019) và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Trên cơ sở các nội dung đã được trình bày ở ba chương trước, chương này có nhiệm vụ nhận xét, đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Chương này cũng rút ra những đặc điểm chính sách đối ngoại của New Delhi đối với Bắc Kinh, qua đó đánh giá sự triển khai chính sách qua việc làm rõ những thành tựu và hạn chế của chính sách. Trên cơ sở đó, chương này chỉ ra những tác động của

chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc đến khu vực, Việt Nam và đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

CHƯƠNG I: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI

1.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân tố ảnh hưởng đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc

Phạm Quốc Thái (2013), trong cuốn *Trung Quốc và Ấn Độ trỗi dậy: tác động và đối sách của các nước Đông Á*, bên cạnh phân tích bối cảnh quốc tế và tác động của sự trỗi dậy của Trung Quốc và Ấn Độ đối với Mỹ, EU, các nước châu Phi và Mỹ Latinh, tác giả cũng làm rõ xu hướng hợp tác, gia tăng chi tiêu quân sự, xu hướng tăng cường tiềm lực quốc phòng, xu hướng tăng cường liên kết, tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc của các nước ở Đông Á và Ấn Độ.

Về tác động của chủ nghĩa nước lớn đến chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc, Huỳnh Thanh Loan (2019), Luận án Tiến sĩ *Vấn đề biên giới trong quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc giai đoạn 1950 - 2014* cho rằng, cả Trung Quốc và Ấn Độ là hai trong số những nền văn minh lâu đời nhất nhất thế giới. Đối với Ấn Độ, nền văn minh của họ đã tạo nên câu chuyện lịch sử về “một đất nước khoan dung và đa nguyên”, có phạm vi ảnh hưởng rộng lớn dựa trên nền văn hóa, các giá trị và thương mại. Đối với Trung Quốc, nền văn minh Trung Quốc và văn hóa “Đại Hán” là sự “vượt trội” về mặt văn hóa và được bao quanh bởi những quốc gia mà các triều đại phong kiến Trung Quốc cho là “man di”. Do đó, giá trị quốc gia của Ấn Độ và Trung Quốc được hình thành bởi những quan điểm riêng về nền văn minh, văn hóa và chủ nghĩa dân tộc nước lớn. Chính điều này đã ảnh hưởng đến văn hóa chiến lược của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Về ảnh hưởng của yếu tố cá nhân đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và với Trung Quốc nói riêng, tác giả Chaulia, Sreeram (2016), *Modi doctrine: The foreign policy of India's Prime Minister*, Bloomsbury Publishing, cho rằng, Thủ tướng Modi đã cách mạng hóa chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Đây là Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ làm được việc này kể từ thời Thủ tướng Jawaharlal Nehru. Tác giả nhấn mạnh, các yếu tố về phong cách, phẩm chất, thế giới quan và nhận thức của Modi về các vấn đề toàn cầu tác động trực tiếp đến mô hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ hiện nay. Đề cập đến yếu tố phong cách, tác giả nhấn mạnh vai trò của cá tính

cá nhân đã mang lại những điều chỉnh lớn trong chính sách đối ngoại của New Delhi khi Modi được coi là “một nhà lãnh đạo chuyển đổi” - người đã xây dựng lại chính sách đối ngoại của Ấn Độ thông qua những thay đổi với những nội dung truyền cảm hứng. Sự khác biệt trong phong cách cá nhân của Thủ tướng Modi so với các Thủ tướng tiền nhiệm thể hiện ở chỗ, ông duy trì mối tương tác liên tục và thường xuyên với các nhà lãnh đạo thế giới. Đặc biệt, ông tận dụng rất tốt yếu tố truyền thông thông qua “ngoại giao số” trong đối ngoại khi đã tận dụng hiệu quả các nền tảng truyền thông từ báo in, điện tử, kỹ thuật số, từ Facebook, Twitter, đến Wechat, Whatsapp,... Bên cạnh đó, ngoại giao cá nhân trở thành công cụ hiệu quả mà Modi sử dụng, theo đó, thay vì theo đuổi những cách thức ngoại giao truyền thống, ông nhấn mạnh sự kết nối cá nhân để tăng cường sự tham gia của Ấn Độ với thế giới.

Về tác động của các nhân tố quốc tế, khu vực đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, Jayshree Sengupta (2018), *Modi's new China Policy*, Observer Research Foundation, cho rằng, ở cấp độ quốc tế, việc Trung Quốc luôn “cản trở” nỗ lực của Ấn Độ trở thành thành viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc và Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân khiến mối quan hệ hai nước mặc dù là đối tác thương mại nhưng đồng thời cũng là đối thủ cạnh tranh. Trong đó tác giả nhấn mạnh rằng, dưới thời Thủ tướng Modi, các nhân tố khu vực và quốc tế trở thành các nhân tố có tính điều kiện, còn lợi ích quốc gia trở thành nhân tố quyết định trong việc hoạch định chính sách đối với Trung Quốc. Điều này khiến chính sách của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc mang đặc điểm của chủ nghĩa thực dụng. Tuy nhiên, công trình chủ yếu tập trung vào các bên ngoài, không phân tích và đặt sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong sự thay đổi chính trị - kinh tế của Ấn Độ nên chưa phản ánh hết sự tác động tổng hợp của các nhân tố đến sự hình thành chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Về quan điểm của các học giả Trung Quốc khi lý giải về *ảnh hưởng của yếu tố địa văn hóa đến văn hóa chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc cũng như cách hành xử của cả hai quốc gia đối với đối phương*, tác giả Tan Chung (2015), trong cuốn *Himalaya Calling: The Origins of China and India*, World Scientific, cho rằng, các

động thái của Ấn Độ và Trung Quốc bị tác động rõ nét của mô hình địa - văn hóa “khu vực ảnh hưởng Himalaya”. Trong đó, tác giả đề cập đến yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa chiến lược và tinh thần đối ngoại của Ấn Độ là tư tưởng “Vasudhaiva kutumbakam” (cả thế giới là một gia đình) còn mục tiêu chiến lược của Trung Quốc là “tianxia datong” (Thiên hạ đại đồng). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến cách hành xử trong các vấn đề khu vực và quốc tế của Ấn Độ và Trung Quốc cũng như cách đạt được các mục tiêu chiến lược và đảm bảo lợi ích quốc gia của Ấn Độ trong quan hệ với các nước láng giềng, trong đó có Trung Quốc. Theo tác giả, văn hóa chiến lược hình thành nên bối cảnh của hành vi chiến lược đối ngoại của Ấn Độ, trong đó văn hóa chiến lược trở thành kim chỉ nam định hướng hành động. Văn hóa chiến lược của Ấn Độ cũng nhấn mạnh đến nguyên tắc tự chủ chiến lược nhằm đảm bảo cho nhu cầu phát triển của Ấn Độ.

Phân tích *ảnh hưởng của sự thay đổi chính quyền ở Ấn Độ và Trung Quốc đến chính sách và quan hệ của hai nước đối với đối phương*, Ying Zhu, Deepak Sardana, S. Tamer Cavusgil (2020), trong cuốn, *Weathering the Storm in China and India Comparative Analysis of Societal Transformation under the Leadership of Xi and Modi*, Routledge, cho rằng cả Ấn Độ và Trung Quốc những năm gần đây đều chứng kiến sự thay đổi trong bộ máy lãnh đạo quốc gia và sự thay đổi này đã góp phần thúc đẩy sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc của cả hai nước cũng như quan điểm của hai quốc gia trong mối quan hệ với Mỹ. Theo tác giả, dưới thời của Thủ tướng Modi và Tập Cận Bình, Ấn Độ và Trung Quốc là hai quốc gia thành công nhất thế giới trong việc vượt qua các thách thức kinh tế. Hai quốc gia này được coi là có ảnh hưởng và đòn bẩy lớn nhất trong số mười quốc gia mới nổi trong G-20. Trong khi Trung Quốc trở thành nguồn cung cấp dòng vốn ròng lớn nhất thế giới thì Ấn Độ nổi lên như một điểm thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ gia công phần mềm. Bên cạnh vấn đề này, tác giả cho rằng, từ sự thay đổi chính quyền của hai nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng như cách hành xử của Bắc Kinh với New Delhi: sự phát triển của nền chính trị quốc gia, vấn đề dân chủ, đa nguyên, pháp quyền, xung đột dân sự, hợp tác quân sự với nước

ngoài, chính sách với Mỹ. Tuy nhiên, do chủ yếu tiếp cận dưới góc độ lợi ích kinh tế, nên tác giả cho rằng, để cạnh tranh với Trung Quốc, Ấn Độ sẽ duy trì các chính sách ngoại giao kinh tế để cân bằng lợi thế so sánh với Trung Quốc ở cấp độ khu vực và toàn cầu.

Về ảnh hưởng của vấn đề biên giới đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, tác giả Mohammad Wasim (2011), trong công trình *China - India Border Conflict: Recent Perspective*, cho rằng, vấn đề biên giới tác động trực tiếp đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng như quan hệ Ấn - Trung. Vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến cách hành xử của hai quốc gia đối với đối phương mà còn tác động đến việc lựa chọn công cụ và đối tác của cả hai nước trong quan hệ quốc tế. Và chỉ khi vấn đề này được giải quyết thì quan hệ hai nước mới trở thành mẫu hình chung của môi quan hệ hai nước lớn ở châu Á. Tuy nhiên, tác giả kết luận rằng, từ lịch sử và thực trạng quan hệ hai nước hiện nay, thì vấn đề biên giới là thách thức lớn nhất và khó giải quyết nhất trong quan hệ Ấn - Trung.

1.2 Các công trình nghiên cứu liên quan đến mục tiêu và sự triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc

Cuốn *Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Cộng hòa Ấn Độ từ năm 1991 đến 2000* của tác giả Trần Thị Lý (2000) là công trình khái quát toàn diện dự điều chỉnh chính sách đối nội và đối ngoại của Ấn Độ trong thập niên cuối của thế kỷ XX, trong đó chính sách với Trung Quốc cũng được đề cập trong cuốn sách. Đây là công trình rất có ý nghĩa để nghiên cứu sinh tham khảo để so sánh sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ qua các giai đoạn lịch sử.

Nguyễn Đức Toàn (2016), “Bước đầu tìm hiểu chính sách đối ngoại của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, Số 10, phân tích những nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi trong hai năm đầu tiên nắm quyền lãnh đạo Ấn Độ. Trong đó, theo tác giả, cải thiện quan hệ với Trung Quốc dưới “cái bóng của vấn đề biên giới” sẽ là xu hướng chủ đạo trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Nên Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi sẽ mở ra một chương mới trong quan hệ Ấn - Trung theo cách riêng, độc đáo

của mình, với một cách “tiếp cận kép” vừa mềm mỏng, vừa cứng rắn để phân biệt hợp tác kinh tế với tranh chấp biên giới.

Cuốn *Điều chỉnh Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi* do Ngô Xuân Bình (2017, chủ biên), bên cạnh phân tích những yếu tố tác động, nội dung điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi, công trình cũng đã làm rõ được những thành tựu và những vấn đề đặt ra trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Trong đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi, khiến Ấn Độ cần chọn lựa các đối tác để hợp tác với mục đích theo đuổi lợi ích của riêng mình. Nên chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc hiện nay được thể hiện ở chính sách ngoại giao song phương và ngoại giao liên minh nhằm giải quyết các bất đồng trong vấn đề biên giới, hợp tác kinh tế và nỗ lực cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc ở trên đất liền cũng như trên biển. Tuy nhiên, do phạm vi thời gian nghiên cứu của công trình chỉ đến cuối năm 2017, nên những đánh giá về thành tựu và những vấn đề đặt ra về chính sách đối ngoại của Ấn Độ chủ yếu dừng ở cuối năm 2017 (năm thứ 3 trong nhiệm kỳ của Thủ tướng Modi).

Nguyễn Thị Quế, Đặng Đình Tiến (2017) trong công trình *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội đề cập đến quan hệ song phương Ấn - Trung, trong đó các tác giả nhận định, quan hệ giữa Trung Quốc và Ấn Độ rất phức tạp, khó có thể thiết lập được một mối quan hệ ổn định, hữu nghị do vấn đề lịch sử, tranh chấp biên giới, mâu thuẫn lợi ích cũng như cạnh tranh về lợi ích và ảnh hưởng. Tuy nhiên, các tác giả chưa đề cập và đánh giá về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi.

C. Raja Mohan (2015), *Modi's world: expanding India's sphere of influence*, New Delhi: Harper Collins. Tác phẩm là công trình nghiên cứu về sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi so với các chính phủ tiền nhiệm cũng như mục tiêu đưa Ấn Độ trở thành cường quốc ở khu vực và thế giới của “chính phủ vững mạnh và ổn định” này. Theo ông, mặc dù đây là sự tiếp nối chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Vajpayee (1999-2004) và Manmohan Singh (2004-2014)

nhưng chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi đã làm nên sự khác biệt. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc được tác giả phân tích ở một chương riêng biệt, trong đó, nhấn mạnh, Ấn Độ đặt Trung Quốc trong khuôn khổ chính sách đối ngoại đối với vừa là một nước lớn, vừa là quốc gia láng giềng. Và quan hệ với nước lớn như Trung Quốc sẽ cải thiện đáng kể sự phát triển kinh tế của Ấn Độ. Tuy nhiên, mặc dù muốn cải thiện mối quan hệ đầu tư và thương mại nhưng Raja Mohan khẳng định Modi sẽ có thái độ cứng rắn đối với Trung Quốc về vấn đề lãnh thổ và điều này được minh chứng qua phản ứng của Ấn Độ với vấn đề biên giới ở Sikkim (biên giới giữa Ấn Độ, Trung Quốc và Bhutan). Và đối với các vấn đề chiến lược và toàn cầu, Ấn Độ cũng sẽ có những động thái đáp trả, cụ thể khi Trung Quốc phản đối việc Ấn Độ trở thành thành viên của Nhóm các Nhà cung cấp Hạt nhân và Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc, Modi đáp lại bằng cách quyết định không tham gia và không ủng hộ BRI của Trung Quốc. Các động thái quyết đoán này của Modi được tác giả giải thích là bắt nguồn từ sự gia tăng vị thế khu vực và quốc tế của Ấn Độ cũng như sự trỗi dậy đồng thời của cả hai quốc gia.

Về các ứng phó của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong ở cấp độ khu vực và toàn cầu, tác giả Jeff A. Smith (2015), *Cold peace: China-India rivalry in the twenty-first century*, New York: Lexington, bên cạnh phân tích lịch sử “thù hằn”, đối đầu của hai nước, cũng đã đề cập chi tiết đến quan điểm của Ấn Độ về sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mặt khác, trên cơ sở lý thuyết về quan hệ quốc tế, đặc biệt là chủ nghĩa hiện thực thông qua các lý luận về cân bằng quyền lực, cân bằng thách thức và cân bằng lợi ích, tác giả cho rằng, Trung Quốc đang ngày càng đẩy mạnh mối quan hệ ngoại giao, quân sự, kinh tế và chính trị mạnh mẽ với Pakistan để “kiềm tỏa” Ấn Độ ở Nam Á và cản trở các mục tiêu và chiến lược của New Delhi trong các vấn đề khu vực và toàn cầu. Mặt khác, Trung Quốc cũng đang là thách thức, mối đe dọa an ninh hàng hải đối với Ấn Độ ở Ấn Độ Dương, Biển Đông cũng như Tây Thái Bình Dương. Do đó, mục tiêu chính sách đối ngoại của Ấn Độ hiện nay là giảm thiểu mối đe dọa từ Trung Quốc ở các khu vực ảnh hưởng truyền thống, các địa bàn chiến lược và có lợi ích của Ấn Độ. Tuy nhiên, tác giả cũng cho rằng, lợi ích về kinh tế của Ấn Độ trong

quan hệ với Trung Quốc đòi hỏi New Delhi cần có một chính sách ngoại giao linh hoạt với Bắc Kinh.

Devika Sharma và Jason Miklian (2016) trong cuốn *India's global foreign policy engagements - a new paradigm?*, cho rằng, từ khi lên cầm quyền Chính phủ Modi đã đưa ra hàng loạt sáng kiến mới nhằm củng cố sức mạnh cứng và truyền bá sức mạnh mềm quốc gia, từ đó từng bước củng cố vị thế của Ấn Độ trên thế giới. Và trong quá trình trở thành cường quốc toàn cầu, theo tác giả bên cạnh giải quyết tốt các vấn đề như hội nhập kinh tế quốc tế, an ninh lương thực, an ninh năng lượng,... thì đòi hỏi Ấn Độ cần xử lý tốt mối quan hệ với một Trung Quốc đang trỗi dậy đầy tham vọng, bởi rõ ràng, Bắc Kinh đang có nhiều động thái, chính sách, chiến lược phát triển không tương thích với lợi ích của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới. Là điểm neo của kinh tế châu Á, động lực cho tăng trưởng kinh tế thế giới, đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ nên Trung Quốc luôn là bài toán khó đối với New Delhi. Những lợi ích kinh tế mà quốc gia này mang lại cùng tư tưởng “bành trướng” của Bắc Kinh khiến New Delhi cần có các tính toán chiến lược để đạt được “đa mục tiêu” trong quan hệ với nước lớn đang trỗi dậy quyết đoán.

Mehraj Uddin Gojree (2014), *Foreign Policy of India towards China: Principles and Perspectives*, International Research Journal of Social Science Vol. 3(9), 50-58, September. Trong bài viết, tác giả cho rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh có những điều chỉnh với một cách tiếp cận thực dụng hơn gắn liền với các nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực. Tuy nhiên, có những thời điểm, vừa để đảm bảo lợi ích quốc gia, vừa xử lý các vấn đề an ninh, chiến lược với Trung Quốc, Ấn Độ đã không có một chiến lược rõ ràng. Theo tác giả, nguyên nhân là do văn hóa chiến lược - yếu tố đóng một vai trò quan trọng trong việc xác định hành vi của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Cấu phần của văn hóa chiến lược bao gồm: niềm tin, thế giới quan, truyền thống - lịch sử, bản sắc quốc gia. Ngoài ra, một yếu tố khác cũng ảnh hưởng rất lớn đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc là vấn đề lợi ích quốc gia. Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại (Liên minh Tiến bộ Thống nhất - UPA) nhấn mạnh nhiều đến các mối đe dọa an

ninh quốc gia trong quan hệ với Trung Quốc. Nên mặc dù mối quan hệ Trung - Ấn đã được cải thiện rất nhiều nhưng rõ ràng những mục tiêu chiến lược mà Ấn Độ đặt ra trong quan hệ với Trung Quốc không được như kỳ vọng. Tuy nhiên, công trình chủ yếu phân tích chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc giai đoạn hậu chiến tranh biên giới Ấn - Trung (năm 1962) đến năm 2013 nên chưa đề cập đến chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh dưới thời Thủ tướng Modi.

Đề cập trực tiếp đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi, tác giả Cuiping, Zhu (2015), “Dilemmas and Strategic Options vis-à-vis India's China Policy under the Modi Administration”, *South Asian Studies*, 03, cho rằng, do ảnh hưởng của các yếu tố cấp độ các nhân, quốc gia và hệ thống nên Trung Quốc được xem là thách thức và là mối đe dọa về an ninh quốc gia đối với sự trỗi dậy của Ấn Độ. Do đó, chính sách đối với Trung Quốc của Ấn Độ phải đối mặt với “thế lưỡng nan chiến lược” (strategic dilemma) hoặc “thế lưỡng nan hợp tác” hoặc “thế lưỡng nan an ninh”. Do đó, trước bài toán khó này, Thủ tướng Modi có điều chỉnh chính sách đối với Bắc Kinh so với các Thủ tướng tiền nhiệm, trong đó nhấn mạnh đến yếu tố phòng ngừa, hợp tác thận trọng và cân bằng.

Về chính sách của Thủ tướng Modi trong giải quyết vấn đề biên giới với Trung Quốc, Bajpai, Kanti (2018), “Modi's China Policy and the Road to Confrontation”, *Pacific Affairs* 91.2, 245-260, cho rằng, đụng độ ở Cao nguyên Doklam giữa Ấn Độ và Trung Quốc vào mùa hè năm 2017 là biểu hiện cho những căng thẳng đang gia tăng trong mối quan hệ giữa hai quốc gia châu Á. Mặc dù cuộc đụng độ đã được giải quyết thông qua đàm phán hòa bình, nhưng gốc rễ xung đột biên giới Ấn - Trung vẫn chưa được giải quyết triệt để. Tuy nhiên, phản ứng của Thủ tướng Modi đối với vấn đề biên giới với Trung Quốc khác biệt rất nhiều so với các chính phủ tiền nhiệm, cụ thể: Thứ nhất, dưới thời Modi, Ấn Độ đã công khai nỗ lực xây dựng một liên minh các quốc gia hùng mạnh về quân sự ở châu Á - Thái Bình Dương để tăng khả năng thương lượng với Bắc Kinh. Thứ hai, Ấn Độ tìm cách giải quyết vấn đề biên giới thông qua việc: làm rõ Đường kiểm soát thực tế (LAC); nhấn mạnh yếu tố hợp tác để giải quyết triệt để vấn đề biên giới.

Kanti Bajpai (2017), *Narendra Modi's Pakistan and China policy: assertive bilateral diplomacy, active coalition diplomacy* là công trình nghiên cứu sâu về mô hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Modi đối với hai chủ thể Trung Quốc và Pakistan. Theo tác giả, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Modi là một sự tiếp nối chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ các chính phủ tiền nhiệm. Tuy nhiên, so với các chính phủ tiền nhiệm, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc có sự khác biệt về cách thức triển khai do yếu tố phong cách cá nhân Thủ tướng Modi và cho rằng đây là sự khởi đầu cho một chính sách đối ngoại đầy sức sống của Ấn Độ với một lập trường cứng rắn hơn đối với Trung Quốc và Pakistan. Đó là sự điều chỉnh từ lập trường ngoại giao song phương “bình thường” và không liên kết sang một chính sách ngoại giao song phương cứng rắn và ngoại giao liên minh (được thể hiện ở chính sách Hành động phía Đông, chính sách kết nối phía Tây).

Rajesh Rajagopalan (2017), *India's strategic choices: China and the Balance of Power in Asia*. Cuốn sách phân tích những lựa chọn chính sách và công cụ của Ấn Độ để ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như nỗ lực cân bằng quyền lực tại các châu Á. Theo tác giả, một chiến lược không liên kết, phòng vệ với Trung Quốc sẽ không đảm bảo lợi ích quốc gia cho Ấn Độ. Bởi, sức mạnh, tham vọng và sự gài gữ về địa lý của Trung Quốc cho thấy các rủi ro, nguy cơ và thách thức đối với an ninh và lợi ích toàn cầu của Ấn Độ. Do đó, bên cạnh phát triển kinh tế, tăng cường sức mạnh quốc phòng, ngoại giao đa liên kết, liên minh với các quốc gia cùng chia sẻ lợi ích trong cân bằng với Trung Quốc là một chính sách mà Ấn Độ cần hướng đến để ứng phó với Bắc Kinh. Sau khi cân nhắc những điểm mạnh, điểm yếu trong tương quan sức mạnh với Trung Quốc, tác giả gợi ý chính sách đối ngoại mà Ấn Độ có thể lựa chọn trong quan hệ với Trung Quốc là: phòng vệ tích cực, ngoại giao quyết đoán, nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế và liên minh với Mỹ thông: tăng cường sức mạnh quân sự, hợp tác với các nước khác, ngoại giao đa phương và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, tác giả không đề cập đến những cơ hội và rủi ro đối với từng lựa chọn chiến lược ngoại giao của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở khu vực Nam Á, tác giả Rahul Roy-Chaudhury (2018), *India's perspective towards China in their shared South Asian neighbourhood: cooperation versus competition*, Contemporary Politics, 24, cho rằng, đó là chính sách có sự kết hợp giữa yếu tố hợp tác và cạnh tranh. Yếu tố hợp tác thể hiện ở việc Ấn Độ vẫn kêu gọi Trung Quốc đầu tư vào cơ sở hạ tầng ở Ấn Độ, nỗ lực để giảm thâm hụt thương mại và hiện nay Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của New Delhi. Tuy nhiên, yếu tố địa - kinh tế trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc đang bị thách thức bởi vấn đề tranh chấp biên giới, tham vọng bành trướng và gia tăng hiện diện của Bắc Kinh ở khu vực Nam Á.

Về phản ứng của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đối với BRI của Trung Quốc, tác giả Anil Sigdel (2020), trong cuốn *India in the Era of China's Belt and Road Initiative How Modi Responds to Xi*, Rowan & Littlefield, cho rằng các chiến lược toàn cầu của Trung Quốc dưới thời của Tập Cận Bình đang thúc đẩy Thủ tướng Modi có các chính sách cứng rắn với Trung Quốc. Trong đó, BRI được xem là chiến lược đa công cụ với đa mục tiêu. Tác giả đã phân tích phản ứng của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ Đông Nam Á đến Trung Á, Ấn Độ Dương và châu Phi; từ quan hệ văn hóa đến cơ sở hạ tầng, đầu tư và an ninh hàng hải. Thậm chí thông qua phương pháp phân tích định tính, tác giả cũng định vị vai trò của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong mối quan hệ với các chủ thể chính ở khu vực này như Mỹ, Nhật Bản và Pháp - trong thế cân bằng quyền lực với Trung Quốc. Đặc biệt, tác giả chỉ ra rằng, bên cạnh các tác động tiêu cực từ BRI đối với Ấn Độ như vấn đề bị thu hẹp phạm vi ảnh hưởng hay thế bao vây thông qua các quan hệ mà Trung Quốc xây dựng nhằm bao vây, kiềm chế Ấn Độ thì BRI cũng giúp Ấn Độ gia tăng vị thế trong quan hệ quốc tế khi nhiều chủ thể trong quan hệ quốc tế đang nhìn nhận Ấn Độ với tư cách là chủ thể cân bằng quyền lực tự nhiên đối với Trung Quốc. Ngoài ra, trong bối cảnh ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng gia tăng thông qua BRI, tác giả cho rằng, đây cũng là động lực để thúc đẩy Ấn Độ theo đuổi trở thành một cực độc lập hoặc cường quốc hàng đầu trong hệ thống thế giới.

Về phản ứng chính sách của Ấn Độ đối với sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi, Jabin T. Jacob (2017), trong bài viết “China's Belt and Road Initiative: Perspectives from India”, *China & World Economy*, Vol. 25, Issue 5, pp. 78-100, cho rằng, đối với Ấn Độ, BRI gắn với “chiến lược lớn” mà Trung Quốc đã đưa ra kể từ những năm suy tàn của triều đại nhà Thanh, mục tiêu cuối cùng của sáng kiến này là thúc đẩy một mô hình Trung Quốc về phát triển và chính trị. Và ngay từ ban đầu, Chính phủ Ấn Độ đã tuyên bố là không tham gia sáng kiến này mặc dù Trung Quốc đã nhiều lần đề cập mời New Delhi tham gia. Thông qua các dự án mà BRI triển khai ở các nước láng giềng của Ấn Độ, đối với Ấn Độ, BRI là một cách để công kích vai trò “anh cả” của Ấn Độ ở khu vực Nam Á.

Về tác động của sự trỗi dậy Trung Quốc đối với Ấn Độ, Harsh V. Pant (2019), *China Ascendant: Its Rise and Implications*, Harper Collins, cho rằng, Trung Quốc đang trên đà trở thành siêu cường. Sự thay đổi vị thế khu vực và toàn cầu của Bắc Kinh trong ba thập kỷ rưỡi qua đã tác động rất lớn đến chính trị quốc tế cũng như việc hoạch định chính sách của các quốc gia có mối quan hệ với Trung Quốc. Theo tác giả, phản ứng của các quốc gia ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đối với sự trỗi dậy của Trung Quốc là sự đan xen giữa các hình thức đối đầu và hợp tác. Trong đó, Ấn Độ được tác giả đánh giá là “hình mẫu”/khuôn mẫu cho thế giới trong cách phản ứng với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Để làm rõ nhận định này, tác giả tập trung nghiên cứu hai trường hợp: thứ nhất là sự kiện Doklam; và thứ hai là phản ứng của Ấn Độ đối với BRI. Cuốn sách cũng kết luận rằng, sự trỗi dậy phi tự do của Trung Quốc (illiberal China's rise) không những thách thức trực tiếp đối với bộ ba: chủ nghĩa tư bản, dân chủ và toàn cầu hòa mà còn thúc đẩy các nền dân chủ xích lại gần nhau, rõ nhất hiện nay là sự “hồi sinh” của QUAD.

Cũng đề cập đến những thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với Ấn Độ, Ananth Krishnan (2020), *India's China Challenge - A Journey through China's Rise and What it means for India*, Harper Collins, cho rằng, có 4 thách thức chủ yếu hiện nay từ Trung Quốc mà Ấn Độ đang phải đối mặt: *một là*, thách thức chính trị khi phải đối phó với một quốc gia có xu hướng tập trung quyền lực ngày càng cao đang nổi

lực tìm cách định hình các thể chế toàn cầu; *hai là*, thách thức an ninh - quân sự do liên quan đến vấn đề biên giới chưa được giải quyết; *ba là*, thách thức kinh tế do vấn đề thâm hụt thương mại, mô hình tăng trưởng và các mối quan hệ kinh tế của Trung Quốc; *bốn là* thách thức từ việc phải thay đổi cách tiếp cận trong quan hệ với quốc gia láng giềng ngày càng trở dậy quyết đoán. Tác giả cũng khẳng định, thách thức đối với New Delhi còn là câu chuyện về mối quan hệ chính trị phức tạp với Trung Quốc và cách mà các nhà lãnh đạo Bắc Kinh nhìn nhận về vị thế của Ấn Độ. Hiện nay, Trung Quốc đang duy trì cách tiếp cận theo chủ nghĩa bành trướng đối với Ấn Độ và vụ đụng độ ở cao nguyên Doklam là dẫn chứng cho luận điểm này. Trong đó, chủ nghĩa dân tộc chỉ là một cái cớ để Trung Quốc thực thi các yêu sách ở các vùng biên giới đang có tranh chấp với các quốc gia láng giềng. Điều này không chỉ đe dọa đến an ninh của Ấn Độ mà còn là rủi ro đối với trật tự khu vực và ổn định thế giới. Ngoài ra, mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giữa Trung Quốc và Pakistan cũng gia tăng thêm mối lo ngại về an ninh của Ấn Độ ở cả biên giới lẫn ở diễn đàn quốc tế, đặt Ấn Độ vào thế bị bao vây “hai mặt trận”.

Về sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc sau vụ đụng độ ở cao nguyên Doklam, Manoj Jonoj Joshi (2018), *The Wuhan Summit and the India - China Border Dispute*, Observer Research Foundation, cho rằng, Hội nghị thượng đỉnh Vũ Hán (năm 2018) giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã đánh dấu sự dịch chuyển từ vai trò “thay đổi cuộc chơi” đến “thiết lập lại cuộc chơi” của cả Ấn Độ và Trung Quốc trong quan hệ hai nước. Tác giả cho rằng, để thiết lập lại cuộc chơi thì điều kiện cần và đủ là giải quyết triệt để vấn đề biên giới trong quan hệ hai nước. Tuy nhiên điều này rất khó đạt được liên quan đến lợi ích an ninh quốc gia và việc các nhà lãnh đạo chính trị của hai nước đưa ra quyết định thực tế để giải quyết tranh chấp cuối cùng. Trong khi đối phó với Nga về vấn đề biên giới, Trung Quốc đã “nhượng bộ” và giải quyết theo yêu sách của Nga. Tuy nhiên, với Ấn Độ, Trung Quốc thực thi chính sách đối đầu với khi triển khai một lực lượng quân sự đáng kể dọc chiều dài của biên giới. Nên theo tác giả mặc dù qua hội nghị ở Vũ Hán, hai bên thống nhất quan điểm giải

quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình nhưng sẽ rất lâu vấn đề biên giới mới được giải quyết.

Cũng đề cập đến sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi, Manjeet S. Pardesi (2021), trong bài viết *India's China strategy under Modi continuity in the management of an asymmetric rivalry*, *International Politics*, Vol 59, pp. 44 - 66 cho rằng, chiến lược của Ấn Độ với Trung Quốc dưới thời Modi được hiểu là cách tiếp cận của một cường quốc đang lên (ở châu Á) với một cường quốc cũng đang trỗi dậy. Do đó, Ấn Độ đã áp dụng một chiến lược hỗn hợp đối với đối thủ bất đối xứng của mình là Trung Quốc, bao gồm cơ chế hợp tác/phối hợp ở cấp độ đa phương (Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng Châu Á), cạnh tranh ở cấp độ khu vực (tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương), kiềm chế sự lan rộng ảnh hưởng của Trung Quốc các sáng kiến (Sáng kiến Vành đai, Con đường) và răn đe (dọc theo dãy Himalaya và ở Ấn Độ Dương). Cách tiếp cận dựa trên việc theo đuổi chủ nghĩa hiện thực trong chính sách đối ngoại của quốc gia này. Mục tiêu của cách tiếp cận này ngoài việc nhằm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, Ấn Độ còn muốn ngăn chặn sự bá quyền của Trung Quốc ở châu Á đồng thời tạo ra không gian chiến lược cho mình với tư cách là một cường quốc ở một châu Á đa cực. Tuy nhiên, theo tác giả Ấn Độ thiếu một chiến lược khả thi để cạnh tranh/bắt kịp với Trung Quốc về mặt kinh tế, và do đó, về tổng thể, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc hiện nay vẫn còn thách thức.

高尚涛 (2018), 印度对“一带一路”倡议的看法及中国之应对. 对外传播:008 页码: 35-37. (Gao Shangtao (2018), “Quan điểm của Ấn Độ về BRI và phản ứng của Trung Quốc”, *Tạp chí Truyền thông Đối ngoại*, Số 8, pp.35-37)

Trước đây Ấn Độ tỏ ra hoài nghi và lưỡng lự về BRI, nhưng đồng thời cũng nhận thấy rằng Trung Quốc có thể đem lại lợi ích nhất định cho Ấn Độ. Do đó, Ấn Độ vẫn muốn hợp tác với Trung Quốc trong một số dự án không thuộc phạm vi BRI, đặc biệt là những dự án hoàn toàn có lợi cho Ấn Độ. Tác giả cho rằng nguyên nhân dẫn đến phản ứng nói trên của Ấn Độ chính là xung đột mang tính cấu trúc giữa Ấn

Độ và Trung Quốc. Do tâm lý cảnh giác với Trung Quốc, Ấn Độ đã phản đối BRI, tuy nhiên Ấn Độ vẫn phải phụ thuộc vào Trung Quốc nên nước này hợp tác với Trung Quốc trong một số dự án khác. Đối với thái độ và cách hành xử của Ấn Độ đối với Trung Quốc, Trung Quốc nên xây dựng một loạt các biện pháp phản ứng có mục tiêu nhằm giảm bớt sự can thiệp của Ấn Độ vào việc triển khai BRI, đồng thời cố gắng để Ấn Độ ủng hộ hoặc tham gia sáng kiến này ở một mức độ nhất định. Cần tăng cường lòng tin, xóa tan sự nghi ngờ bằng cách vừa giải thích vừa dùng các hành động thiết thực khác để chứng minh. Tác giả cho rằng, BRI là minh chứng cho việc Ấn Độ và Trung Quốc đang tham gia “trò chơi có tổng số bằng không” (zero-sum game).

李家胜 (2017), 印度洋相遇-印度应对中国进入印度洋的行为逻辑. 世界经济与政治. 期, 页码 : 37-61. (Li Jiasheng (2017), “Hội ngộ ở Ấn Độ Dương - Logic hành vi của Ấn Độ trong phản ứng với sự hiện diện của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương”, *Tạp chí Kinh tế và Chính trị Thế giới*, 9, pp.37-61.

Khu vực Ấn Độ Dương có ý nghĩa chiến lược đối với cả Trung Quốc và Ấn Độ. Nên việc Ấn Độ tỏ ra "căng thẳng" đối với sự hiện diện của Trung Quốc khu vực này là điều đương nhiên. Tuy nhiên mức độ phản ứng của Ấn Độ đối với từng sự việc cụ thể khá đa dạng. Đối với các vấn đề có tính nhạy cảm cao Ấn Độ có xu hướng áp dụng các biện pháp đối phó, còn với các vấn đề ít nhạy cảm hơn Ấn Độ chỉ tỏ thái độ cảnh giác. Tác giả cũng cho rằng Trung Quốc nên tăng cường hợp tác với Ấn Độ và các quốc gia nhỏ khác ở Ấn Độ Dương để củng cố nền tảng chiến lược của nước này khi hiện diện ở Ấn Độ Dương.

陈水胜·席桂桂 (2015), "一带一路" 倡议的战略对接问题: 以中国与印度的合作为例. 南亚研究季刊 (4), 页码 : 72-79. (Chen Shuisheng, Xi Guigui (2015), “Các vấn đề lập chiến lược của BRI: Lấy hợp tác giữa Trung Quốc và Ấn Độ làm ví dụ”, *Tạp chí Nghiên cứu Nam Á*, số 4)

Việc triển khai BRI là biện pháp chính để Trung Quốc tạo ra “phiên bản nâng cấp” về mở cửa và quan hệ đối ngoại trong thời đại mới. Ấn Độ đã tỏ ra khá lạnh nhạt

với sáng kiến này của Trung Quốc. Dư luận trong nước của Ấn Độ có 3 xu hướng chính: phản đối, tán thành và chờ đợi còn thái độ chính thức của chính phủ lại không được thể hiện rõ ràng. Trước thái độ thận trọng của Ấn Độ, Trung Quốc nên bắt đầu với các lĩnh vực chính như kinh tế, chính trị và an ninh để tăng cường hơn nữa hiệu quả của BRI, từ đó đề xuất gắn kết hiệu quả sáng kiến này với chiến lược phát triển của Ấn Độ, thông qua triển khai BRI, liên tục làm sâu sắc mối quan hệ giữa hai nước, xây dựng mối quan hệ cường quốc kiểu mới giữa Trung Quốc và Ấn Độ, cùng hợp tác để đạt được sự phát triển chung, xây dựng “Khối Đại đoàn kết Trung Quốc - Ấn Độ” (CHINDIA).

1.3 Các công trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ Ấn - Trung

Hiện nay, có rất nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến quan hệ Ấn - Trung, tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài (2014 - 2019), luận án sẽ chỉ tập trung tổng quan các công trình liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến quan hệ Ấn - Trung trong nhiệm kỳ đầu của Thủ tướng Modi:

Về lịch sử quan hệ Ấn - Trung, tác giả Lê Văn Mỹ (2013), trong cuốn *Ngoại giao Cộng hòa Nhân dân Trung hoa hai mươi năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb. Từ điển Bách khoa, cho rằng, mười năm đầu thế kỷ XXI, mối quan hệ Ấn - Trung là mối quan hệ hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển và những căng thẳng trong vấn đề biên giới lãnh thổ giữa hai nước. Theo tác giả bên cạnh những thành công trong hợp tác song phương trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa và hợp tác đa phương để giải quyết các vấn đề mang tính nội bộ và quốc tế, Ấn Độ và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng không chỉ về mục tiêu, khả năng mà còn cả về những khó khăn, thách thức mà hai nước phải đối đầu trong bối cảnh hội nhập hiện nay. Do vậy, ngoài khía cạnh hợp tác đóng vai trò chủ đạo trong quan hệ hai nước, những biểu hiện cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực ngày càng rõ nét hơn. Sự cạnh tranh này không làm cho quan hệ hai nước quá căng thẳng, đôi khi một số cạnh tranh còn là nhân tố thúc đẩy sự phát triển ở từng nước. Mặc dù, tác giả không đề cập đến giai đoạn cầm quyền của Thủ tướng Modi, tuy nhiên, công trình có ý nghĩa đối với luận án trong việc nghiên cứu lịch sử quan hệ Ấn - Trung.

Cuốn *Hướng về phía Đông - một chiến lược của Ấn Độ* của tác giả Nguyễn Trường Sơn (2015) là công trình trình bày khái quát các khía cạnh của chính sách hướng Đông của Ấn Độ, mối quan hệ giữa Ấn Độ với các nước Đông Á, Đông Nam Á. Trong đó đặc trưng, bản chất của mối quan hệ Ấn - Trung và chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc trong môi trường khu vực có nhiều biến động thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh cũng được tác giả đề cập.

Cũng đề cập đến quan hệ Ấn - Trung, Lê Hằng Nga (2019), *Quan hệ giữa Ấn Độ với một số nước trong khu vực và hàm ý cho Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, cho rằng, kể từ chiến tranh biên giới năm 1962, quan hệ giữa hai quốc gia khổng lồ châu Á đã trở nên xáo trộn. Thực tế trở nên trầm trọng hơn bởi sự hỗ trợ ngầm của Trung Quốc đối với Pakistan. Trong đó, căng thẳng biên giới là một trong những khía cạnh chính của mối quan hệ này. Về bản chất, quan hệ Ấn - Trung thể hiện mối quan hệ xung đột và ngày càng trầm trọng hơn bởi sự gần gũi về địa lý và cạnh tranh chiến lược ở châu Á. Theo tác giả, trước khi Modi bắt đầu triển khai chính sách Láng giềng là ưu tiên số một, Trung Quốc đã xâm nhập vào khu vực Nam Á - địa bàn ảnh hưởng truyền thống và nằm dưới chiếc ô an ninh của Ấn Độ. Mặc dù Ấn Độ được mặc định là cường quốc ở khu vực Nam Á do ưu thế về lãnh thổ, sức mạnh quân sự, kinh tế so với các quốc gia trong khu vực Nam Á nhưng hiện nay vai trò đó đang bị thách thức bởi sự gia tăng và mở rộng các dự án chiến lược của Trung Quốc ở khu vực này. Do đó, nhân tố Trung Quốc vừa được xem là lực đẩy nhưng cũng là lực kéo trong quan hệ giữa Ấn Độ với các quốc gia Nam Á.

Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước” do Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tổ chức (tháng 11/2020) là công trình tập hợp nhiều công bố, nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và hợp tác giữa Ấn Độ và Trung Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Trong đó có nhiều bài viết liên quan trực tiếp đến cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung. Cụ thể, hầu hết các công trình đều khẳng định rằng, là hai nền văn minh cổ đại của thế giới với sức mạnh kinh tế và quân sự lớn hàng đầu châu Á, Ấn Độ và Trung Quốc đang trở lại mạnh mẽ với sức mạnh tổng hợp quốc gia không ngừng gia tăng, vị thế ngày

càng được nâng cao trên trường quốc tế. Thời kỳ hiện đại, cạnh tranh và cạnh tranh chiến lược giữa hai nước diễn ra ở đa cấp độ từ khu vực đến quốc tế, và ngày càng có chiều hướng gia tăng với sự mở rộng về không gian (Nam Á, Đông Nam Á, châu Phi - Trung Đông,...) cũng như lĩnh vực cạnh tranh (kinh tế, quyền lực mềm, quân sự, khoa học công nghệ,...). Trong bối cảnh cạnh tranh này, trong khi Trung Quốc đang phải đối phó với “thuyết về mối đe dọa Trung Quốc” của Mỹ và các nước phương Tây thì ở chiều ngược lại, Ấn Độ nhận được sự ủng hộ của Mỹ, cũng như các nước phát triển và mới nổi trên thế giới và trong khu vực nói chung. Cuộc cạnh tranh giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã tác động rất lớn đối với bản thân hai quốc gia cũng như đối với tình khu vực và thế giới, cụ thể, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân bố quyền lực và sự tái cấu trúc an ninh khu vực.

Về quan hệ Ấn - Trung trong bối cảnh mới ở châu Á, các tác giả Kanti Bajpai, Huang Jing, Kishore Mahbubani (2016), trong cuốn *China - India: cooperation and conflict*, Routledge, cho rằng có rất nhiều tiềm năng trong hợp tác giữa Trung Quốc và Ấn Độ ở lĩnh vực kinh tế, môi trường, năng lượng và tài nguyên nước. Là hai quốc gia khổng lồ ở châu Á, và mặc dù là đối thủ địa chính trị, có nhiều xung đột liên quan đến vấn đề biên giới nhưng về dài hạn việc duy trì chính sách hợp tác giữa hai quốc gia này không chỉ giúp hai nước tăng cường hợp tác trong lĩnh vực an ninh mà còn góp phần giảm bớt tình trạng xung đột giữa hai quốc gia. Tuy nhiên, mức độ hợp tác lại phụ thuộc vào chính sách của mỗi quốc gia đối với đối phương. Trong bối cảnh hai nước đang phát triển mạnh về kinh tế, nguy cơ xung đột không còn đơn giản là xung đột địa chính trị dựa trên quyền lực, cạnh tranh ảnh hưởng mà còn liên quan đến các bất đồng về vấn đề biên giới và sử dụng tài nguyên nước. Tác giả kết luận rằng, hiện nay và trong tương lai, hợp tác và cạnh tranh sẽ là đặc điểm của quan hệ Trung - Ấn ở cấp độ khu vực cũng như toàn cầu. Theo đó, ưu điểm của công trình này là tác giả đã phân tích yếu tố hợp tác và cạnh tranh ở cả bốn lĩnh vực trong quan hệ hai nước. Tuy nhiên, tác giả chưa đưa ra được các hạn chế của quan hệ Trung - Ấn dưới sự điều chỉnh chính sách của mỗi nước trong giai đoạn 2010 - 2014.

G. Jayachandra Reddy (2016), *India and China Relations Historical, Cultural and Security Issues*, UGC Centre for Southeast Asian and Pacific Studies Sri Venkateswara University, cho rằng, từ trong lịch sử mối quan hệ Ấn - Trung đã được thiết lập dựa trên những chia sẻ và tương đồng về văn minh, văn hóa và tôn giáo. Và hiện nay, trong khi lịch sử và văn hóa là những nền tảng tạo ra sự “tương đồng thiện chí” giữa hai nước thì vấn đề an ninh đang trở thành lực cản cho mối quan hệ của hai người khổng lồ châu Á. Dựa trên những cơ sở này, tác giả cho rằng, vì lợi ích quốc gia cũng như phát triển khu vực, nhìn nhận mối quan hệ này qua lăng kính “cạnh tranh” là hoàn toàn phiến diện, bởi quan hệ kinh tế cũng như nền tảng tương đồng về văn minh, văn hóa sẽ là những nhân tố định hình xu hướng hợp tác lẫn át xu hướng cạnh tranh trong quan hệ hai nước. Để làm được điều này thì việc xây dựng lòng tin giữa hai nước là biện pháp quan trọng nhất. Đặc biệt trong bối cảnh trật tự đa cực đang hình thành, sự liên kết và phụ thuộc về kinh tế, cơ sở hạ tầng, lợi thế so sánh giữa hai nước sẽ là cầu nối giúp hai quốc gia thúc đẩy phát triển và tăng cường hợp tác. Trong bối cảnh sự gia tăng phụ thuộc giữa các quốc gia thì việc tối đa hóa lợi ích kinh tế cho cả Ấn Độ và Trung Quốc sẽ được định hình thông qua các cơ chế hợp tác giữa hai nước. Tuy nhiên, do chỉ tập trung vào yếu tố hợp tác nên các vấn đề cạnh tranh, xung đột trong quan hệ hai nước không được tác giả đề cập nhiều. Thậm chí, yếu tố cạnh tranh trong hợp tác - một đặc trưng của mối quan hệ Ấn - Trung cũng không được tác giả đề cập.

Về mối quan hệ hợp tác và cạnh tranh Ấn - Trung, Paramita Mukherjee, Arnab K. Deb, Miao Pang (2016), *China and India: history, culture, cooperation and competition*, New Delhi, Sage Publication, cho rằng, Ấn Độ và Trung Quốc là hai nền văn minh lớn trên thế giới. Hai nước chia sẻ và có nhiều điểm tương đồng về lịch sử, văn hóa và xã hội. Trong thời kỳ cổ đại, đây là hai nền văn minh lớn, còn trong thời kỳ hiện đại, hai quốc gia này là hai nền kinh tế hàng đầu thế giới, không chỉ về khía cạnh trao đổi hàng hóa, dịch vụ mà còn là có vai trò thúc đẩy đối với kinh tế thế giới. Công trình đề cập khá toàn diện đến mối quan hệ Ấn - Trung, từ những mối liên hệ trong lịch sử đến các thách thức trong quan hệ kinh tế cũng như mối quan hệ ba

bên Ấn Độ - Trung Quốc - Pakistan. Tác giả nhấn mạnh rằng, Ấn Độ và Trung Quốc có mối liên kết văn hóa và văn minh mạnh mẽ cùng các mối liên kết lịch sử kéo dài hàng thế kỷ nên hai nước cần hiểu, tôn trọng nền văn hóa của nhau để làm nền tảng cho hợp tác văn hóa và kinh tế. Đặc biệt, đều là hai quốc gia đang phát triển và phải đối mặt với những thách thức tương tự trong hội nhập kinh tế quốc tế nên hai nước cần tăng cường hợp tác để thúc đẩy sự phát triển của hai quốc gia cũng như sự thịnh vượng của khu vực.

Về chính sách đối ngoại của Ấn Độ và vấn đề biên giới với Trung Quốc, Willem van Eekelen (2016), trong cuốn *Indian Foreign Policy and the Border Dispute with China: A New Look at Asian Relationships*, Leiden & Boston: Brill Nijhoff, cho rằng vấn đề biên giới đã, đang và sẽ là vấn đề quan trọng nhất trong quan hệ Ấn - Trung cũng như cách Ấn Độ triển khai chính sách với Trung Quốc. Công trình này tập trung phân tích việc “Năm nguyên tắc chung sống hòa bình” giữa hai nước đã không còn hiệu quả trong quan hệ Ấn - Trung kể từ khi diễn ra cuộc chiến tranh biên giới đầu tiên năm 1962. Tác giả cũng tập trung làm rõ sự thay đổi chính sách của Ấn Độ từ thời Thủ tướng Nehru đến năm đầu tiên của Thủ tướng Modi (2015) và đặt mối quan hệ Ấn - Trung trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy, vấn đề Tây Tạng và tình trạng vô chính phủ trong quan hệ quốc tế ở châu Á. Tác giả kết luận rằng, tranh chấp biên giới không ngăn cản mối quan hệ kinh tế và các chuyến thăm chính trị cấp cao giữa hai quốc gia. Nên mặc dù nguy cơ xung đột luôn hiện diện ở vấn đề biên giới nhưng hợp tác kinh tế sẽ luôn là điểm sáng kết nối hai quốc gia đang phát triển và đang trỗi dậy đồng thời ở châu Á.

Về cạnh tranh sức mạnh mềm giữa Ấn Độ và Trung Quốc, Parama Sinha Palit (2017), *Analyzing China's Soft Power Strategy and Comparative Indian Initiatives*, New Delhi, SAGE, cho rằng, do Ấn Độ nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Nam Á/Ấn Độ Dương, nên ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ ở khu vực này có tính liên tục và rất rộng lớn. Ấn Độ nhận thức rất rõ vấn đề này và luôn cho rằng, ảnh hưởng của Ấn Độ ở khu vực này là tự nhiên và là “vận mệnh hiển nhiên”. Tuy nhiên, thông qua biện pháp “quyền lực mềm, đồng tiền mạnh”, ảnh hưởng của Ấn Độ tại khu vực sân

sau này đang bị Trung Quốc thách thức. So sánh ảnh hưởng sức mạnh mềm giữa Ấn Độ và Trung Quốc được tác giả phân tích thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa, đầu tư kinh tế, học bổng giáo dục, cụ thể hơn là tần suất các chuyên thăm trao đổi cấp cao, hoặc số lượng sinh viên Nam Á đang học ở Ấn Độ và Trung Quốc. Theo đó, hiện nay, Trung Quốc đang vượt Ấn Độ về mức độ ảnh hưởng quyền lực mềm ở khu vực này. Mặc dù, dưới thời Thủ tướng Modi, Ấn Độ đã đưa ra nhiều sáng kiến, chiến lược để từng bước đẩy lùi ảnh hưởng của Trung như sáng kiến SAGAR, tuy nhiên, do hạn chế về sức mạnh kinh tế nên những sáng kiến này chưa thật sự phát huy hiệu quả.

Về mối quan hệ Ấn - Trung trong bối cảnh nổi lên của khu vực Đông Á, tác giả G.V.C. Naidu (2017), *India and China in the Emerging Dynamics of East Asia*, Springer, phân tích mối quan hệ của hai chủ thể này thông qua làm rõ mô hình phát triển kinh tế, chiến lược quân sự, vấn đề tranh chấp biên giới và phản ứng của các quốc gia trong khu vực đối với sự trỗi dậy của Ấn Độ và Trung Quốc cũng như tác động của sự nổi lên của hai quốc gia này đối với bối cảnh Đông Á. Tác giả cho rằng, Ấn Độ và Trung Quốc đang có sự chùng lún lợi ích trong khu vực nên cả hai quốc gia đang nỗ lực trong “một cuộc chơi lớn” nhằm cạnh tranh ảnh hưởng ở khu vực Đông Á. Và trong cuộc chơi lớn này, cả hai nước đang nỗ lực định hình môi trường chiến lược và hình thành các liên kết có thể sử dụng được để chống lại đối phương. Điều này không những ảnh hưởng đến ổn định khu vực mà còn cả việc lựa chọn chính sách, chọn phe của các quốc gia trong khu vực Nam Á có quan hệ lợi ích với cả Ấn Độ và Trung Quốc.

Về khía cạnh cạnh tranh và đối trọng trong quan hệ Ấn - Trung trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, T. V. Paul (2018), trong cuốn *The China - India Rivalry: Contention and Competition*, Washington, DC: Georgetown University Press, khái quát toàn diện các nhân tố tác động đến mối quan hệ an ninh giữa Ấn Độ và Trung Quốc trong lịch sử cũng như bối cảnh hiện nay, bao gồm cả các vấn đề an ninh truyền thống cũng như phi truyền thống. Nội dung chính của cuốn sách là phân tích mối quan hệ giữa hai cường quốc châu Á từ góc nhìn cạnh tranh, trong đó, tác giả khẳng định, mặc dù có

xung đột nhưng cả hai quốc gia đều có xu hướng quản lý khác biệt thay vì để xu hướng đối đầu leo thang thành xung đột. Tuy nhiên, mặc dù hướng đến “quản lý đối đầu” (managed rivalry) sẽ gia tăng trong chính sách của hai nước đối với đối phương nhưng trong bối cảnh hai nước đang nỗ lực gia tăng sức mạnh quân sự, phát triển kinh tế và tranh giành ảnh hưởng và vị thế quốc tế thì tác giả cho rằng, xu hướng đối đầu, đối thủ là xu hướng chính trong quan hệ Ấn - Trung trong tầm trung hạn. Tác giả cho rằng, từ sau chiến tranh biên giới năm 1962 đến nay, sở dĩ xung đột giữa hai quốc gia chưa leo thang thành chiến tranh toàn diện vì cả hai quốc gia đều có thể kiểm soát được mức độ cạnh tranh của họ đối với đối thủ. Trong bối cảnh hiện nay, do sự chênh lệch và khoảng cách ngày càng lớn về sức mạnh tổng hợp quốc gia và vị thế quốc tế nên Bắc Kinh không còn coi New Delhi là mối đe dọa đối với an ninh của mình. Ngược lại, với quan điểm có một vị thế ngang hàng với Bắc Kinh nên sẽ xuất hiện viễn cảnh về “đối đầu từ một phía” của Ấn Độ.

Theo tác giả, hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc có quan điểm khác nhau về trật tự quốc tế. Không giống New Delhi, Bắc Kinh có tham vọng và có khả năng thay đổi trật tự quốc tế hiện tại thông qua “hệ thống thiên hạ”, “cai trị thiên hạ” (tianxia), “vai trò thiên triều” (all-under-Heavenempire), “mô hình triều cống - chư hầu” và tạo ra “mô hình Trung Quốc để thay thế”. Còn New Delhi, ngoài việc mong muốn thay đổi trong phân bố quyền lực, thì hoàn toàn ủng hộ trật tự thế giới đa cực hiện nay. Tuy nhiên, do chỉ tiếp cận dưới góc độ của chủ nghĩa hiện thực, lý thuyết cạnh tranh/đối đầu trong quan hệ quốc tế, nên công trình này nhấn mạnh nhiều hơn đến yếu tố xung đột, đối đầu giữa hai quốc gia mà bỏ qua tiềm năng hợp tác cũng như khía cạnh ổn định về các lĩnh vực phi quân sự, an ninh giữa hai nước trong bối cảnh ngày càng gia tăng sự phụ thuộc và nhiều lợi thế so sánh giữa Ấn Độ và Trung Quốc.

Về cạnh tranh Ấn - Trung trên biển, Rajesh Basrur, Anit Mukherjee, T. V. Paul (2019), trong cuốn *India - China Maritime Competition: The Security Dilemma at Sea*, Abingdon & New York: Routledge, cho rằng cạnh tranh giữa Ấn Độ và Trung Quốc trên biển hiện nay đang đẩy hai nước vào “thế lưỡng nan về an ninh” (security dilemma). Cuốn sách nhấn mạnh rằng, BRI của Trung Quốc và sự gia tăng hiện diện

của Bắc Kinh ở Ấn Độ Dương đã thúc đẩy Ấn Độ tăng ngân sách cho hải quân, bổ sung thêm nhiều tàu chiến, máy bay và tàu ngầm. Với sân khấu chính của cạnh tranh trên biển giữa Ấn Độ và Trung Quốc là ở Ấn Độ Dương, tác giả cho rằng điều này sẽ tác động đến xu hướng chạy đua vũ trang trong khu vực Nam Á cũng như xuất hiện xu hướng lôi kéo và hình thành các mối quan hệ liên minh quân sự ở Ấn Độ Dương. Hiện nay, ở Ấn Độ Dương, trong khi Ấn Độ triển khai các cuộc tập trận hải quân đa phương ở Vịnh Bengal với sự tham gia của nhiều nước trong khu vực Nam Á (Bangladesh, Sri Lanka và Maldives), Đông Nam Á, Australia, và thậm chí là các quốc gia phía Tây Ấn Độ Dương (Kenya, Mauritius, Seychelles và Tanzania) thì ngược lại, Trung Quốc thông qua BRI cũng hiện diện ngày càng sâu rộng ở khu vực này. Bối cảnh cạnh tranh trên biển giữa Ấn Độ và Trung Quốc hiện nay ở Ấn Độ Dương giống bức tranh “kình địch” giữa Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh Lạnh. Điều này đang làm thay đổi cán cân quyền lực ở khu vực Ấn Độ Dương.

Về vấn đề cân bằng quyền lực Ấn - Trung ở châu Á, Jagannath Panda (2019) trong cuốn *India and China in Asia: Between Equilibrium and Equations*, Routledge, cho rằng, hiện nay cấu trúc của mối quan hệ Ấn - Trung cũng như vị thế của hai cường quốc khu vực châu Á có lợi ích song trùng, chòng lỉnh, bất đối xứng nhau trong khu vực châu Á ngày càng phức tạp. Chính sách cân bằng quyền lực của Ấn Độ đối với Trung Quốc và mô hình quyền lực có thứ bậc ở châu Á mà Trung Quốc đang nỗ lực thiết lập đẩy châu Á vào trạng thái bất cân bằng quyền lực.

Về vai trò và cạnh tranh Ấn - Trung ở khu vực Nam Á, Christian Wagner (2016), “The Role of India and China in South Asia”, *Strategic Analysis*, Volume 40, Issue 4, cho rằng, Ấn Độ thường được coi là một cường quốc trong khu vực, nhưng hiện nay tình thế đã thay đổi, thậm chí New Delhi còn đang ở vị thế bất lợi so với Trung Quốc ở Nam Á. Nguyên nhân để tác giả giải thích cho luận điểm này là bởi *thứ nhất*, Chính phủ Ấn Độ không đủ năng lực chính trị, kinh tế và quân sự để theo đuổi tham vọng quyền lực khu vực với các nước láng giềng. Trong khi đó, các nước Nam Á có thể chơi “con bài Trung Quốc” để “thoát khỏi vòng ảnh hưởng” của Ấn Độ bằng việc theo đuổi chính sách phù thịnh. *Thứ hai*, chính sách Nam Á hiện nay của Ấn Độ chủ

yếu tập trung vào mục tiêu thương mại và kết nối để cải thiện hợp tác khu vực. Nhưng xét về tiềm lực kinh tế thì Trung Quốc vẫn là một đối tác kinh tế hấp dẫn hơn đối với nước láng giềng của Ấn Độ. Do đó, tác giả kết luận rằng, đây là nguyên nhân khiến ảnh hưởng của Ấn Độ ngày càng sụt giảm trong khu vực Nam Á bởi sự lấn át của Bắc Kinh.

Theo tác giả, có ba vấn đề quan trọng trong quan hệ Ấn - Trung ở châu Á và tác động đến cán cân quyền lực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. *Một là*, nhận thức của Ấn Độ và Trung Quốc đối với nhau. Điều này tác động đến cách thức ứng xử của hai nước cũng như đối với nền chính trị và trật tự đang thay đổi và nổi lên ở châu Á. *Hai là*, di sản lịch sử và thực trạng của mối quan hệ xung đột và cạnh tranh Ấn - Trung về vấn đề biên giới và các vấn đề khác đang định hình quỹ đạo chính trị châu Á. Và *ba là*, phương trình quyền lực hiện nay giữa Ấn Độ và Trung Quốc bị tác động rất lớn bởi các cường quốc trong và ngoài khu vực châu Á.

Kanti Bajpai, Selina Ho, Manjari Chatterjee Miller (2020), *Handbook of China - India Relations*, Routledge. Đây là công trình tập hợp nhiều nghiên cứu về quan hệ Trung - Ấn trong 3 thập niên. Công trình đã phản ánh bản chất phức tạp của mối quan hệ Trung - Ấn. Theo thời gian, mối quan hệ này ngày càng phát triển sâu rộng và phức tạp hơn và được đặc trưng bởi cả khía cạnh xung đột lẫn hợp tác. Trong đó, về mặt tích cực, quan hệ Trung - Ấn được biểu hiện sinh động ở khía cạnh hợp tác nhưng là mối quan hệ đối tác có tranh chấp. Về mặt tiêu cực, đây là mối quan hệ có nhiều xung đột về mặt lợi ích: từ vấn đề thâm hụt thương mại của Ấn Độ đến di sản lịch sử chiến tranh giữa hai nước cũng như vấn đề biên giới và tranh chấp biên giới chưa được giải quyết. Thậm chí cạnh tranh sức mạnh quân sự, đặc biệt là sức mạnh hạt nhân giữa hai nước này cũng khiến châu Á rơi vào nguy cơ chạy đua vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, theo các tác giả, với tư cách là hai quốc gia đang phát triển ở châu Á, hai nước cũng có nhiều quan điểm tương đồng và chia sẻ đối với các vấn đề an ninh phi truyền thống ở cấp độ khu vực và toàn cầu (môi trường, chống biến đổi khí hậu, hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp Quốc), và vấn đề tự do hóa thương mại quốc tế. Trong khi điểm mạnh của công trình này là phân tích sâu vào các lĩnh vực khác nhau

của mối quan hệ vừa hợp tác vừa xung đột giữa Trung Quốc và Ấn Độ thì các vấn đề về văn hóa chiến lược và triển khai chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia đối với đối phương lại không được tác giả đề cập.

徐华 (2018), 中国与印度贸易关系的测度和分析. 现代商贸工业期 :001 页码: 42-45. (Xu Hua (2018), “Đo lường và phân tích quan hệ hợp tác thương mại Trung Quốc - Ấn Độ”, *Tạp chí Thương mại và Công nghiệp Hiện đại*, Số 001, tr.42-45)

Ấn Độ nằm ở giao điểm của Con đường Tơ lụa trên bộ và trên biển. Với sự ra đời của BRI, quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Ấn Độ - hai quốc gia đều nằm trong BRICs, càng trở nên quan trọng và tiềm năng hợp tác thương mại song phương giữa hai nước cũng lớn hơn bao giờ hết. Bài viết sử dụng chỉ số tương đồng về xuất khẩu, chỉ số cạnh tranh thương mại, chỉ số lợi thế so sánh, chỉ số bổ sung thương mại và chỉ số hội nhập thương mại để phân tích chi tiết về mối quan hệ hợp tác thương mại giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Kết quả cho thấy Trung Quốc và Ấn Độ đang cạnh tranh trong các sản phẩm thâm dụng lao động và bổ sung cho nhau trong các sản phẩm thâm dụng vốn và sản phẩm sơ cấp. Thương mại song phương Trung Quốc - Ấn Độ còn rất nhiều không gian có thể bổ sung cho nhau. Do đó, Trung Quốc và Ấn Độ nên tăng cường hợp tác thương mại song phương bằng cách tận dụng các lợi thế bổ sung của thương mại song phương, tăng cường hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo môi trường hợp tác thương mại tốt, đẩy nhanh thực hiện chiến lược “ra ngoài” (go out) của các doanh nghiệp Trung Quốc.

李小军 (2019), 印度与中国关系中的“核因素”及其影响. 南亚东南亚研究, (2), 页码 : 1-19. (Li Xiaojun (2019), “Vấn đề hạt nhân trong quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc và tác động”, *Tạp chí Nghiên cứu Nam Á và Đông Nam Á*, (2), tr.1-19)

Từ chỗ có thái độ thù địch với "Nhóm các nước cung cấp hạt nhân" (NSG), Ấn Độ đã xin gia nhập NSG và coi điều này như một "ưu tiên" trong chính sách đối

ngoại. Đây là kết quả của sự cân nhắc kỹ lưỡng về tất cả các lợi ích chính trị, công nghệ và an ninh của Ấn Độ và là sự lựa chọn không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, những bất đồng và tranh cãi xung quanh NSG của Ấn Độ đã phát triển thành một “vấn đề” ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ Trung - Ấn. Ấn Độ đã cáo buộc Trung Quốc coi thường thành tích nổi trội của mình trong lĩnh vực không phổ biến vũ khí hạt nhân và cố tình ngăn cản việc gia nhập NSG của Ấn Độ trong khi vẫn ủng hộ Pakistan gia nhập nhóm này. Trung Quốc đã bác bỏ cáo buộc của Ấn Độ và tuyên bố rằng họ không có ý định ngăn cản việc Ấn Độ gia nhập NSG. "Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân" (NPT) đã cho thấy rằng Trung Quốc sẽ không cân nhắc “chọn phe” giữa Ấn Độ và Pakistan. Trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và tham vấn đa phương, Trung Quốc cần linh hoạt và thận trọng để giải quyết vấn đề về tiêu chuẩn gia nhập. Nước này cần có những phản ứng khôn ngoan đối với việc Ấn Độ cho rằng Trung Quốc hợp lý hóa các cam kết giảm phát thải quốc tế là để ngăn chặn những nỗ lực của Ấn Độ gia nhập NSG. Tác giả cũng cho rằng Ấn Độ đã, đang và sẽ phản ứng tiêu cực với việc Trung Quốc gia nhập "Hệ thống Kiểm soát Công nghệ và Tên lửa" (MTCR) và việc Pakistan tranh thủ sự ủng hộ của Trung Quốc khi cạnh tranh với Ấn Độ để gia nhập NSG. Tác giả khuyến nghị Trung Quốc “tránh làm sâu sắc thêm sự hiểu lầm và thù địch của Ấn Độ đối với Trung Quốc, và giảm thiểu nguy cơ xung đột trực tiếp giữa Trung Quốc và Ấn Độ”.

杨思灵 (2020), 加勒万河谷流血冲突: 印度的危险游戏及其对中印关系的影响. 《云梦学刊》2020年第5期 1-10页 (Yang Siling (2020), “Đỏ máu ở thung lũng Galwan và tác động đối với mối quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ”, *Tạp chí Học thuật Vân Mộng*, số 5, tr.1-10)

Tác giả bài viết cho rằng đụng độ ở Thung lũng Galwan là một điểm tối trong quan hệ Trung - Ấn. Lý giải về nguyên nhân của vụ đụng độ này, tác giả nhấn mạnh vào “sự phát triển của Ấn Độ như một sức mạnh khu vực”. Cho dù đó là khi còn thuộc Anh, khi giành được độc lập và được Đảng Quốc đại hay BJP lãnh đạo thì Ấn Độ vẫn luôn coi “mở rộng quyền lực khu vực” là một nhiệm vụ quốc gia quan trọng

trong chính sách đối ngoại của quốc gia này. Xung đột đẫm máu ở Thung lũng Galwan đã tạo nên sự phản đối gay gắt và toàn diện đối với Trung Quốc ở Ấn Độ. Ấn Độ đã đáp trả trên các khía cạnh ngoại giao, quân sự, kinh tế, điều này đã tác động đến quan hệ Trung - Ấn và cản trở sự phát triển trong tương lai của mối quan hệ này. Chiến lược ngoại giao “giả thân, bỏ thân” đang được Ấn Độ áp dụng đối với Trung Quốc, và đó cũng là nguyên nhân cụ thể dẫn đến xung đột đẫm máu ở Thung lũng Galwan. Giải thích về trò chơi quyền lực, tác giả cho rằng Ấn Độ chưa bao giờ coi Trung Quốc là một đối tác trong chiến lược và cấu trúc an ninh mà là nhân tố thách thức quyền bá chủ khu vực của mình. Do đó, tất cả các chiến lược ngoại giao và hợp tác của Trung Quốc đã được đưa vào hệ thống quyền lực khu vực của Ấn Độ để diễn giải. Trên cơ sở đó, “Trò chơi quyền lực” của Ấn Độ và “Cộng đồng chung vận mệnh” của Trung Quốc đã hình thành hai hệ thống diễn ngôn khác nhau, song giữa hai hệ thống diễn ngôn này còn thiếu sự hiểu biết và cầu nối. Theo logic và tư duy quyền lực của Ấn Độ, rất khó để xây dựng một cầu nối giữa hai hệ thống diễn ngôn khác nhau, cùng tồn tại hợp lý hay một lựa chọn thực tế cho sự phát triển trong tương lai của quan hệ Trung - Ấn.

1.4 Nhận xét

Nhìn lại tình hình nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến luận án có thể rút ra những nhận xét sau:

Thứ nhất, nhận xét chung về các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ấn Độ và Trung Quốc là hai nước lớn trên thế giới và quan hệ hai nước rất được các học giả phương Tây, Ấn Độ và Trung Quốc quan tâm nên có rất nhiều công trình nghiên cứu về hai chủ thể này. Về tổng thể, các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi khá đa dạng về nội dung, từ các yếu tố, nội dung, ưu tiên chính sách đến tác động chính sách. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu có tính hệ thống về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi (2014 - 2019).

Ở Việt Nam hiện nay, nguồn tài liệu nghiên cứu về Ấn Độ tương đối nhiều về số lượng và phong phú về nội dung, tuy nhiên vẫn đề được các tác giả quan tâm nhiều

nhất là quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, Việt Nam - Trung Quốc, và quan hệ giữa Ấn Độ và một số nước lớn nói chung, chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong thời kỳ hiện nay. Hầu hết các công trình nghiên cứu chủ yếu đề cập đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi một cách tổng quát. Còn chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi chủ yếu được lồng ghép trong các bài viết về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, hoặc trong các bài viết về quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc. Vì vậy, để có cái nhìn đầy đủ và chuyên sâu hơn đối chính sách đối ngoại của Ấn Độ, việc nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi là rất cần thiết.

Thứ hai, những nội dung luận án sẽ kế thừa

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trên, luận án sẽ kế thừa các nội dung liên quan trực tiếp và gián tiếp đến nội dung nghiên cứu của đề tài, đặc biệt là các nội dung liên quan đến các nhân tố tác động, quan hệ Ấn - Trung và chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ lịch sử đến hiện tại. Đây chính là cơ sở để luận án có thể phân tích và so sánh những điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc theo chiều dài lịch sử.

Thứ ba, những “khoảng trống” mà luận án sẽ nghiên cứu để bổ sung

Do các công trình nghiên cứu tiếng Anh và tiếng Việt về quan hệ Ấn - Trung cũng như chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi còn khá phân tán nên việc đưa ra những kết quả nghiên cứu mới một cách khách quan và đa chiều hơn là rất cần thiết. Ngoài ra, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện về chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi ở Việt Nam. Nên luận án sẽ lấp đầy “khoảng trống” nghiên cứu về nội dung này thông qua:

(i) Phân tích rõ cơ sở hình thành chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc giai đoạn 2014 - 2019. Mặc dù các công trình nghiên cứu đi trước đều có đề cập đến những các nhân tố tác động đến sự ra đời và quá trình triển khai chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh nhưng những nhân tố này thường được xem xét một cách

riêng biệt hoặc chưa đầy đủ. Vì vậy, luận án đưa ra các kết quả nghiên cứu mới thông qua phân tích các nhân tố có tính nguyên nhân, các nhân tố có tính điều kiện tác động đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi. Những nhân tố chính này sẽ được tiếp cận theo các cấp độ phân tích (hệ thống, khu vực, quốc gia, cá nhân) theo tuần tự thời gian và gắn với bối cảnh lịch sử.

(ii) Chỉ ra sự kế thừa, tiếp nối, điều chỉnh trong mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và sự triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi so với các chính phủ tiền nhiệm. Các công trình nghiên cứu đi trước thường tập trung phân tích về quan hệ Ấn - Trung, vấn đề biên giới, chiến tranh biên giới, ít phân tích về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, và đặc biệt chưa có công trình nào có tính hệ thống phân tích về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi.

(iii) Trên cơ sở những phân tích về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi, luận án sẽ rút ra một số nhận xét về đặc điểm chính sách, những thành tựu và hạn chế trong quá trình triển khai chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh.

(iii) Thông qua việc nghiên cứu chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, luận án sẽ nêu ra một số gợi mở cho Việt Nam trong quá trình thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ và Trung Quốc.

Điều này sẽ góp phần bổ sung tư liệu và lý giải những vấn đề còn chưa rõ về chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi từ góc nhìn của Việt Nam.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH CỦA AN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019)

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1 Chủ nghĩa Hiện thực trong quan hệ quốc tế

Cơ sở lý luận và các quan điểm của chủ nghĩa Hiện thực chịu ảnh hưởng nhiều của thực tiễn chiến tranh và xung đột diễn ra khá phổ biến trong lịch sử quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 21-22]. Hans Morgenthau, người đóng vai trò quan trọng trong việc đưa chủ nghĩa Hiện thực thành một lý thuyết cũng phân tích hàng loạt các vấn đề quan trọng trong chính sách đối ngoại quốc gia như xu hướng chung của chính sách đối ngoại, ba mẫu hình chính trong hoạt động chính sách (duy trì cân quyền lực, chủ nghĩa đế quốc, gây thanh thế về quyền lực của mình), các điều kiện xác định nên chính sách, mục tiêu của chính sách, phương pháp đạt được mục tiêu và các chính sách thích hợp để chống lại chính sách của nước khác [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 23].

Theo Hoàng Khắc Nam (2017), chủ nghĩa Hiện thực có những luận điểm cơ bản trong quan hệ quốc tế như sau:

Môi trường quốc tế vô chính phủ nên các chính phủ phải cạnh tranh với nhau” và “mọi quốc gia đều tìm cách tối đa hóa quyền lực nên sự cạnh tranh quyền lực rất dễ dẫn đến xung đột và chiến tranh. Chủ nghĩa hiện thực xem xung đột là tuyệt đối và hợp tác trong quan hệ quốc tế chỉ là tương đối [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 37-44].

Chủ nghĩa Hiện thực cũng cho rằng, “*sự phân bố trong hệ thống quyền lực giữa các quốc gia là cấp độ quan trọng nhất để phân tích và giải thích chính sách đối ngoại*” [Jackson Robert, 2013a, p. 257], [Georg Sorensen, 2013b, p. 257] nên các điều kiện trong hệ thống quốc tế buộc hoặc gây áp lực cho các nhà nước hành động theo những cách nhất định, nghĩa là tuân theo một chính sách đối ngoại nhất định” [Jackson Robert, 2013a, p. 259], [Georg Sorensen, 2013b, p. 259]. Điều này có nghĩa sự phân bố quyền lực trong hệ thống quốc tế hạn chế và ràng buộc các lựa chọn chính

sách đối ngoại của một quốc gia. Nghĩa là các biến số cấp độ hệ thống tác động trực tiếp đến cách thức lựa chọn công cụ, chiến lược và mục tiêu chính sách đối ngoại của một quốc gia. Ví dụ, các mục tiêu sau Chiến tranh thế giới thứ Hai trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ là đảm bảo tính độc lập, tự chủ của chính sách đối ngoại bằng cách giữ cho đất nước nằm ngoài vòng ảnh hưởng và không tham gia bất cứ khối nào đang diễn ra và chiến lược mà Ấn Độ theo đuổi thông qua phong trào Không liên kết. Điều đó cho thấy vai trò của các biến số hệ thống trong việc hình thành mục tiêu chính sách đối ngoại và chiến lược của một nhà nước.

Chủ nghĩa Hiện thực cho rằng, quyền lực là thứ quốc gia nào cũng mong muốn [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.39] nên các quốc gia luôn nỗ lực để xây dựng và gia tăng quyền lực nên đấu tranh quyền lực dẫn đến cạnh tranh và xung đột quyền lực là hiện tượng phổ biến trong quan hệ quốc tế. Do nhìn nhận xung đột là tuyệt đối là bản chất nên hợp tác trong quan hệ quốc tế chỉ là tương đối. Lý thuyết này hoàn toàn phù hợp trong việc giải thích việc nỗ lực giành quyền lực của Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là ở cấp độ khu vực. Cơ sở lý luận này cũng giải thích cho sự ra đời và triển khai chính sách cân bằng quyền lực của New Delhi hiện nay đối với Bắc Kinh cũng như xu hướng cạnh tranh quyền lực ở cấp độ toàn cầu và cạnh tranh chiến lược ở cấp độ khu vực của hai quốc gia trong hệ thống - cấu trúc.

Chủ nghĩa Hiện thực cũng cho rằng, cách thức ứng xử của các quốc gia trong quan hệ quốc tế bị chi phối nhiều bởi các yếu tố hệ thống, đặc biệt là không chỉ bị chi phối bởi quyền lực và lợi ích mà còn bị tác động bởi hệ thống quốc tế được xây dựng dựa trên hệ thống thứ bậc [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 43-44]. Quan điểm này hoàn toàn phù hợp để giải thích: (i) chính sách kiềm chế hiện nay của Ấn Độ đối với Trung Quốc nhằm chống lại trật tự hệ thống có “thứ bậc” mà Trung Quốc hiện nay đang nỗ lực định hình ở khu vực châu Á; (ii) chính sách cân bằng quyền lực bên ngoài của Ấn Độ nhằm cạnh tranh quyền lực với Trung Quốc, đặc biệt là khu vực láng giềng ở Ấn Độ (Nam Á/Ấn Độ Dương) và rộng hơn là khu vực châu Á

Hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc đang trỗi dậy đồng thời, cả hai nước đều coi phát triển và giành vị thế lãnh đạo trong khu vực (Ấn Độ) và khu vực/toàn cầu (Trung

Quốc) là mục tiêu hàng đầu trong quan hệ quốc tế nhằm đảm bảo các lợi ích chính trị, kinh tế và quân sự so với các quốc gia thống trị hệ thống. Việc vận dụng lý thuyết chủ nghĩa Hiện thực là cơ sở lý luận phù hợp để giải thích cho việc hoạch định và triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Trên cơ sở lý thuyết này, luận án sẽ giải thích lo ngại của Ấn Độ trước quyền lực ngày càng gia tăng của Trung Quốc, xu hướng gia tăng quyền lực, cạnh tranh quyền lực, giữa hai nước trong hệ thống cấu trúc quốc tế thông qua sử dụng sức mạnh kinh tế, quân sự, văn hóa cũng như chính sách kiềm chế, cân bằng quyền lực của Ấn Độ cũng như việc theo đuổi chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc.

2.1.2 Chủ nghĩa Tự do trong quan hệ quốc tế

Cùng với chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do cũng là lý thuyết quan hệ quốc tế được luận án sử dụng để làm rõ quá trình hoạch định chính sách và triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Chủ nghĩa Tự do cho rằng, “*quan hệ quốc tế chịu tác động đáng kể của nhiều yếu tố đối nội. Các yếu tố đối nội cũng có thể tạo động lực thúc giục hay kiềm chế ý chí của các nhà lãnh đạo và từ đó là đến chính sách đối ngoại*” [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 68-69]. Luận điểm này hoàn toàn phù hợp để giải thích các yếu tố cấp độ quốc gia ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ, bao gồm yếu tố đảng phái chính trị, nhân lãnh đạo quốc gia,...

Chủ nghĩa Tự do cũng nhấn mạnh đến yếu tố hợp tác trong quan hệ quốc tế khi nhấn mạnh rằng, “*hợp tác có thể thực hiện trên cơ sở tương đồng nhất định chứ không nhất thiết phải có sự hài hòa hay thống nhất... Thậm chí, hợp tác và cạnh tranh vẫn có thể cùng tồn tại*” [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 69]. Theo quan điểm của chủ nghĩa Tự do, hợp tác sẽ ngày càng tăng lên và thay thế dần cho xung đột trong quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 43-44]. Hiện nay, ở cấp độ toàn cầu, Ấn Độ khó có thể thực hiện các biện pháp cứng rắn để cạnh tranh trực tiếp với Trung Quốc. Do đó, xuất phát từ bối cảnh thế giới, xu hướng gia tăng phụ thuộc, hợp tác trong quan hệ quốc tế và nhu cầu phát triển, cả Ấn Độ và Trung Quốc đều muốn duy trì mối quan hệ ổn định với đối phương. Nên lý thuyết này cũng giúp giải thích việc triển khai

đồng thời và đan xen bốn chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiểm chế của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Ngoài ra, trong hệ thống quốc tế, sự phụ thuộc giữa các quốc gia và xu hướng hợp tác trong quan hệ quốc tế cũng thúc đẩy chính sách hợp tác và sự chia sẻ lập trường giữa Ấn Độ và Trung Quốc về các vấn đề chính ở cấp độ toàn cầu như chính sách Iran, vấn đề kiểm soát vũ khí và không phổ biến vũ khí hạt nhân, toàn cầu hóa thương mại và biến đổi khí hậu. Hai nước cũng cùng tham gia nhiều cơ chế quốc tế chi phối chính trị, an ninh, thương mại và tài chính toàn cầu như Liên hợp Quốc, WTO, IMF, WB. Thậm chí, Ấn Độ và Trung Quốc đều có nhận thức rằng hệ thống tài chính và thương mại toàn cầu hiện nay đang mang lại lợi ích quá nhiều cho các nước phát triển do đó hai nước mong muốn cải tổ các thể chế và quy tắc chi phối nền kinh tế toàn cầu để hướng nhiều lợi ích hơn cho các quốc gia đang phát triển. Những nỗ lực này của hai nước để thể hiện qua: vấn đề bỏ phiếu tại Liên hợp Quốc, đàm phán thương mại và đầu tư toàn cầu tại WTO, đàm phán đa phương về năng lượng và biến đổi khí hậu. Do vậy, theo lý thuyết này, chắc chắn hợp tác và cạnh tranh là đặc trưng của mối quan hệ Ấn - Trung, tuy nhiên, dựa trên những nguyên nhân trên, cạnh tranh và xung đột giữa hai nước có chiều hướng giảm xuống.

2.1.3 Chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế

Chủ nghĩa Kiến tạo bên cạnh đề cập đến sự vô chính phủ trong quan hệ quốc tế, thì bản sắc và lợi ích quốc gia được xem là các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của chủ thể Nhà nước. Lý thuyết của chủ nghĩa này cho rằng, các ý tưởng định hình nên hành vi của các chủ thể nhà nước, qua đó ảnh hưởng đến chính trị thế giới. Trong đó nhấn mạnh về mối quan hệ giữa bản sắc và lợi ích quốc gia [Yang Lu, 2013, tr.15-21]. Chủ nghĩa Kiến tạo có ba luận điểm nổi bật: Thứ nhất, mức độ ảnh hưởng của cấu trúc mang tính nhận thức đối với hành vi của chủ thể chính trị xã hội, trong đó hệ thống các niềm tin hay ía trí và tư tưởng chung cũng tác động đến hành vi của chủ thể chính trị xã hội trong quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr.97-98]. Thứ hai, chủ nghĩa Kiến tạo nhấn mạnh đến bản sắc định hình nên lợi ích và lợi ích quy định hành động của chủ thể. Thứ ba, chủ nghĩa Kiến tạo đề cập đến mối quan hệ

tương hỗ giữa chủ thể và cấu trúc cũng như vai trò của thực hành bản sắc và lợi ích của chủ thể trong quan hệ quốc tế [Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 98-99].

Nhấn mạnh đến sự tồn tại của hai loại cấu trúc: cấu trúc vật chất và phi vật chất, chủ nghĩa Kiến tạo cho rằng hai cấu trúc này định hình nên hành vi và các tác nhân ảnh hưởng tích cực đến cấu trúc. Vận dụng lý thuyết này vào giải thích chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc có thể thấy rằng, trong khi Trung Quốc nổi lên như một cường quốc kinh tế, theo đuổi các lợi ích về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thì với tư cách là một quốc gia có bản sắc độc đáo với nền văn hóa, ngôn ngữ đa dạng, cũng trỗi dậy đồng thời với Trung Quốc, Ấn Độ đang nổi lên trong khu vực và là một đối thủ của Bắc Kinh trong việc giành vị thế “cường quốc” ở cấp độ quốc tế, với việc nhấn mạnh vào phát triển kinh tế và sự toàn vẹn lãnh thổ. Theo đó bản sắc quốc gia và lợi ích quốc gia tác động đến hành vi chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc.

Tóm lại, trong lý thuyết quan hệ quốc tế, trong khi chủ nghĩa Hiện thực nhấn mạnh đến các yếu tố cấp độ hệ thống, đặc biệt là hệ thống phân cấp quyền lực trong quan hệ quốc tế và xu hướng cạnh tranh, xung đột giữa các chủ thể quốc tế thì chủ nghĩa Tự do nhấn mạnh nhiều hơn các biến số cấp độ quốc gia trong phân tích chính sách đối ngoại và các quốc gia có xu hướng tăng cường hợp tác. Còn chủ nghĩa Kiến tạo đề cập đến quá trình kiến tạo và bản sắc và lợi ích quốc gia trong cấu trúc quan hệ quốc tế. Cụ thể, không giống chủ nghĩa Hiện thực, thừa nhận vai trò của các biến số trong nước (cấp độ quốc gia) trong phân tích chính sách đối ngoại, chủ nghĩa Tự do cho rằng “quan hệ nhà nước - xã hội - mối quan hệ của các nhà nước đối với các vấn đề nội bộ và bối cảnh xã hội trong nước và xuyên quốc gia mà chúng liên quan - có tác động cơ bản đến hành vi của nhà nước trong chính trị thế giới” bởi “các ý tưởng, lợi ích và thể chế xã hội ảnh hưởng đến hành vi nhà nước bằng cách định hình các ưu tiên của nhà nước [Moravcsik Andrew, 1997, p. 513]. Những thay đổi trong các biến số này có thể dẫn đến sự thay đổi trong mục tiêu và chiến lược của chính sách đối ngoại quốc gia. Với tư cách là một công cụ, chính sách đối ngoại cũng được sử dụng nhằm thúc đẩy và “xuất khẩu” hệ tư tưởng của một quốc gia. Mục tiêu của

chính sách đối ngoại của một quốc gia là tạo ra nhiều không gian và lựa chọn hơn cho quốc gia trên trường quốc tế. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt và tính thực dụng trong chính sách đối ngoại. Còn chủ nghĩa Kiến tạo đề cập đến bản sắc và lợi ích quốc gia có vai trò quan trọng trong kiến tạo cấu trúc quan hệ quốc tế. Do đó, yếu tố cấu trúc đóng vai trò quan trọng trong quan hệ Ấn - Trung thông qua việc nhấn mạnh và vấn đề phát triển hơn là an ninh trong quan hệ quốc tế.

Do vậy, dựa trên những luận điểm trên, luận án sử dụng dụng kết hợp cả chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do và chủ nghĩa Kiến tạo trong quan hệ quốc tế để lý giải sự hình thành, mục tiêu, quá trình triển khai và kết quả của các chính sách (hợp tác, quản lý xung đột; cân bằng quyền lực và kiểm chế) mà Ấn Độ đang triển khai với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi.

2.1.4 Lý thuyết hoạch định chính sách đối ngoại

Việc hoạch định chính sách đối ngoại rất phức tạp. Theo Alex Mintz, Karl Derouen [2010, pp. 169-191], việc hoạch định chính sách đối ngoại của các quốc gia chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều nhân tố. Các quyết định của việc đưa ra chính sách được đưa ra bởi một nhà lãnh đạo duy nhất (ví dụ: Tổng thống), một nhóm (ví dụ: Quốc hội), hoặc một liên minh (ví dụ trong nền dân chủ nghị viện). Và các quyết định về chính sách đối ngoại thường bị ảnh hưởng bởi tính cách của các nhà lãnh đạo, môi trường chính sách đối ngoại, các yếu tố quốc tế, trong nước, quá trình đưa ra quyết định và động cơ đưa ra quyết định. Các quyết định về chính sách đối ngoại thường được đưa ra trong bối cảnh tương tác (nghĩa là liên quan đến đối thủ, đồng minh hoặc cả hai) và trong các điều kiện năng động (trong đó thông tin mới đi vào tình huống quyết định trong thời kỳ khủng hoảng). Các quyết định chính sách đối ngoại cũng bị ảnh hưởng bởi các vấn đề quốc tế như răn đe, chạy đua vũ trang, bất ngờ chiến lược, kiểu chế độ của đối thủ, liên minh, v.v... Nhiều quyết định chịu ảnh hưởng của yếu tố cá nhân lãnh đạo nhưng có những quyết định ra đời lại là kết quả của lợi ích nhóm. Tuy nhiên, dù chịu tác động từ các nhân tố như thế nào thì mục tiêu cuối cùng của chính sách đối ngoại của các quốc gia là lợi ích quốc gia.

Điều này được giải thích rất rõ trong *Mô hình chủ thể duy lý* (The Rational actor model). Cụ thể, lý thuyết này nhấn mạnh rằng, trong chính trị quốc tế, quốc gia luôn biết cách tối ưu hóa lợi ích của mình. Duy lý được hiểu là “sự lựa chọn để tối đa hóa tập hợp giá trị trong các ràng buộc cụ thể”. Và các nhà hoạch định chính sách duy lý thường lựa chọn giải pháp mang lại kết quả tối ưu nhất [Allison, 1971, p. 30]. Mô hình duy lý cũng đề cập rằng, trong chính trị quốc tế: (i) quốc gia có một lợi ích nhất định, (ii) quốc gia nhận thức về cách thức đạt được lợi ích đó trong môi trường chính trị quốc tế và (iii) quốc gia có hành vi (chính sách) nhằm theo đuổi lợi ích đó [Nguyễn Hoàng Như Thanh, 24/05/2016]. Theo cách lập luận này, lợi ích được xem là xuất phát điểm của quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, do đó các chủ thể trong quan hệ quốc tế sẽ luôn nỗ lực để tối đa hóa lợi ích của mình. Và cốt lõi của lý thuyết này là các chủ thể trong chính trị quốc tế thường đánh giá mối quan hệ giữa chi phí - lợi ích (cost-benefit) của các phương thức, công cụ được sử dụng nhằm cố gắng chọn phương án thay thế tốt nhất nghĩa là phương án có lợi nhuận ròng cao nhất theo nguyên tắc tối đa hóa [Alex Mintz, Karl Derouen, 2010, p. 170].

Tuy nhiên, *Lý thuyết tự nghiệm đơn giản hóa các quyết sách* (Poliheuristic Theory), lại cho rằng, một giải pháp thay thế “đủ tốt” hoặc “thỏa mãn” sẽ được lựa chọn. Lý thuyết này kết hợp các yếu tố duy lý và nhận thức trong một quá trình ra quyết định gồm hai giai đoạn. Bước một thể hiện mô hình nhận thức và bước hai là mô hình duy lý. Trong đó, chính trị trong nước là “bản chất của quyết định” trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại. Và các giải pháp thay thế đe dọa đến sự tồn vong chính trị của nhà lãnh đạo sẽ bị loại bỏ trong quá trình lựa chọn chính sách (giai đoạn đầu tiên) [Mintz DeRouen, 2010, p. 79]. Các lựa chọn thay thế còn lại sau đó được đánh giá trên cơ sở phân tích, tính toán hợp lý. Điều này được *Lý thuyết kỳ vọng* (Prospect Theory) giải thích rằng, các nhà lãnh đạo thường có khuynh hướng sợ rủi ro; tuy nhiên cũng khuynh hướng chấp nhận rủi ro khi đối mặt với mất mát [Kahneman Tversky, 1979; Levy, 1992]. Điều đó có nghĩa là, với các chủ thể là quốc gia khi tham gia vào quan hệ quốc tế sẽ đánh giá các chỉ số sau để đưa ra quyết sách: lợi ích, rủi ro/thiệt hại, lợi ích/rủi ro khi phải lựa chọn giữ nguyên trạng hoặc thay đổi

chính sách hoặc “giữ nguyên trạng” nếu nhận thức rằng giữ nguyên trạng mang lại lợi ích nhiều hơn can dự; và “can dự” nếu nhận thức rằng giữ nguyên trạng khiến quốc gia chịu tổn thất” [Huỳnh Tâm Sáng, 2018]. Và việc cân nhắc giữa rủi ro và lợi ích của các quốc gia trước khi đưa ra chính sách trong quan hệ quốc tế chính là tính toán chiến lược của các chủ thể quốc gia. Khác với quan điểm trên, *Mô hình chính trị quan liêu* (Bureaucratic Politics Model) lại cho rằng, bộ máy hành chính chính là lực kéo, đẩy hoặc kìm hãm các mục tiêu và chương trình của quá trình hoạch định chính sách. Hay nói cách khác, các quyết định chính sách chính là kết quả của sự thỏa hiệp giữa các bộ máy quan liêu, thậm chí là kết quả của sự đấu tranh chính trị và thương lượng giữa các nhóm [Dougherty Pfaltzgra, 1990, p. 477]. Do đó, các quyết định chính sách đối ngoại xuất hiện thông qua một không gian chính trị trừu tượng hơn là một quy trình có tính thủ tục quyết định chính thức. Các tác nhân trong mô hình này là các cá nhân đứng đầu các tổ chức quan trọng, mỗi người trong số họ đều cố gắng tối đa hóa các chương trình và mục tiêu lợi ích của mình [Allison, 1971, p. 257].

Vận dụng các lý thuyết trên có thể giải thích được chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc hiện nay là kết quả của sự tác động tổng hợp của các nhân tố bên trong (các nhân tố cấp độ cá nhân, quốc gia) cũng như bên ngoài (các nhân tố cấp độ hệ thống), đặc biệt các nhân tố bên trong tác động trực tiếp đến mục tiêu, nguyên tắc, lựa chọn công cụ cũng như nội dung chính sách để đạt được mục tiêu cuối cùng là tối đa hóa lợi ích của Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc.

2.2. Các nhân tố tác động đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc

2.2.1 Cấp độ hệ thống

Những thay đổi có tính chiến lược trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc bị tác động rất nhiều bởi sự biến động của cấu trúc quốc tế. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cách hành xử của hai quốc gia đối với đối phương.

Thế kỷ XXI bắt đầu với nhiều dự báo rằng, thế kỷ này sẽ cởi mở hơn, hội nhập hơn và gia tăng sự phụ thuộc hơn. Thập niên đầu thế kỷ XXI đã chứng minh rằng, toàn cầu hóa không còn là xu hướng nữa mà đã trở thành hiện thực và toàn cầu hóa đã không còn là câu chuyện riêng của phương Tây. Các quốc gia ngày càng trở nên đa

văn hóa, khoảng cách giàu - nghèo trong mỗi nước và giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng lớn và như một quy luật tự nhiên, bất bình đẳng ngày càng gia tăng. Cùng với xu hướng hội nhập, hợp tác tiểu vùng và khu vực cũng nổi lên trong quan hệ quốc tế, còn các quốc gia thì đẩy mạnh hội nhập và liên kết khu vực. Tuy nhiên, bước vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, những xu hướng này đang thay đổi.

2.2.1.1 Xu thế trật tự thế giới đa cực

Với sự nổi lên của các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ và Brazil, sức mạnh toàn cầu sẽ lan rộng ra nhiều quốc gia hơn. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa trật tự thế giới sẽ sớm đạt đến đa cực. Thay vào đó xu thế định hình thế giới đa cực sẽ diễn ra trong một thời gian khá dài trước khi đạt được trật tự đa cực. Về mặt lý thuyết, đa cực đề cập đến sự phân bổ quyền lực trong đó có hơn hai quốc gia có mức và tầm ảnh hưởng gần như bằng nhau về quân sự, văn hóa, tài chính và kinh tế [Peter W. Schulze, December 3, 2019]. Tuy nhiên, lịch sử thế giới đã chứng minh rằng, để đạt được một trật tự đa cực diễn ra khá bất ổn (thậm chí là bạo lực) khi tiến trình này thường được đặc trưng bởi chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh tiền tệ, thậm chí kết thúc bằng xung đột kéo dài. Giai đoạn này, trật tự thế giới được ví với xu hướng định hình đa cực bởi quyền lực quốc tế được trải rộng trên một số quốc gia. Tuy nhiên, thay vì tất cả các quốc gia cân bằng quyền lực với nhau về kinh tế, quân sự và tài chính (như lý thuyết về đa cực), các quốc gia lại sở hữu các loại quyền lực khác nhau. Ví dụ, mặc dù hiện nay, Mỹ đã bị suy giảm tương đối ưu thế về sức mạnh kinh tế và quân sự, nhưng quốc gia này vẫn là siêu cường tài chính, đối ngoại, an ninh trên thế giới. Mặt khác, vai trò và vị thế của Mỹ trong các vấn đề quân sự, kinh tế, tài chính cả ở Đông Nam Á và trong liên minh xuyên Đại Tây Dương/NATO vẫn còn quá lớn để nói về sự suy giảm thực sự của Mỹ. Có nhiều lý do để giải thích rằng, trong bối cảnh trật tự đa cực đang định hình, thế giới sẽ trở nên bất ổn hơn. *Thứ nhất*, khi siêu cường bá quyền đánh mất vị trí thống trị của mình, cơ hội cho các quốc gia khác và các cường quốc theo chủ nghĩa xét lại tự tin hơn trong giành lại tiếng nói của mình. *Thứ hai*, khi siêu cường bá quyền mất đi vị trí thống trị của mình, không có quốc gia nào đủ mạnh để thay thế vị trí thống trị đó. Trong bối

cảnh đó, quốc gia siêu cường, bá quyền sẽ sử dụng các công cụ (kinh tế và tài chính) để ngăn chặn những chủ thể khác ngày càng trở nên hùng mạnh hơn (ví dụ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung hiện nay). Cả hai sự phát triển đều dẫn đến các hệ thống không ổn định với nhiều xung đột kinh tế (và thậm chí quân sự) [Jessica van der Schalk, January 20, 2020]. *Và do sự bất cân bằng và đa dạng về sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự và tài chính giữa các chủ thể quốc tế nên trật tự đa cực này nếu xuất hiện sẽ là một trật tự ba cực hoặc bốn cực xen kẽ với các khối lưỡng cực khác* [Timofeev, I., August 6, 2019]. Sự định hình của cục diện thế giới “đa cực, đa trung tâm” với trọng tâm là “cuộc đua” tìm vị thế của các nước lớn trên thế giới, được thể hiện:

Thứ nhất, khi Mỹ bị suy giảm ảnh hưởng, Trung Quốc ngày càng trỗi dậy và mở rộng không gian ảnh hưởng nhưng thế giới không phát triển một trật tự thế giới dựa vào Mỹ hay Trung Quốc, mà ngược lại, thế giới đang chứng kiến sự nổi lên của các cường quốc, cường quốc tầm trung trong trật tự thế giới đa cực như: Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, Ấn Độ, EU. Sự suy giảm tương đối của Mỹ (bắt đầu từ cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008) đã làm thay đổi cấu trúc an ninh thế giới. Sự rút lui của Mỹ trong vai trò “lãnh đạo” toàn cầu về các vấn đề như: TTP, Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu tạo ra một khoảng trống, khiến các nước khác nỗ lực tìm cách lấp đầy, tại châu Âu, đó là Nga, và ở châu Á là Trung Quốc. Điều này khiến trật tự thế giới mà Mỹ đặt ra bị thách thức rất nghiêm trọng và bản đồ kinh tế thế giới đang phân chia lại, đó là sự vượt trội của Trung Quốc về sản lượng kinh tế so với Mỹ, Nhật Bản,... và đang trở thành lực lượng then chốt trong nền kinh tế thế giới.

Thứ hai, sự song trùng tồn tại, vừa cạnh tranh vừa bổ sung cho nhau của các thể chế khu vực và quốc tế, nhưng có tính định hướng tới cục diện thế giới đa cực. Điển hình là sự ra đời của Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), hay Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) hoặc Khu vực Thương mại Tự do châu Á - Thái Bình Dương (FTAPP), Ngân hàng đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB), Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),... tồn tại song song với các thể chế khu vực và quốc tế cũ như IMF, ADB, WB,...;

Thứ ba cục diện thế giới đa cực còn thể hiện ở sự song trùng tồn tại, phát triển, vừa cạnh tranh, vừa bổ sung lẫn nhau của các mô hình phát triển trong cấu trúc kinh tế thế giới. Đó là mô hình chủ nghĩa xã hội (đi đầu là Trung Quốc) và mô hình tư bản chủ nghĩa (đi đầu là Mỹ). Tuy nhiên, với yêu cầu về thiết lập một trật tự kinh tế thế giới công bằng hơn thì sự cạnh tranh, đối đầu gay gắt giữa hai hệ thống kinh tế - xã hội đối lập này cũng giảm đi, điều này còn liên quan đến sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong phát triển kinh tế;

Thứ tư, hiện nay xu hướng đa cực gắn liền với chủ nghĩa đa phương thì một mạng lưới đan xen các mối quan hệ phụ thuộc xuất hiện. Trong bối cảnh này chủ nghĩa đa phương có thể đóng vai trò là nền tảng cho một trật tự toàn cầu đa cực dựa trên sự hợp tác hơn là xung đột.

*Về tác động của xu thế định hình đa cực đối với chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, có thể thấy rằng: Xu thế đa cực này đối với Ấn Độ, một mặt tạo sự bất ổn, nhưng là cơ hội để Ấn Độ trở thành động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng toàn cầu và tái tạo tiềm năng trong nền kinh tế toàn cầu trong những năm tới. Trong xu thế định hình đa cực vừa là nền tảng hợp tác, vừa là sân khấu xác định đối thủ đối với Ấn Độ. Để ứng phó với một Trung Quốc đang nỗ lực kiểm tỏa vòng ảnh hưởng của Ấn Độ trong một trật tự thế giới đa cực, về mặt chính sách đối ngoại, đòi hỏi Ấn Độ cần phải giải quyết tốt ba vấn đề: *thứ nhất* là sự tham gia của Ấn Độ vào các diễn đàn đa phương, *thứ hai* là triển khai tốt hai chính sách láng giềng là ưu tiên số một và *thứ ba* là các chính sách hàng hải. Ba vấn đề này cần được định hướng theo hướng tham gia hoặc hình thành các nhóm đa phương. Và nếu muốn trở thành một cực trong trật tự đa cực này, Ấn Độ cần đưa ra tầm nhìn được xác định rõ ràng của riêng mình để vượt ra khỏi sự kiểm tỏa của Trung Quốc trên các diễn đàn đa phương khu vực và quốc tế hiện nay; Ấn Độ cần tăng cường hợp tác chiến lược và kinh tế với tất cả các thực thể và thể hiện tốt khả năng gánh vác và có trách nhiệm trong các vấn đề toàn cầu; Xuất phát từ thực trạng sức mạnh tổng hợp quốc gia hiện nay của Ấn Độ, để trở thành một cực trong trật tự đa cực này Ấn Độ nên đi theo con đường là trở thành một cực với*

sự hỗ trợ của các cường quốc khác thông qua chính sách đa liên kết (điển hình là tận dụng sự ủng hộ của Mỹ hiện nay đối với Ấn Độ và tăng cường hợp tác với QUAD).

2.2.1.2 Xu hướng “Đông hóa” và sự thay đổi tương quan lực lượng giữa các nước lớn trên thế giới

Trong nhiều thế kỷ, khái niệm văn minh “*phương Tây*”, “*phương Tây hóa*” hay “*Tây hóa*” đã là làn sóng chủ yếu trên thế giới, thể hiện sự ưu thế và vượt trội về vật chất và văn hóa của phương Tây so với phần còn lại của thế giới. Tuy nhiên, hiện nay, thế giới đang chứng kiến xu hướng “Đông hóa”/hướng Đông (gia tăng giá trị phương Đông) trong sự dịch chuyển quyền lực của thế giới. Bản chất của quá trình Đông hóa chính là sự dịch chuyển quyền lực từ Tây sang Đông. Thế kỷ XIX, thế giới đã bị châu Âu hóa (Europeanized). Thế kỷ XX, là một thế giới bị “*Hoa kỳ hóa*” (Americanized) và hiện nay là xu hướng “*châu Á hóa*” [Jonathan Woetzel, 2019a], [Joengmin Seong, 2019b]. Xu hướng này được thể hiện ở các khía cạnh:

Thứ nhất là sự trỗi dậy của châu Á

Điểm tựa của chính trị và kinh tế toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang châu Á, báo hiệu “*Thế kỷ châu Á*” đã bắt đầu [World Economic Forum, 2019], [Asia Times, 2020]. Sự trỗi dậy của châu Á đánh dấu cho sự dịch chuyển quyền lực từ Âu sang Á, từ Tây sang Đông với vai trò và ảnh hưởng của “4 tiểu châu Á” [Jonathan Woetzel, Jeongmin Seong, October 11, 2019]: (i) “*Tiểu châu Á thứ nhất là Trung Quốc*: quốc gia được ví là mỏ neo khu vực, cung cấp nền tảng kết nối và đổi mới cho các quốc gia láng giềng châu Á; (ii) “*Tiểu châu Á thứ hai*” là “*châu Á tiên tiến*” - là tiểu khu vực cung cấp công nghệ và vốn cho tăng trưởng của châu Á với các nền kinh tế như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Ấn Độ; (iii) *Tiểu châu Á thứ ba* là “*tiểu châu Á mới nổi*” bao gồm một nhóm các nền kinh tế nhỏ mới nổi tương đối đa dạng, không chỉ cung cấp lao động, mà còn có tiềm năng tăng trưởng nhờ tăng năng suất và tiêu dùng. (iv) Ngược lại, *tiểu châu Á thứ tư* là “*Ấn Độ và khu vực vùng ven châu Á*” có tỷ lệ hội nhập khu vực thấp hơn so với các tiểu châu Á khác. Mặc dù, mức độ hội nhập của khu vực này thấp hơn so với các tiểu châu Á khác nhưng lại là cầu nối hội nhập châu Á với châu Âu. Nhóm này có ưu thế là có lực lượng lao động tương đối

trẻ và tầng lớp trung lưu đang phát triển - đây chính là thị trường tiềm năng cho xuất khẩu trong khu vực.

Thứ hai là sự dịch chuyển quyền lực và sự giàu có từ Âu sang Á. Xu hướng này gồm nhiều biểu hiện khác nhau như:

Một là, quá trình “Đông hóa” với sự gia tăng giàu có và quyền lực của các quốc gia châu Á [Gideon Rachman, 2017, pp.11-13] thể hiện rõ nét ở các vấn đề hiện nay: (i) sự gia tăng, vượt trội tương đối của Trung Quốc về sức mạnh kinh tế so với Mỹ và các cường quốc phương Tây; (ii) sự gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc và các nước lớn ở châu Á trong bối cảnh Mỹ và các đồng minh châu Âu đang phải cắt giảm ngân sách chi cho quốc phòng; (iii) sự mở rộng ảnh hưởng và kinh tế của Trung Quốc với các quốc gia ở Trung Á, châu Phi và Mỹ Latinh đối với các không gian ảnh hưởng truyền thống của Mỹ và phương Tây; và (iv) vai trò ngày càng tăng và các quốc gia châu Á (Ấn Độ, Nhật Bản) trong các vấn đề quốc tế. Đặc biệt là sự tồn tại song song của các thể chế kinh tế, an ninh của các nước châu Á như AIIB, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nhằm gánh vác trách nhiệm quốc tế nhiều hơn, thúc đẩy hoàn thiện hệ thống kinh tế quốc tế, thậm chí có tính cạnh tranh, thách thức trật tự quốc tế hiện tại, các thể chế kinh tế do phương Tây thiết lập được xác định bởi hệ thống Bretton Woods như Ngân hàng châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) [William Yale, April 15, 2015].

Hai là, “Đông hóa” là một xu hướng làm thay đổi cân bằng quốc tế [Gideon Rachman, 2017, pp. 32-47]. Đó là sự trỗi dậy của Trung Quốc đang thách thức vị thế siêu cường của Mỹ, và những tham vọng của các cường quốc/cường quốc tâm trung châu Á như Nhật Bản, Ấn Độ đã và đang thúc đẩy sự thay đổi cán cân quyền lực và cấu trúc khu vực. Trong khi đó, phương Tây đang phải vật lộn với tình trạng bất ổn về kinh tế và chủ nghĩa dân túy chính trị, thế giới Ả rập đang trong tình trạng hỗn loạn. Đây là biểu hiện của quyền lực và ảnh hưởng lịch sử của Tây phương đang rút lui, và ở chiều ngược lại, xu hướng hướng Đông đang trở thành xu hướng mới của chính trị thế giới thế kỷ XXI. Theo đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia thuộc khu vực châu Á - Thái Bình Dương sẽ định hình chính trị toàn cầu, giống như những cuộc đấu

tranh giữa các quốc gia châu Âu đã định hình thế giới trong hơn 500 năm qua [Uri Friedman, March 19, 2017].

Ba là, sự gia tăng về hội nhập và liên kết kinh tế khu vực châu Á bởi một mô hình kinh tế mới đang chờ để cất cánh, được hậu thuẫn bởi các quốc gia châu Á. Trong đó, không có nền kinh tế phi chính thức, mà là một nền kinh tế của các quyền và lợi ích bình đẳng cho tất cả các bên tham gia, một nền kinh tế không dựa vào chiến tranh và trái ngược với nền kinh tế thường bị trừng phạt bởi phương Tây [Peter Koenig, July 04, 2017]. Ngoài ra, châu Á không chỉ thể hiện ở sự “giàu có” ngày càng gia tăng mà còn nổi lên như một khu vực có hội nhập kinh tế chặt chẽ như Liên minh châu Âu (EU) và ngày càng “cách ly” với những cú sốc kinh tế từ Mỹ hoặc châu Âu [Asian Times, 2020].

Xu hướng Đông hóa này tác động trực tiếp đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. *Một mặt*, sự gia tăng các giá trị phương Đông, sự trỗi dậy của châu Á đã nâng tầm và tiếng nói của các chủ thể châu Á, nhất là các nước lớn đang trỗi dậy như Ấn Độ và Trung Quốc, hướng các quốc gia này hợp tác trong dòng chảy thịnh vượng, hội nhập và phát triển của phương Đông. *Mặt khác*, sự trỗi dậy của phương Đông là thách thức trực tiếp đối với sự thống trị và ảnh hưởng trên thế giới của Mỹ và các quốc gia phương Tây trong các vấn đề và thể chế quốc tế. Điều này không những dẫn đến sự “đụng độ của văn hóa Đông - Tây” mà còn gia tăng xu hướng cạnh tranh giữa các cường quốc phương Tây và các nước lớn châu Á đang trỗi dậy để khẳng định vị thế (điển hình là Trung Quốc). Đặc biệt, Mỹ và các nước phương Tây sẽ có các biện pháp để “đẩy lùi” xu hướng này. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc kinh tế ở phương Tây, thương chiến Mỹ - Trung là biểu hiện rõ nhất. Do đó, đòi hỏi Ấn Độ cần có sự linh hoạt trong chính sách đối ngoại nhằm tránh thế “lưỡng nan” trong quan hệ với các nước phương Tây và châu Á, và đảm bảo được tiếng nói trong các thể chế quốc tế.

2.2.1.3 Nhân tố Mỹ

Mỹ là một trong những nhân tố thúc đẩy Ấn Độ triển khai một chính sách quyết đoán hơn với Trung Quốc do sự tương đồng về lợi ích và sự chia sẻ chiến lược giữa

Ấn Độ và Mỹ trong quan hệ với Trung Quốc. Cụ thể, việc Ấn Độ đang mở rộng “biên giới địa chiến lược” (geostrategic frontiers) về phía Đông để “răn đe chiến lược” [Khurana Gurpreet S., 2016, p.186] đối với Trung Quốc đã dẫn đến sự hội tụ chiến lược của Ấn Độ với Mỹ. Tháng 11/2012, trong chuyến thăm Australia, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã ca ngợi Ấn Độ là “một người chơi/chủ thể quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, nên cần đóng một vai trò lớn trong các vấn đề khu vực [Hornung, Jeffrey W., February 22, 2018]. Trong Chiến lược an ninh Quốc gia mới (NSS) năm 2017, Mỹ nhấn mạnh rằng Nga và Trung Quốc là “các cường quốc xét lại” còn Ấn Độ là “quyền lực toàn cầu hàng đầu” và là đối tác “chiến lược và quốc phòng” chính của Mỹ ở Trung Á, Nam Á, và Ấn Độ Dương. Trong đó, ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Mỹ coi Ấn Độ là một đối tác trong “hợp tác bốn bên”. Điều này cho thấy sự coi trọng vị thế Ấn Độ của Mỹ cũng như sự hội tụ về chiến lược giữa Ấn Độ và Mỹ ở cấp độ khu vực cũng như toàn cầu. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ James Mattis cũng từng nhấn mạnh: “Mỹ coi trọng vai trò của Ấn Độ đối với an ninh của khu vực và thế giới, và quan hệ Mỹ - Ấn như một đối tác tự nhiên... dựa trên điểm tương đồng về lợi ích chiến lược và sự tôn trọng đối với trật tự quốc tế dựa trên luật pháp” [Hornung, Jeffrey W., February 22, 2018]. Và tại Hội nghị thường niên Đối thoại Shangri la, Bộ Trưởng James Mattis một lần nữa khẳng định Ấn Độ là “điểm tựa” về an ninh ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Sự hội tụ trong quan hệ Ấn - Mỹ xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một mặt là sự gia tăng về sức mạnh kinh tế, quân sự của Ấn Độ và sự hội tụ của hai nền dân chủ về một trật tự thế giới dựa trên luật lệ nhưng quan trọng hơn, sự hội tụ giữa Ấn - Mỹ xuất phát từ việc Ấn Độ và Trung Quốc vừa có tranh chấp lãnh thổ vừa cạnh tranh chiến lược ở cấp độ khu vực lẫn toàn cầu. Mỹ ủng hộ chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ, khuyến khích hải quân Ấn Độ đóng vai trò nổi bật ở Ấn Độ Dương và vươn xa tới khu vực sừng châu Phi và eo biển Malacca [US National Security Strategy, 2017].

Nhân tố Mỹ liên quan đến chính sách của Ấn Độ còn bởi mối quan hệ Mỹ - Trung. Trong bối cảnh, Bắc Kinh đang nỗ lực thay thế Mỹ trở thành cường quốc chính/người chơi chính ở châu Á; làm suy yếu và cuối cùng làm “đánh sập” hệ thống liên minh

của Mỹ ở châu Á; làm suy yếu niềm tin của các quốc gia châu Á vào uy tín, ảnh hưởng và sức mạnh của Mỹ ở châu Á; sử dụng sức mạnh kinh tế của mình để kéo các quốc gia châu Á đến gần hơn với các ưu tiên địa chính trị của Trung Quốc; tăng cường khả năng quân sự để tăng cường khả năng răn đe chống lại Mỹ trong khu vực [US Defense Intelligence Agency, 2019, pp.7-19] thì chính những động lực này càng kéo mối quan hệ Ấn - Mỹ ngày càng có nhiều điểm hội tụ chiến lược, cùng một “chiến tuyến” để ứng phó với Trung Quốc. Ngoài ra, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung cũng khó khăn cho sự phát triển của một số quốc gia (bao gồm Ấn Độ) và ảnh hưởng nhất định đến nỗ lực hình thành các khuôn khổ hợp tác tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [Lại Thái Bình, 2019, tr. 104].

Ấn Độ vẫn luôn coi Trung Quốc là thách thức đối ngoại lớn nhất của mình. Nếu Trung Quốc thay vị trí siêu cường của Mỹ sẽ là một kịch bản không có lợi cho Ấn Độ [PP Shukla ed, 2014, pp.167-175]. Để đối phó với Trung Quốc, bên cạnh duy trì chính sách tự chủ chiến lược, phát triển sức mạnh kinh tế và quân sự của mình, Ấn Độ cần sự hỗ trợ từ các cường quốc bên ngoài, nhất là Mỹ [Tôn Sinh Thành, 2020, tr. 25]. Lịch sử và thực tế hiện nay cho thấy, chỉ có Mỹ mới có đủ sức mạnh để ngăn chặn Trung Quốc bá chủ châu Á. Chỉ có quan hệ mạnh mẽ giữa Ấn Độ với Mỹ mới có thể ngăn chặn được Trung Quốc. Do đó, thúc đẩy mối quan hệ với Mỹ vẫn là ưu tiên đối ngoại hàng đầu của Ấn Độ [Robert D. Blackwill, 2020, pp. 1-2]. Ấn Độ cũng cần Mỹ ủng hộ trong các tổ chức quốc tế, khi mà Ấn Độ đang nỗ lực trở thành thành viên của UNSC và các tổ chức chính trị, kinh tế quốc tế khác.

Trong tam giác chiến lược Ấn - Trung - Mỹ, sự phát triển trong quan hệ với Mỹ sẽ góp phần nâng cao vị thế chiến lược của Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc. Quan hệ Ấn - Mỹ không những bổ sung sức mạnh của nhau, chia sẻ tầm nhìn và hội tụ chiến lược mà còn có lợi cho hai nước và cho cả khu vực. Mỹ là nước đầu tiên có cơ chế đối thoại 2+2 cấp Bộ trưởng với Ấn Độ [Tôn Sinh Thành, 2020, tr. 20-28]. Ấn Độ cũng đã tham gia tích cực vào Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở cửa của Mỹ do thấy có nhiều lợi ích cho mình: trước hết, trong chiến lược này, Ấn Độ được công nhận là một cường quốc khu vực. Hơn nữa, là một bộ phận không

thể tách rời của cấu trúc khu vực mới này, Ấn Độ có cơ hội tham gia xây dựng luật chơi chung [Tôn Sinh Thành, 2020, tr. 20-28].

Như vậy, nhân tố Mỹ tác động đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện ở: *một là*, một môi quan hệ hợp tác chặt chẽ với Mỹ và sự thừa nhận của Mỹ đối với vai trò và vị thế của Ấn Độ ở cấp độ khu vực và toàn cầu chính là nhân tố thúc đẩy Ấn Độ triển khai một chính sách quyết đoán, tự tin hơn trong xử lý các vấn đề và quan hệ với Trung Quốc; *Hai là*, hiện nay Mỹ chính là quốc gia duy nhất trên thế giới đủ tầm để đối phó với sự trỗi dậy đầy quyết đoán của Trung Quốc. Do đó, do yếu thế hơn về sức mạnh tổng hợp quốc gia nên Mỹ là đối tác liên minh quan trọng nhất của Ấn Độ để cân bằng quyền lực với Trung Quốc.

2.2.1.4 Những thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc

Hiện nay, Trung Quốc là một trong những thách thức lớn nhất đối với việc giành được các mục tiêu chiến lược ở cấp độ khu vực và toàn cầu của Ấn Độ. Đại hội 19 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vạch ra mục tiêu đầy tham vọng và một lộ trình rõ ràng cho vị thế của Trung Quốc trong “thời đại mới” thông qua đạt được các mục tiêu chiến lược toàn cầu và “giác mộng Trung Hoa”. Những điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển này đã tác động trực tiếp đến quan hệ Ấn - Trung. Sau Đại hội 19, một Trung Quốc quyết đoán hơn, trỗi dậy hơn và một Tập Cận Bình quyền lực mạnh và tập trung hơn sẽ gia tăng những thách thức mới cho Ấn Độ bởi khu vực láng giềng vẫn là một nội dung quan trọng trong chính sách đối ngoại của Bắc Kinh [SutirthoPatranobis, October 18, 2017]. Điều này tác động trực tiếp và gián tiếp đến lợi ích chiến lược và an ninh của Ấn Độ ở cấp độ quốc gia, khu vực, toàn cầu nói riêng và quan hệ Trung - Ấn nói chung. Sự tác động này được thể hiện ở sự đề cập đến Ấn Độ (một cách trực tiếp và gián tiếp) trong văn kiện Đại hội 19 Đảng cộng sản Trung Quốc, thì đối với Trung Quốc, *thứ nhất*, Ấn Độ là nước lớn, do đó, Trung Quốc sẽ cùng Ấn Độ tìm điểm giao thoa về lợi ích để hợp tác nhằm duy trì mối quan hệ tổng thể ổn định. *Thứ hai*, là nước láng giềng, nên Trung Quốc sẽ tích cực và chủ động làm sâu sắc mối quan hệ song phương với Ấn Độ. *Thứ ba*, phía Trung Quốc sẽ tăng cường quan hệ và giao lưu hợp tác về chính đảng, quốc hội, đoàn thể, địa phương,

nhân dân... với Ấn Độ; Thứ tư, về vấn đề biên giới, phía Trung Quốc sẽ cố gắng lấy đối thoại để giải quyết tranh chấp, lấy hiệp thương để hóa giải mâu thuẫn [Đỗ Tiến Sâm, 2018]. Theo nhiều chính trị gia Ấn Độ “*mối đe dọa thật sự đối với Ấn Độ là từ Trung Quốc... chính Trung Quốc với sức mạnh, tầm nhìn và chương trình hành động mới là mối đe dọa thực sự đối với lợi ích của Ấn Độ*” [The Indian Economic Times, July 12, 2020].

Mặc dù, sức mạnh ngày càng gia tăng của Trung Quốc, đặc biệt là về kinh tế đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác, phát triển và hội nhập đối với Ấn Độ, nhưng ở chiều ngược lại, chiến lược cường quốc phi đối xứng - nội dung quan trọng của chiến lược toàn cầu đang được quốc gia này triển khai với Ấn Độ - khiến sự trỗi dậy đầy mạnh mẽ và quyết đoán của Trung Quốc đang tạo ra nhiều thách thức cho Ấn Độ. Bởi với sức mạnh kinh tế, quân sự và tầm ảnh hưởng hiện nay, tiếng nói của Trung Quốc ngày càng độc lập và có ảnh hưởng trong kinh tế, chính trị và trật tự quyền lực trong khu vực và trên thế giới. Thậm chí, ở khía cạnh kinh tế, trong khi Trung Quốc có thể mạnh về sản xuất và cơ sở hạ tầng, còn Ấn Độ có ưu thế về dịch vụ công nghệ thông tin, nhưng đến nay các thế mạnh kinh tế của Ấn Độ cũng đang bị Trung Quốc cạnh tranh khốc liệt về thị trường [Pavel Chakrabortya, Michael Henry, 2019].

Các thách thức liên quan đến sự trỗi dậy của Trung Quốc đối với Ấn Độ được thể hiện ở các vấn đề như: (i) ở cấp độ toàn cầu, Trung Quốc cũng ra sức chèn ép không cho Ấn Độ mở rộng vị thế trên thế giới, rõ nhất là việc ngăn cản Ấn Độ tham gia UNSC và NSG²; (ii) Mối quan hệ Trung Quốc với Pakistan và việc tăng cường quan hệ với các nước Nam Á khác của Trung Quốc là một thách thức đáng kể đối với vị thế của Ấn Độ trong khu vực ảnh hưởng truyền thống của mình trong nhiều thập kỷ; (iii) Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc cho phép Bắc Kinh lan rộng ảnh hưởng ra toàn thế giới, có thể được sử dụng để “kiềm tỏa” Ấn Độ ở cả cấp độ khu vực và toàn cầu; (iv) Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và chủ nghĩa khủng bố ở Tân Cương,... (v) Đặc

² Ấn Độ lần đầu tiên nộp đơn xin gia nhập NSG vào ngày 10/5/2016. Thậm chí, Thủ tướng Modi được cho là đã vận động hành lang với Chủ tịch Tập Cận Bình trước thêm cuộc họp toàn thể NSG [thewire.in, 2019] nhưng từ đó đến nay, Trung Quốc luôn phản đối Ấn Độ trở thành thành viên của tổ chức này. NSG hoạt động dựa trên cơ sở đồng thuận của tất cả các thành viên, nên sự phản đối của một quốc gia thành viên có ý nghĩa quyền phủ quyết.

biệt, Trung Quốc là một mối đe dọa quân sự trực tiếp đối với Ấn Độ, đặc biệt là do tranh chấp biên giới giữa hai nước. Ngoài ra, ảnh hưởng của Bắc Kinh trong các tổ chức quốc tế như Liên hợp Quốc và trong các tổ chức mới mà Trung Quốc đang thiết lập như AIIB, mang lại cho Bắc Kinh cơ hội cản trở các lợi ích và mục tiêu của Ấn Độ trong các diễn đàn đa phương. Tổng hợp các vấn đề này có khả năng thúc đẩy Trung Quốc tiếp tục duy trì vấn đề biên giới như một đòn bẩy trong quan hệ với Ấn Độ. Đặc biệt, đối với vấn đề Trung Quốc công khai phản đối Ấn Độ trở thành thành viên của UNSC và NSG, Thủ tướng Modi đã từng phát biểu tại Đại học Thanh Hoa rằng: “Sự ủng hộ của Trung Quốc đối với việc Ấn Độ trở thành thành viên thường trực của UNSC và NSG sẽ không chỉ tăng cường hợp tác quốc tế, mà còn đưa mối quan hệ của chúng ta lên một tầm cao mới cũng như mang lại cho châu Á một tiếng nói mạnh mẽ hơn trên thế giới” [Vinay Kaura, 2015]. Tuy nhiên, đến nay Trung Quốc vẫn phản đối Ấn Độ gia nhập UNSC và NSG. Do vậy, Ấn Độ vẫn coi Trung Quốc là thách thức đối ngoại lớn nhất của mình [PP Shukla ed, 2014], khiến môi trường và mục tiêu mà Ấn Độ theo đuổi để đảm bảo lợi ích quốc gia sẽ trở nên phức tạp hơn.

2.2.1.5 Biến động địa chính trị ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Ấn Độ (IPOI)

Bối cảnh địa chính trị khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang trải qua những thay đổi chưa từng có với sự gia tăng các cường quốc mới nổi, sự chênh lệch về sức mạnh ngày càng tăng giữa các quốc gia, và những thách thức mới đối với an ninh khu vực. Những biến động địa chính trị sau tác động đến sự định hình chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cũng như ở cấp độ toàn cầu:

(i) Sự ra đời của chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở của Mỹ, trong đó nhấn mạnh vào 4 mục tiêu chính: tự do hàng hải là trụ cột trong an ninh khu vực; tránh tạo cảm giác đối đầu trực tiếp với Bắc Kinh; Nhấn mạnh vai trò của QUAD (Mỹ - Nhật Bản- Australia - Ấn Độ) trong các vấn đề an ninh khu vực; nhấn mạnh vai trò của Mỹ và Ấn Độ; Sự cạnh tranh ảnh hưởng và quyền lực giữa các chủ thể và các sáng kiến chiến lược của các quốc gia trong khu vực;

(ii) Trung Quốc đang ngày càng thể hiện sẽ mở rộng ảnh hưởng và thách thức phương Tây, Ấn Độ và trật tự quốc tế dựa trên luật lệ thông qua các đòn bẩy kinh tế với các chủ thể trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thông qua BRI;

(iii) Sự hình thành mạng lưới liên kết đa phương ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo hướng khuyến khích các nước đồng minh năng động hơn và chia sẻ trách nhiệm với Mỹ;

(iv) Sự song trùng tồn tại của ba xu hướng trong quan hệ quốc tế của các chủ thể ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Một là, xu hướng thúc đẩy quan hệ hợp tác với Trung Quốc để tranh thủ lợi ích kinh tế, hai là vừa cố gắng thúc đẩy quan hệ với Mỹ, vừa thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc để duy trì sự cân bằng; ba là, tập hợp lực lượng mới gồm các nước vừa và nhỏ trong khu vực để ứng phó với cạnh tranh chiến lược và điều chỉnh chiến lược của các nước lớn [Trần Hoa Phượng, 2018, tr. 205];

(v) Sự tồn tại đan xen giữa các cấu trúc hiện có và các cấu trúc đang hình thành theo hướng đa tầng nấc, phức tạp, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau. Cấu trúc hiện có là thể chế hợp tác đa phương ASEAN, song phương và các liên minh quân sự truyền thống tiếp tục tồn tại, nhưng điểm mới chính là sự điều chỉnh và biến động nội tại trong các thể chế liên minh theo một cấu trúc khác cụ thể: *Sự song trùng tồn tại của các cơ chế đối thoại đa phương*: ASEAN +1 (ASEAN, Trung Quốc), ASEAN+3 (ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc); Diễn đàn ARF, Hội nghị cấp cao Đông Á, Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM) và mở rộng (ADMM+); APEC, ASEM, Diễn đàn Thượng Hải (SCO), và điển hình nhất là sự hồi sinh của QUAD...

Và (vi) Cách tiếp cận của Ấn Độ đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: mặc dù Ấn Độ tuyên bố ủng hộ chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở cửa của Mỹ và nhấn mạnh không nhằm chống lại bất kỳ chủ thể nào trong khu vực nhưng có hai cách tiếp cận quan trọng đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương ảnh hưởng đến sự điều chỉnh chiến lược và hành vi đối ngoại của Ấn Độ, đó là: gia tăng phạm vi ảnh hưởng của Ấn Độ ở phía Bắc Ấn Độ Dương và hai là, giành vị thế chiến lược lớn hơn cho Ấn Độ ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương [Faisal Ahmed, 2018, tr. 43-44]. Đặc biệt năm 2019, tại Hội nghị Cấp cao Đông Á

tại Bangkok, Thủ tướng N. Modi đã tuyên bố Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPOI) của Ấn Độ, trong đó các khái niệm “tự chủ chiến lược” và tính bao trùm là cốt lõi trong sáng kiến IPOI của Ấn Độ nhằm thúc đẩy một diễn đàn chiến lược “hợp tác và “tham vấn” [Ministry of External Affairs, 2020] và như một lễ đương nhiên, diễn đàn này sẽ đảm bảo một vai trò lớn hơn của Ấn Độ trong khu vực. Sáng kiến này dựa trên ba khía cạnh của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: các mối quan hệ đối tác có chủ đích (purposive partnerships), chính sách đa nguyên và thúc đẩy quyền lực. Trong đó các mối quan hệ đối tác có chủ đích với các quốc gia có cùng chí hướng là cốt lõi của IPOI. Đối với Ấn Độ, mối quan hệ đối tác với Mỹ, Nhật Bản và Australia trong khuôn khổ QUAD sẽ góp phần đạt được các mục tiêu trên [Jagannath Panda, 2020].

Như vậy, IPOI của Ấn Độ lặp lại cách tiếp cận đa phương của Ấn Độ đối với các cam kết hợp tác và phát triển trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Là một sáng kiến có sự kế thừa phát triển từ bài phát biểu của Thủ tướng Modi tại Đối thoại Shangri La 2018, IPOI nhấn mạnh cách tiếp cận của Ấn Độ về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương cần được xây dựng dựa trên “đa nguyên, cùng tồn tại, cởi mở và đối thoại”. Cách tiếp cận đa phương này càng trở nên có ý nghĩa hơn trước sự trỗi dậy ngày càng quyết đoán của Trung Quốc. Trái ngược với BRI, IPOI của Ấn Độ sẽ là một diễn đàn nền tảng chiến lược để xem xét và nhận thức các thách thức đối với an ninh khu vực. Điều này dẫn đến nguy cơ “chạm trán” trực diện giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Như vậy, sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tác động như sau đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc: *một là*, được xem là một nhân tố quan trọng trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở cũng như một thành viên của QUAD, Ấn Độ ở thế có “lợi” trong thế có sự thừa nhận của các nước lớn và có một “liên minh không chính thức” để kiềm chế Trung Quốc. *Hai là*, thuật ngữ Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có lợi cho Ấn Độ vì nó làm tăng sự hiện diện và vai trò của Ấn Độ. Trung Quốc không hoan nghênh sự phát triển này và coi Ấn Độ là một thành viên của liên minh đối thủ. Nhận thức này đã

làm nảy sinh sự ngờ vực giữa hai nước. *Ba là*, sự ra đời của IPOI chính là sự xác nhận chính thức của Chính phủ Modi về sự hiện diện chủ động và có chiến lược của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đây cũng chính là câu trả lời của Ấn Độ đối với Trung Quốc về sự mở rộng cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung ở cấp độ khu vực.

2.2.1.6 Nhân tố Pakistan trong quan hệ Ấn - Trung

Có hai thách thức an ninh lớn thường được nhắc đến trong các chiến lược an ninh của Ấn Độ là Trung Quốc và Pakistan. Hầu hết chính sách đối ngoại và sự chuẩn bị về quốc phòng và an ninh của Ấn Độ đều liên quan đến mối quan hệ với hai quốc gia láng giềng này. Thậm chí, giới hoạch định chính sách Ấn Độ còn nhìn nhận *Pakistan là một phần mở rộng các vấn đề Trung Quốc của Ấn Độ* [Bharti Das, 2005, pp. 93-98].

Dưới góc độ địa chính trị, việc Pakistan tăng cường quan hệ với Trung Quốc để chống lại Ấn Độ là một lựa chọn có mục tiêu địa chiến lược dài hạn của quốc gia này. Còn đối với Trung Quốc, Ấn Độ luôn là chướng ngại trong mục tiêu mở rộng ảnh hưởng chiến lược và muốn kiềm tỏa Ấn Độ trong vòng ảnh hưởng ở Nam Á. Do đó, Pakistan là “con cò” đa mục tiêu của Trung Quốc trong mục tiêu kiềm chế Ấn Độ.

Rõ ràng, Pakistan trong quan hệ Ấn - Trung là một nhân tố tác động rất lớn đến chính sách đối ngoại của hai nước đối với đối phương, điều này được thể hiện. *Thứ nhất*, thực tế lịch sử từ sau cuộc chiến tranh biên giới Ấn - Trung (năm 1962) đến nay đã chứng minh rằng, mối quan hệ Ấn - Trung càng xấu đi thì mối quan hệ Trung Quốc - Pakistan càng được thắt chặt về mặt chiến lược. *Thứ hai*, sự gần gũi về địa lý của Kashmir với vùng biên giới tranh chấp giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã đẩy Pakistan vào vị trí trở thành trung tâm chiến lược trong chính sách Nam Á của Trung Quốc. Pakistan trở thành một lực đẩy trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc. *Thứ ba*, bất chấp việc Ấn Độ tiếp tục nêu lên những quan ngại về sự phát triển của mối quan hệ Trung Quốc - Pakistan, Bắc Kinh vẫn duy trì quan hệ hữu nghị với Islamabad. Hợp tác giữa Trung Quốc - Pakistan ngày càng phát triển sâu rộng và có nhiều điểm tương đồng đối với các vấn đề khu vực và quốc tế. Hai bên

cam kết hợp tác và phối hợp tại Liên hợp Quốc và các diễn đàn đa phương khác nhằm thúc đẩy hòa bình, ổn định toàn cầu và giải quyết các tranh chấp ở nhiều địa bàn trên thế giới.

Có hai vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến các cách tiếp cận và quan điểm chính sách của Ấn Độ liên quan đến Pakistan và Trung Quốc: trước hết là sự tương đồng giữa Trung Quốc và Pakistan trong đối phó với Ấn Độ và thứ hai Ấn Độ có tranh chấp biên giới với cả hai quốc gia này. Hai vấn đề này đã khiến mối quan hệ với Ấn Độ với cả Trung Quốc và Pakistan có những mâu thuẫn mang tính cấu trúc. Hiện nay, sự thay đổi địa chính trị thế giới đã khiến Ấn Độ và Trung Quốc có thái độ hòa giải với nhau để hướng đến một mối quan hệ ổn định hơn và cùng có lợi để đạt được các mục tiêu dài hạn về phát triển kinh tế. Tuy nhiên, thực tế cũng chứng minh, những động lực trong quan hệ Ấn - Trung không làm ảnh hưởng đến quan hệ Trung Quốc - Pakistan về mặt tổng thể và chiến lược. Mối quan hệ Pakistan và Trung Quốc hiện nay được ví là “*đối tác mọi hoàn cảnh*” [The Washington Post, 2015]. Như vậy, có thể khẳng định, mặc dù đến nay quan hệ Ấn - Trung đã được cải thiện rất nhiều nhưng sẽ không đủ để lấn át vai trò địa chính trị của Pakistan đối với Trung Quốc với tư cách là chủ thể cân bằng chống lại Ấn Độ ở Nam Á.

Hiện nay, ở khu vực Nam Á, Ấn Độ luôn coi BRI của Trung Quốc cùng sự hỗ trợ đặc lực của Pakistan đối với sáng kiến này là nhằm bao vây, kiềm chế Ấn Độ. Ấn Độ đặc biệt lo ngại các căn cứ hải quân và cơ sở lưỡng dụng tại các cảng nước sâu do Trung Quốc lập tại Pakistan. Trung Quốc sử dụng con bài Pakistan, khoét sâu mâu thuẫn và căng thẳng giữa Pakistan và Ấn Độ, nhằm làm cho Ấn Độ bị hao tổn nguồn lực và suy yếu. Sự hỗ trợ về kinh tế, chính trị và quân sự của Trung Quốc dành cho Pakistan, nhất là khoản đã đầu tư 46 tỷ USD vào Hành lang kinh tế Trung Quốc - Pakistan (CPEC) [The Economic Times, May 08, 2017] chạy qua Kashmir - khu vực đang có tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan - cho thấy Trung Quốc đang cố gắng dùng Pakistan để đối trọng với Ấn Độ trong khu vực.

Tóm lại, có thể thấy, mặc dù, Trung Quốc tuyên bố Pakistan không phải là trở ngại trong quan hệ Trung - Ấn nhưng rõ ràng mục tiêu chiến lược của Trung Quốc là

“kiềm tỏa” Ấn Độ bằng mối đe dọa hai mặt trận³ bằng cách dùng Pakistan để khóa chặt Ấn Độ ở Nam Á để Ấn Độ không thể trở thành đối thủ của Trung Quốc ở phạm vi toàn cầu và khu vực. Do đó, có thể khẳng định, mối quan hệ Trung Quốc - Pakistan, đặc biệt là hợp tác quốc phòng giữa hai nước này đã tạo nên tâm lý “*chống Trung*”, “*bài Pakistan*” trong giới hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Do đó, có thể khẳng định rằng, Islamabad sẽ luôn là con bài mà Trung Quốc sử dụng để kiềm chế Ấn Độ và Pakistan sẽ luôn là lực cản trong quan hệ Ấn - Trung.

2.2.1.7 Các nhân tố khác

Bên cạnh các nhân tố có tính nguyên nhân như trên, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc còn bị ảnh hưởng bởi các nhân tố ở cấp độ toàn cầu sau:

(i) Sự trỗi dậy của Chủ nghĩa bảo hộ

Thập niên thứ hai của thế kỷ XXI chứng kiến sự co lại của toàn cầu hóa và khu vực hóa, thay vào đó là sự nổi lên của chủ nghĩa bảo hộ và chủ nghĩa dân tộc - một biểu hiện của sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc kinh tế. Từ khi Tổng thống Donald Trump lên cầm quyền, chủ nghĩa bảo hộ thật sự trỗi dậy khi ông đề cập chính sách đối ngoại nhấn mạnh đến “sức mạnh Mỹ”, “nước Mỹ trên hết”, bảo vệ lợi ích Mỹ thông qua các hình thức hợp tác song phương thay vì đa phương. Không chỉ riêng ở Mỹ mà chủ nghĩa bảo hộ đã trở thành một xu hướng ở toàn cầu. Theo Tổ chức Cảnh báo thương mại toàn cầu (GTA), Chỉ số đo lường tác động của chính sách bảo hộ thương mại tại mỗi quốc gia do GTA thực hiện đều dương trong giai đoạn từ năm 2009 tới tháng 8/2018. Số liệu này cho thấy, thương mại toàn cầu đang nghiêng theo xu hướng bảo hộ [Tạp chí Tài chính (online), 3/9/2019].

Điều này dẫn đến mâu thuẫn và xung đột kinh tế gia tăng và rủi ro về sự phân mảnh trên thế giới, với việc hình thành 2 nhóm: một bên là Mỹ, một bên khác theo hướng tìm kiếm lợi ích kinh tế theo Trung Quốc. Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo hộ hiện nay không còn là câu chuyện riêng của Mỹ hay các quốc gia phương Tây, mà hiện nay còn trỗi dậy ở Ấn Độ. Việc Ấn Độ rút khỏi ký hiệp ước Đối tác Kinh tế Toàn

³ Trong quan điểm của Ấn Độ, “*mối đe dọa hai mặt trận*” (threat of a two fronts) để chỉ thế lưỡng nan hai mặt trận (‘two-front’ dilemma) của Ấn Độ trong các vấn đề và xung đột với Trung Quốc và Pakistan và khả năng hai đối thủ này sẽ bắt tay để cùng đối phó với Ấn Độ [Ashish Singh, 2021], [The Hindu, 2020].

diện Khu vực (RCEP) vào phút chót đã khơi lại cuộc tranh luận về chính sách thương mại và chủ nghĩa bảo hộ ở nền kinh tế lớn thứ ba châu Á. Ấn Độ đã nâng các mức thuế nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước. Những động thái này đã đảo ngược chính sách tự do hóa thuế suất lâu nay mà Ấn Độ theo đuổi từ năm 1991. Việc Ấn Độ rút khỏi RCEP xuất phát từ nhiều nguyên nhân, một mặt là lo ngại về thâm hụt thương mại gia tăng của Ấn Độ với các thành viên RCEP, đặc biệt là Trung Quốc, mặt khác nhằm ngăn chặn dòng nhập khẩu từ các nền kinh tế trong RCEP, cụ thể là hàng nhập khẩu của Trung Quốc. Việc hướng tới chủ nghĩa bảo hộ khiến quá trình hội nhập của Ấn Độ trong chuỗi giá trị toàn cầu bị ảnh hưởng.

Sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ thách thức trực tiếp đối với các quốc gia đang phát triển như Ấn Độ. Từ trước đến nay, hợp tác kinh tế là điểm sáng trong quan hệ Ấn - Trung, nhưng sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ cho thấy chắc chắn có sự điều chỉnh trong chính sách kinh tế của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

(ii) Xu hướng chạy đua vũ trang

Mặc dù hòa bình, hợp tác vẫn là xu hướng chủ đạo trong quan hệ quốc tế nhưng thực tế cho thấy xung đột liên quan đến lãnh hải, lãnh thổ ngày càng gia tăng trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Việc Trung Quốc đang cho thế giới thấy Bắc Kinh không phải là “chủ thể có trách nhiệm trong các vấn đề quốc tế” đang đẩy thế giới vào cuộc chạy đua vũ trang ở cấp độ khu vực và toàn cầu, bao gồm cả chạy đua sức mạnh vũ khí hạt nhân với điểm nóng là châu Á. Trong báo cáo Đánh giá chung về tình trạng hạt nhân năm 2018 của Mỹ, chính quyền Trump tuyên bố sẽ tăng cường sức mạnh hạt nhân để chống lại “mối đe dọa ngày càng gia tăng” từ “các cường quốc xét lại” là Trung Quốc và Nga. Còn Tổng thống Nga Vladimir Putin cũng đang thúc đẩy một chương trình nâng cấp 90% lực lượng hạt nhân của đất nước, để vào năm 2021, Nga sẽ trở thành quốc gia sở hữu vũ khí hạt nhân lớn nhất trên thế giới. Không nằm ngoài xu hướng đó, Chủ tịch Tập Cận Bình cũng đã công bố chương trình đầy tham vọng của mình để xây dựng quân đội “đẳng cấp thế giới” vào năm 2050 nhằm hiện thực “giấc mộng Trung Hoa” về “hồi sinh dân tộc” [Cary Huyng, 13 February 2018]. Đầu năm 2016, Ấn Độ tuyên bố đã hoàn thành việc phát triển “bộ ba hạt nhân” - ở trên đất liền,

trên không và dưới nước (bao gồm tàu ngầm tấn công, tên lửa mang đầu đạn hạt nhân và máy bay ném bom tầm xa) và xem đó là “một biện pháp phản ứng đối với chiến lược hạt nhân đối với các nước láng giềng”. Điều này đang mở ra viễn cảnh một cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân trên quy mô toàn cầu khi các nước gia tăng chi ngân sách cho quốc phòng tăng cường hiện đại hóa và nhập khẩu vũ khí. Bên cạnh chạy đua sức mạnh hạt nhân, việc mua bán, chuyển giao, hiện đại hóa khí tài quân sự đang làm trầm trọng thêm những xung đột hiện nay và tiềm ẩn những rủi ro khác cho an ninh khu vực.

(iii) Xuất hiện xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh mới

Xu hướng lôi kéo liên minh và sự hình thành các liên minh được thể hiện ở các mặt sau: thứ nhất, bên cạnh sự hồi sinh của QUAD, cục diện thế giới và khu vực hiện nay đang chứng kiến sự hình thành các trục quan hệ: bốn bên, ba bên và các cặp quan hệ song phương theo hướng định hình các cực trong thế giới đa cực. Rõ nhất hiện nay là QUAD, tam giác quan hệ Mỹ - Nhật Bản - Australia; Nga - Trung Quốc - Pakistan; liên minh các nền dân chủ Ấn Độ - Nhật Bản - Australia; và các cặp quan hệ song phương như Australia - Nhật Bản; Trung Quốc - Nga. Ngoài ra, hiện nay còn xuất hiện mạng lưới “đối trọng” nhằm “kiềm chế Trung Quốc” bao gồm các quốc gia không phân biệt trình độ phát triển và chế độ chính trị cùng “chung chí hướng” chống lại Trung Quốc dựa trên nguyên tắc hành động hướng tới một “trật tự dựa trên luật pháp”. Đây được xem là một “liên minh không chính thức” giữa các quốc gia trên thế giới đang có xung đột hoặc mâu thuẫn hoặc tranh chấp với Trung Quốc. Mạng lưới này do Mỹ đi đầu, ngoài ra còn có các quốc gia đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc như Ấn Độ, Việt Nam.

2.2.2 Cấp độ quốc gia

Các “biến số” trong nước được xem là một trong những yếu tố ảnh hưởng chính của chính sách đối ngoại của một quốc gia. Những thay đổi về các biến số trong nước như: chế độ chính trị, hệ tư tưởng, đảng cầm quyền, khả năng kinh tế và quân sự, phương tiện truyền thông, thương mại, du luận, và một số yếu tố khác quyết định đến mức độ liên tục (kế thừa) và thay đổi (điều chỉnh) trong chính sách đối ngoại. Chính

sách đối ngoại của một quốc gia thường được xem như một phần mở rộng, là cánh tay nối dài của chính trị trong nước. Các nhân tố cấp độ quốc gia tác động rất lớn đến chính sách đối ngoại của một nhà nước, đặc biệt là vai trò của cá nhân lãnh đạo quốc gia. Chính sách đối ngoại là công cụ của một quốc gia nhằm bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia.

2.2.2.1 Nhân tố lịch sử trong quan hệ hai nước

Trong lịch sử, Ấn Độ và Trung Quốc đã duy trì mối quan hệ hơn 2.000 năm [G. Jayachandra Reddy, 2016, p.vii], nhưng trong thời kỳ hiện đại, mối quan hệ hai nước bắt đầu vào năm 1950. Sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, Ấn Độ (1947) và Trung Quốc (1949) giành được độc lập, là hai quốc gia có ảnh hưởng lớn đối với các nước thế giới thứ ba và các quốc gia đang phát triển, được kỳ vọng sẽ liên kết để trở thành đại diện cho tiếng nói của các nước Á - Phi - Mỹ La tinh. Tuy nhiên, mối quan hệ tốt đẹp giữa hai nước chỉ duy trì được trong thời gian ngắn. Và dấu mốc đánh dấu cách tiếp cận thực dụng của Ấn Độ đối với Trung Quốc bắt đầu từ chuyến thăm của Thủ tướng Rajiv Gandhi năm 1988. Đây là lần đầu tiên của một Thủ tướng Ấn Độ đến Trung Quốc sau 34 năm kể từ năm 1954. Từ thập niên 50 - 60 của thế kỷ XX đến nay, mối quan hệ hai nước mặc dù vẫn hợp tác nhưng luôn trong tình trạng nghi kỵ và tồn tại những mâu thuẫn cấu trúc.

(i) Chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc và quan hệ Ấn - Trung giai đoạn 1947-1961

Sau khi giành được độc lập, quan hệ Ấn - Trung khởi đầu bằng một giai đoạn phát triển nồng ấm và hữu nghị. Ngày 4/4/1950, hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Ấn Độ là một trong những nước sớm nhất công nhận nền độc lập của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Giai đoạn này, Ấn Độ triển khai chính sách hợp tác hữu nghị với Trung Quốc. Dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng J. Nehru, Ấn Độ nhấn mạnh mối quan hệ hữu nghị với quốc gia láng giềng Trung Quốc. Theo Thủ tướng Nehru, “*mối quan hệ mật thiết giữa Ấn Độ và Trung Quốc sẽ là cái trục mà quanh nó trật tự thế giới hậu - thuộc địa sẽ xuất hiện. Hindi - Chini Bhai Bhai - người Ấn và người Hoa là anh em!*” (Edward

Luce, 2013, p.257]. Giai đoạn này, trong bối cảnh Trung Quốc đang bị Mỹ và phương Tây bao vây và chưa có vị thế quốc tế đáng kể, thì Ấn Độ lại ủng hộ Trung Quốc trong nhiều vấn đề khu vực và quốc tế. Điển hình như vấn đề Đài Loan. Cụ thể: “*Ấn Độ đồng tình với lập trường của Trung Quốc rằng Đài Loan là một bộ phận không thể tách rời của Trung Quốc thông qua việc phủ nhận vai trò Ủy viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc mà Đài Bắc nắm giữ*” [H.Y. Sharada Prasad, A.K. Damodaran, 2005, p. 231]. Động thái này của Ấn Độ xuất phát từ nhiều nguyên nhân, tuy nhiên nguyên nhân lớn nhất, thời điểm này, Ấn Độ là một trong những quốc gia lãnh đạo phong trào không liên kết, vừa giành được độc lập và đang hướng đến chính sách độc lập tự chủ, trung lập. Do đó, Trung Quốc chính là nhân tố giúp Ấn Độ tránh cục diện lưỡng cực do cuộc cạnh tranh Mỹ - Liên Xô cũng như quy tụ các nước Á - Phi - Mỹ Latinh vào vòng đoàn kết trong bối cảnh hậu thuộc địa để phát triển. Mặt khác, tâm lý đề phòng các nước đế quốc cũ cũng đã tạo nên “*cảm giác tương đồng, thiện chí*” giữa Trung Quốc và Ấn Độ [Bảo Nguyễn Trọng Nghĩa, 2018, tr.12-13].

(ii) *Chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc và quan hệ Ấn - Trung giai đoạn 1962 - 2013*

Giai đoạn này chứng kiến sự chuyển hướng chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc. Bên cạnh chính sách hợp tác, thì xuất phát từ vấn đề biên giới, Ấn Độ duy trì duy trì tâm thế đề phòng, cảnh giác, vừa hợp tác với đấu tranh với Bắc Kinh để bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia.

Mối quan hệ nồng ấm giữa hai nước không tồn tại được lâu dài. Từ mối quan hệ hữu nghị, chuyển sang tình trạng đối đầu trong quan hệ hai nước, một mặt xuất phát từ vấn đề lợi ích quốc gia, mà trực tiếp nhất lúc bấy giờ là vấn đề tranh chấp lãnh thổ liên quan đến Tây Tạng và việc phân định biên giới giữa hai nước⁴. Tuy nhiên nguyên nhân chính là do chính sách đối ngoại của cả hai nước. Trong khi, Ấn Độ duy trì chính sách khá mềm mỏng, nhấn mạnh đến hợp tác cùng phát triển, thì đối với Trung

⁴ Đối với vấn đề Tây Tạng, hai nước ký Hiệp định Tây Tạng về thương mại, giao dịch giữa vùng Tây Tạng của Trung Quốc với Ấn Độ năm 1954. Cũng trong năm 1954, hai nước ký kết Hiệp định Panchsheel, trong đó nhấn mạnh năm điểm: (1) tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; (2) không xâm lăng lẫn nhau; (3) Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; (4) bình đẳng và cùng có lợi; và (5) cùng tồn tại hòa bình.

Quốc “*để dọn đường tiến tới thiết lập bá quyền ở châu Á, những người lãnh đạo Trung Quốc đã gây sức ép thô bạo đối với Ấn Độ, coi Ấn Độ là trở ngại, và tìm cách làm mất uy tín và làm suy yếu Ấn Độ...*” [X.G. Iu - rơ - cốp, 1982, tr.29]. Điều này mở đầu cho giai đoạn bất ổn trong quan hệ của hai người khổng lồ châu Á. Nguyên nhân của tình trạng này bắt nguồn từ những vấn đề sau:

Một là, vấn đề biên giới. Mâu thuẫn và xung đột lẻ tẻ giữa hai nước bắt đầu từ năm 1959, sau đó bùng phát và leo thang thành chiến tranh biên giới vào năm 1962. Theo nhiều đánh giá thì cuộc chiến này do Trung Quốc khơi mào với mũi tên nhắm vào hai đích [H.Y. Sharada Prasad, A.K. Damodaran, 2005]. Một mặt là để vượt mặt và đánh vào uy tín và thể diện của Ấn Độ nhằm chứng minh rằng, Ấn Độ chưa đủ tầm để vượt mặt Trung Quốc trong thể hiện ảnh hưởng ở châu Á nói riêng và đối với các nước thuộc Thế giới thứ ba nói chung. Mặt khác là đẩy Liên Xô vào thế phải lựa chọn quan hệ với Ấn Độ hoặc Trung Quốc. Thất bại trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1962 với Trung Quốc đã buộc Ấn Độ phải thay đổi gần như hoàn toàn chính sách đối ngoại đối với Trung Quốc. Nếu trước chiến tranh biên giới 1962, Ấn Độ, một mặt cho rằng nước này nằm ngoài tầm các mối đe dọa từ Trung Quốc và Thủ tướng Nehru vẫn cho rằng Ấn Độ đã lường trước mối đe dọa tiềm tàng từ Trung Quốc nên năm 1954 và 1959, Ấn Độ đã chọn cách hòa bình với Trung Quốc hơn là chuẩn bị cho chiến tranh [V. Longer, 1988, tr.118]. Nhưng sau năm 1962, Ấn Độ đã duy trì tâm thế đề phòng, cảnh giác với Trung Quốc và tăng cường quan hệ, liên kết với các quốc gia khác để ngăn chặn và đẩy lùi các tham vọng của Bắc Kinh.

Hai là, chạy đua sức mạnh hạt nhân. Sự kiện thử bom hạt nhân của Trung Quốc năm 1964 cũng tác động đến nhận thức của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Sự kiện này không những thúc đẩy Ấn Độ khởi động chương trình hạt nhân mà còn khiến Trung Quốc không chỉ là quốc gia có tranh chấp biên giới mà còn là một thách thức an ninh trực tiếp đối với Ấn Độ.

Ba là, các vấn đề an ninh và bất cân bằng trong quan hệ hai nước. “Hòa bình lạnh” (Cold Peace) là đặc trưng của quan hệ Ấn - Trung từ kể từ cuộc chiến tranh biên giới năm 1962 và tiếp tục tiếp diễn trong thế kỷ XXI. Ngày nay, hợp tác và cạnh

tranh là hai mặt trong quan hệ của hai nước lớn này. Và hai xu hướng này tiếp tục được đẩy lên cấp độ mới cùng với sự phát triển kinh tế và quân sự của cả hai quốc gia. Quan hệ song phương giữa hai nước được đặc trưng bởi sự mất cân bằng do nhận thức về mối đe dọa mà cả hai nước giành cho nhau và việc thiếu lòng tin chính trị. Thậm chí, người Ấn Độ cho rằng, Trung Quốc là mối đe dọa và thách thức an ninh nghiêm trọng hơn cả Pakistan⁵ [Jeff M. Smith, 2016, pp.1-3].

Hiện nay, vẫn còn nhiều lục cấn trong quan hệ Ấn - Trung: từ vấn đề tranh chấp biên giới chưa được giải quyết, vấn đề Tây Tạng, mối quan hệ Trung Quốc - Pakistan. Mặc dù, xung đột chưa leo thang thành chiến tranh, tuy nhiên, các xung đột vũ trang lẻ tẻ thường xuyên diễn ra dọc Đường kiểm soát thực tế (LAC) đã lấn át những phát triển trong quan hệ kinh tế và thương mại giữa hai nước. Như vậy, 50 năm đầu sau độc lập, Ấn Độ luôn coi Trung Quốc là nước lớn tiềm năng, việc theo đuổi chủ nghĩa lý tưởng quốc tế và tin tưởng vào thông lệ “có đi có lại” trong quan hệ quốc tế” [Đại sứ Phạm Sỹ Tam, 2020, tr.13] đã khiến Ấn Độ thúc đẩy quan hệ hữu nghị nhưng thiếu cảnh giác với Trung Quốc. Tuy nhiên, thực tế hoàn toàn ngược lại với nguyên tắc đối ngoại của Ấn Độ. Từ đó, đánh dấu sự điều chỉnh sâu sắc trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

2.2.2.2 Tình hình phát triển kinh tế - quốc phòng của Ấn Độ

Sự gia tăng sức mạnh kinh tế và quân sự trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI cũng là nhân tố tác động đến sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc theo hướng chủ động và quyết đoán hơn.

Về sức mạnh kinh tế, hai thập niên đầu thế kỷ XXI, chứng kiến nền kinh tế vĩ mô tương đối ổn định của Ấn Độ, với cơ cấu nền kinh tế có sự dịch chuyển tích cực. Năm 2018, theo số liệu của IMF, Ấn Độ đang là nền kinh tế lớn thứ 7 thế giới. Đến năm 2019, Ấn Độ vượt qua Anh, Pháp trở thành nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới, sau Mỹ, Trung Quốc, Đức, Nhật Bản [World Economic Forum, 2020].

⁵ Cuộc thăm dò của Viện Lowy năm 2013 đã cho thấy, 83% người Ấn Độ coi Trung Quốc là mối đe dọa an ninh, và 70% người được hỏi cho rằng mục tiêu của Trung Quốc là thống trị châu Á. Một cuộc thăm dò khác của PEW năm 2014 chỉ ra rằng, chỉ có 31% người Ấn Độ có quan điểm hài lòng về Trung Quốc. Cũng trong cuộc thăm dò này, chỉ 30% người Trung Quốc có cách nhìn thiện cảm với người Ấn Độ (so với 50% đối với Mỹ) [Jeff M. Smith, 2016, pp.1-3].

Bảng 2.1: Kinh tế của Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2019

| | Năm tài chính 2015 | Năm tài chính 2016 | Năm tài chính 2017 | Năm tài chính 2018 | Năm tài chính 2019 |
|---|-----------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| GDP (Giá hiện hành, triệu USD) | 2043.3 | 2148.4 | 2287.2 | 2625.9 | 2779.2 |
| Tăng trưởng GDP (Giá cố định, %) | 7.4 | 8.0 | 8.2 | 7.2 ^{re} | 6.8 ^{pe} |
| Tỷ lệ lạm phát (CPI, trung bình hàng năm %) | 5.8 | 4.9 | 4.5 | 3.6 | 3.4 |
| Cán cân thương mại hàng hóa (triệu USD) | -137.7 | -118.7 | -108.5 | -162.1 | -183.6 |
| Cán cân thương mại dịch vụ (triệu USD) | 76.5 | 69.7 | 68.3 | 77.6 | 81.9 |
| Nợ nước ngoài (triệu USD) | 474.7 | 484.8 | 471.5 | 529.7 | 543.0 |
| Dự trữ ngoại hối (triệu USD) (cuối tháng 3) | 341.6 | 360.2 | 370.0 | 424.5 | 412.9 |
| Dòng vốn FDI vào (triệu USD) | 45.1 | 55.6 | 60.2 | 61.0 | 64.4 |
| Dòng vốn FDI ra nước ngoài (triệu USD)* | 6.7 | 12.4 | 15.3 | 14.7 | 12.4 |

Chú thích: re: ước tính; pe: tạm tính

Nguồn: Ministry of Coal (MoC), Office of the Economic Adviser (OEA), Central Statistics Office (CSO), (2019).

Từ khi Thủ tướng Modi lên cầm quyền đến nay, Ấn Độ đã có những chuyển biến rõ nét, từ năm 2014 - 2017, tốc độ tăng trưởng trình bình đạt 7,35% (cụ thể, năm 2014 (7,41%), năm 2015 (7,04%), năm 2016 (8,0%), năm 2017 (8,2%), lạm phát giảm xuống còn 4,3%) [*The Statistics Portal*, December 8, 2020]. FDI vào Ấn Độ cũng tăng lên nhanh chóng từ 24,3 tỷ USD (năm 2014) lên 43,48 tỷ USD (năm 2017), và chỉ riêng 7 tháng đầu năm 2018 đã đạt 28,4 tỷ USD [*The Statistics Portal*, 2020], quy mô nền kinh tế Ấn Độ đã tăng từ 274 tỷ USD (năm 1991) lên 2,3 nghìn tỷ USD (năm 2016) [Nguyễn Văn, 6/10/2016].

Về sức mạnh quân sự, theo báo cáo về “Cân bằng quân sự năm 2018” của Viện Nghiên cứu chiến lược Quốc tế (IISS), năm 2017 ngân sách chi cho quốc phòng của Ấn Độ đã vượt qua Anh và đứng vào top 5 của thế giới, báo hiệu một sự thay đổi quan trọng về cân bằng sức mạnh quân sự trong khu vực châu Á. Theo đó, năm 2017, ngân sách quốc phòng của Ấn Độ đã lên tới 52,5 tỷ USD, tăng 1,4 tỷ USD so với năm

2016, có lực lượng quân đội lớn thứ hai thế giới với khoảng 1,4 triệu nhân sự. Theo bảng xếp hạng chỉ số sức mạnh quân sự toàn cầu của tổ chức Global Firepower thì đến đầu năm 2018 Ấn Độ xếp thứ 4 thế giới về sức mạnh quân sự, cụ thể như sau: (1) Mỹ, (2) Nga, (3) Trung Quốc; (4) Ấn Độ; (5) Pháp; (6) Anh; (7) Nhật Bản,... [Global Firepower, 2018].

Bảng 2.2 Ngân sách quốc phòng Ấn Độ giai đoạn 2010 - 2019

| Năm | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 - 2019 |
|-------------------------------|------|------|------|------|------|-------|------|------|-------------|
| Ngân sách quốc phòng (tỷ USD) | 28,9 | 36,1 | 40,3 | 37,4 | 39,8 | 40,07 | 52,2 | 53,5 | 57 |

Nguồn: Defence Review Asia (2020).

Mặc dù, đến nay, Ấn Độ không ngừng tăng cường sức mạnh hải lục không quân, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quốc phòng, có nhiều điều chỉnh chiến lược trong Chính sách an ninh quốc gia, không ngừng hoàn thiện bộ ba vũ khí hạt nhân chiến lược nhưng trong tương quan so sánh với Trung Quốc, Ấn Độ vẫn còn ở một khoảng cách.

Bảng 2.3 So sánh sức mạnh quân sự Ấn Độ - Trung Quốc năm 2020

| Chỉ tiêu so sánh | Ấn Độ | Trung Quốc |
|--|---------------------------------|--------------------------------|
| Ngân sách quốc phòng | 55,9tỷ USD (chiếm 2,5 % GDP) | 228 tỷ USD (chiếm 1,9% GDP) |
| Số lượng đầu đạn hạt nhân | 150 | 320 |
| Số lượng quân thường trực | 2.140.000 | 2.300.000 |
| Số lượng quân dự bị | 1.155.000 | 8.000.000 |
| Lục quân | | |
| <i>Xe tăng</i> | 4.292 | 3.500 |
| <i>Xe bọc thép</i> | 8.686 | 33.000 |
| <i>Pháo dã chiến (Field artillery)</i> | 4.060 | 3.600 |
| Không quân | | |
| <i>Máy bay chiến đấu</i> | 538 | 1.232 |
| <i>Máy bay tấn công chuyên dụng</i> | 172 | 371 |
| <i>Máy bay đặc nhiệm</i> | 77 | 111 |

| | | |
|---------------------|-----|-----|
| <i>Trực thăng</i> | 722 | 911 |
| Hải quân | | |
| <i>Tàu sân bay</i> | 1 | 2 |
| <i>Tàu ngầm</i> | 16 | 74 |
| <i>Tàu khu trục</i> | 13 | 52 |
| <i>Tàu hộ tống</i> | 19 | 50 |
| <i>Tàu tuần tra</i> | 139 | 220 |

Nguồn: Global Firepower; Stockholm International Peace Research Institute (2021).

Như vậy, hiện trạng sức mạnh kinh tế và quân sự của Ấn Độ hiện nay tác động theo hai hướng đến triển khai chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. *Một mặt*, sự gia tăng vị thế và sức mạnh kinh tế và quân sự của Ấn Độ giúp quốc gia này có thể đưa ra các chính sách quyết đoán hơn với Trung Quốc thay vì theo hướng hòa hoãn và cân bằng như trước kia. Tuy nhiên, trong tương quan so sánh về sức mạnh, Ấn Độ vẫn xếp sau Trung Quốc cả về quy mô và phạm vi ảnh hưởng trên quốc tế, do đó, chắc chắn, Ấn Độ sẽ cần có sự lựa chọn chiến lược để vừa có thể tận dụng sức mạnh của quốc gia láng giềng nhưng vừa có thể đuổi kịp và cạnh tranh với Bắc Kinh.

2.2.2.3 Sự chuyển đổi từ chủ nghĩa Lý tưởng sang chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ

Chủ nghĩa Thực dụng nhấn mạnh việc theo đuổi lợi ích quốc gia phải được coi là lý do chính đáng cho mọi hành động của nhà nước, trong đó nhấn mạnh vào “chính trị quyền lực” và theo đuổi “lợi ích quốc gia”, “làm những gì hiệu quả nhất”.

Cách tiếp cận theo chủ nghĩa Thực dụng hiện nay ở Ấn Độ trái ngược với việc theo đuổi chủ nghĩa lý tưởng ở giai đoạn trước. Trong khi “chủ nghĩa lý tưởng” của Nehru nhấn mạnh vào “tư tưởng đạo đức” trong quan hệ quốc tế thì BJP lên nắm quyền được coi là sự củng cố chủ nghĩa hiện thực trong chính trị Ấn Độ bằng cách theo đuổi một chính sách đối ngoại thực dụng có khả năng khắc phục những lỗ hổng của chủ nghĩa lý tưởng. Bên cạnh việc tuân theo tín ngưỡng Hindutva, Thủ tướng Modi được đánh giá là tích cực theo đuổi cách tiếp cận thực dụng.

Một số học giả cho rằng, thời kỳ hậu độc lập, các nhà hoạch định chính sách Ấn Độ đã cố tình bỏ qua những ràng buộc của các nhân tố ở cấp độ hệ thống và quyết định theo đuổi một chính sách đối ngoại theo chủ nghĩa Lý tưởng [Michael Brecher,

1968, pp.7-19]. Điều này đã khiến Ấn Độ bị động để đối phó với mối đe dọa an ninh nghiêm trọng từ Trung Quốc và hậu quả rõ nhất là thất bại trước Trung Quốc trong cuộc chiến biên giới năm 1962. Sau cuộc chiến tranh biên giới với Trung Quốc, Ấn Độ mới bắt tay vào chiến lược “tự lực” (self-help strategy) trong chính sách đối ngoại nhằm đảm bảo an ninh quốc gia [Lorne J. Kavic, 1997]. Đặc biệt với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, việc áp dụng một chính sách đối ngoại thực dụng hơn trở thành nhu cầu phát triển tất yếu của Ấn Độ [John Mearsheimer, 2001, pp. 14-17]. Do đó, việc theo đuổi chủ nghĩa Thực dụng thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh cho thấy sự điều chỉnh của Ấn Độ để trở thành một “cường quốc thay vì tập trung vào việc biến đổi thế giới” và nổi lên trên chính trường thế giới như một quốc gia hùng mạnh về sức mạnh cứng trong thế kỷ XXI [C. Raja Mohan, 2003, p.268].

Trong khi việc theo đuổi chủ nghĩa Lý tưởng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nhấn mạnh đến một tập hợp các nguyên tắc nhằm biến đổi thế giới, nhấn mạnh đến vấn đề đạo đức trong quan hệ quốc tế và niềm tin mãnh liệt về vai trò lãnh đạo về đạo đức và niềm tin của Ấn Độ trong hệ thống thế giới. Thì chủ nghĩa Thực dụng không theo một nội dung khuôn mẫu như vậy mà thay vào đó áp dụng cách tiếp cận “tự lực” của chủ nghĩa Hiện thực cấu trúc trong chính sách đối ngoại [Sumit Ganguly, Manjeet S. Pardesi, 2009, p.4]. Cách tiếp cận này thay vì nhấn mạnh đến yếu tố đạo đức trong quan hệ quốc tế thì nhìn nhận thế giới dưới góc độ xung đột lợi ích và theo đuổi quyền lực của các quốc gia riêng lẻ. Một Ấn Độ thực dụng sẽ tập trung vào lợi ích vật chất, khẳng định tầm quan trọng của quyền lực là động lực quan trọng nhất trong chính trị thế giới và thậm chí sử dụng vũ lực khi cần thiết trong chính trị quốc tế cũng như đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế để trở thành cường quốc. Chủ nghĩa Thực dụng cũng có nghĩa, Ấn Độ sẽ nhấn mạnh đến lợi ích quốc gia, mở rộng ảnh hưởng thông qua các thể chế, hiệp ước quốc tế trong quan hệ quốc tế. Đây được xem là một sự giải phóng khỏi những niềm tin và ý thức hệ trước đây.

Thủ tướng Modi được xem là một trong những nhân tố quyết định đối với sự trỗi dậy mạnh mẽ của chủ nghĩa Thực dụng trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Khi “Ông (Thủ tướng Modi) không bị sa lầy trong hệ tư tưởng mà

*đánh giá trật tự thế giới gần như theo cách riêng biệt thông qua lăng kính lợi ích của Ấn Độ.... để tìm kiếm lợi ích cho Ấn Độ... ” [TTXVN, ngày 21/1/2015, tr. 23]. Theo các phương tiện truyền thông của Ấn Độ, tần suất xuất hiện thuật ngữ “chủ nghĩa thực dụng” được gắn với Thủ tướng Modi nhiều hơn rất nhiều lần so với những người tiền nhiệm. Cụ thể, từ tháng 1/2014 đến ngày 1/3/2016, từ số liệu và trích dẫn của 3 tờ báo quốc gia có ảnh hưởng nhất của Ấn Độ là *Indian Express*, *Times of India* và *Economic Times*, các từ khóa liên quan đến N.Modi về “thực dụng”, “chủ nghĩa thực dụng” đã được đăng tải tổng cộng 135 bài báo. Trong số này, 115 bài báo trực tiếp khẳng định hoặc dự đoán rằng Modi hoặc chính phủ của Thủ tướng Modi, hoặc sẽ theo đuổi chủ nghĩa thực dụng ở một mức độ nào đó về chính trị đối nội nhưng sẽ được theo đuổi triệt để trong chính trị đối ngoại [Manjari Charerjee Miller, Kate Sullivan De Estrada, 2017, pp. 27-30].*

Biểu hiện của chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi được thể hiện: (i) giảm các yếu tố hệ tư tưởng văn hóa và tôn giáo hoặc các nguyên tắc cố hữu khác, thậm chí cả hệ tư tưởng Hindutva hoặc chủ nghĩa dân tộc Hindu [Sumit Ganguly, June 2015]. Điều đó có nghĩa chủ nghĩa thực dụng trong chính sách đối ngoại sẽ giảm yếu tố “lý tưởng” và áp dụng một “nội dung mới”, cụ thể là một tập hợp các khía cạnh của chủ nghĩa hiện thực nhằm định hình lợi ích quốc gia về sức mạnh vật chất. Hay nói cách khác, chính sách đối ngoại của Ấn Độ được thúc đẩy bởi những cân nhắc về quyền lực và lợi ích quốc gia và những vấn đề nội bộ trong nước. (ii) Mục tiêu cơ bản của việc theo đuổi chủ nghĩa thực dụng của Modi với Trung Quốc là: lợi ích kinh tế và mang lại quyền lực (ngang hàng) ở cả khía cạnh song phương và khu vực với Trung Quốc nhằm đưa Ấn Độ trở thành một đối tác đồng đẳng (peer partner) với Trung Quốc thay vì chỉ là một đối tác hợp tác kinh tế đơn thuần. Và (iii) nhấn mạnh tầm nhìn về chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân tộc kinh tế để đạt được trạng thái cân bằng với Trung Quốc [Jagannath P. Panda, 2016, p.1].

Ảnh hưởng của sự chuyển đổi từ chủ nghĩa Lý tưởng sang chủ nghĩa Thực dụng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ được thể hiện rất rõ nét trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở khía cạnh hợp tác (kinh tế) và phát triển (ở cấp độ khu

vực và toàn cầu). Như vậy, chủ nghĩa hiện thực được xem là nguyên tắc chỉ đạo trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nói chung và chính sách đối với Trung Quốc nói riêng. Theo cách tiếp cận này, Thủ tướng Modi đã áp dụng cách tiếp cận “Ấn Độ trên hết” (India first’ approach) - nghĩa là ưu tiên hàng đầu là củng cố sức mạnh quốc gia theo mô hình chủ nghĩa hiện thực nhằm đặt Ấn Độ ở vị trí ngang hàng/đồng đẳng với Trung Quốc.

2.2.2.4 Các nhân tố khác

(i) Văn hóa chiến lược của Ấn Độ

Là vùng đất giao thoa của các xu hướng khác nhau và các lực lượng khác nhau ở phương Đông và phương Tây nhưng lịch sử và nền văn minh của Ấn Độ ảnh hưởng đến tư duy của Ấn Độ. Ấn Độ chấp nhận sự tồn tại của một trật tự thế giới có thứ bậc và hiểu rằng, chìa khóa dẫn tới hành động và quyền lực là sự hiểu biết chân lý [Shrikant Paranjpe, Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ (biên dịch, 2017)]. Việc Ấn Độ luôn nhấn mạnh triết lý hòa bình và phát triển, cùng phát triển thịnh vượng tác động rất lớn đến cách hành xử đối với Trung Quốc ở cấp độ khu vực. Trong đó, Ấn Độ nhấn mạnh rằng, sự hợp tác của Ấn Độ và Trung Quốc sẽ tạo nên thế kỷ châu Á. Tuy nhiên, từ quan điểm văn hóa chiến lược, sự gần gũi về mặt địa lý, thì Trung Quốc cũng là một thách thức an ninh. Do đó bên cạnh các quan điểm về hòa bình, phát triển, thịnh vượng chung, Ấn Độ cũng cần phải có cách tiếp cận và chính sách răn đe về ngoại giao an ninh và quốc phòng đối với Trung Quốc [Shrikant Paranjpe, Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ (biên dịch, 2017)].

Văn hóa chiến lược của Ấn Độ cũng ảnh hưởng đến cách tiếp cận của Ấn Độ về an ninh trong quan hệ với Trung Quốc. Cách tiếp cận này được thể hiện ở hai nguyên tắc: *một là*, trong bất kỳ tình huống xung đột nào, gốc rễ của xung đột cũng cần được giải quyết và *hai là*, thừa nhận sự cần thiết phải giải quyết xung đột mà không dùng đến bạo lực. Và các cách tiếp cận này, theo tác giả đã được thể hiện rõ trong giai đoạn từ đầu độc lập đến cuộc xung đột với Trung Quốc năm 1962 và sau đó là sự thay đổi trong phản ứng của Ấn Độ bằng cách bắt đầu đối thoại với Trung Quốc. Do đó, văn hóa chiến lược đề cao quan điểm hòa bình, hòa hợp, cùng phát triển hiện nay ảnh

hưởng rất rõ trong chính sách hợp tác, quản lý xung đột của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

(ii) Sự nhấn mạnh các mục tiêu địa kinh tế trong chính sách đối ngoại/mô hình mới của ngoại giao kinh tế Ấn Độ

Thủ tướng Modi đã từng tuyên bố, “hiện đại hóa” Ấn Độ là nhiệm vụ của mình, theo đó đưa Ấn Độ vào thế kỷ XXI thông qua mở rộng quan hệ kinh tế với các đối tác nước ngoài [TTXVN, ngày 21/1/2015, tr.19]. Trong bối cảnh cục diện kinh tế thế giới đang đi vào chiều sâu, mối liên hệ và tác động qua lại giữa kinh tế Trung Quốc và thế giới chặt chẽ chưa từng có. Điều này đòi hỏi chính sách đối ngoại của Ấn Độ phải điều chỉnh với trọng tâm là chuyển đổi: từ ngoại giao của một nước bình thường sang ngoại giao nước lớn theo mô hình phát triển (mục đích tạo lập môi trường quốc tế và khu vực có lợi cho phát triển kinh tế, thu hút FDI, cải thiện các chỉ số kinh tế - xã hội) nhằm tìm kiếm điểm tăng trưởng mới, thể hiện tầm ảnh hưởng với tư cách là một nước lớn. Mô hình mới cũng nhấn mạnh đến sự kết nối cao độ giữa bên trong và bên ngoài, đặc biệt là với các nước “giàu, mạnh” về kinh tế như Trung Quốc.

(iii) Chính phủ đa số thay thế chính phủ liên minh các đảng phái

Chính phủ Ấn Độ hiện nay được dẫn dắt bởi một chính phủ đa số, một điều hiếm thấy trên chính trường Ấn Độ trong nhiều thập niên. Từ năm 1989 đến năm 2013, tất cả các chính phủ Ấn Độ đều là chính phủ liên minh, các đảng khi thành lập chính phủ đều cần liên minh với các đảng chính trị khác. Modi là Thủ tướng Ấn độ đầu tiên kể từ thời Thủ tướng Rajiv Gandhi thành lập được chính phủ đa số. Điều này thể hiện niềm tin rất lớn của mọi tầng lớp xã hội đối với BJP và cá nhân N. Modi [TTXVN, 6/2/2014, tr.7]. Thắng lợi trong cuộc bầu cử Hạ Viện Ấn Độ khóa 16 (5/2014) đánh dấu lần đầu tiên trong vòng 30 năm trở lại đây Ấn Độ mới có một chính đảng giành đủ đa số ghế để thành lập chính phủ độc lập. Thậm chí, Sanjaya Baru, cựu cố vấn truyền thông của cựu Thủ tướng Manmohan Singh, đã tuyên bố rằng, “*chiến thắng của BJP trong cuộc bầu cử năm 2014 - mở đầu cho nền cộng hòa thứ hai của Ấn Độ*”. Giai đoạn đầu tiên của quốc gia cộng hòa Ấn Độ kéo dài từ năm 1950 đến năm 2014 và giai đoạn thứ hai đã bắt đầu và đang cuộn chảy [The Times of India, July 27,

2014]. Nếu một chính phủ liên minh ở một quốc gia dân chủ đa đảng thì việc hoạch định và triển khai chính sách hoặc ra quyết định có thể mất nhiều thời gian do sự bất đồng chính kiến của các đảng chính trị khác nhau và “đồng thuận chính trị” trong chính phủ là điều khó diễn ra thì một chính phủ đa số dưới thời Thủ tướng Modi đã phần nào khắc phục được những thách thức này. Điều này góp phần giúp chính phủ của ông thực hiện các chính sách chủ động hơn theo ý tưởng riêng của họ cũng như gia tăng sự quyết đoán và tính đồng thuận chính trị cao trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại.

Việc thành lập được chính phủ đa số đã mang lại những thay đổi trong ngoại giao của Ấn Độ. Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã thực hiện cam kết đầu tiên của mình về việc thành lập một nội các “nhỏ và chắc” nhằm điều hành hoạt động hiệu quả hơn theo hướng tiến hành sáp nhập một số bộ. Toàn thể Hội đồng bộ trưởng chỉ có 45 thành viên và số thành viên nội các mới chỉ có 23 so với các con số tương ứng 71 và 32 của chính phủ Liên minh tiến bộ thống nhất (UPA) vừa kết thúc nhiệm kỳ [Vietnamplus, 27/5/2014]. Theo đánh giá của báo chí Ấn Độ, cơ cấu của chính phủ mới đã thể hiện chính sách và quyết tâm đổi mới của tân Thủ tướng Modi trong điều hành đất nước [TTXVN, 2014, tr.4]. Với nội các “nhỏ và chắc”, mô hình này không những tinh giản được bộ máy mà còn tiết kiệm được ngân sách nhà nước cũng như rút ngắn quá trình hoạch định chính sách.

Đề tạo làn gió mới trong chính sách đối ngoại, chính phủ mới đã thực hiện một số sáng kiến mới như chính sách Hành động phía Đông và chính sách Láng giềng là ưu tiên số một. Mặc dù, chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi là sự kế thừa nền tảng của các chính phủ tiền nhiệm và được đặc trưng bởi tính liên tục [Basrur Rajesh, 2017, pp.7-26] nhưng “Modi đã thực sự có những điều chỉnh lớn về mục tiêu và phương pháp đối ngoại” [Hall, Ian, 2017, pp.247-252]. Đó chính là nhiệt huyết mới và sự tái khởi động trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ của chính phủ mới trong thời kỳ mới với sự khác biệt về lập trường của Ấn Độ so với quá khứ [Ganguly Sumit, 2015].

(iv) Các nhóm lợi ích

Có một sự phan hãm đến từ một số thành phần trong Nghị viện, kìm hãm quan hệ với Trung Quốc. Trong một hệ thống chính trị đa đảng như Ấn Độ, đất nước có thể phải đối mặt với sự bất ổn chính trị do sự hiện diện của nhiều nhóm lợi ích, tiếng nói khác nhau trong Hạ viện. Việc hoạch định và triển khai chính sách hoặc ra quyết định có thể mất nhiều thời gian do quá trình thảo luận, cân nhắc của các đảng chính trị khác nhau và “đồng thuận chính trị” trong chính phủ là điều khó diễn ra trong một quốc gia có hệ thống chính trị đa đảng như Ấn Độ. Thậm chí, các đảng khu vực/cấp bang chủ yếu phục vụ cho lợi ích của một khu vực cụ thể hoặc cho sự phát triển của một nhóm ngôn ngữ hoặc tôn giáo nên bỏ qua lợi ích lớn hơn của các bộ phận khác trong xã hội.

Các nhóm lợi ích trực tiếp liên quan đến chính sách và quan hệ Ấn - Trung bao gồm: xã hội dân sự chính trị⁶, xã hội dân sự phi chính trị⁷, và một số nhóm lợi ích trong các đảng chính trị cấp bang hoặc khu vực của chính phủ Ấn Độ⁸. Theo đó, ảnh hưởng của nhóm này được thể hiện ở việc huy động tình cảm chống Trung đối với người dân Ấn Độ để gây áp lực lên nhóm hoạch định chính sách [Adithi Sanjay, 2020, p.3]. Do mỗi nhóm có lợi ích kinh tế, chính trị và xã hội khác nhau với Trung Quốc nên cũng có các động cơ và mức độ huy động khác nhau. Trong đó, các nhóm này thường tập trung vào 6 vấn đề chính để huy động tình cảm chống Trung của người Ấn: (i) căng thẳng biên giới; (ii) thâm hụt thương mại của Ấn Độ với Bắc Kinh; (iii) vấn đề tôn giáo; (iv) vấn đề Tây Tạng; (v) quan hệ Trung Quốc - Pakistan; (vi) sự hiện diện của doanh nghiệp Trung Quốc ở Ấn Độ [Adithi Sanjay, 2020, p.6]. Một ví dụ cho ảnh hưởng của các nhóm này lên giới hoạch định chính sách Ấn Độ đối với Trung Quốc là tổ chức Seemanta Chetana Mancha Purvottar (SCMP), có trụ sở tại vùng Đông Bắc Ấn. Nhóm này nhấn mạnh chủ nghĩa dân tộc, bảo vệ lãnh thổ, chống lại việc Trung Quốc can thiệp ở Tây Tạng. Mặc dù không phải là một đảng chính trị

⁶ Xã hội dân sự chính trị (political civil society): gồm các đảng và tổ chức trị có liên hệ trực tiếp với người dân;

⁷ Xã hội dân sự phi chính trị (non-political civil society): gồm các thành phần của công chúng Ấn Độ không tham gia tích cực vào chính trị - xã hội hoặc các đảng phái chính trị hoặc chính phủ;

⁸ Bao gồm một số thành viên thuộc các đảng chính trị khu vực hoặc cấp bang đang làm việc cho chính quyền bang ở các nhánh Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp.

nhưng tổ chức này rất được BJP ủng hộ và hỗ trợ chặt chẽ. Trong đó, các cuộc biểu tình chống Trung Quốc là một phương tiện để bảo vệ chủ quyền và tình cảm dân tộc của Ấn Độ. Và do có số lượng thành viên lớn, nên “phiếu bầu” trong các cuộc bầu cử hội đồng cấp bang và chính quyền trung ương của nhóm này khiến các đảng phái chính trị trong tuyên ngôn tranh cử và hoạch định chính sách thường chú ý đến các mục tiêu, đường lối hoạt động của tổ chức này để thu hút phiếu bầu của họ [Kinnvall, Catarina, 2019, p.284].

(v) *Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu*

Một yếu tố quan trọng khác ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc là sự nổi lên và vai trò của chủ nghĩa dân tộc Hindu. Sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc Hindu khiến nhiều nhà phân tích lo ngại về vai trò của các nhóm lợi ích cánh hữu Hindu giáo sẽ ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Sau khi trở thành Thủ tướng, ông Modi ủng hộ triết lý Hindutva⁹ khẳng định xây dựng sức mạnh Ấn Độ dựa trên truyền thống Hindu. Điều này đã đánh dấu sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu mang đậm màu sắc tư tưởng hệ Hindutva với việc lấy những giá trị của Hindu giáo làm nền tảng cốt lõi cho việc định nghĩa “*tính Ấn Độ*” (Indian-ness) [Ingber, S., Frayer, L., 23/52019]. BJP do Modi lãnh đạo là một đảng chính trị xem truyền thống tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc Hindu luôn là triết lý chính trị và hệ tư tưởng cốt lõi của đảng này. Theo đó, chủ nghĩa dân tộc Hindu của BJP nhấn mạnh hơn đến “niềm tự hào dân tộc” để khẳng định vị thế quyền lực của Ấn Độ. Điều này đặc biệt rõ ràng trong quan hệ ngoại giao của Ấn Độ với Trung Quốc. Trong những năm đầu sau khi nhậm chức, Thủ tướng Modi đã có những thay đổi đáng kể trong việc thực thi chính sách ngoại giao và thực thi chính sách đối ngoại đối với Trung Quốc so với chính phủ tiền nhiệm. Xét về khía cạnh kinh tế, Modi coi Trung Quốc là vừa là đối tác, vừa là mục tiêu mà Ấn Độ đang cố gắng đạt được. Nhưng

⁹ Hindutva có nghĩa là *tính Hindu* (Hindu-ness), quan niệm bản sắc quốc gia của Ấn Độ gắn liền với truyền thống Hindu giáo. Hệ tư tưởng này hướng đến mục đích xác lập Ấn Độ là một Hindu Rashtra, có nghĩa là một quốc gia Hindu với vai trò tối cao mang tính thống trị của Hindu giáo.

đối với các vấn đề an ninh, chiến lược, ông luôn đưa ra các chính quyết đoán khi nhìn nhận Trung Quốc vừa là đối tượng vừa là đối thủ.

Giống như Nehru, Modi cũng dựa trên nền tảng văn hóa chiến lược cũng như các di sản văn hóa và tâm linh của Ấn Độ để nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia. Hai nhà lãnh đạo của Ấn Độ chia sẻ tầm nhìn về sự vĩ đại của đất nước trên sân khấu thế giới, dựa trên sự tương đồng trong nhận thức của họ về Ấn Độ là một quốc gia văn minh vĩ đại. Ngoài việc tập trung vào kinh tế, cả Nehru và Modi đều nỗ lực duy trì sự linh hoạt tối đa cho Ấn Độ trong mối quan hệ với các cường quốc cũng như với tất cả các nước, lớn và nhỏ. Mặc dù, chính sách “không liên kết” đã mờ nhạt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ nhưng “nó đã được tái sinh dưới một hình hài mới, đó là tự chủ chiến lược” dưới thời Modi [Ingber, S. & Frayer, L., 23/52019].

2.2.3 Cấp độ cá nhân

Sự thay đổi ở cấp độ cá nhân hoặc cấp độ lãnh đạo thường dẫn đến sự thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của một quốc gia. Bởi mục tiêu, khả năng và năng lực của cá nhân lãnh đạo quyết định ý định, khả năng và chiến lược của một nhà nước [Byman, Daniel L., Kenneth, 2001, pp.107-146]. Lãnh đạo nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc nhận biết các tín hiệu ở cấp độ hệ thống và “dựa trên nhận thức và các giải thích của họ (các nhà lãnh đạo) để xây dựng và hoạch định chiến lược của quốc gia” [Hermann, Margaret G., Joe D., 1998, pp.124-137]. Trong quá trình ra quyết định, “tính cách và đặc điểm các nhà lãnh đạo cũng ảnh hưởng đến phản ứng của nhà nước” đối với vấn đề quốc tế [Ripsman và cộng sự, 2016]. Dưới sự lãnh đạo của lãnh đạo quốc gia, đôi khi một quốc gia có thể đạt được nhiều hơn và vượt qua khả năng cho phép của quốc gia đó. Lịch sử của Ấn Độ đã chứng minh điều này dưới thời lãnh đạo của Thủ tướng J. Nehru. Tuy nhiên, trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại, vai trò của cá nhân lãnh đạo cũng phần nào bị giới hạn bởi bối cảnh trong nước và quốc tế.

2.2.3.1 Xuất thân và đặc điểm tính cách của Thủ tướng N. Modi

Narendra Modi sinh ngày 17/09/1950 ở bang Gujarat. Ông trở thành Thủ hiến bang này vào tháng 10/2001 với ba nhiệm kỳ liên tiếp trước khi trở thành Thủ tướng

Ấn Độ. Gia đình N. Modi thuộc cộng đồng Ghanchi lạc hậu (đẳng cấp dalit), tầng lớp bên lề xã hội. Narendra Modi có tuổi thơ nghèo khó nhưng với ý chí kiên cường đã hun đúc nên một người có ý chí cứng rắn, “nói được, làm được”. Vượt qua hoàn cảnh kinh tế khó khăn, địa vị xã hội thấp kém, ông đã tốt nghiệp cử nhân Khoa học chính trị tại Trường Đại học Delhi, sau đó lấy bằng Thạc sĩ Khoa học chính trị Đại học Gujarat.

N. Modi rất khác các Thủ tướng tiền nhiệm của Ấn Độ, được thể hiện ở bốn điểm: *Một là*, có xuất thân khác người tiền nhiệm, bình dân, thấu hiểu đến tình cảnh của tất cả các tầng lớp trong xã hội; *Hai là*, cuộc sống trong sạch; *Ba là*, tầm nhìn, tầm trí tuệ, nhìn rõ thời cuộc, đánh giá đúng thách thức của Ấn Độ, từ đó xác định các mối quan hệ quốc tế cần xây đắp, phát hiện các mối quan hệ mới mà người tiền nhiệm bỏ quên. *Bốn là*, phong cách riêng biệt: quyết đoán. Điều này ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

2.2.3.2 Phong cách lãnh đạo và sự nghiệp chính trị

Sự nổi lên của Narendra Modi từ một cậu bé bán trà ở sân ga trở thành Thủ tướng quốc gia là một trong những câu chuyện của đất nước Ấn Độ hiện đại. Từ một người dân thường, ông đã trở thành Thống đốc Bang, Thủ tướng và là một trong những nhà lãnh đạo quyền lực nhất Ấn Độ trong lịch sử Ấn Độ hậu Độc lập [Lê Thị Hằng Nga, Hà Lê Huyền, 2020, tr.81-87]. “Narendra Modi là vị Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên được sinh ra sau độc lập (năm 1950, ba năm sau Độc lập của Ấn Độ). Có lẽ đó cũng chính là lý do vì sao ông có sự “*dịch chuyển*” trong thế giới quan so với những người tiền nhiệm. Ông được đánh giá là một nhà lãnh đạo quyết đoán, “*con người của sự phát triển*”... Thậm chí Tổng thống Mỹ Obama đã từng ca ngợi Thủ tướng Modi là một “con người của hành động” [TTXVN, ngày 21/1/2015, tr.22]. Sau hơn ba năm cầm quyền, Thủ tướng Narendra Modi được đánh giá là một người thực tế, khôn khéo, có tầm nhìn xa và tư duy chiến lược đồng thời là một người chăm chỉ, giản dị và liêm khiết. Narendra Modi thường đề cập đến công thức P2G2 của mình (Pro-People - Good Governance - Ủng hộ Nhân dân - Quản trị tốt) để chứng minh những tuyên bố của ông về sự phát triển toàn diện. Ông được mô tả là nhà lãnh đạo quyền lực nhất

Ấn Độ kể từ thời kỳ hoàng kim của Indira Gandhi [Lê Thị Hằng Nga, Hà Lê Huyền, 2020, tr. 81-87].

Có lẽ trở ngại lớn nhất của ông trong sự nghiệp chính trị là liên quan cuộc bạo loạn tại bang Gujarat chống người Hồi giáo năm 2002 làm hàng trăm người thương vong. Vì lý do này, năm 2005 ông bị Mỹ từ chối cấp thị thực với lý do vi phạm tự do tôn giáo. Tuy nhiên những cáo buộc dính líu đến vấn đề sắc tộc, tôn giáo đã không thể lấn át những công hiến của ông trong việc thúc đẩy nền kinh tế của bang Gujarat. Những quyết sách của ông về kinh tế đã làm cho bang Gujarat trở thành một điểm đến đầu tư hấp dẫn nhất Ấn Độ, đặc biệt là giai đoạn 2002 - 2007. Để phát triển kinh tế, ưu tiên của ông là làm trong sạch đội ngũ lãnh đạo, chống tham nhũng, cải cách về tài chính và phát triển công nghệ trong tiểu bang, khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và đặc biệt là các công trình bảo tồn nguồn nước ngầm. Với các chính sách đó, ông Modi đã biến bang Gujarat không phát triển được nông nghiệp trở thành một bang có nền nông nghiệp phát triển. Người dân Ấn Độ lựa chọn ông Modi vì họ hy vọng vào sự lãnh đạo bởi chính đảng có tinh thần quốc gia và chủ trương tự do về kinh tế. Trong khi kinh tế Ấn Độ tăng trưởng thấp, thì bang Gujarat do ông Modi làm Thủ hiến đã đạt mức tăng trưởng GDP hai con số liên tục trong thập niên qua, trở thành bang đầu tàu trong nền kinh tế Ấn Độ. Thành tích này đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao uy tín của ông Modi và khiến người dân tin tưởng vào việc ông Modi sẽ đưa kinh tế Ấn Độ quay trở lại đường ray tăng trưởng.

Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo của Modi đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện ở những điểm sau:

Một là, BJP do Modi lãnh đạo là một đảng chính trị xem truyền thống tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc Hindu luôn là triết lý chính trị và hệ tư tưởng cốt lõi. Theo đó, chủ nghĩa dân tộc Hindu của BJP nhấn mạnh đến “niềm tự hào dân tộc” để khẳng định vị thế quyền lực của Ấn Độ. N. Modi đã hợp tác kinh tế với Trung Quốc kể từ khi ông đang còn là Thủ hiến bang Gujarat. Vào tháng 2/2014, khi đang quá trình tranh cử, Modi đã tới tỉnh Arunachal Pradesh (khu vực mà Ấn Độ và Trung Quốc

đang có tranh chấp) và tuyên bố rằng: “*Không có sức mạnh nào trên trái đất có thể cướp đi (Arinesachal Pradesh)... Tư tưởng bành trướng không còn được chấp nhận trong thời đại ngày nay. Trung Quốc cũng sẽ phải bỏ lại tư duy bành trướng*” [C. Raja Mohan, June 18, 2015]. Ba tháng sau đó, trong lễ nhậm chức, Thủ tướng Modi đã thể hiện sự cứng rắn với Trung Quốc khi mời Thủ tướng chính phủ lưu vong của Tây Tạng ở Exile đến tham dự lễ nhậm chức. Và ngay sau lễ nhậm chức, ông đã thông qua một loạt các văn bản nhằm thúc đẩy các dự án cơ sở hạ tầng quân sự bị đình trệ dọc theo Đường kiểm soát thực tế (LAC) bao gồm các tuyến đường hầm, đường sắt và đồn biên phòng ở biên giới với Trung Quốc. Trong một bài phát biểu tại Tokyo vào, Modi tuyên bố: hiện nay chúng ta đang thấy một tư tưởng bành trướng của thế kỷ XVIII: xâm nhập vào lãnh thổ và vùng biển của quốc gia khác, phát biểu này của Thủ tướng Modi ngầm ám chỉ sự bành trướng của Bắc Kinh [Nitin A Gokhale, September 3, 2014].

Hai là, giống như Nehru, Thủ tướng Modi có phẩm chất lãnh đạo tác động tích cực đến các cam kết chính sách đối ngoại cũng như đóng góp đối với thế giới. Tuy nhiên bên cạnh nhấn mạnh yếu tố di sản văn hóa và tâm linh Ấn Độ để nâng cao vị thế quốc tế của quốc gia, Thủ tướng Modi cũng luôn nhấn mạnh đạt được các mục tiêu quốc gia trong sự phát triển và thịnh vượng chung của thế giới. Họ chia sẻ tầm nhìn về sự vĩ đại của đất nước trên sân khấu thế giới, dựa trên nhận thức chung về Ấn Độ là một quốc gia văn minh vĩ đại. Ngoài việc tập trung vào kinh tế, cả Nehru và Modi đều tìm kiếm các chính sách duy trì sự linh hoạt tối đa cho Ấn Độ trong mối quan hệ với các cường quốc và với tất cả các nước, lớn và nhỏ. Mục tiêu gia tăng vị thế quốc tế của Ấn Độ đã được thể hiện trong bài phát biểu nhậm chức của Thủ tướng Modi rằng “sẽ nỗ lực giúp Ấn Độ định vị với tư cách là quốc gia hàng đầu thay vì chỉ là một lực lượng cân bằng trên toàn cầu”. Tinh thần này của Thủ tướng Modi đã được tiếp nối bởi bài phát biểu của Ngoại trưởng Ấn Độ Vijay Gokhale tại Đối thoại Raisina 2019 rằng: “Ấn Độ ngày nay là một quốc gia liên kết... và “trong trật tự thế giới dựa trên quy tắc, Ấn Độ sẽ có một vị trí tốt hơn trong các thể chế đa phương” [Harsh V. Pant, March 02, 2019].

Ba là, cá nhân Narendra Modi được biết đến là người rất coi trọng các tín ngưỡng và truyền thống của người Hindu. Và BJP được xem là đảng chính trị theo chủ nghĩa dân tộc Hindu - vốn nhấn mạnh đến các biểu tượng của sức mạnh quốc gia, đặc biệt là vũ khí hạt nhân và việc sử dụng sức mạnh quân sự trong quan hệ quốc tế [Ogden Chris, 2014, p.62]. Tranh chấp biên giới, sự hiện diện ngày càng gia tăng của Trung Quốc ở khu vực ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ, Đức Đạt Lai Lạt Ma, giáo phái Tây Tạng và an ninh hàng hải là những thách thức trực tiếp trong quan hệ Ấn - Trung. Những vấn đề này đã buộc Thủ tướng Modi duy trì chủ nghĩa dân tộc trong chính sách của mình đối với Trung Quốc. Quan điểm chủ nghĩa dân tộc này chi phối rất lớn đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Được thể hiện qua việc: Thủ tướng Modi nhấn mạnh rằng Ấn Độ sẽ không nhượng bộ trong việc giành quyền lực trong quan hệ quốc tế; và những hạn chế trong quá trình phát triển của Trung Quốc sẽ được lấp đầy bằng những tiềm năng của Ấn Độ.

BJP là một đảng chính trị có truyền thống tôn giáo mạnh mẽ và chủ nghĩa dân tộc Hindu luôn là triết lý và tư tưởng chính trị cốt lõi của đảng này. Trên cơ sở theo đuổi chủ nghĩa dân tộc Hindu, so chính phủ tiền nhiệm của Đảng Quốc đại, thì BJP chú trọng và luôn nhấn mạnh về phẩm giá quốc gia và niềm tự hào dân tộc của Ấn Độ, đặc biệt BJP thường nhấn mạnh các vấn đề này trong chính sách đối ngoại.

Bốn là, nguồn gốc đẳng cấp và nền tảng gia đình của Modi cũng đóng một vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao quyết đoán của ông. Ấn Độ đã có một số Tổng thống xuất thân từ đẳng cấp thấp/tầng lớp dưới cùng của xã hội đẳng cấp Ấn Độ nhưng Modi là Thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ xuất thân từ đẳng cấp thấp nhất của xã hội Ấn Độ - đẳng cấp Dalit. Do đó, sau khi lên nắm quyền, với xuất thân thấp kém, bản thân Modi cần một sự quyết đoán để khẳng định sự khác biệt của mình so với các nhà lãnh đạo của Đảng Quốc đại vốn xuất thân từ đẳng cấp quý tộc, Bà la môn (Brahman) và cũng là một cách để thể hiện tiếng nói cho đẳng cấp của mình. Phong cách quản trị mạnh mẽ và quyết đoán của Thủ tướng Modi đã được thể hiện rất rõ nét hơn một thập kỷ khi ông còn là Thủ hiến bang Gurajat và những thành quả của bang

này dưới sự lãnh đạo của ông. Vì những lý do trên, chính sách đối nội lẫn đối ngoại của ông rất quyết đoán trong nhiệm kỳ 1.

Năm là, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở cấp độ khu vực, toàn cầu cũng chịu ảnh hưởng của nhận thức của Thủ tướng Modi về sự phức tạp của hệ thống quốc tế hiện nay: (i) ông nhận thức được sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu và Ấn Độ không thể cô lập khỏi sự tương tác và phụ thuộc của hệ thống quốc tế [Business Standard, 2015]; (ii) Thủ tướng Modi đã công khai tuyên bố rằng, ông theo đuổi các khái niệm về Vasudaiva Kutumbakam (thế giới là một gia đình)¹⁰, Vishva Bandhuta (tình huynh đệ trên thế giới)¹¹ và hòa bình [PIB, Government of India, 2015]; (iii) việc nhấn mạnh ưu tiên các lợi ích kinh tế quốc gia trong quan hệ quốc tế; và (iv) việc ông đưa ra tuyên bố về năm trụ cột của chính sách đối ngoại, bao gồm: danh dự (samman), thịnh vượng chung (samridhi), an ninh khu vực và thế giới (suraksha) và liên kết văn hóa và văn minh (sanskriti evam sabhyata) [Tiwari Ravish, April 4 2015].

Và cuối cùng, với tư cách là một Thủ tướng mới với xuất thân khác biệt so với các Thủ tướng tiền nhiệm, thành lập một chính phủ đa số, chắc chắn Thủ tướng Modi sẽ triển khai nguyên tắc thể hiện quyền lực chính trị của chính phủ mới nhằm nhận được sự chính danh của người dân trong nước. Điều này đòi hỏi, Thủ tướng Modi cần phải thỏa mãn các yêu cầu và có được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân thông qua thể hiện sức mạnh quốc gia trên thế giới, với các nước láng giềng bằng chính sách ngoại giao.

Như vậy, địa vị chính trị và phong cách quản lý của Modi là một phần trong sức mạnh ngoại giao của đất nước và tin rằng một “chính phủ quyết đoán” sẽ giúp Ấn Độ thực hiện ước mơ trở thành một cường quốc trên thế giới. Ảnh hưởng của yếu tố cá nhân Thủ tướng Modi đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc còn được thể hiện rõ nét qua “Học thuyết Modi”. Hiểu được đầy đủ các đặc điểm và xu hướng của Học thuyết Modi sẽ lý giải được động lực hình thành chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong dài hạn.

¹⁰ Nguyên nghĩa tiếng Anh: “the world is one family”.

¹¹ Nguyên nghĩa tiếng Anh: “world brotherhood”.

Tiểu kết chương 2

Hai thập niên đầu thế kỷ XXI, chứng kiến sự phức tạp của tình hình thế giới, xu hướng đa cực, đa trung tâm ngày càng trở nên rõ nét hơn. “Quan hệ quốc tế chịu sự chi phối rất lớn của các “cực”, các trung tâm quyền lực hay các cường quốc... tác động không nhỏ đến chính sách đối ngoại của các quốc gia” [Phan Thị Thu Dung, 2019, tr.107], trong đó có chính sách của một nước lớn đang nổi lên (Ấn Độ) đối với nước lớn láng giềng đang trỗi dậy của mình (Trung Quốc). Có nhiều các nhân tố bên ngoài ở cấp độ liên quốc gia (quốc tế và khu vực) tác động trực tiếp và gián tiếp đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Ở cấp độ hệ thống, các nhân tố đó bao gồm: xu thế trật tự đa cực, xu hướng hướng Đông, nhân tố Mỹ, sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hộ, xu hướng xung đột, chạy đua vũ trang, sự biến động địa chính trị khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhân tố Pakistan được xem là những nhân tố tác động trực tiếp đến sự định hình chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi. Còn ở cấp độ quốc gia đó là nhân tố lịch sử trong quan hệ hai nước, sự phát triển kinh tế - quốc phòng của Ấn Độ, sự chuyển đổi từ chủ nghĩa lý tưởng sang chủ nghĩa thực dụng trong quan hệ quốc tế, sự thay đổi bộ máy chính trị,... Và ở cấp độ cá nhân là yếu tố cá nhân Thủ tướng Modi.

Về đánh giá mức độ tác động của các nhân tố. Từ những phân tích trên có thể kết luận rằng, các nhân tố cấp độ hệ thống, quốc gia và cá nhân là những nhân tố vừa có tính điều kiện vừa là những nhân tố có tính nguyên nhân đối với sự hình thành chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Từ việc đánh giá mức độ tác động đó, có thể thấy rằng, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở cấp độ hệ thống là tìm kiếm một chỗ đứng đồng đẳng, ngang hàng với Trung Quốc trong trật tự thế giới, nỗ lực xây dựng các cơ chế quốc tế đề: một mặt tăng cường hợp tác với Trung Quốc, mặt khác là phản ứng với các tình huống thông qua chiến lược đối với các vấn đề liên quan đến Trung Quốc. Và ở cấp độ quốc gia là đảm bảo các lợi ích dân tộc cốt lõi.

CHƯƠNG 3: NỘI DUNG VÀ SỰ TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH CỦA ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI THỦ TƯỚNG NARENDRA MODI (2014 - 2019)

Chính sách đối ngoại gồm hai yếu tố: các mục tiêu quốc gia cần đạt được và các phương tiện để đạt được mục tiêu. Chính sách đối ngoại là tổng thể các nguyên tắc, lợi ích và mục tiêu mà một nhà nước xây dựng trong việc thực hiện các mối quan hệ của mình với các quốc gia khác, nhằm tác động đến hành vi của các quốc gia khác và để điều chỉnh các hoạt động của mình phù hợp với môi trường quốc tế và trong nước.

3.1 Mục tiêu và nguyên tắc

3.1.1. Mục tiêu

Trong bối cảnh chính trị thế giới đang trải qua những sự dịch chuyển và kiến tạo, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Modi cũng đang “trỗi dậy”. Chính sách đối với Trung Quốc, mặc dù không có các tuyên bố chính thức tuy nhiên từ các phát biểu của Thủ tướng Modi, Ngoại trưởng Ấn Độ và thực trạng quan hệ hai nước, mục tiêu của chính sách Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện ở những khía cạnh sau:

3.1.1.1 Nỗ lực khẳng định cường quốc hàng đầu thế giới của Ấn Độ

Nếu tư tưởng Đại Hán là nhân tố xuất phát cho tham vọng nước lớn và mục tiêu hoàn thành “Giấc mộng Trung hoa” để phục hưng dân tộc Trung Hoa vĩ đại thì tư tưởng “Đại liên bang Ấn Độ” của J. Nehru sau này trở thành tư tưởng chiến lược đối ngoại để duy trì địa vị nước lớn của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới [Trần Anh Đức, 2018, tr.33-40]. Ngay sau khi trở thành Thủ tướng, Modi khẳng định sẽ thúc đẩy sự tham gia của Ấn Độ vào thế giới để đạt được vai trò lãnh đạo toàn cầu, biến Ấn Độ trở thành “cường quốc hàng đầu” [C. Raja Mohan, 2015, p.vii]. Trong bài phát biểu năm 2015, cố vấn an ninh quốc gia của Thủ tướng Modi đã tuyên bố:

với một thế trận chiến lược được thúc đẩy bởi việc theo đuổi sức mạnh tổng hợp quốc gia và uy tín quốc tế, Ấn Độ có một tầm nhìn nhằm khôi phục sự huy hoàng của nền văn minh Ấn Độ và đảm bảo có một vị thế nổi bật hơn trong hệ thống quốc tế [Ministry of External Affairs, 2015].

Chính phủ Modi đã xây dựng học thuyết chính sách đối ngoại mang tên *Panchamit* với 5 trụ cột: nhân phẩm, đối thoại, chia sẻ sự thịnh vượng, an ninh khu vực và toàn cầu, kết nối văn hóa và văn minh [Sinderpal Singh, 2017, pp.160-168] nhằm biến Ấn Độ trở thành một quốc gia lãnh đạo tư tưởng toàn cầu, giống như một vị giáo trưởng tinh thần của thế giới “*không chỉ để cung cấp hướng đi mới cho thế giới mà còn để bảo vệ di sản của chúng ta*” [Trần Nam Tiến, 2017, tr.145].

Thủ tướng Modi đã từng phát biểu: *khát vọng khu vực và tham vọng quốc gia sẽ xác định sự phát triển của Ấn Độ trong những năm tới* [Xinhua.net, May 5, 2015] cũng như chính sách đối với các đối tác quan trọng. Trong bài phát biểu kỷ niệm 70 năm độc lập vào tháng 8/2017, Modi đã đề xuất ý tưởng “*nỗ lực tập thể và tăng trưởng toàn diện*” (Sakha Saath, Sakha Vikas) nhằm đạt được tầm nhìn “*Ấn Độ mới*” vào năm 2022 khi đất nước kỷ niệm 75 năm độc lập trên cơ sở phát huy sức mạnh dân tộc, phục vụ cho sự “*trỗi dậy*” của Ấn Độ. Modi đã điều chỉnh triết lý ngoại giao không liên kết thành đa liên kết thông qua chiến lược hình thành “*liên minh chứ không phải đồng minh*” trong nhiều vấn đề khu vực và quốc tế để tăng khả năng “*mặc cả*” của Ấn Độ trong các trò chơi quyền lực lớn, đặc biệt là đối với Trung Quốc. Modi cũng tuyên bố, Ấn Độ nên tự đặt mình vào vị trí là một “*cường quốc dẫn đầu*” trên toàn cầu thay vì chỉ là một lực lượng cân bằng thông qua duy trì tự chủ chiến lược [Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office, February 7, 2015].

3.1.1.2 Hợp tác cùng phát triển

Trong bối cảnh phương Đông đang trỗi dậy, cách tiếp cận của Ấn Độ tính đến sự trỗi dậy đồng thời của cả hai quốc gia, nên hợp tác cùng phát triển cũng là một mục tiêu trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Nguyên nhân của cách tiếp cận này bắt nguồn từ: *Một là*, xu hướng vừa hợp tác vừa cạnh tranh trong quan hệ quốc tế hiện nay và là một biểu hiện rõ nét của việc theo đuổi chủ nghĩa trọng thương hay chủ nghĩa dân tộc kinh tế trong ngoại giao của Modi. Hơn nữa, với Ấn Độ, Trung Quốc là một đối tác quan trọng trong việc thúc đẩy cải cách hệ thống quốc tế theo

hướng có lợi cho các nước đang phát triển¹². Đặc biệt hai nước là cột trụ để xây dựng “thế kỷ châu Á”. *Hai là*, xét về yếu tố lịch sử, văn hóa. Từ trong lịch sử đến nay, Ấn Độ và Trung Quốc là hai người khổng lồ châu Á theo mọi nghĩa của thuật ngữ, có nhiều kết nối về văn minh và văn hóa. *Ba là*, ở cấp độ quốc gia, đối với Ấn Độ, Trung Quốc vừa là láng giềng và là nước lớn đang trên đà phát triển, và xuyên suốt chính sách đối ngoại của quốc gia này trong thời kỳ hiện đại, yếu tố hợp tác luôn được Chính phủ Ấn Độ triển khai đối với Trung Quốc. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng là thị trường khổng lồ mang lại cơ hội cho sự thành công cho các sáng kiến kinh tế của Modi, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp của Ấn Độ trên toàn cầu. Trong quan điểm của Ấn Độ về “cả thế giới là một gia đình”, sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng có lợi cho sự tăng cường ảnh hưởng quốc tế của các nước đang phát triển, đặc biệt là các lực lượng mới nổi. Theo đó, cùng chung tay thúc đẩy sự thịnh vượng của châu Á, là đối tác toàn cầu trong phối hợp chiến lược để thúc đẩy trật tự quốc tế công bằng và hợp lý hơn [Chinese Ministry of Foreign Affairs, September 19, 2014].

Sự chia sẻ quan điểm này giữa Ấn Độ và Trung Quốc cũng được thể hiện ở tầm nhìn “Ấn Độ mới” và các mục tiêu tương tự do Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIX đề ra đều ra đời trong cùng thời kỳ. Điều này không chỉ mở ra cơ hội cho hợp tác Ấn - Trung mà còn thể hiện sự tương đồng “lợi ích chung” ở cấp khu vực mà Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã đề cập [Ministry of External Affairs, GoI, 2014].

3.1.1.3 Hợp tác cân bằng

Đây không chỉ là mục tiêu mà còn thể hiện sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc so với các chính phủ tiền nhiệm, cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng quan hệ đối tác và hợp tác Ấn - Trung “bền vững” ở cấp độ song phương và toàn cầu

Theo cách tiếp cận của chủ nghĩa Hiện thực, việc Thủ tướng Modi nhấn mạnh khía cạnh hợp tác với Trung Quốc bắt nguồn từ các lợi ích kinh tế. Đây được xem là sự tiếp nối của Thủ tướng Modi từ các chính phủ tiền nhiệm. Hợp tác kinh tế với

¹² Hiện nay, hai nước đều ủng hộ cam kết của trật tự Westphalia mới (neo-Westphalia) đối với chủ quyền quốc gia và nguyên tắc không can thiệp, đồng thời đề cao vai trò của một trật tự thế giới dựa trên luật lệ, tôn trọng sự đa dạng của các hệ thống chính trị [Cooper, Andrew F., Farooq, Asif B., 2016, pp.73-106].

Trung Quốc của Ấn Độ được thúc đẩy mạnh mẽ trong thời kỳ của Thủ tướng Atal Bihari Vajpayee (1998-2004) và được tiếp tục trong nhiệm kỳ của Manmohan Singh (2004-2014). Đây là khía cạnh ổn định trong quan hệ song phương bất chấp xung đột và tranh chấp biên giới diễn ra căng thẳng và trong thời gian dài giữa hai nước.

Để đạt được mục tiêu xây dựng đối tác Ấn - Trung “bền vững”, Chính phủ Modi nhấn mạnh mở rộng phạm vi và mục tiêu hợp tác của Ấn Độ với Trung Quốc. Điều này được thể hiện rất rõ trong bài phát biểu tại Diễn đàn doanh nghiệp Trung - Ấn diễn ra vào năm 2015 tại Thượng Hải của Thủ tướng Modi, trong đó, ông nhấn mạnh hợp tác Ấn - Trung không chỉ giới hạn trong thương mại và kinh tế song phương mà còn mở rộng hợp tác “song phương trên cấp độ toàn cầu” (*bilaterally global*). Điều đó có nghĩa là hướng tới “mối quan hệ đối tác kinh tế bền vững dựa trên phạm vi rộng lớn” [ndtv.com, 16 May 2015]. Hàm ý của mục tiêu này là thiết lập việc hợp tác theo ngành/lĩnh vực, đặc biệt là các lĩnh vực mà Ấn Độ có lợi thế so sánh so với Trung Quốc như công nghiệp, đường sắt, tín dụng và cho thuê, phát triển cơ sở hạ tầng,... để hướng tới mối quan hệ đối tác ngang bằng thay vì chỉ là một đối tác kinh tế đơn thuần, bên dưới của Trung Quốc. Hơn nữa, trong quan điểm hợp tác kinh tế với Trung Quốc, Thủ tướng Modi nhấn mạnh không chỉ là tăng cường “quan hệ đối tác phát triển”¹³ mà còn phải nâng cao hơn nữa trong phạm vi “quan hệ đối tác bền vững”¹⁴ một cách toàn diện và trên nhiều lĩnh vực [ndtv.com, 16 May 2015] nhằm xây dựng mối quan hệ đối tác và hợp tác Trung Quốc - Ấn Độ “bền vững”.

Thứ hai, đối tác thương mại cân bằng

Một sự khác biệt của Thủ tướng Modi so với các lãnh đạo tiền nhiệm trong cách tiếp cận với Trung Quốc đó là mục tiêu tạo ra sự bình đẳng và tạo cơ hội bình đẳng cho Ấn Độ và cộng đồng kinh tế của quốc gia này trong quá trình hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Sự bất cân bằng thương mại với lợi thế nghiêng về Trung Quốc đã diễn ra trong một thời gian dài và những khó khăn trong tiếp cận thị trường Trung

¹³ Nguyên nghĩa tiếng Anh: *developmental partnership*.

¹⁴ Nguyên nghĩa tiếng Anh: *sustainable partnership*.

Quốc của doanh nghiệp Ấn vừa là nguyên nhân của tình trạng trên vừa là vấn đề tác nghẽn trong hợp tác kinh tế song phương của hai nước.

Nhu cầu thúc đẩy hợp tác thương mại theo hướng cân bằng của Ấn Độ xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết là sự cân bằng thương mại và cơ cấu xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc. Mặc dù, Bắc Kinh là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ, nhưng sự bất cân bằng thương mại ngày càng gia tăng theo hướng có lợi cho Trung Quốc [Dixit, S., September 24, 2011]. Bên cạnh đó, các mặt hàng xuất khẩu chính của Ấn Độ sang thị trường Trung Quốc là nguyên liệu thô, trong khi các mặt hàng của Trung Quốc xuất khẩu sang Ấn Độ là các mặt hàng “tinh” với giá cạnh tranh [Twining, D., 2015, p.8] và đáp ứng tốt cho nhu cầu hàng hóa cho các thị trường đang phát triển như Ấn Độ. Thủ tướng Modi đang muốn giải quyết vấn đề này bằng cách mang lại sự bình đẳng về cơ hội và thị trường cho các doanh nghiệp Ấn Độ.

Thứ ba, khắc phục vấn đề thiếu niềm tin trong các lĩnh vực hợp tác công nghệ thông tin

Một vấn đề khác trong hợp tác kinh tế Ấn - Trung là sự thiếu niềm tin trong việc mở cửa đối với các lĩnh vực kinh doanh do các lo ngại về an ninh. Lĩnh vực viễn thông của Trung Quốc là một trong những vấn đề luôn gây e ngại ở Ấn Độ. Lâu nay, Ấn Độ có một mối lo ngại rằng thiết bị viễn thông của Trung Quốc có thể hoạt động như một công cụ gián điệp [Choudhury, U., 12 Oct 2012]. Nhận thức này của Ấn Độ là do Trung Quốc vẫn là một quốc gia ‘không minh bạch’ trong nhiều vấn đề khác nhau [Twining, D., 2015, p.9]. Modi đã nhìn nhận vấn đề này theo cách khác và chính phủ của ông đã chấp thuận cho Huawei Telecom thành lập cơ sở sản xuất, kinh doanh và cơ sở hậu cần tại Ấn Độ. Ngoài ra, Modi đã đưa ra lời mời đối với các công ty Trung Quốc và nói rằng “Ấn Độ rất muốn phát triển các lĩnh vực mà Trung Quốc có thể mạnh và cần sự tham gia của Trung Quốc trong các lĩnh vực này” [ndtv.com, 16 May 2015]. Điều này cũng cho thấy sự mềm dẻo và linh hoạt trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

3.1.1.4 Kiểm chế, cạnh tranh ảnh hưởng với Trung Quốc

Các mục tiêu này của Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện trong Học thuyết Modi. Ở Ấn Độ, đã có những học thuyết được biết đến như “Học thuyết Indira” vào những năm 1970, “Học thuyết Gujral” vào cuối những năm 1990 và “Học thuyết Manmohan” giai đoạn trước khi ông Modi được bầu làm Thủ tướng. Thuật ngữ “Học thuyết Modi” lần đầu tiên được đề cập bởi Nisha Desai Biswal, Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ về các vấn đề Nam Á [NDTV, June 10, 2016]. “Học thuyết Modi” là kết quả của văn hóa chiến lược đa nguyên truyền thống của Ấn Độ và phản ánh triết lý chính trị và phong cách quản trị của cá nhân Thủ tướng Modi. Mục tiêu của học thuyết này được thể hiện và lồng ghép trong các tuyên bố, tầm nhìn và các chương trình hành động của Thủ tướng Modi [Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office, February 7, 2015].

Mục tiêu kiểm chế, cạnh tranh ảnh hưởng và tăng cường khả năng mặc cả của Ấn Độ với Trung Quốc được thể hiện qua Học thuyết Modi ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, khuếch trương uy tín và tăng cường lợi ích quốc gia ở các quốc gia láng giềng. Điều này thể hiện ở chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở hai mặt: một là, Nam Á là địa bàn ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ nhưng hiện nay dấu chân ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng lan rộng. Do đó, ảnh hưởng đến lựa chọn chính sách hợp tác song phương và đa phương của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở địa bàn này. Mặt khác, chính sách này của Modi không những đảm bảo lợi ích về kinh tế và an ninh cho Ấn Độ mà còn giúp quốc gia này duy trì được vị thế và ảnh hưởng truyền thống ở khu vực “sân sau” của mình, từng bước đẩy lùi “ảnh hưởng xâm lấn” của Bắc Kinh.

Thứ hai, gia tăng ảnh hưởng ở khu vực láng giềng mở rộng

Khu vực láng giềng mở rộng của Ấn Độ trải dài từ kênh đào Suez đến Biển Đông và bao gồm Tây Á, vùng Vịnh, Trung Á, Đông Nam Á, Đông Á, châu Á Thái Bình Dương và khu vực Ấn Độ Dương [External Affairs Minister, 2004]. Sau khi nhậm chức vào năm 2014, Thủ tướng Modi đã điều chỉnh “Chính sách hướng Đông” thành “Hành động phía Đông”, thúc đẩy các kết nối chiến lược tới Afghanistan và Trung

Á, và thắt chặt quan hệ chính trị và kinh tế với các nước vùng Vịnh ở Trung Đông thông qua Iran. Đây là những bước đi, động thái chủ động của chính quyền Modi không những đảm bảo tốt hơn các lợi ích chiến lược của Ấn Độ mà còn giúp cân bằng quyền lực với Trung Quốc [KantiBajpai, 2017, pp.69-91].

Thứ ba, khẳng định vai trò tích cực ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Ấn Độ hiện nay đang là một hạt nhân trong chiến lược *Ấn Độ Dương- Thái Bình Dương: tự do và rộng mở* của Mỹ. Hiện nay, trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Ấn Độ đang có những điều chỉnh chiến thuật trong ngắn hạn để phù hợp với chiến lược trong dài hạn, một mặt, vừa đảm bảo được lợi ích quốc gia với vai trò “chủ thể cấp kết nối an ninh ròng” (net security provider)¹⁵ ở Ấn Độ Dương, một mặt vừa khẳng định được ảnh hưởng và đảm bảo được vị thế quốc gia khi nỗ lực đóng vai trò “đảm bảo an ninh” khu vực và là nhân tố “cân bằng” giữa các chủ thể (giữa Mỹ và Trung Quốc) ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Điều này khiến sự “trỗi dậy” của Ấn Độ được các cường quốc trong và ngoài khu vực chú ý với tư cách là một chủ thể đóng vai trò tích cực đảm bảo cho sự hòa bình và phát triển chung của các quốc gia châu Á.

Thứ tư, tăng cường khả năng “mặc cả” và một vị thế tốt hơn trong quan hệ với Trung Quốc

Hiện nay, Ấn Độ cũng nỗ lực đảm bảo sự cân bằng trong quan hệ với Mỹ, Nga, và Trung Quốc nhằm không chỉ tối đa hóa an ninh chính trị và lợi ích kinh tế, mà quan trọng hơn là đảm bảo vị thế quốc tế của quốc gia trong quan hệ với các nước lớn. Mặt khác, việc luôn khẳng định nỗ lực duy trì trật tự quốc tế dân chủ và dựa trên các quy tắc, trong đó tất cả các quốc gia, nhỏ và lớn, phát triển thịnh vượng như những quốc gia bình đẳng và có chủ quyền, không những khẳng định được tiếng nói, sự bình đẳng của Ấn Độ trong quan hệ với các nước lớn mà còn cho thấy Ấn Độ không chỉ

¹⁵ Thuật ngữ đề cập đến vai trò đảm bảo an ninh của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương và các quốc gia trong khu vực này, lần đầu tiên được nhắc đến bởi Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Robert Gates tại Đối thoại Shangri-La năm 2009 [Robert Gates, May 30 2009]. Theo đó, vai trò của Ấn Độ được thể hiện ở các vấn đề: Nâng cao năng lực (Capacity building); (ii) Ngoại giao quân sự; (iii) Hỗ trợ quân sự; (iv) Triển khai trực tiếp lực lượng quân sự để hỗ trợ và ổn định tình hình [Anit Mukherjee, 2014, p.2]

là quốc gia “cầu nối” cho các nước lớn mà còn đang nổi lên với tư cách là một “cực” năng động ở khu vực châu Á.

Thứ năm, mở rộng "dấu chân" của Ấn Độ trong quản trị toàn cầu

Từ khi Thủ tướng Modi lên cầm quyền, Ấn Độ luôn thể hiện sự chủ động gánh vác và chia sẻ trách nhiệm trong các vấn đề toàn cầu như các vòng đàm phán Doha của WTO về môi trường và phát triển bền vững. Điều này xuất phát từ mục tiêu trở thành một nước lãnh đạo trong trật tự thế giới mới của Ấn Độ [*The Time of India*, 2018]. Mặt khác, Ấn Độ cũng là quốc gia ủng hộ mạnh mẽ giải trừ quân bị toàn cầu. Mặc dù, dưới thời Thủ tướng Modi, Ấn Độ vẫn chưa phải là thành viên của Hiệp định không phổ biến vũ khí hạt nhân nhưng các nước NSG vẫn ủng hộ Thỏa thuận hạt nhân Mỹ - Ấn và Ấn Độ vẫn được phép tham gia vào thương mại hạt nhân toàn cầu.

Ở các thể chế đa phương, Ấn Độ cũng đang từng bước thể hiện vai trò và tiếng nói khi đang nỗ lực để trở thành thành viên của UNSC, APEC, WB, IMF, NSG. Hiện nay, Ấn Độ đã trở thành thành viên của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (2017), BRICs và tích cực tham gia vào các cơ chế như AIIB và NDB, tham gia Hội nghị về phối hợp hành động và các biện pháp xây dựng lòng tin ở châu Á, tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp Quốc. Học thuyết Modi cũng phản ánh chính sách cân bằng nước lớn khi đang đóng vai trò quan trọng trong cuộc cạnh tranh địa chiến lược giữa phương Tây, Mỹ và Trung Quốc.

3.1.2 Nguyên tắc

3.1.2.1 Nguyên tắc tự chủ chiến lược trong chính sách đối ngoại

Ấn Độ đã duy trì nguyên tắc tự chủ chiến lược (strategic autonomy) trong chính sách đối ngoại kể từ khi giành độc lập. Hiện nay, trong bối cảnh trật tự đa cực đang hình thành thì nguyên tắc này vẫn không thay đổi. Nguyên tắc này được mô tả như một cách thức kiểm soát sự phụ thuộc đối với bên ngoài nhằm bảo vệ nền độc lập của nước này trong việc ra quyết định chính sách đối ngoại và bảo vệ lợi ích quốc gia, duy trì sự độc lập đáng kể trong các lĩnh vực chiến lược nhằm tối đa hóa quyền tự chủ khi đưa ra các quyết định của một quốc gia trong một hệ thống quốc tế luôn có

sự phụ thuộc lẫn nhau [Monsonis, G., 2010, pp. 611-624], đặc biệt là tránh phụ thuộc vào quốc gia mạnh hơn.

Gần đây, nguyên tắc “*tự chủ chiến lược*” được thể hiện rất rõ trong sáng kiến IPOI của Ấn Độ. Nguyên tắc này cho thấy sự thận trọng của Ấn Độ khi không để mối quan hệ ngày càng chặt chẽ với Mỹ ảnh hưởng đến quan hệ với Trung Quốc và cũng không đẩy Ấn Độ vào thế lưỡng nan trong quan hệ Mỹ - Trung. Mặt khác, theo quan điểm của Ấn Độ, việc duy trì nguyên tắc “*tự chủ chiến lược*” trong quan hệ quốc tế cũng góp phần thúc đẩy hệ thống quốc tế hướng tới “*chủ nghĩa đa phương, đa diện*” và dân chủ hóa dựa trên sự chia sẻ lợi ích chung giữa tất cả các nước [TTXVN, 21/1/2015, tr.20].

3.1.2.2 Lợi ích quốc gia là trên hết

Trong quan hệ quốc tế, lợi ích quốc gia chi phối mục tiêu, công cụ và cách thức triển khai chính sách đối ngoại của một quốc gia. Hans Joachim Morgenthau¹⁶ cho rằng “*cốt lõi*” của lợi ích quốc gia hay “*lợi ích căn bản*” của quốc gia bao gồm an ninh quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, hệ thống xã hội và sự thịnh vượng kinh tế [Hans J. Morgenthau, 1952, pp.189-201]. Còn Robert Owen Keohane¹⁷ thì cho rằng lợi ích quốc gia bao gồm sự sinh tồn, sự độc lập và sức mạnh kinh tế của đất nước. Về bản chất, chính sách đối ngoại của một quốc gia chủ yếu là để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia của đất nước đó [Robert Owen Keohane, 2003, pp.117-32].

Như vậy, lợi ích quốc gia vừa là điểm xuất phát cũng là mục tiêu trong chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc, cụ thể “*lợi ích dân tộc được định nghĩa trong bối cảnh các giá trị cốt lõi của một quốc gia đã được xác định bởi Hiến pháp, được định nghĩa như là sản phẩm của lịch sử (văn minh); các hệ giá trị chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa*” [Shrikant Paranjpe, 2017, p.22]. Đối với Ấn Độ, trong chính sách với Trung Quốc, lợi ích quốc gia hiện nay không đơn thuần là xử lý vấn đề tranh chấp biên giới, vấn đề kinh tế, thương mại, an ninh, quốc phòng, văn hóa mà vượt xa hơn,

¹⁶ Hans Joachim Morgenthau (1904 - 1980) là người Mỹ gốc Đức, là học giả quan hệ quốc tế có ảnh hưởng rất lớn, đại diện tiêu biểu cho trường phái chủ nghĩa hiện thực.

¹⁷ Robert Owen Keohane (1941 -) là người Mỹ, học giả nổi tiếng về quan hệ quốc tế, đại biểu cho trường phái chủ nghĩa tân tự do.

đó chính là tiếng nói và vị thế quốc gia Ấn Độ trên thế giới và trong tương quan so sánh lực lượng với Trung Quốc trong cấu trúc và cán cân quyền lực khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Và lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã được Thủ tướng Modi nhiều lần nhấn mạnh, đó là phục vụ cho *chiến lược nước lớn* để trở thành *quyền lực hàng đầu* của Ấn Độ. Đặc biệt, đối với vấn đề biên giới, mục tiêu của chính quyền Modi là đạt được một “bộ giải pháp tổng thể” nhưng sẽ không có bất kỳ sự nhượng bộ nào với Trung Quốc.

3.1.2.3 Tiếp cận ở vị thế ngang hàng/đồng đẳng với Trung Quốc

Sự nhạy bén của các nhà lãnh đạo chính trị đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng chiến lược đối ngoại của quốc gia. Với sự điều chỉnh và cách tiếp cận mới trong quan hệ với Trung Quốc dưới thời Modi, không những xuất hiện “mối quan hệ cấp cá nhân” giữa giữa hai nhà lãnh đạo cao nhất của Ấn Độ và Trung Quốc mà còn cho thấy cách tiếp cận ngang hàng, đồng đẳng mà Modi vạch ra trong chính sách với Trung Quốc. Điều này phần nào được minh chứng qua sự tiếp đón của Thủ tướng Modi đối với Chủ tịch Tập Cận Bình tại quê hương của ông ở Gurajat và việc ông đến Trung Quốc với tư cách là người đứng đầu nhà nước tại quê hương của Tập Cận Bình ở Tây An. Việc Thủ tướng Modi mời Thủ tướng Tập Cận Bình đến thăm thị trấn quê hương của ông ở Vadnagar, bang Gujarat (năm 2014) cũng hàm chứa nhiều biểu tượng chính trị mang đặc điểm tính cách của Modi. “Trước hết, Vadnagar là nơi định cư cổ đại với lịch sử trên 2.500 TCN; Thứ hai, tên gọi cũ của Vadnagar là Anandapura, đã hai lần được học giả Huyền Trang viếng thăm ở thế kỷ VII; Thứ ba, điều này phản ánh thế giới quan của Thủ tướng Modi, giàu biểu tượng chính trị và trong chừng mực nào đó thể hiện sự cống hiến của ông cho “Thế kỷ châu Á” [TTXVN, 21/1/2015, tr.18]. Điều này cũng cho thấy việc triển khai cách tiếp cận ngang hàng/bình đẳng của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc và với giới lãnh đạo Bắc Kinh. Trong đó, mục tiêu của cách tiếp cận này của N. Modi là hợp tác kinh tế với Trung Quốc với vị thế ngang hàng/đồng đẳng. Ý tưởng này không những nhằm tăng cường vị thế cho Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc mà sâu xa hơn là Modi muốn

Ấn Độ trở thành một đối tác ngang hàng/đồng đẳng hơn là một đối tác hàng dưới (subsidiary partner) với Trung Quốc [Twining, D., 2015, p.10].

3.2 Nội dung chính sách

Trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, tính đa dạng và phức tạp của các nhân tố bên trong và bên ngoài đã quyết định tính phức tạp và “đa hướng” trong nội dung chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh. Trung Quốc là một bài toán khó đối với Modi. Vấn đề biên giới và sự trỗi dậy của Trung Quốc đòi hỏi Ấn Độ cần có biện pháp cứng rắn. Nhưng với tư cách là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ và những lợi ích kinh tế mà Trung Quốc đem lại thì đòi hỏi ông Modi cần có sự mềm mỏng trong lựa chọn chính sách. Vấn đề đặt ra hiện nay đối với ông Modi là làm thế nào cân bằng được khái niệm “đối tác” và “đối thủ” trong quan hệ với Trung Quốc.

Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi mặc dù không được thể hiện trực tiếp thông qua các văn bản ngoại giao nhưng từ lịch sử quan hệ hai nước, từ sự thay đổi chính quyền ở Ấn Độ, thông qua các phát biểu của Thủ tướng Modi, Ngoại trưởng Ấn Độ và quan chức Ấn Độ, có thể thấy chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc là sự đan xen các chính sách sau:

3.2.1 Hợp tác

Mục tiêu quan trọng nhất của chính sách này là giúp Ấn Độ định hình mối quan hệ đối tác với cường quốc láng giềng đối thủ. Nhưng xét bản chất của quan hệ hai nước hiện nay, trong chính sách hợp tác của Ấn Độ vừa có yếu tố đối tác, vừa có yếu tố đối thủ. Nghĩa là, có yếu tố cạnh tranh trong hợp tác và ở chiều ngược lại có yếu tố hợp tác trong cạnh tranh. Sự song trùng tồn tại của cách tiếp cận vừa là đối tác, đối thủ, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh đang trở thành khuôn khổ trong quan hệ giữa các nước lớn trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Đây không chỉ là cách tiếp cận trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc mà còn là hiện trạng và xu hướng của quan hệ Ấn - Trung. Điều này giúp Ấn Độ đảm bảo được các lợi ích quốc gia cũng như giúp thực hiện các cơ chế đối thoại, hợp tác ở cấp độ khu vực và toàn cầu.

Để triển khai chính sách này, việc vận dụng sự chia sẻ trong quan điểm giữa hai nước trong các vấn đề và giải quyết những khác biệt trong quan hệ hai nước rất quan

trọng. Đối với cách tiếp cận là đối tác, việc tích cực tăng cường hợp tác là vấn đề rất cần thiết. Hiện nay, cả Ấn Độ và Trung Quốc đều là những nền kinh tế lớn, sự hợp tác và kết nối các chiến lược giữa hai quốc gia rất quan trọng. Cụ thể, chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ có thể phối hợp với khu vực phía Tây của Trung Quốc để giải quyết vấn đề bất cân bằng thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc.

Về các tuyên bố ngoại giao chính thức của Chính phủ Modi, khía cạnh hợp tác với Trung Quốc được đề cập rất nhiều lần trong các bài phát biểu của Thủ tướng N. Modi. Trong chuyến thăm vào năm 2014 của Chủ tịch Tập Cận Bình đến Ấn Độ, Thủ tướng Modi nhấn mạnh:

Tôi rất coi trọng và ưu tiên quan hệ với Trung Quốc... Là hai nền kinh tế mới nổi lớn nhất thế giới... một bầu không khí tin tưởng, tôn trọng, hòa bình và ổn định trong quan hệ của chúng ta và dọc theo biên giới hai nước là điều cần thiết để tăng trưởng kinh tế, đóng góp vào hòa bình, ổn định và thịnh vượng khu vực (Narendra Modi, 2014).

Ngoài ra, ngày 15/5/2015, trong bài phát biểu tại Đại học Thanh Hoa (Trung Quốc), Thủ tướng Modi khẳng định:

Thế giới đang tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho hai nước... nhưng cả hai chúng ta (Ấn Độ và Trung Quốc) đều đang nỗ lực kết nối một châu Á bị chia cắt... và địa lý và lịch sử đã cho chúng ta biết rằng một sự chắc chắn cho tương lai hòa bình và ổn định cho châu Á nếu Ấn Độ và Trung Quốc hợp tác chặt chẽ [narendramodi.in, 15 May 2015].

Như vậy, xét về các tuyên bố ngoại giao, khía cạnh hợp tác luôn được đề cập trong các phát biểu của Thủ tướng Modi. Vào đầu tháng 6/2015, Bộ trưởng Ngoại giao Vương Nghị đã đến Delhi, Modi đã đáp lại bằng những lời khen ngợi về sự phát triển của Trung Quốc; và khi liệt kê các quan hệ đối tác chiến lược của Ấn Độ, Tổng thống Pranab Mukherjee đã đề cập đến Trung Quốc trước tiên, trước cả Mỹ và Nga [Ankit Panda, June 10, 2014]. Vào tháng 7/2014, sau cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình tại Hội nghị thượng đỉnh BRICs, Ấn Độ đã đồng ý ủng hộ việc thành lập Ngân hàng Phát triển mới của BRICs, và đổi lại, Trung Quốc đồng ý rằng chủ tịch đầu tiên

của ngân hàng sẽ là một người Ấn Độ [Indiantimes, 16 July 2014]. Đặc biệt, tại Đối thoại Shangri-la tại Singapore năm 2018, Thủ tướng Narendra Modi phát biểu về tình hữu nghị với Trung Quốc. Phát biểu của Thủ tướng đã cho thấy sự coi trọng của Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc:

...không có mối quan hệ nào của Ấn Độ có nhiều tầng nấc như mối quan hệ với Trung Quốc... Hợp tác giữa hai nước đang mở rộng, thương mại đang tăng trưởng... Châu Á và thế giới sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn khi Ấn Độ và Trung Quốc làm việc cùng nhau trong niềm tin và sự tin cậy, cảm thông với lợi ích của nhau [Government of India, 2018].

Đặc biệt, trong hai cuộc hội nghị thượng đỉnh không chính thức giữa Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình năm 2018 và 2019 cũng cho thấy quan điểm nhấn mạnh hợp tác của Ấn Độ với Trung Quốc. Cụ thể, trong cuộc gặp thượng đỉnh không chính thức vào tháng 4/2018 tại Vũ Hán giữa Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình, mặc dù không có tuyên bố chung nào được đưa ra nhưng Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã đưa ra một thông cáo báo chí ngày 28/4/2018 rằng: Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình đã “*đồng ý quản lý một cách thích hợp mối quan hệ song phương sẽ có lợi cho sự phát triển và thịnh vượng chung của khu vực cũng như tạo ra các điều kiện cho thế kỷ châu Á*” [Government of India, 2018]. Sau cuộc gặp này, Ấn Độ đã tham gia cuộc tập trận quân sự SCO vào tháng 8/2018 với sự tham gia của cả quân đội Trung Quốc và Pakistan. Ngoài ra, bên lề Hội nghị thượng đỉnh SCO vào tháng 6/2019 tại Bishkek, trong cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình, Thủ tướng Modi đã nhấn mạnh rằng: “*đã có một động lực mới và sự ổn định trong quan hệ Ấn - Trung do sự cải thiện trong liên lạc chiến lược giữa hai bên và điều này sẽ giúp hai nước nhạy cảm hơn đối với các vấn đề và lợi ích của đối phương*” [PTI, 2019].

Gần đây, trong cuốn sách *The Indian Way: Strategies for an Uncertain World* của Ngoại trưởng Ấn Độ S. Jaishankar (2020) đã đặc biệt nhấn mạnh đến quan điểm của Ấn Độ với Trung Quốc. Theo Ngoại trưởng Ấn Độ, “*việc triển khai một chính sách đúng đắn với Trung Quốc rất quan trọng đối với triển vọng phát triển của Ấn Độ*” và để đạt được điều này chính sách của Ấn Độ phải “*vượt qua những quan điểm*

truyền thống”. Ngoài ra, Ấn Độ cần nhìn nhận đúng “*sự trỗi dậy của Trung Quốc cũng như khoảng cách sức mạnh tổng hợp giữa hai quốc gia*”. Bởi khi nhận thức được điều này, “*Ấn Độ không những quản lý sự khác biệt được với một nước láng giềng hùng mạnh hơn mà còn đảm bảo được sự trỗi dậy của mình*” và New Delhi trong quá trình triển khai chính sách với Bắc Kinh phải “*hiểu rằng việc tìm kiếm điểm cân bằng là một quá trình rất lâu dài*” bởi “*mối quan hệ hai nước đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu và tương lai hợp tác giữa hai nước liên quan đến việc mỗi nước có đủ sức để chống lại sự trỗi dậy của đối phương hay không*” [External Affairs Minister of Indian, pp.48-60].

Chính sách hợp tác của Ấn Độ với Trung Quốc tập trung vào các vấn đề chính sau: giải quyết vấn đề biên giới, kinh tế và hợp tác ở cấp độ khu vực và toàn cầu.

Thứ nhất, hợp tác để giải quyết vấn đề biên giới. Chính sách này triển khai nhằm đạt được tiến bộ trong vấn đề biên giới, trong đó mục tiêu của chính quyền Modi là đạt được một “*bộ giải pháp tổng thể*” nhưng sẽ không có bất kỳ sự nhượng bộ nào với Trung Quốc. Nỗ lực giải quyết vấn đề biên giới nhưng ông Modi luôn thể hiện một “*lập trường cứng rắn*” của Ấn Độ trong các vấn đề liên quan đến phần phía Đông lãnh thổ có tranh chấp với Trung Quốc.

Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã nhiều lần nhấn mạnh rằng muốn đưa ra một “*gói giải pháp*” nhưng không có bất kỳ nhượng bộ nào đối với vấn đề biên giới. Giai đoạn 2014 - 2019, thông qua các kênh khác nhau, Ấn Độ đã thể hiện lập trường với Trung Quốc thông qua 2 điểm: *thứ nhất*, Ấn Độ yêu cầu Trung Quốc xác nhận lập trường của mình rằng “*vấn đề biên giới Trung - Ấn nên được giải quyết càng sớm càng tốt*”; *thứ hai*, Ấn Độ muốn Trung Quốc xác nhận rằng đã từng đưa ra đề xuất chương trình “*đổi phía Đông lấy phía Tây*” dựa trên một “*gói giải pháp*”. Trong đó, ý tưởng thứ nhất là giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ càng sớm càng tốt; thứ hai là triển khai đề xuất “*đổi phía Đông lấy phía Tây*” của Trung Quốc đưa ra để tạo tiền đề cho các cuộc đàm phán giữa hai nước. Về bản chất, ở đây Ấn Độ yêu cầu Trung Quốc từ bỏ các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ ở miền Nam Tây Tạng đang do Ấn Độ quản lý mà phần lớn diện tích là khu vực Arunachal Pradesh. Sau đó, cả Ấn Độ và

Trung Quốc đều có thể tiến hành đàm phán ở vùng lãnh thổ đang có tranh chấp ở phía Tây, Tawang và các khu vực nhỏ đang có tranh chấp khác giữa hai nước. Lý do của Ấn Độ trong việc đề ra hai ý tưởng trên là bởi Ấn Độ hiểu rõ sức mạnh của quốc gia và khoảng cách về sức mạnh tổng hợp quốc gia giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Và một điều mà Ấn Độ cũng lo ngại là khoảng cách này ngày càng gia tăng thì hoàn toàn bất lợi cho Ấn Độ. Do đó, vấn đề lãnh thổ càng bị trì hoãn và kéo dài thì càng bất lợi cho Ấn Độ trong việc giành lại cả khu vực Aksai Chin - hiện nay vẫn do Trung Quốc kiểm soát. Nên N. Modi rất mong muốn hai nước hợp tác để giải quyết càng sớm càng tốt vấn đề tranh chấp biên giới.

Theo cách này, đối với các khu vực bị chia cắt ở phía Tây biên giới, Ấn Độ sẽ đàm phán với Trung Quốc trong từng trường hợp cụ thể. Do đó, một mặt, Ấn Độ sẽ giành được quyền hợp pháp đối với lãnh thổ “Arunachal Pradesh”; mặt khác, Ấn Độ cũng sẽ thúc ép phía Trung Quốc trước tiên phải thỏa hiệp về các vấn đề lãnh thổ, để giảm bớt áp lực trong nước. Chuyến thị sát của Modi tại “Arunachal Pradesh” vào năm 2015 cho thấy động cơ thực sự nằm ở việc Ấn Độ thể hiện “sự cứng rắn” trong các vấn đề liên quan đến phần phía Đông của vùng lãnh thổ tranh chấp giữa hai nước.

Trong chuyến thăm của Thủ tướng Modi đến Trung Quốc năm 2015, hai bên đã ra Tuyên bố chung Ấn Độ - Trung Quốc (Joint India-China Statement) như sau:

Hai bên quyết tâm tích cực tìm kiếm một giải pháp chính trị về vấn đề biên giới... đánh giá tích cực về những tiến bộ quan trọng đạt được thông qua Cơ chế đại diện đặc biệt và tái khẳng định cam kết tuân thủ quy trình ba giai đoạn để giải quyết vấn đề biên giới... nhằm tìm ra một giải pháp công bằng, hợp lý và cả hai bên đều chấp nhận càng sớm càng tốt [Ministry of External Affairs, Government of India, May 15, 2015].

(ii) Thứ hai, hợp tác trong lĩnh vực kinh tế. “Trung Quốc luôn là một ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ” [Chandra, P., 30 May 2014]. Đây là khẳng định quan trọng nhất của Narendra Modi với tư cách là Thủ tướng Ấn Độ khi Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường chúc mừng chiến thắng của ông trong cuộc tổng tuyển cử quốc gia năm 2014. Định vị Trung Quốc là một “ưu tiên” trong chính sách

đối ngoại của Ấn Độ chính là sự mở rộng trong tầm nhìn của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ thập niên trước mà Thủ tướng Modi muốn theo đuổi xa hơn.

Chính sách hợp tác được thể hiện rõ nét ở chính sách ngoại giao kinh tế với cách tiếp cận đa hướng với đối tượng hướng đến không chỉ là các quốc gia láng giềng chiến lược mà còn nhằm mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với phương Tây, Nhật Bản và Trung Quốc. Mục tiêu của cách tiếp cận này là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia để cải thiện phúc lợi và an sinh cho người dân [Daniel Twining, 2015, p.5]. Thủ tướng Modi đã công khai thể hiện sự sẵn sàng tăng cường hợp tác kinh tế với Trung Quốc và nhấn mạnh chủ nghĩa tích cực mới (new activism) đã hiện hữu trong quan hệ song phương hai nước [C Raja Mohan, 10 September 2014]. Bởi đối với Ấn Độ, mặc dù Trung Quốc là một rào cản trước mắt nhưng cũng là một cơ hội lớn về kinh tế. Trong quá trình triển khai chương trình Sản xuất tại Ấn Độ, Modi đã ngỏ lời mời các công ty Trung Quốc đầu tư, hợp tác vào thị trường Ấn Độ. Khoản đầu tư của Trung Quốc vào Ấn Độ trị giá 20 tỷ USD trong 5 năm và sau đó là 22 tỷ USD khác, được công bố trong chuyến thăm của Tập Cận Bình tới Ấn Độ năm 2014 và chuyến thăm của Modi tới Trung Quốc, là một biểu hiện cho thấy sự cởi mở trong cam kết của Modi trong hợp tác kinh tế với Trung Quốc [ndtv.com, 16 May 2015].

Như vậy, quyết đoán đối với vấn đề lãnh thổ, vẫn thấy phản ứng mềm dẻo của N. Modi thông qua thúc đẩy hợp tác kinh tế và kêu gọi Trung Quốc đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng như một cách để giảm thâm hụt thương mại, cải cách nền kinh tế Ấn Độ và củng cố vị thế quyền lực đang nổi lên của New Delhi. Ngay sau khi nhậm chức, Bộ trưởng Thương mại Nirmala Sitharaman đã có hai chuyến thăm Trung Quốc. Hai nước đã xây dựng cơ chế “Đối thoại chiến lược và kinh tế” (SED) để thảo luận về thương mại và các vấn đề kinh tế khác.

Bởi xét dưới góc độ kinh tế, vai trò và tiềm lực kinh tế của Trung Quốc là điều Ấn Độ không thể phủ nhận khi hiện nay Trung Quốc không chỉ là mỏ neo mà còn là động lực cho tăng trưởng kinh tế của châu Á. Và Ấn Độ dù muốn hay không cũng không thể “đẩy” Trung Quốc đứng ngoài các khu vực mà Ấn Độ có lợi ích. Do đó, việc ông Modi cần làm là thay vì chống lại sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của

Trung Quốc, thì nên tận dụng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là một trong những nguyên do mà Modi - một người chú trọng vào tăng trưởng kinh tế - sẽ theo đuổi cách tiếp cận “mềm mỏng” nhất định bên cạnh chính sách “cứng rắn” đối với người hàng xóm Trung Quốc.

(iii) *Thứ ba, về chính sách hợp tác đa phương ở khu vực và toàn cầu*, Ấn Độ hiện nay đã tham gia ba cơ chế quốc tế mà Trung Quốc có ảnh hưởng lớn trong những năm gần đây: NDB, AIIB và SCO. Tuy nhiên, sự tham gia của Ấn Độ vào 3 thể chế này không phải là sự công nhận của Ấn Độ về trật tự khu vực châu Á do Trung Quốc dẫn đầu. Bởi, rất rõ ràng, hiện nay Ấn Độ không hài lòng về vị trí của mình trong trật tự quốc tế toàn cầu và đang nỗ lực gia nhập các thể chế quốc tế mà nước này có vai trò ra quyết định chính để nâng cao quyền tự chủ chiến lược về chính sách đối ngoại và giành được vị thế quốc tế [Amrita Narlikar, 2014, pp.595-614]. Điều này được thể hiện rõ qua việc Ấn Độ không tham gia BRI mặc dù đã được Trung Quốc mời tham gia. Thậm chí, từ các động thái của Ấn Độ trên thực địa có thể thấy rằng, mặc dù quốc gia này đang đến gần hơn với Mỹ, Nhật Bản, Australia nhằm kiềm chế Trung Quốc nhưng chắc chắn New Delhi không muốn trở thành một quốc gia ở tuyến đầu để đối đầu trực diện với Trung Quốc. Điều này xuất phát từ hai nguyên nhân chính: *một mặt*, Trung Quốc là quốc gia láng giềng với Ấn Độ - điều này là bất biến, bất di bất dịch, do đó một mối quan hệ bất ổn sẽ không có lợi cho cả hai nước. *Mặt khác*, lịch sử chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã chứng minh rằng, quốc gia này luôn nhấn mạnh theo đuổi chính sách đối ngoại với nguyên tắc cốt lõi là tự chủ chiến lược hoặc một chính sách đối ngoại độc lập phù hợp với vị thế của nước này với tư cách là một cường quốc châu Á. Và để đạt được mục tiêu này, theo Ngoại trưởng Ấn Độ Jaishankar “*nếu Ấn Độ muốn tìm kiếm một thế giới đa cực, cách đúng đắn để bắt đầu là tạo ra một châu Á đa cực*” [Indian Ministry of External Affairs, 2 March 2015].

Ngay trước chuyến thăm Ấn Độ của Chủ tịch Tập Cận Bình năm 2014, Thủ tướng Modi đã gọi quan hệ song phương hai nước đang “*từng bước nhỏ tiến tới hàng dặm*” (inch toward miles) [Press Information Bureau, GoI, 16 September 2014]. Giải thích về tuyên bố này, Thủ tướng Modi nhấn mạnh Ấn Độ và Trung Quốc có thể cùng nhau

và cùng với châu Á và nhân loại đi trên con đường tiến bộ [GoI, Prime Minister's Office, 15 May 2015]. Dựa trên tuyên bố này cho thấy, Thủ tướng Modi xác định một con đường tiến bộ cho quan hệ hai nước dựa trên cơ sở “*bình đẳng các vấn đề*” trong bối cảnh châu Á và xa hơn nữa, hay nói cách khác, chính là đặt Ấn Độ đứng ngang hàng với Trung Quốc ở châu Á và ở một phạm vi rộng hơn nữa trong tương lai.

Đưa ra “*bối cảnh châu Á*” và nói về vai trò của Ấn Độ và Trung Quốc trong Thế kỷ châu Á là sự điều chỉnh có tính phát triển của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc. Trong bài phát biểu tại Đại học Thanh Hoa, ông nhấn mạnh: “*sự tái xuất hiện của châu Á đang dẫn đến một thế giới đa cực mà chúng ta đều hoan nghênh... có sự chắc chắn về một tương lai hòa bình và ổn định châu Á nếu Ấn Độ và Trung Quốc hợp tác chặt chẽ*” [The Time of India, 15 May 2015]. Mặt khác, thừa nhận sự chuyển đổi kinh tế của Trung Quốc là động lực cho sự tiến bộ của châu Á, Modi nhấn mạnh trong bài phát biểu tại Singapore rằng cả Ấn Độ và Trung Quốc phải bổ sung và thúc đẩy sự tiến bộ cho nhau [PM India, pmindia.gov.in, 23 Nov 2015]. Sự thừa nhận này đối với Trung Quốc được thể hiện một cách nhất quán trong bài phát biểu về “*thế kỷ châu Á*” của Thủ tướng Modi nhân dịp chúc mừng Ngày Quốc khánh Trung Quốc (1/10/2015): “*sự phát triển của Ấn Độ và Trung Quốc mang đến cơ hội tuyệt vời để chúng ta hiện thực hóa giấc mơ về một thế kỷ châu Á*” [The New Indian Express, Oct 2015]. Ngoài ra, bối cảnh châu Á đối với quan hệ Ấn - Trung được thể hiện rõ nét qua Tuyên bố chung của hai nước trong chuyến thăm Trung Quốc của Thủ tướng Modi năm 2015, trong đó cả Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình đều đồng ý rằng: “*... quan hệ song phương Ấn - Trung đang sẵn sàng để đóng một vai trò xác định trong thế kỷ XXI của châu Á và rộng lớn hơn là trên toàn cầu*” [The New Indian Express, Oct 2015]. Mặc dù N. Modi không phải là Thủ tướng Ấn Độ đầu tiên đề cập đến việc Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau đóng một vai trò lớn hơn trong bối cảnh “*thế kỷ châu Á*” khi ngoài Jawaharlal Nehru, các nhà lãnh đạo như Thủ tướng Atal Bihari Vajpayee và Manmohan Singh đã đều đặt quan hệ Trung - Ấn trong “*bối cảnh châu Á*”. Nhưng điều khác biệt giữa Thủ tướng Modi và các lãnh đạo tiền nhiệm là ý định và chủ trương của ông về việc ủng hộ quan điểm “*quan hệ đối tác chia sẻ*” và

“chia sẻ trách nhiệm” vào thời điểm Trung Quốc đã vượt qua Ấn Độ về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Cách tiếp cận này của Thủ tướng Modi cho thấy, đây không chỉ là việc chuẩn bị một sân khấu lớn hơn cho hợp tác giữa Ấn Độ và Trung Quốc mà còn cho thấy Ấn Độ muốn thể hiện và mong muốn một vị thế ngang bằng, đồng đẳng với Trung Quốc về quyền lực ở châu Á và hơn thế nữa. Điều đó cũng có nghĩa, Modi muốn truyền đi thông điệp rằng Trung Quốc phải nhìn nhận Ấn Độ ở vị thế ngang bằng với Trung Quốc trong “trạng thái cân bằng châu Á” (Asian equilibrium).

Hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc đã hợp tác hiệu quả trong việc tích cực thúc đẩy toàn cầu hóa và thúc đẩy cải cách hệ thống quản trị toàn cầu, đặc biệt là trong khuôn khổ AIIB, BRICs và G20. Với tư cách là các nước lớn đang trỗi dậy, Ấn Độ và Trung Quốc có thể tiếp tục tăng cường hợp tác và phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau trong việc làm cho hệ thống quản trị toàn cầu trở nên công bằng và hợp lý hơn, và phản ánh tốt hơn các yêu cầu của các nước đang phát triển.

3.2.2 Quản lý xung đột

Chính sách này đảm bảo điều kiện phát triển cho mối quan hệ ổn định Ấn - Trung khi cả hai đều là nước lớn đang trỗi dậy đồng thời nhưng có cách biệt về sức mạnh tổng hợp quốc gia, tuy nhiên chính sách này khó theo đuổi lâu dài bởi tham vọng và sự trỗi dậy mạnh mẽ của hai nước.

Từ lâu, Đảng Quốc đại và BJP đều nhấn mạnh rằng, Trung Quốc là đối thủ địa chiến lược của Ấn Độ ở châu Á [huffingtonpost.com, 2015]. Quan điểm đó sẽ không thay đổi. Tuy nhiên, mọi thứ đã diễn biến phức tạp hơn trong hai thập kỷ qua. Báo *China Youth Daily* ví von hai nước như hai đội bóng đá: “*Cuộc cạnh tranh Trung - Ấn giống như một trận đấu bóng. Trung Quốc đã dẫn trong hiệp 1 với tỷ số cao. Hiệp hai đang bắt đầu khi Ấn Độ bước vào kỷ nguyên Modi*” [cnnd.com, 2016]. Điều này có nghĩa, sự điều chỉnh trong chính sách của ông Modi đối với Trung Quốc sẽ được thể hiện ở việc không thể chơi “trò chơi lớn” theo luật cũ [TTXVN, 10/06/2014, tr.3].

Chính sách này được thể hiện rất rõ trong vấn đề biên giới. Đối với vấn đề biên giới, bên cạnh chính sách hợp tác, *quản lý xung đột là chính sách mà Ấn Độ đang triển khai với Trung Quốc*. Mục đích của chính sách này là kiểm soát, quản lý bất

đồng, xung đột, không để xung đột leo thang thành chiến tranh toàn diện thông qua giải pháp đối thoại, xây dựng lòng tin để giảm bớt căng thẳng. Phát biểu với truyền thông Trung Quốc cùng Thủ tướng Lý Khắc Cường trong chuyến thăm Trung Quốc (15/5/2015), Thủ tướng Modi nhấn mạnh:

.... Về vấn đề biên giới, chúng tôi đồng ý tiếp tục tìm ra một giải pháp công bằng, hợp lý và được cả hai bên chấp nhận... sẽ nỗ lực để duy trì hòa bình ở khu vực biên giới... nhạy cảm với lợi ích của nhau; củng cố lòng tin và sự tin cậy lẫn nhau; tiếp tục quản lý sự khác biệt và tìm kiếm giải pháp cho các vấn đề còn tồn tại [narendramodi.in, 15 May 2015].

Hiện nay, những thách thức về vấn đề biên giới giữa hai nước không chỉ ở khía cạnh song phương mà còn liên quan đến các nước thứ ba - Pakistan, Nepal và Bhutan - trên biên giới phía Bắc. Trong 3 năm đầu Thủ tướng Modi nhậm chức, đàm phán biên giới không có bất kỳ sự phát triển tích cực nào cũng như không có bất cứ tiến bộ nào liên quan đến vòng đàm phán Đại diện đặc biệt giữa hai nước. Tuy nhiên, sau sự kiện ở Cao nguyên Doklam, hai bên đều *cam kết giải quyết các tranh chấp khác biệt thông qua đối thoại*” [chinamediaproject.org, 2017]. Trong đó, Ấn Độ nhấn mạnh sẽ nỗ lực kiềm chế và sử dụng các biện pháp phi chiến tranh về vấn đề biên giới.

Sự chuyển biến tích cực trong vấn đề biên giới thể hiện ở nỗ lực của hai bên sau sự kiện Doklam thông qua các hoạt động ngoại giao đa diện. Đó là cuộc “*khủng hoảng*” biên giới tại khu vực cao nguyên Doklam (theo cách gọi của Ấn Độ), và Động Lãng (theo cách gọi của Trung Quốc) vào tháng 6/2017. Căng thẳng ở Doklam là minh chứng rõ nét cho sự quyết đoán của Ấn Độ.

Sau Hội nghị thượng đỉnh BRICs tại Hạ Môn (tháng 9/2017) và cuộc họp của Bộ trưởng Ngoại giao RIC (Nga, Ấn Độ, Trung Quốc) tại New Delhi (tháng 12/2017), dọc biên giới Trung - Ấn đã trở nên yên bình hơn. Tháng 12/2017, Cố vấn An ninh Quốc gia Ấn Độ, Ajit Doval và Ủy viên Quốc vụ đặc trách ngoại giao Vương Khiết Trì đã kết thúc vòng đàm phán Đại diện đặc biệt lần thứ 20 về vấn đề biên giới Trung - Ấn. Và “*hai bên nhất trí, trong thời gian chờ hướng giải quyết cuối cùng, cần duy trì hòa bình ở khu vực biên giới*” [Sana Hashmi, January 15, 2018]. Điều này cho

thấy, mối quan hệ của hai gã khổng lồ châu Á từ cuối năm 2017 đến nay đang từng bước thoát khỏi bế tắc sau sự kiện Doklam, dự báo những bước phát triển tích cực trong quan hệ song phương. Chính sách quản lý xung đột cũng được thể hiện ở sự kiện ở thung lũng Galwan (tháng 5/2020). Mặc dù xung đột lần này, có thương vong xảy ra, và Chính phủ Ấn Độ cũng có các hành động đáp trả nhưng vẫn kiểm soát xung đột không để leo thang thành chiến tranh. Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ đã phát biểu với người đồng cấp Trung Quốc sau cuộc đụng độ ngày 15/6/2020 tại biên giới rằng, “sự phát triển chưa từng có này sẽ có tác động nghiêm trọng đến mối quan hệ song phương” [Indian Ministry of External Affairs, June 17, 2020]. Hơn nữa, chính phủ Ấn Độ đã gọi “các hành động và hành vi” của Trung Quốc là “sự vi phạm rõ ràng các thỏa thuận song phương đã ký kết giữa hai nước” trong khoảng thời gian hai thập kỷ kể từ năm 1993 [Indian Ministry of External Affairs, September 1, 2020].

Tuy nhiên, với chính sách quản lý xung đột, sau sự kiện ở cao nguyên Doklam (2017), và thung lũng Ladakh (2020), một giải pháp “*chính trị*” là giải pháp tối ưu bởi cả Ấn Độ và Trung Quốc đều nhận thức được rằng, cả hai bên sẽ là những người thua cuộc nếu có xung đột biên giới xảy ra. Từ sự kiện Doklam cho thấy xung đột giữa hai cường quốc hạt nhân có thể không leo thang thành một cuộc giao tranh quân sự nhưng nó cũng hàm ý rằng “*chiến tranh lạnh*”, “*hòa bình lạnh*” vẫn hiện diện trong quan hệ hai nước.

Như vậy, dù có lịch sử thăng trầm trong quan hệ với Trung Quốc, tuy nhiên, do truyền thống đối ngoại hòa bình, trung lập, và các lợi ích quốc gia, Ấn Độ đã luôn nỗ lực để duy trì tình trạng “không vượt quá tầm kiểm soát” khi có xung đột nổ ra ở biên giới với Trung Quốc.

3.2.3 Cân bằng quyền lực

Trong bối cảnh, bất cân bằng sức mạnh tổng hợp quốc gia giữa Ấn Độ và Trung Quốc theo hướng Bắc Kinh đang dẫn trước Ấn Độ thì theo Cố vấn an ninh quốc gia Ấn Độ Shivshankar Menon: “*chìa khóa cho sự ổn định quan hệ Ấn - Trung chính là chính sách “duy trì trạng thái cân bằng quyền lực giữa hai nước”*” [Menon,

Shivshankar, October 16, 2013). Tổng thư ký BJP, Ram Madhav, đồng thời là cố vấn của Thủ tướng Modi về chính sách đối ngoại, đã từng lập luận rằng,

quan hệ Ấn - Trung được bao trùm bởi yếu tố cạnh tranh và Ấn Độ nên thực hiện các bước đi, bao gồm hỗ trợ mạnh mẽ hơn quyền tự trị của Tây Tạng để duy trì áp lực chiến lược đối với Bắc Kinh. Với sự chênh lệch và bất cân bằng quyền lực giữa Ấn Độ và Trung Quốc hiện nay, Ấn Độ không thể hoàn toàn dựa vào cân bằng nội bộ để chống lại Trung Quốc mà phải theo đuổi liên kết với bên ngoài để bù đắp những điểm yếu tương đối bên trong của Ấn Độ [Madhav, Ram June 7, 2014].

Còn Ngoại trưởng Ấn Độ S. Jaishankar thì khẳng định, Ấn Độ cần “*đạt được trạng thái cân bằng*” với Trung Quốc trên cơ sở vượt qua những khác biệt” [theprint.in, 2020]. Tuy nhiên, để tìm được trạng thái cân bằng với một quốc gia có các chính sách đối đầu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích an ninh, chủ quyền lãnh thổ là một việc không dễ dàng đối với giới hoạch định chính sách Ấn Độ.

Trong thập niên qua, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã làm đảo lộn cán cân quyền lực châu Á. Chính sách ngoại giao cứng rắn của quốc gia này đã có những tác động tiêu cực đến các quốc gia láng giềng, làm sâu sắc thêm lo ngại của các quốc gia này đối với “*mối đe dọa*” Trung Quốc. Các hành động quyết đoán của Bắc Kinh đối với các yêu sách lãnh thổ cũng khiến Ấn Độ phải đối mặt với nhiều thách thức mới.

Đối mặt với một Trung Quốc đang trỗi dậy quyết đoán, Ấn Độ đã và đang duy trì quyền tự chủ chiến lược bằng cách cân bằng quyền lực với Bắc Kinh. Điểm nổi bật trong chính sách cân bằng quyền lực của Ấn Độ triển khai với Trung Quốc là: *thứ nhất*, Ấn Độ sẽ không cân bằng thông qua xây dựng các đồng minh, mà chỉ xây dựng và mở rộng các mối quan hệ liên minh với các nước lớn trong và ngoài khu vực. *Thứ hai*, mặc dù Ấn Độ nỗ lực cân bằng Trung Quốc, nhưng New Delhi sẽ không trở thành một tuyến đầu trong liên minh “*kiềm chế*” Bắc Kinh mà sẽ tập trung gia tăng can dự trong các khu vực có lợi ích chiến lược mà Trung Quốc đang gia tăng ảnh hưởng. Chính sách này xuất phát từ các nguyên nhân:

Một là, quan điểm của Ấn Độ về thế giới đa cực, đa trung tâm cũng như mối quan hệ quyền lực bất đối xứng hiện nay giữa New Delhi và Bắc Kinh. Tính đến năm 2019, quy mô kinh tế của Bắc Kinh lớn gấp gần 7 lần New Delhi, cụ thể GDP năm 2019 của Trung Quốc: 14.14 nghìn tỷ USD; Ấn Độ là 2.94 nghìn tỷ USD, ngân sách quốc phòng của Trung Quốc cũng gấp gần 3 lần của Ấn Độ [investopedia.com, 2019].

Hai là, chính sách này của New Delhi cũng nhằm chống lại một “trật tự châu Á có thứ bậc” mà Trung Quốc đang nỗ lực thiết lập, trong đó quốc gia này ở vị trí số một. Rõ ràng, hiện nay, Bắc Kinh muốn Ấn Độ có một vị trí “phù hợp” với sức mạnh của quốc gia này trong hệ thống phân cấp do mình tạo dựng không mục đích nào khác là nhằm kiềm chế Ấn Độ để “lãnh đạo châu Á” thông qua các bước đi bao vây chiến lược đối với Ấn Độ như chống lại việc Ấn Độ gia nhập Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc, NSG, phản đối việc xích lại gần nhau về mặt chiến lược của Ấn Độ với Mỹ, bao vây kinh tế thông qua các hành lang kinh tế BCIM (Bangladesh, Trung Quốc, Ấn Độ và Myanmar), CPEC (Hành lang kinh tế Trung Quốc-Pakistan) và Mạng lưới kết nối xuyên Himalaya, đưa ra các vấn đề như Kashmir ra Liên hợp Quốc và thiết lập dấu chân ở Ấn Độ Dương.

Ba là, theo lý thuyết cân bằng các mối đe dọa, chiến lược cân bằng quyền lực truyền thống của Ấn Độ nhằm đảm bảo “tiếp cận với sự hỗ trợ vật chất và chính trị của các đối tác chính mà không ảnh hưởng đến quyền tự do hành động và tự quyết trong chính sách” [Institute for Defence Studies and Analyses, 2015] đã và đang nhường chỗ một xu hướng mới để cân bằng các mối đe dọa. Lý thuyết cân bằng các mối đe dọa (The balance of threat theory) dựa trên giả thuyết rằng, “các nhà nước thường liên minh để cân bằng chống lại mối đe dọa thay vì là một cường quốc đơn độc” [Watson, Michael P., 2002, p.i]. Trong quá trình này, sự gần gũi về địa lý, khả năng tấn công và vấn đề nhận thức được ý định của mối đe dọa là những biến số quan trọng. Với sự gần gũi về địa lý của Trung Quốc, và khả năng tấn công quân sự của quốc gia này đối với Ấn Độ, Trung Quốc được coi là mối đe dọa lớn nhất đối với an ninh quốc gia của Ấn Độ. Lịch sử chiến tranh của Ấn Độ chứng minh rõ nhất cho luận điểm này.

3.2.4 Kiểm chế ảnh hưởng

Việc triển khai chính sách kiểm chế của Ấn Độ đối với Trung Quốc xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, ở cấp độ quốc gia, khu vực cũng như quốc tế, Trung Quốc là một đối thủ chiến lược của Ấn Độ, là một nhân tố có ảnh hưởng và vị thế ngày càng tăng trên bàn cờ chính trị thế giới. Mặt khác, không những sở hữu những lợi thế, ưu thế tương tự (về dân số, diện tích, quy mô thị trường) mà Trung Quốc còn có những lợi thế vượt trội hơn so với Ấn Độ (kinh tế, sức mạnh quân sự). Thực tế này khiến Chính phủ Ấn Độ nhìn nhận Trung Quốc là quốc gia có tiềm năng “ngăn cản các mục tiêu chiến lược” của Ấn Độ bởi thực tế hiện nay, mặc dù là hai quốc gia trở lại đây đồng thời nhưng Trung Quốc đang ngày càng “vượt mặt” Ấn Độ.

Lịch sử chính sách đối ngoại của Ấn Độ và quan hệ Ấn - Trung cho thấy rằng, Ấn Độ sẽ không để Trung Quốc trở thành một “cực” duy nhất ở châu Á. Thành công của chính sách cải cách của Thủ tướng Modi ở Ấn Độ (và của Thủ tướng Shinzo Abe ở Nhật Bản) là những nhân tố giúp xác định sự đa cực ở châu Á thế kỷ XXI [Twining, D., 2015, p.7]. Vì vậy, việc cần thiết trước mắt mà Thủ tướng Modi có thể làm để đảm bảo cán cân quyền lực ở châu Á và gia tăng vị thế của Ấn Độ là phát triển kinh tế. Không giống như bối cảnh năm 1962, ngày nay, Trung Quốc có ngân sách quân sự gấp 3 lần Ấn Độ và đang vượt New Delhi cả về sức mạnh kinh tế và công nghệ [Twining, Daniel, 2014]. Trong thập kỷ qua, Trung Quốc đã vượt Ấn Độ về mọi mặt và sự “bất cân bằng quyền lực” giữa hai nước rất rõ nét hiện nay. Điều này không có lợi cho Ấn Độ cũng như sự ổn định cấu trúc khu vực.

Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi đã chuyển từ trạng thái phòng thủ vốn được duy trì trong nhiều thập kỷ sang cách tiếp cận bình đẳng và “kiểm soát sự gây hấn”/kiểm chế. Cách tiếp cận này giúp Ấn Độ tăng khả năng mặc cả, thương lượng với Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế. Đặc biệt là đối với việc Trung Quốc ngăn Ấn Độ gia nhập Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân bằng cách sử dụng quyền phủ quyết của mình. Đây cũng là bước đi đúng đắn của Thủ tướng Modi trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng thể hiện sự bá quyền, sự thay đổi lập trường của Nga và mối đe dọa khủng bố ngày càng gia tăng. Vào tháng 2/2014,

trong chiến dịch tranh cử tại bang Arunachal Pradesh, ông khẳng định: “hiện nay, thế giới không hoan nghênh tư duy bành trướng, do đó Trung Quốc cũng phải từ bỏ tư duy bành trướng của mình” [The Time of India, 2014].

Chính sách kiềm chế của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc được thể hiện ở các nội dung sau:

Một là, Dưới thời Thủ tướng Modi, Ấn Độ đã tăng ngân sách quốc phòng Ấn Độ lên hơn 12% và đang giám sát việc xây dựng cơ sở hạ tầng quân sự và dân sự tập trung dọc biên giới Ấn - Trung để tăng cường năng lực cho lực lượng quốc phòng Ấn Độ. Mặt khác, Modi cũng nhận thức sâu sắc về bản chất cạnh tranh của quan hệ Ấn - Trung và ngoại giao láng giềng với trọng tâm là các nước Nam Á là bước đi đầu tiên để kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực ảnh hưởng truyền thống của mình.

Hai là, phản ứng quyết đoán đối với các chiến lược/sáng kiến toàn cầu của Trung Quốc

Về các tuyên bố chính thức của Chính phủ Modi đối với các sáng kiến và chiến lược toàn cầu của Trung Quốc: Đối với BRI, kể từ khi Trung Quốc tuyên bố BRI, quan điểm của Trung Quốc là phải nỗ lực “kéo” Ấn Độ tham gia vào sáng kiến này. Tuy nhiên, đối với BRI, Ấn Độ luôn giữ vững lập trường “cứng rắn” và có phản ứng quyết đoán là không tham gia sáng kiến này. Ngoài ra, Ấn Độ còn có các động thái, phản ứng chiến lược để ứng phó với sự “lan rộng” của BRI ở các khu vực có lợi ích và ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ thông qua nỗ lực tăng cường các hợp tác khu vực, quốc tế để cân bằng hoặc phòng ngừa các tác động không mong muốn của BRI [Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Văn Linh, 2018]. Cụ thể như triển khai Chương trình Gió mùa và Chính sách láng giềng là ưu tiên số một ở khu vực Nam Á.

Quan điểm chung của Ấn Độ về bản chất của BRI là sáng kiến này ít thiên về phát triển kinh tế mà thiên nhiều hơn về các mục tiêu chính trị và chiến lược lớn của Trung Quốc [Jacob, Janbin. T, 2020, pp.78-100]. Chính phủ Ấn Độ là chính phủ đầu tiên tuyên bố và nêu lên các thiếu sót cả BRI thông qua thông cáo của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Ấn Độ. Trong đó nêu rõ “Ấn Độ không tham dự Diễn đàn Sáng kiến BRI mà Trung Quốc tổ chức vào tháng 5/2017... đồng thời sáng kiến BRI của

Trung Quốc có nhiều vấn đề như tính minh bạch, bảo vệ môi trường, tính khả thi về kinh tế và chuyển giao công nghệ liên quan đến BRI” [Ministry of External Affairs, GoI, 2017]. Do đó, BRI của Trung Quốc đặt ra những thách thức cho Ấn Độ phải xem xét lại toàn bộ mục tiêu, chiến lược và cấu trúc chính sách đối ngoại cũng như các cấu trúc quản trị nội bộ của nước này, bao gồm cả các quan hệ Trung ương và Nhà nước [Jabin T. Jacob, 2020, tr.46]. Các quan chức cấp cao Ấn Độ cho rằng, BRI của Trung Quốc đang gây nên “sự cạnh tranh không cần thiết” và “căng thẳng khu vực” tại Nam Á, bao quanh biên giới Ấn Độ cả trên đất liền và trên biển. Ngay từ khi triển khai, BRI đã tạo nên những ảnh hưởng đến Ấn Độ, buộc Delhi không thể ngồi yên như những nhận định ban đầu [Harsh V. Pant, 2017, p.89].

Thông cáo chính thức của Bộ ngoại giao Ấn Độ ngày 13/5/2017 viết:

Chúng tôi cho rằng, các sáng kiến kết nối phải dựa trên các thông lệ quốc tế được thừa nhận rộng rãi, quản trị tốt, tôn trọng pháp quyền, cởi mở, minh bạch và bình đẳng... Các dự án kết nối phải được thực thi trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ [Ministry of External Affairs, Government of India, 2017].

Thủ tướng Modi còn nhấn mạnh thêm quan điểm này khi đề cập tới BRI: “*Kết nối, bản thân nó không thể phủ nhận hoặc làm suy giảm chủ quyền của các quốc gia khác*” [R. P. Rajagopalan, April 27, 2018]. Tháng 5/2017, ông đã từ chối đến Trung Quốc để bàn về việc thành lập mạng lưới giao thông cho dự án “Con đường tơ lụa mới” cũng như từ chối lời mời tham dự hội nghị thượng đỉnh BRI đầu tiên được tổ chức tại Bắc Kinh. Ngoài ra, Ấn Độ có những lo ngại đặc biệt về hành lang CPEC, một trong sáu hành lang kinh tế thuộc BRI của Trung Quốc. Tại Đối thoại Raisina 2017, Ngoại trưởng Ấn Độ S Jaishankar đã phát biểu: “CPEC đi qua một vùng lãnh thổ bất hợp pháp, một khu vực mà chúng tôi gọi là Kashmir do Pakistan chiếm đóng. Do đó, các vị có thể hình dung được phản ứng của Ấn Độ khi một dự án như vậy được khởi động mà chúng tôi không hề được tham vấn” [Hailin Ye, 2015, p.40].

Đối với BRI, Ấn Độ luôn hoài nghi về sáng kiến này và tích cực áp dụng các biện pháp để cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc. Theo đó, một mặt Ấn Độ tận dụng các

cơ hội để đối phó với BRI, mặt khác, nếu có tham gia thì Ấn Độ sẽ yêu cầu Trung Quốc gắn việc tham gia của Ấn Độ vào BRI với các vấn đề tranh chấp biên giới nhằm ép buộc Trung Quốc phải có những nhượng bộ quan trọng đối với vấn đề biên giới cũng như một số vấn đề khác [Hailin Y, 2018, p.49] bởi Ấn Độ sẽ “không đánh đổi chủ quyền lấy lợi ích kinh tế” [Dantri.vn, 2017].

Ba là, kiểm chế thông qua cạnh tranh chiến lược ở cấp độ khu vực và cạnh tranh ở cấp độ toàn cầu

Chính sách kiểm chế được thể hiện ở yếu tố cạnh tranh ở cấp độ toàn cầu và cạnh tranh chiến lược ở cấp độ quốc gia và khu vực của hai nước.

Về bản chất “cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung không xuất phát từ vấn đề mâu thuẫn ý thức hệ mà liên quan đến lợi ích cốt lõi của hai nước khi cả hai đang trở thành mối đe dọa trực tiếp đối với việc thực hiện mục tiêu chiến lược của nhau. Ở tầm chiến lược, đó là cuộc cạnh tranh giữa tư tưởng “đại liên bang Ấn Độ” hướng tới một cường quốc hàng đầu, “một Ấn Độ mới” với tư tưởng Đại hán nhằm hoàn thành “Giấc mộng Trung Hoa” và “phục hưng dân tộc Trung hoa vĩ đại” [Nguyễn Xuân Trung, 2020]. Khía cạnh cạnh tranh càng rõ nét bởi New Delhi và Bắc Kinh đang tranh giành ảnh hưởng địa chính trị khi cả hai nước đang đồng thời trỗi dậy trong trật tự quốc tế. Trong khi mối quan hệ của Trung Quốc với đối thủ Nam Á của Ấn Độ là Pakistan ngày càng bền chặt thì Ấn Độ ngày càng đến gần hơn trong quan hệ với Mỹ và Nhật Bản. Điều này đang tạo nên một sự phân cực rõ nét ở châu Á.

Chính sách kiểm chế được thể hiện các vấn đề ở cấp độ chiến lược, an ninh hàng hải. Đối với chiến lược trở thành cường quốc “trên biển” của Trung Quốc, Ấn Độ cũng có các chính sách kiểm tỏa, và tích cực ủng hộ chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”: tự do và mở cửa của Mỹ. Chính sách kiểm chế của Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện ở các vấn đề:

Thứ nhất là Biển Đông: những năm gần đây, căng thẳng ở Biển Đông đã đặt ra những thách thức đáng kể đối với trật tự hàng hải quốc tế tự do dựa trên luật lệ, thúc đẩy quân sự hóa và ảnh hưởng đến tự do hàng hải quốc tế. Các hoạt động “bồi đắp đảo nhân tạo”, xây dựng đảo của Trung Quốc được tăng cường với các hoạt động

giám sát quân sự, thông tin liên lạc và xây dựng cơ sở hạ tầng càng khiến những căng thẳng trong khu vực này leo thang. Tình huống này cho thấy sự tác động qua lại giữa chủ nghĩa dân tộc và sự cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia trong khu vực. Mặc dù không phải là một bên liên quan trực tiếp đến khu vực Biển Đông nhưng các hoạt động của Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến lợi ích của Ấn Độ ở khu vực này khiến Chính phủ Modi có những phản ứng nhằm: *một mặt*, bảo vệ các lợi ích liên quan, thể hiện vai trò trong các vấn đề quốc tế, *mặt khác* là để kiềm tỏa Trung Quốc. Thông qua chính sách can dự năng động, với Chính sách Hành động phía Đông, Ấn Độ tăng cường hiện diện ở biển Đông, thúc đẩy hợp tác với đa phương với ASEAN, hợp tác song phương với Việt Nam, Singapore, Philippines,.. Dưới thời Modi, Ấn Độ có cùng quan điểm và cách tiếp cận với các quốc gia Đông Nam Á về bảo vệ tự do hàng hải trên biển, trên không và việc giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình dựa trên UNCLOS. Ngoài ra, để kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực này, Ấn Độ cũng nỗ lực thể hiện vai trò chủ thể kết nối an ninh và cân bằng quyền lực thông qua: *một là, ủng hộ trật tự tự do hàng hải dựa trên luật lệ; hai là*, bên cạnh tăng cường hợp tác kinh tế với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, bao gồm cả các quốc gia có tranh chấp lãnh hải với Trung Quốc ở Biển Đông, Ấn Độ cũng mở rộng hợp tác chiến lược thông qua các quốc tập trận chung, các khoản tín dụng hào phóng, huấn luyện quân sự, bán vũ khí quân sự cho các quốc gia trong khu vực, điển hình như Việt Nam [Nguyễn Thanh Minh, 2018]. *Ba là*, đối với phán quyết của Tòa án Trọng tài thường trực Liên hợp Quốc về tranh chấp lãnh hải giữa Trung Quốc và Philippines, Ấn Độ đã thể hiện lập trường rõ ràng rằng: với tư cách là thành viên của UNCLOS, New Delhi kêu gọi tất cả các bên hết sức tôn trọng UNCLOS, công ước thiết lập trật tự pháp lý quốc tế tại các vùng biển và đại dương. Điều này thể hiện quan điểm của Ấn Độ về tự do hàng hải và an ninh dựa trên pháp luật quốc tế. Ngoài ra, bất chấp trước phản đối của Trung Quốc, Ấn Độ vẫn phối hợp với OVL của Việt Nam thăm dò khai thác dầu Lô số 128 trên Biển Đông. Việc duy trì chính sách này được coi là nỗ lực của New Delhi trong việc khẳng định sự hiện diện của Ấn Độ tại khu vực Trung Quốc thể hiện hành động gây hấn [The Economic Time, 2015]. Tháng

10/2014, tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á tại Myanmar, Thủ tướng N. Modi đã kêu gọi ký kết Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông trên cơ sở đồng thuận. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Ấn Độ - ASEAN (tháng 9/2017), Ấn Độ tuyên bố: “ *ủng hộ tự do hàng hải và tiếp cận các nguồn lực ở Biển Đông trong khung khổ phù hợp với luật pháp quốc tế bao gồm cả Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp Quốc*” [Ministry of Externational, Government of India, November 14 2017]. Ngoài ra, Ấn Độ cũng triển khai các hoạt động hợp tác quân sự với Việt Nam, Myanmar, Thái Lan, Philippines.

Thứ hai ở Ấn Độ Dương. Bên cạnh chương trình gió mùa Mausam, đề đổi trọng kế hoạch “bao vây” biển, “*Chuỗi ngọc trai*”, Ấn Độ cũng đang đề cập đến một kế hoạch mang tên “*chiếc vòng cổ kim cương*” (necklace of diamonds) với các căn cứ ở nội địa như Kochi, Karwar, Mumbai và Vishakhapatnam và với các quốc đảo ở Ấn Độ Dương - Lakshadweep, quần đảo Andaman và quần đảo Nicobar, quan hệ đối tác với Seychelles, Mauritius, Madagascar và Oman như một gọng kìm đối với Trung Quốc. Một nhà phân tích quân sự của Ấn Độ đã đưa ra nhận định rằng các quần đảo Andaman và Nicobar của Ấn Độ có thể được sử dụng như một “dây chuyền kim loại” (metal chain) để chặn sự tiếp cận của Trung Quốc tại eo biển Malacca; Dưới góc độ địa chính trị, chính sách kiềm chế của Ấn Độ đối với Trung Quốc hiện nay ở Ấn Độ Dương chính là biểu hiện của khái niệm “trò chơi lớn” với sự cạnh tranh chủ yếu là kinh tế và đang ngày càng phát triển các khía cạnh chiến lược và quân sự [Anja Manuel, 2016, p.106].

Xung đột Ấn - Trung trong lịch sử được giới hạn trong phạm vi đất liền. Tuy nhiên, bước vào thế kỷ XXI, đánh dấu giai đoạn mới cho cạnh tranh giữa Ấn Độ và Trung Quốc trên không gian biển/đại dương. Cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung ở Ấn Độ Dương là minh chứng rõ nhất cho cạnh tranh hàng hải giữa hai nước lớn châu Á này. Để đạt được mục tiêu này, cả hai quốc gia đã vạch ra các kế hoạch hiện đại hóa lực lượng đầy tham vọng để phát triển một “hải quân nước xanh”.

Trong khi đó, với địa hình chủ yếu là đồi núi ở phía Bắc, Ấn Độ bắt buộc phải vươn ra đại dương nếu muốn “*vuơn ra ngoài*”. Trong chiến lược an ninh hàng hải của Ấn Độ được công bố năm 2015, Ấn Độ xác định, thế kỷ XXI là “*thế kỷ của*

Biển” và biển sẽ là chìa khóa, yếu tố quan trọng đối với sự hồi sinh và khẳng định vị thế toàn cầu của New Delhi [Integrated Headquarters, Ministry of Defence (Navy), 2015, p.4]. Thủ tướng Modi đã khẳng định: “*Ấn Độ nằm ở ngã tư của Ấn Độ Dương. Chính vì thế, Ấn Độ Dương là ưu tiên hàng đầu của những ưu tiên trong chính sách của chúng tôi*” [Ministry of External Affairs of India, 2015]. Dưới góc độ sở hữu, nhiều nhà chiến lược Ấn Độ xem Ấn Độ Dương là “miền hợp pháp” (rightful domain) và “vận mệnh hiển nhiên” của Ấn Độ” [Asia-Pacific Center for Security Studies, August, 2003]. Ý nghĩa “miền hợp pháp” đã được phản ánh trong học thuyết quân sự Ấn Độ rằng nhờ diện tích và vị trí chiến lược ở khu vực Ấn Độ Dương, Ấn Độ sẽ đóng vai trò tích cực để đảm bảo hòa bình và ổn định ở khu vực này [Indian Headquarters Army Training Command, 2004, p.6], cũng như duy trì trật tự trên biển, ngăn chặn sự can thiệp của các cường quốc bên ngoài là một nghĩa vụ hợp pháp của Hải quân Ấn Độ [Indian Integrated Headquarters Ministry of Defence, 2015, p.4].

Ngoài ra, thông qua BRI, Trung Quốc đang ngày càng phát triển quan hệ đối tác chiến lược với đối thủ của Ấn Độ là Pakistan thông qua CPEC. Bên cạnh đó, những tiến bộ trong quan hệ chiến lược, thương mại, đầu tư và ngoại giao của Bắc Kinh với Bangladesh, Myanmar, Nepal, Sri Lanka; Sự hiện diện hải quân và quân sự của Trung Quốc trong IOR bao gồm cả căn cứ quân sự mới tại Djibouti (và có thể là một căn cứ khác ở Pakistan) cũng như tăng cường hiện diện hải quân ở Ấn Độ Dương đang là sự cạnh tranh trực diện và chiến lược của Bắc Kinh với New Delhi.

Ấn Độ đang thể hiện vai trò của một nước lớn ở châu Á, “chủ thể cung cấp kết nối an ninh” ở Ấn Độ Dương trong khi Trung Quốc đang sử dụng chiến thuật phân tán sự tập trung vào Ấn Độ khi tăng cường hiện diện tại Nam Á (xây dựng cơ sở hạ tầng: cầu, cảng và thúc đẩy thương mại với Pakistan, Myanmar và Sri Lanka) và sức mạnh quân sự tại Ấn Độ Dương (đưa tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân lớp Thương gia nhập lực lượng Trung Quốc đang thực hiện nhiệm vụ chống cướp biển ở Vịnh Aden). Có thể nói, đây là cuộc cạnh tranh quyền lực ở Ấn Độ Dương giữa Ấn Độ và Trung Quốc, là cuộc đua đến vị trí số một trong khu vực [Nguyễn Thị Oanh, 2016, tr.11-16].

Mặc dù không được nhắc đến nhiều trên sân khấu chính trị thế giới, nhưng trong hai thập kỷ qua, Ấn Độ đã từng bước tiếp cận “thực dụng” ở vành đai Ấn Độ Dương nhằm tăng cường ảnh hưởng và thể hiện vai trò “chủ thể cung cấp an ninh ròng” (net security provider) tại Ấn Độ Dương bằng các động thái như: hỗ trợ các hoạt động bảo vệ bờ biển với Mauritius, tăng cường khả năng kiểm soát vùng biển của Sri Lanka, hoặc cải thiện khả năng giám sát về lĩnh vực hàng hải của Mozambique, Madagascar và Maldives, hỗ trợ huấn luyện thủy quân và chuyển giao tàu tuần tra hải quân cho các quốc đảo Seychelles, Maldives và Mauritius. Do đó, sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ chắc chắn sẽ thúc đẩy New Delhi thực hiện các chính sách đối trọng và kiềm chế đối với Trung Quốc.

3.3 Sự triển khai chính sách

3.3.1 Chính trị - ngoại giao

Thông qua kênh chính trị - ngoại giao, Ấn Độ đã triển khai khá hiệu quả chính sách hợp tác, chính sách kiềm chế và chính sách cân bằng quyền lực đối với Trung Quốc, điều này được thể hiện:

(i) Đẩy mạnh các chuyến thăm và đối thoại cấp cao

Về các chuyến thăm cấp Nhà nước: Thủ tướng Narendra Modi đã thăm Trung Quốc vào tháng 5/2015. Trước chuyến thăm này, ông Modi đã gia nhập mạng xã hội Weibo của Trung Quốc và đăng tải:

Tôi rất trông đợi thực hiện chuyến thăm Trung Quốc từ ngày 14-16/5 nhằm tăng cường tình bằng hữu giữa hai nền văn minh có truyền thống lâu đời và hai nước có tốc độ phát triển mạnh mẽ nhất... Tôi tin tưởng rằng chuyến thăm Trung Quốc lần này của tôi sẽ góp phần tăng cường sự ổn định, phát triển và thịnh vượng của khu vực châu Á [Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, 6/5/2015].

Đặc biệt, tháng 4/2018, Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình đã có cuộc gặp trong Hội nghị Thượng đỉnh không chính thức ở Vũ Hán. Đây là sự kiện mang tính bước ngoặt bởi đây là lần đầu tiên một lãnh đạo Ấn Độ có hội nghị thượng đỉnh không chính thức với lãnh đạo của một quốc gia. Trong cuộc gặp, Thủ tướng Modi

phát biểu “*châu Á và thế giới sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn khi Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau tin tưởng, có lòng tin, cảm thông đối với lợi ích của đối phương*” [Sana Hashmi, 2018]. Đây là bằng chứng cho thấy Ấn Độ mong muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Bởi trước khi diễn ra cuộc gặp này, phía Ấn Độ đã có nhiều chuyến thăm chính thức đến Trung Quốc, cụ thể là chuyến thăm của Ngoại trưởng Vijay Gokhale (tháng 2/2018), và Cố vấn An ninh Quốc gia Ajit Doval (tháng 4/2018). Tuy nhiên thực tế cho thấy, *Trung Quốc cần Ấn Độ cũng nhiều như Ấn Độ cần Trung Quốc*. Trong khi Doklam đại diện cho một “điểm tối” trong mối quan hệ, sự kiện ở Vũ Hán là một nỗ lực để sửa chữa những “*lỗi nhịp*” trong quan hệ hai nước. Trong cuộc họp, Chủ tịch Tập Cận Bình cho biết Trung Quốc và Ấn Độ là “*xương sống*” của sự đa cực hóa toàn cầu và toàn cầu hóa kinh tế, là hai động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế thế giới hai nước nên cùng nhau đóng góp vào hòa bình và phát triển toàn cầu. “*Trung Quốc và Ấn Độ nên là những người hàng xóm và bạn bè tốt và nên xem nhau là đối tác phát triển*” [Press Trust of India, April 18, 2018]. Bởi từ quan điểm của cả Ấn Độ và Trung Quốc, có đủ không gian cho cả hai nước cùng tồn tại và thịnh vượng, Đại sứ Ấn Độ tại Trung Quốc cũng đồng ý rằng “*các nước lớn có thể cùng tồn tại một cách hòa bình bất chấp những khác biệt trong hệ thống*” [Sana Hashmi, May 15, 2018].

(ii) Thúc đẩy sự chia sẻ quan điểm của Ấn Độ với Trung Quốc ở các vấn đề và cơ chế khu vực và toàn cầu

Sự chia sẻ quan điểm về các vấn đề quốc tế giữa hai nước xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, ở cấp độ song phương, hai nước là những nước láng giềng - điều này là bất biến và bất di bất dịch. Ở cấp độ phát triển trong nước, đều là phát triển, hai nước đang ở trong giai đoạn quan trọng của phát triển kinh tế, cải cách và hiện đại hóa. Cả Ấn Độ và Trung Quốc đều đang nỗ lực đạt được tham vọng của riêng mình (*Ấn Độ mới và giấc mộng Trung Hoa*). Ở cấp độ toàn cầu, cả Ấn Độ và Trung Quốc là hai nhân tố quan trọng, góp phần và sự “*trỗi dậy của phương Đông*”. Đặc biệt, đều là hai nền kinh tế thị trường mới nổi, sự xuất hiện của chủ nghĩa bảo hộ, cuộc “*thương chiến*” giữa Mỹ và Trung Quốc càng “*kéo*” hai nước đến những điểm

“*hội tụ*” ở cấp độ chiến lược. Sự chia sẻ trong chiến lược này được thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, thế giới đang thay đổi và bản thân Ấn Độ và Trung Quốc cũng thay đổi không ngừng và hợp tác cùng phát triển trở thành nhu cầu tất yếu của các quốc gia. Cựu Thủ tướng Trung Quốc Chung Dung Cơ đã từng phát biểu: “*Trung Quốc có “phần cứng” tốt nhất trong khi Ấn Độ có “phần mềm” tốt nhất. Trung Quốc và Ấn Độ hợp tác với nhau có thể trở thành chủ thể tốt nhất thế giới*” [Embassy of the People’s Republic of China in India, 2018]. Và hợp tác giữa “Rồng” (Trung Quốc) và Voi “Ấn Độ” không chỉ đơn thuần là “1+1=2” mà là “1+1=11” [Embassy of the People’s Republic of China in India, 2018]. Trong khía cạnh này, Trung Quốc và Ấn Độ hợp tác tại các diễn đàn như SCO, G20, BRICs, AIIB, NDB, WTO, vấn đề biến đổi khí hậu, gần đây nhất, năm 2017, Ấn Độ đã gia nhập SCO với tư cách thành viên chính thức. Như vậy, Trung Quốc và Ấn Độ, hai nước láng giềng lớn, cùng là thành viên của hai tổ chức quốc tế và khu vực lớn là BRICs và SCO.

Trung tâm kinh tế thế giới đang dịch chuyển về phía Đông và phía Nam và BRICs là minh chứng rõ nhất cho sự chia sẻ quan điểm chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc trong bối cảnh đó. BRICs hiện nay được đánh giá là tâm chấn mới của chính trị toàn cầu (as new epicentre in global politics) [Fen Osler Hampson, Paul Heinbecker, 2011, p.299] và là minh chứng rõ nhất cho sự chia sẻ quan điểm chiến lược của Ấn Độ và Trung Quốc trong bối cảnh đó.

Thứ hai, Ấn Độ và Trung Quốc đều chia sẻ quan điểm về một “thế giới đại đồng”. Trong khi, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi nhấn mạnh chính sách ngoại giao láng giềng là ưu tiên số một và luôn nhấn mạnh tư tưởng “cả thế giới là một gia đình” thì Chủ tịch Tập Cận Bình cũng nhấn mạnh rằng, ngoại giao láng giềng là ưu tiên cao nhất và có ý tưởng về xây dựng “một cộng đồng chung vận mệnh”.

Thứ ba, cả hai nước hiện nay đều đang tập trung xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia và đều tuyên bố chiến lược phát triển vì quốc gia. Ở Trung Quốc, quốc gia này nói về sự thịnh vượng, hạnh phúc của xã hội còn ở Ấn Độ, lãnh đạo quốc gia này đề cập đến sự phát triển. Điều đó có nghĩa cả hai nước đều hướng đến sự phát triển

và hòa bình, ổn định là điều kiện cần của hai nước để đạt được mục đích này. Hiện nay, Ấn Độ đang thúc đẩy chiến lược Sản xuất tại Ấn Độ (Made in India) còn Trung Quốc đã đề ra chiến lược “Sản xuất tại Trung Quốc 2025”, điều này cho thấy sự tương đồng trong chính sách sản xuất trong nước giữa hai quốc gia.

Thứ tư, Ấn Độ và Trung Quốc có sự chia sẻ quan điểm trong giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu, đều chia sẻ quan điểm về chống lại chủ nghĩa khủng bố, cả hai nước cũng đang đối mặt với vấn đề tranh chấp lãnh thổ,... Trong những thập niên gần đây Trung Quốc và Ấn Độ đang nổi lên như những cường quốc thế giới, cả hai quốc gia đang dẫn đầu toàn cầu về các vấn đề như giáo dục, thể chế, quản trị và nhiều khía cạnh khác trong thời kỳ đầu hiện đại [Sheldon Pollock, Benjamin Elman, 2018]. Tại cuộc gặp tại Vũ Hán vào tháng 4/2018, Thủ tướng Modi và Chủ tịch nước Tập Cận Bình đã thống nhất về vấn đề Afghanistan, Afghanistan sẽ là đối tác ưu tiên trong kế hoạch hợp tác “Trung - Ấn+” ("China-India Plus") [CGTN, 2018]. Điều này đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quan hệ hai nước, phản ánh sự phối hợp và hợp tác chặt chẽ ở cấp độ khu vực. Cả Ấn Độ và Trung Quốc đều là thành viên của Tiến trình Istanbul và đều đóng vai trò quan trọng trong các diễn đàn đa phương khác.

Ngoài ra, Ấn Độ và Trung Quốc có sự chia sẻ trong quan hệ với Nga về thế giới đa cực cũng như sự ổn định của thế giới ở tầm chiến lược cũng như có lập trường tương đồng về hầu hết các vấn đề toàn cầu và đang cùng nỗ lực để tăng cường sự ổn định chiến lược. Phát biểu tại cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình và Thủ tướng Narendra Modi bên lề Hội nghị thượng đỉnh G20 diễn ra tại Osaka (Nhật Bản), ông Putin nêu rõ: “*cả Nga, Ấn Độ và Trung Quốc đều có chung lập trường về hầu hết các vấn đề thuộc chương trình nghị sự chính trị và kinh tế toàn cầu... đều ủng hộ việc bảo vệ hệ thống các mối quan hệ quốc tế dựa trên Hiến chương Liên hợp quốc cũng như quy tắc luật pháp quốc tế....*” [TTXVN, 24/7/2019].

Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, cả Trung Quốc và Ấn Độ đang phải đối mặt với sức nóng của cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Và cả hai nước đều mong muốn sớm có kết luận về Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Cả hai bên

đều xem RCEP là một thỏa thuận dựa trên quy tắc có khả năng ngăn chặn xu hướng bảo hộ và leo thang chiến tranh thương mại.

Thứ năm, Ấn Độ và Trung Quốc có sự kết nối bởi vấn đề năng lượng, được biết là sự phụ thuộc và nhu cầu của cả hai nước đối với hydrocarbon là rất cao. Trung Quốc đã xây dựng Chiến lược cách mạnh tiêu thụ và sản xuất năng lượng giai đoạn 2016 - 2030. Còn Ấn Độ, chính sách năng lượng quốc gia của quốc gia này tập trung vào tầm nhìn cho năm 2022 và trung hạn 2040, đã kêu gọi giải quyết các thách thức liên quan đến việc khai thác các nguồn tài nguyên trên.

Trong tương lai, hợp tác giữa hai nước tập trung vào các lợi thế bổ sung về kinh tế giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Kết quả của sự hợp tác này phải có lợi cho người dân hai nước cũng như sự ổn định, hòa bình của khu vực và thế giới để những điểm hội tụ giữa hai quốc gia “lan rộng” sang các khía cạnh khác của quan hệ giữa hai nước lớn đang trỗi dậy ở châu Á [Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Oanh, 2019].

(iii) Triển khai chính sách hợp tác ở các cơ chế song phương và đa phương

Ở diễn đàn đa phương, Ấn Độ và Trung Quốc hợp tác trong khuôn khổ Hành lang kinh tế BCIM. Trong Hội nghị thượng đỉnh Vũ Hán, Thủ tướng Narendra Modi đã chỉ ra rằng việc xây dựng BCIM cần được đẩy nhanh [Luo Zhaohui, 2019].

Ở diễn đàn song phương, ngày 13/7/2018, Đối thoại các vấn đề hàng hải lần thứ 2 giữa Ấn Độ và Trung Quốc cấp Vụ trưởng đã được tổ chức tại Bắc Kinh. Đây là cơ chế góp phần rút ngắn khoảng cách và là cầu nối giúp củng cố lòng tin giữa Ấn Độ và Trung Quốc ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Là hai lớn đang trỗi dậy, Ấn Độ và Trung Quốc có lợi ích rộng lớn và chồng lấn trên biển ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Để ngăn chặn sự cạnh tranh biến thành xung đột trong lĩnh vực hàng hải, hai nước đang cố gắng tăng cường các cơ chế, kênh kết nối ngoại giao chiến lược. Phương pháp tiếp cận ngoại giao “*từ dưới lên*” đã bắt đầu được triển khai với việc đối thoại giữa các quan chức chính phủ và sau đó sẽ được tiến hành ở các cấp chính trị cao hơn nhằm từng bước rút ngắn khoảng cách thiếu lòng tin chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc [Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Oanh, 2019].

(iv) Triển khai chính sách kiềm chế ở cấp độ khu vực và toàn cầu

Về khía cạnh ngăn chặn, đây chính là một phương diện “ẩn” trong mối quan hệ Trung - Ấn. Một mặt, Trung Quốc thể hiện sự nghi ngờ đối với Ấn Độ, đặc biệt là liên quan đến tập trận Malabar, “tứ giác kim cương” Ấn - Mỹ - Australia - Nhật, Trung Quốc nhìn nhận chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một mưu đồ để ngăn chặn sự trỗi dậy và gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Mặt khác, Ấn Độ xem các hoạt động của Trung Quốc ở Nam Á tại cảng Gwadar ở Pakistan, Maldives, và Sri Lanka là những nỗ lực để bao vây, ngăn chặn và kiềm tỏa Ấn Độ đóng vai trò lớn hơn ở trong và ngoài khu vực Nam Á. Ngoài ra, lợi ích của New Delhi ở Biển Nam Trung Hoa có thể bị ảnh hưởng bởi một Bắc Kinh quyết đoán dưới quyền Tập Cận Bình.

Ấn Độ hiện nay đang là một hạt nhân trong chiến lược *Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và mở cửa* của Mỹ. “Chiến lược này nhằm đối trọng với Trung Quốc thông qua xây dựng một cơ chế mới với những nỗ lực chung các các đồng minh và đối tác an ninh của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [TTXVN, 2017, tr.3]. Sự “hồi sinh” của “bộ tứ” Australia - Mỹ - Nhật - Ấn có hai tác động đối với Trung Quốc. Một mặt, đây chính là một “thách thức an ninh trực diện” đối với Trung Quốc, nhưng ở khía cạnh khác, sẽ càng củng cố sự tập trung của Trung Quốc vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Ngày 7/6/2018, bên lề Hội nghị các quan chức cao cấp ASEAN tại Singapore, một cuộc họp thứ hai về Đối thoại an ninh tứ giác (QUAD) đã diễn ra.

Tầm nhìn của Ấn Độ về khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương được thể hiện rõ nét trong bài phát biểu của Thủ tướng Modi tại Đối thoại Shangri la (ngày 1/6/2018). Theo đó,

Ấn Độ không xem khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương như một chiến lược hay câu lạc bộ của những thành viên giới hạn... cũng không xem đó là nhằm chống lại bất kỳ quốc gia nào... mà là một tầm nhìn tích cực với nhiều khía cạnh: đại diện cho một khu vực tự do, mở và bao trùm vì sự tiến bộ và thịnh vượng... sự tham gia của Ấn Độ ở khu vực này mang

tính bao trùm, tôn trọng, đối thoại, hợp tác, hòa bình và thịnh vượng, cam kết tuyệt đối với luật pháp quốc tế [Ministry of External Affairs, Government of India, 2018].

Thông cáo báo chí Bộ Ngoại giao Ấn Độ nêu rõ:

Ấn Độ đã trình bày về tầm nhìn của mình đối với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thông qua bài phát biểu của Thủ tướng Modi tại Đối thoại Shangri-La tại Singapore... Cả hai bên nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường hơn nữa hợp tác hàng hải như một khía cạnh quan trọng của quan hệ song phương Ấn - Trung và là nền tảng để củng cố lòng tin lẫn nhau về chính trị và chiến lược giữa hai nước [Government of India, 2018].

Như vậy có thể thấy, phát biểu của Thủ tướng Modi đang cố làm “*xoay chuyển*” khái niệm Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo cách không muốn làm “*mất lòng*” Trung Quốc. Đặc biệt, trong khi nhấn mạnh về mối quan hệ với Trung Quốc, Thủ tướng Modi lại không đề cập đến “*QUAD*” như một cơ chế để đối trọng với Trung Quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc ngày càng tăng ở Tây Thái Bình Dương và Đông Ấn Độ Dương thì hợp tác với “*bộ tứ*” vẫn là lựa chọn ưu tiên mà Ấn Độ cần tính đến (*Scmp.com* 2018).

Như vậy, nếu trong thập niên đầu của thế kỷ XIX, mối quan hệ Trung Quốc là “*ấm*” về kinh tế, “*lạnh*” về chính trị - an ninh khi luôn ở trong tình trạng nghi kỵ và có những mâu thuẫn kết cấu (*N.T.Oanh*, 2016) thì giai đoạn 2014 - 2019, quan hệ Ấn - Trung đã phát triển theo chiều hướng ổn định hơn, nhưng vẫn trong không khí của “*hòa bình lạnh*” bởi các xung đột chính trị vẫn chưa được giải quyết triệt để, căng thẳng biên giới vẫn diễn ra. Mặt khác, cách tiếp cận hòa giải (*conciliatory approach*) hiện nay của Trung Quốc đối với Ấn Độ, một phần do bối cảnh kinh tế toàn cầu và an ninh khu vực hơn là vì lợi ích của cả hai bên. Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong giai đoạn 2014 -2019 đã phần nào ổn định quan hệ hai nước nhưng vẫn không đảm bảo cho một mối quan hệ ổn định bền vững để quản lý căng thẳng trong vấn đề biên giới giữa hai người khổng lồ châu Á trong tầm ngắn và trung hạn.

(v) Triển khai chính sách cân bằng quyền lực ở cả song phương lẫn đa phương

Để triển khai chính sách này, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã tiến hành cân bằng bên ngoài (kết hợp hài hòa giữa ngoại giao song phương và ngoại giao liên minh) và cân bằng nội bộ. Ngoài ra, chính sách cân bằng còn được Ấn Độ triển khai thông qua cân bằng giữa các mối lo ngại về chính trị và an ninh với các cơ hội kinh tế và thương mại.

Chính sách “đa liên kết” và “ngoại giao liên minh” đang được Chính phủ Modi triển khai có hiệu quả nhằm liên minh hoặc hợp tác với tất cả các bên tham gia cuộc cạnh tranh/xung đột [Institute for Defence Studies and Analyses, 2015], tạo những “*liên kết chùm*” nhằm ứng phó với chiến lược toàn cầu của Trung Quốc. Để ứng phó với sự mở rộng không gian chiến lược, ảnh hưởng của Trung Quốc, Ấn Độ nỗ lực tăng cường hợp tác với các quốc gia có sự chia sẻ về lợi ích và “*có cùng chí hướng*”. Trong đó, chiến lược tổng thể của Ấn Độ là quản lý các nguồn căng thẳng với Trung Quốc (trong khi vẫn bảo vệ các lợi ích cốt lõi quốc gia), từ đó tạo điều kiện để Ấn Độ vươn lên như một cường quốc [Hall Ian, 2017, pp.113-131].

Ở cấp độ khu vực, ngoại giao đa liên kết của Ấn Độ được thể hiện qua tập hợp chính sách đối ngoại của Modi nhằm kiềm chế Trung Quốc như Ấn Độ có các động thái xích lại gần hơn với các nước láng giềng với chính sách “Láng giềng là ưu tiên số một” nhằm phát triển quan hệ đối tác với các quốc gia láng giềng Nam Á, thúc đẩy “Dự án Gió mùa” (Mausam Program) để tăng cường hợp tác với các nước ven Ấn Độ Dương, tăng cường kết nối với các quốc gia Đông Á thông qua chính sách “*Hành động phía Đông*”. Ở cấp độ đa phương và toàn cầu, Ấn Độ tăng cường hợp tác với Mỹ, Nhật Bản, Australia, Việt Nam,..., sáng kiến IPOI với trọng tâm là các nước lớn và cường quốc tầm trung ở khu vực này.

Mặc dù, Ấn Độ tuyên bố không nhằm mục đích cân bằng cấu trúc quyền lực với Trung Quốc [Fantu Cheru, Cyril Obi, 2010], nhưng thực tế đã chứng minh khác. Trong khuôn khổ chính sách đa liên kết, Ấn Độ đang phát triển quan hệ chặt chẽ với các quốc gia là đối thủ của Trung Quốc như Mỹ, Nhật Bản, Australia. Việc Ấn Độ ngày càng thắt chặt quan hệ với Mỹ hay Nhật Bản đang tạo ra những nhận thức khác

nhau đối với Trung Quốc, rằng Mỹ và Nhật Bản đang giúp Ấn Độ cân bằng Trung Quốc ở châu Á. Các cuộc tập trận quân sự chung của Ấn Độ với Mỹ, Nhật Bản và các đối thủ khác của Trung Quốc đã củng cố thêm niềm tin này. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong chính sách cân bằng bên ngoài của Ấn Độ, đặc biệt là quan hệ với Mỹ, nguyên tắc tự chủ chiến lược sẽ khiến một liên minh giữa Ấn Độ và Mỹ trong thế đối trọng với Trung Quốc sẽ không xuất hiện [Hall Ian, 2016, p.271-286].

Trong lịch sử, Ấn Độ ủng hộ chính sách “một Trung Quốc” (One China policy) và không công nhận Đài Loan. Nhưng từ năm 2010, “Ấn Độ đã từ chối ủng hộ chính sách “một Trung Quốc” [Chietigi Bajpae, 2015, pp.108-145]. Thay vào đó, Ấn Độ đã đưa ra điều kiện rằng, họ sẽ xem xét chính sách “một Trung Quốc” nếu Trung Quốc công nhận chính sách “một Ấn Độ” (one-India policy). Một quan điểm cứng rắn hơn, vào năm 2014, Ngoại trưởng Ấn Độ Sushma Swaraj tuyên bố rằng, “*để Ấn Độ đồng ý với chính sách “một Trung Quốc”, Trung Quốc phải ủng hộ chính sách “một Ấn Độ”*” [Jagannath P. Panda, 2016, p.1].

Chính sách cân bằng được thể hiện ở cân bằng nội bộ và cân bằng bên ngoài, cả cân bằng cứng và cân bằng mềm. Cân bằng bên ngoài được thể hiện ở nguyên tắc tự chủ chiến lược trong chính sách đối ngoại đa liên kết của Ấn Độ được thực hiện thông qua hình thành các chùm liên kết bằng cách liên kết, đa liên kết với các cường quốc khác để đối trọng với Trung Quốc [Dhruva Jaishankar, 12/06/2020], chính sách Hành động phía Đông thậm chí còn được nhìn nhận là một trò chơi cân bằng mới chống lại Trung Quốc trong khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương. Còn cân bằng nội bộ được thực hiện thông qua các chính sách “tự lực, tự cường” nhằm tăng cường thực lực để phòng ngừa, đối phó với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc. Cân bằng cứng được thể hiện mối quan hệ ngày càng gần gũi với Mỹ, còn cân bằng mềm được thể hiện thông qua việc Ấn Độ tham gia các thể chế đa phương liên quan đến Trung Quốc như BRICs, khuôn khổ ba bên Nga - Ấn - Trung (RIC), AIIB và SCO - như một kênh để chống lại ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc trong các thể chế quốc tế. Cân bằng mềm thông qua các thể chế quốc tế

đã đóng một vai trò quan trọng trong việc kiềm chế hành vi của Trung Quốc [The Chinese Journal of International Politics, 2020].

3.3.2 Kinh tế

Kinh tế vừa là mục tiêu vừa là công cụ đặc lực mà N. Modi sử dụng trong triển khai chính sách với Trung Quốc. Thậm chí, bất chấp xung đột biên giới nhưng các mục tiêu kinh tế trong quan hệ với Bắc Kinh vẫn được New Delhi đảm bảo.

(i) *Việc triển khai công cụ kinh tế trong chính sách của Modi đối với Trung Quốc được thể hiện ở các hoạt động:*

Thứ nhất, đẩy mạnh hợp tác thương mại và đầu tư

Năm 2017, hai nước có xung đột nghiêm trọng ở Doklam, dẫn đến căng thẳng giữa hai nước trong các vấn đề khác, như CPEC, Bắc Kinh cản trở những nỗ lực của New Delhi trở thành thành viên của NSG. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn duy trì và đẩy mạnh hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Tại phiên họp thứ 11 của Nhóm Hợp tác Kinh tế, Thương mại, Khoa học và Công nghệ (tháng 3/2018) hai nước đã đưa ra giải pháp để tăng cường hợp tác thương mại, đầu tư song phương, giảm mất cân bằng thương mại và bắt đầu đàm phán về Hiệp định thương mại tự do (FTA). Những phát triển này là minh chứng cho thực tế rằng mặc dù có những bất đồng về quan hệ an ninh nhưng hợp tác kinh tế vẫn là trụ cột trong quan hệ hai nước. Điều này càng được thể hiện rõ hơn sau sự kiện đụng độ ở thung lũng Galwan (năm 2020), khi bất chấp Chính phủ Modi có các biện pháp trả đũa về kinh tế, thì quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai nước vẫn đạt kết quả khả quan. Điều đó cho thấy, hiện nay, Trung Quốc không chỉ là một trong những đối tác thương mại và đầu tư hàng đầu của Ấn Độ mà Ấn Độ cũng phụ thuộc rất nhiều vào các sản phẩm của Trung Quốc. Theo đó, thông qua công cụ kinh tế để triển khai chính sách hợp tác với Trung Quốc.

Thứ hai, tăng sản xuất nội địa, hạn chế nhập khẩu để cải thiện bất cân bằng thương mại

Kể từ sau sự kiện Galwan, Chính phủ Ấn Độ đã có những hành động để phản ứng đối với Trung Quốc. Thậm chí, nhiều ý kiến còn cho rằng, Thủ tướng Modi nhấn mạnh vào Chiến lược Ấn Độ tự cường (Atmanirbharta) là nhằm giảm sự phụ thuộc

kinh tế của Ấn Độ vào Trung Quốc” [Press Trust of India, July 1, 2020]. Chính phủ Ấn Độ cũng đã sửa đổi các quy tắc mua sắm công “nhằm áp đặt các hạn chế đối với các nhà thầu Trung Quốc” dựa trên giải thích về lo ngại đối với quốc phòng và an ninh quốc gia [Indian Ministry of Finance, July 13, 2020]. Trước đó, sáng kiến *Sản xuất tại Ấn Độ* của Thủ tướng Modi cũng được xem là nỗ lực nhằm tăng cường tầm quan trọng của sản xuất, tạo việc làm và tăng cường phát triển kinh tế quốc gia, hạn chế sự phụ thuộc từ các nền kinh tế bên ngoài, điển hình là Trung Quốc.

Thứ ba, tăng thuế đối với các nhóm hàng nhập khẩu mà Trung Quốc có lợi thế so sánh

Sau khi thực hiện chính sách tự do hóa kinh tế vào những năm 90 của thế kỷ XX, Ấn Độ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng trong cải cách và mở cửa nền kinh tế. Tuy nhiên, những năm gần đây, Thủ tướng Modi đã đặt ra một số ưu tiên kinh tế mới: bảo vệ ngành công nghiệp sản xuất của Ấn Độ trước các thách thức từ Trung Quốc [Mary E, February 19, 2018]. Cụ thể, Ấn Độ đã tăng thuế và áp đặt mức thuế 20% đối với hai nhóm sản phẩm lớn mà Ấn Độ nhập từ Trung Quốc. Nhóm thứ nhất là các mặt hàng sử dụng nhiều lao động, cụ thể là đồ trang sức, đồng hồ, đồ chơi, đồ nội thất và giày dép. Nhóm ngành thứ hai mà Ấn Độ tăng mức thuế gấp đôi đối với Trung Quốc là các thiết bị điện tử và thông tin liên lạc gồm điện thoại di động, ti vi, các bộ phận và linh kiện điện tử như màn hình LCD/LED của tivi [Mary E, 2018]. Đầu tháng 2/2021, trong bối cảnh Ấn Độ đang phải đối phó với đại dịch Covid 19 và căng thẳng với Trung Quốc tiếp tục gia tăng, Ấn Độ đã tăng thuế nhập khẩu đối với khoảng 30 sản phẩm của Trung Quốc. Cụ thể, mức thuế đối với đèn và pin năng lượng mặt trời tăng từ 5% lên 15-20%. Các thiết bị như sạc điện thoại di động vốn được miễn thuế, nay bị áp thuế 10%. Các sản phẩm trong lĩnh vực điện tử, ô tô, hóa chất, da và nông nghiệp cũng tăng nhưng mức thấp hơn. Ngoài ra, các mặt hàng như mạch in và máy ảnh cho điện thoại di động đã tăng từ 0% lên 2,5%, máy nén cho tủ lạnh và điều hòa tăng từ 12,5% lên 15%. Đối với ô tô, thiết bị đánh lửa và truyền phát tín hiệu mức thuế tăng từ 7,5% và 10% lên 15% [Nikkei Asia, February 11, 2021].

(ii) Về kết quả triển khai công cụ kinh tế

Thâm hụt thương mại giảm nhẹ: Theo số liệu thống kê của Trung Quốc, thương mại hai nước bùng nổ từ năm 2017. Cụ thể, giá trị thương mại hai chiều đạt mức kỷ lục: 84,44 tỷ USD trong năm 2017, tăng 18,63% so với năm 2016. Xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc đã tăng 40%, do đó phần nào giảm sự thâm hụt thương mại của New Delhi với Bắc Kinh. Cụ thể, thâm hụt thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc ở mức 51,08 tỷ USD trong năm tài chính 2016 - 2017, giảm nhẹ so với 12 tháng trước đó. Con số này dựa trên tổng giá trị thương mại 71,48 tỷ USD trong năm 2016 -2017 [Manoj Joshi, 2018]. Tuy nhiên, từ cuối năm 2017 đến nay, mỗi bên vẫn giải quyết theo ý nguyện của riêng mình. Trung Quốc nỗ lực gia tăng sức ép thương mại lên Ấn Độ, ngược lại Ấn Độ cũng áp dụng các đòn “trả đũa” làm cho tình hình càng ngày thêm trầm trọng [Lê Văn Mỹ, 2018, tr.17-24]. Cuộc đàm phán thương mại giữa Ấn Độ và Trung Quốc vào tháng 7/2017 về các vấn đề liên quan đến nông sản đã không đạt được kết quả do không bên nào muốn nhượng bộ. Trung Quốc đã trì hoãn quyết định cấp phép cho gạo, thịt lợn và thịt bò của Ấn Độ vào thị trường nước này, trong khi đó Ấn Độ quyết định cấm nhập khẩu táo, lê, sữa và các sản phẩm sữa từ Trung Quốc [baomoi.com, 2017].

Bảng 3.1 Thương mại song phương Ấn - Trung giai đoạn 2015 - 2020

Đơn vị: tỷ USD

| Năm | Xuất khẩu Ấn Độ sang Trung Quốc | % thay đổi | Nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc | % thay đổi | Mất cân bằng cán cân thương mại | Tổng giá trị thương mại | % thay đổi |
|----------------------------------|---------------------------------|------------|-----------------------------------|------------|---------------------------------|-------------------------|------------|
| 2015 | 13,4 | -18,39 | 58,26 | 7,42 | 44,86 | 71,66 | 1,42 |
| 2016 | 11,75 | -12,29 | 59,43 | 2,01 | 47,68 | 71,18 | -0,67 |
| 2017 | 16,34 | 39,11 | 68,1 | 14,59 | 51,76 | 84,44 | 18,63 |
| 2018 | 18,83 | 15,21 | 76,87 | 12,89 | 58,04 | 95,7 | 13,34 |
| 2019 | 17,79 | -4,55 | 74,92 | -2,54 | 56,95 | 92,9 | -2,93 |
| 2020 (từ tháng 1 đến tháng 9) | 15,32 | 14,9 | 45,18 | -19,8 | 29,86 | 60,51 | -13,1 |

Nguồn: General Administration of Customs, China, 2021.

Nếu trong năm 2000, thương mại song phương hai nước chỉ đạt 3 tỷ USD thì đến năm 2019, con số này đã lên đến 92,68 tỷ USD. Trong đó, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn thứ hai năm 2019 và là đối tác thương mại lớn nhất trong nửa đầu năm tài chính 2020 - 2021 của Ấn Độ. Mặc dù, chịu tác động của đại dịch Covid 19 nhưng thương mại song phương của hai nước chỉ giảm 15% so với cùng kỳ giai đoạn trước. Trung Quốc chiếm 5% xuất khẩu và 14% nhập khẩu của Ấn Độ trong năm 2019 [Sumanth Samsami, 2021].

Bảng 3.2: Giá trị thương mại và cơ cấu hàng hóa xuất - nhập khẩu song phương Ấn - Trung năm 2019

| Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu của Ấn Độ | 484 tỷ USD | Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ | 325 tỷ USD |
|---|--|---|--|
| Tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc | 85 tỷ USD | Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Ấn Độ xuất khẩu sang Trung Quốc | 29 tỷ USD |
| | <i>% nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc</i> | | <i>% xuất khẩu của Ấn Độ sang Trung Quốc</i> |
| Máy móc thiết bị điện tử | 34% | Trang sức/đá quý | 36% |
| Lò phản ứng hạt nhân (Nuclear Reactors) | 18% | Khoáng sản/quặng | 15% |
| Các hóa chất hữu cơ | 10% | Các hóa chất hữu cơ | 11% |
| Đá quý/đồ trang sức | 6% | Các mặt hàng thủy sản | 5% |
| Sắt và thép | 4% | Máy móc, thiết bị điện | 4% |
| Các mặt hàng nhựa | 4% | Bông | 4% |
| Phân bón | 2% | Nhựa/polyme | 3% |
| Thiết bị y tế | 2% | Lò phản ứng hạt nhân | 3% |
| Linh kiện tự động | 2% | Sắt và thép | 3% |

Nguồn: [Observer Research Foundation, 2021]; [Moneycontrol Research, 2020]

Do tác động của đại dịch Covid 19, 2 tháng đầu năm 2020, thương mại song phương hai nước giảm 12,4% xuống còn 12 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2019. Đến tháng 4/2020, nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc xuống mức kỷ lục, chỉ đạt 3,2 tỷ USD. Mặc dù hai nước có đưng độ ở biên giới tại Thung lũng Galwan vào giữa tháng

6/2020, sau đó, người tiêu dùng Ấn Độ đã kêu gọi tẩy chay hàng Trung Quốc nhưng đến tháng 7/2020, nhập khẩu của Ấn Độ từ Trung Quốc đang tăng lên đạt mức 5,6 tỷ USD [Ministry of Commerce, Moneycontrol Research, 2021].

Sau cuộc đụng độ ở Galwan, tháng 7/2020, Bộ Điện lực Ấn Độ đã ra thông báo về việc hạn chế nhập khẩu điện từ Trung Quốc. Bộ Đường sắt của quốc gia này cũng hủy hợp đồng trị giá 471 crore¹⁸ Rupee với công ty Trung Quốc. Chính phủ cũng ra quy định trích thẽ nguồn gốc quốc gia đối với một số sản phẩm trong danh mục mua sắm công để hạn chế các mặt hàng của Trung Quốc. Tương tự, công ty viễn thông nhà nước BSNL của Ấn Độ cũng tuyên bố không sử dụng thiết bị của công ty Huawei của Trung Quốc với lý do liên quan đến an ninh mạng và áp đặt thuế chống bán phá giá đối với một số mặt hàng như pin và mô đun năng lượng mặt trời.

Ấn Độ cũng phụ thuộc rất nhiều vào các mặt hàng của Trung Quốc. Theo số liệu năm 2019, 70% linh kiện điện tử, 45% hàng tiêu dùng, 70% thành phần dược phẩm hoạt tính (API) và 40% hàng da là đến từ Trung Quốc [Sumanth Samsami, 2021]. Các mặt hàng chính xuất khẩu từ Ấn Độ sang Trung Quốc gồm: hóa chất hữu cơ, Quặng, xi, tro; nguồn nhiên liệu thô: dầu, khí đốt; Cá, hải sản giáp xác, chất dẻo và các nguyên liệu liên quan. Còn các mặt hàng Ấn Độ nhập khẩu từ Trung Quốc bao gồm: các thiết bị điện tử: máy ghi âm, tivi, máy chiếu, máy quay phim và các linh kiện điện tử liên quan; lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và các thiết bị cơ khí; các hóa chất hữu cơ; phân bón [PHD Research Bureau, 2019].

FDI từ Trung Quốc tiếp tục chảy vào Ấn Độ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc (FDI) vào Ấn Độ từ tháng 4/2000 đến tháng 6/2017 ở mức 1,67 tỷ USD, chỉ bằng 0,49% tổng FDI vào Ấn Độ so với cùng kỳ. Riêng năm 2017, các công ty Trung Quốc như Alibaba, Fosun, Baidu và Tencent đã đầu tư 5,2 tỷ USD vào 30 công ty mới thành lập ở Ấn Độ. Tập đoàn Alibaba của Trung Quốc và các chi nhánh của tập đoàn này đã đầu tư khoảng 1,7 tỷ USD vào các công ty mới thành lập ở Ấn Độ như Paytm và BigBasket [Kashyap Arora, Rimjhim Saxena, 2018]. Từ giữa năm

¹⁸ 1 crore = 10 triệu.

2017 đến nay, đầu tư của Trung Quốc vào Ấn Độ chủ yếu tập trung vào các các dự án khởi nghiệp và lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số.

Bảng 3.3: Đầu tư FDI của Trung Quốc vào Ấn Độ giai đoạn 2014 - 2020

| Năm | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 |
|-----------------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|
| FDI (triệu USD) | 121 | 505 | 461 | 198,9 | 350,1 | 229,5 | 243,3 |

Nguồn: Department for Promotion of Industry and Internal Trade (2021).

Các ngành, lĩnh vực mà Ấn Độ nhận được đầu tư lớn nhất của Trung Quốc là dược phẩm, sản xuất ô tô, thiết bị điện, dịch vụ và công nghệ. Trong đó, dược phẩm là ngành nhận được vốn FDI từ Trung Quốc nhiều nhất. Năm 2016 trở đi, không gian công nghệ của Ấn Độ bắt đầu chứng kiến dòng vốn tư nhân Trung Quốc đổ vào. Hàng chục công ty công nghệ và đầu tư mạo hiểm của Trung Quốc như Alibaba (Paytm, BigBasket và Zomato) và Tencent (Ola, Flipkart và BYJU's) đã mua lại cổ phần thiểu số hoặc kiểm soát trong các kỳ lân khởi nghiệp của Ấn Độ. Theo dữ liệu từ Invest India, các nhà sản xuất điện thoại thông minh hàng đầu Trung Quốc như OPPO, VIVO, Xiaomi và Huawei đều đã đảm bảo 100% vốn FDI cho hợp đồng sản xuất các thiết bị điện tử ở Ấn Độ và đã thiết lập các nhà máy ở các bang Uttar Pradesh, Andhra Pradesh và Tamil Nadu.

Bảng 3.4: Các lĩnh vực đầu tư chủ yếu của các công ty Trung Quốc vào Ấn Độ giai đoạn 2007 - 2020

| Lĩnh vực | Tổng vốn đầu tư (triệu USD) | Số lượng hợp đồng, thỏa thuận | Đầu tư GI (đầu tư mới Green-Field Investment) |
|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|---|
| Nông nghiệp | 510 | 3 | 4 |
| Năng lượng | 1.590 | 7 | 4 |
| Môi trường | 510 | 3 | 2 |
| Y tế, dược phẩm | 1.080 | 1 | - |
| Kim loại | 1.310 | 4 | 3 |
| Các lĩnh vực khác | 4.310 | 12 | 5 |

| | | | |
|--------------|-------|---|---|
| Bất động sản | 540 | 3 | 3 |
| Công nghệ | 1.130 | 5 | 5 |
| Du lịch | 1.270 | 2 | 0 |
| Giao thông | 700 | 3 | 1 |

Nguồn: [The China Global Investment Tracker, 2021].

Về đầu tư của Ấn Độ sang Trung Quốc,

Bảng 3.5: FDI của Ấn Độ sang Trung Quốc giai đoạn 2014 - 2019

Đơn vị: triệu USD

| Năm | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng FDI | 73.86 | 79.82 | 45.54 | 61.52 | 23.24 | 41.39 |
| Nông - lâm nghiệp và thủy sản | 6.91 | 4.22 | 11.61 | 0 | 0 | 0 |
| Các ngành sản xuất linh kiện | 31.29 | 11.39 | 4.94 | 24.24 | 10.96 | 14.8 |
| Thương mại, dịch vụ bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy | 18.94 | 2.23 | 0.74 | 9.92 | 11.27 | 21.57 |
| Các hoạt động tài chính, bảo hiểm | 16.73 | 61.97 | 28.23 | 27.36 | 1 | 5.02 |
| Các hoạt động dịch vụ khác | 0 | 0.01 | 0.02 | 0 | 0 | 0 |

Nguồn: [investmentmap.org, 2020]

Để đáp ứng nhu cầu thị trường rộng lớn, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, nâng cao chuỗi giá trị gia tăng, Ấn Độ cũng đẩy mạnh đầu tư FDI vào Trung Quốc. Tuy nhiên, có thể thấy, trong so sánh với FDI từ Trung Quốc vào Ấn Độ, thì FDI của Ấn Độ chảy vào Trung Quốc khiêm tốn hơn và chủ yếu tập trung trong lĩnh vực máy móc và linh kiện điện tử. Hiện nay có khá nhiều doanh nghiệp Ấn Độ đầu tư vào Trung Quốc thường hoạt động với tư cách là văn phòng đại diện, Doanh nghiệp được thành lập hoàn toàn bằng vốn nước ngoài (WOFE), Liên doanh với các công ty Trung Quốc hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và CNTT và các dịch vụ hỗ trợ CNTT, thương mại, ngân hàng và các hoạt động liên doanh [Ministry of External Affairs, 2019].

Nguyên nhân cho mối quan hệ kinh tế hai nước xuất phát từ lợi ích mà hai bên mang lại cho nhau. Quy mô khổng lồ của nền kinh tế của Trung Quốc, tầng lớp trung lưu đang phát triển và sức mua của nền kinh tế tiêu dùng trong nước mang lại tiềm năng to lớn về thị trường hàng hóa và dịch vụ của Ấn Độ cũng như nguồn đầu tư lớn hơn. Đặc biệt Ấn Độ đang có kế hoạch tăng cường ngành công nghiệp sản xuất và Trung Quốc có kế hoạch tăng chuỗi giá trị liên quan đến lĩnh vực này. Mặt khác, trong bối cảnh Trung Quốc đang phải đối mặt với chính sách thuế của Mỹ, thì bên cạnh các biện pháp tự vệ thương mại, Bắc Kinh đang tìm đến New Delhi như một đối tác kinh tế tiềm năng. Bộ trưởng Thương mại Trung Quốc Chung Sơn cũng đã đưa ra tuyên bố để giải quyết vấn đề thâm hụt thương mại của Ấn Độ trong quan hệ với Trung Quốc [Ralph Jennings, 2018].

Tuy nhiên, thông qua công cụ kinh tế, thách thức trong hợp tác kinh tế mà Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đang gặp phải đó là: Trong năm 2014-2015, Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ với tổng giá trị thương mại là 72,3 tỷ USD. Tuy nhiên, trong mối quan hệ kinh tế - thương mại với Trung Quốc, Ấn Độ đã và đang phải đối mặt với 5 bất lợi: *một là*, mối quan hệ thương mại hai nước rất mất cân bằng theo hướng có lợi cho Trung Quốc do Ấn Độ thâm hụt thương mại 48,5 tỷ USD trong giai đoạn 2014 - 2015 [Department of Commerce, India, 2016]. Đến năm 2018 - 2019, thâm hụt thương mại của Ấn Độ với Trung Quốc vẫn tiếp diễn. Theo số liệu của Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, giá trị nhập khẩu của Ấn Độ năm 2018 -2019 là 70,32 tỷ USD còn xuất khẩu cũng trong thời gian này chỉ đạt 16,75 tỷ USD [Department of Commerce, India, 2020]. *Hai là*, không chỉ vấn đề thâm hụt thương mại, mà trong quan hệ kinh tế Ấn - Trung, Ấn Độ cũng gặp bất lợi do là nước xuất khẩu nguyên liệu thô sang Trung Quốc trong khi mua hàng hóa sản xuất của Trung Quốc. *Ba là*, Ấn Độ cũng ở thế lưỡng nan trong quan hệ kinh tế với Trung Quốc bởi hiện nay Trung Quốc đang sử dụng thặng dư thương mại của mình với Ấn Độ để tài trợ cho việc kiềm chế Ấn Độ bằng cách xây dựng một hành lang kinh tế trị giá 46 tỷ USD ở Pakistan [Brahma Chellaney, 2016]. *Bốn là*, Ấn Độ cũng đang lo ngại về vấn đề “chính trị” trong các lĩnh vực và dự án đầu tư quan trọng của Trung Quốc ở Ấn

Độ. Và *năm là*, Trung Quốc có các động thái hạn chế các công ty Ấn Độ tiếp cận thị trường Trung Quốc đối với các lĩnh vực mà Ấn Độ có lợi ích cạnh tranh [*Economic Times*, 16 September 2014]. Hiện nay, Trung Quốc đang đề nghị Ấn Độ ký kết FTA song phương để thúc đẩy các hoạt động thương mại và tài chính, nhưng Ấn Độ vẫn chưa quyết định vì lo ngại điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các công ty Ấn Độ và thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước.

3.3.3 An ninh - quốc phòng

An ninh - quốc phòng là lĩnh vực cho thấy sự triển khai tổng hợp đồng thời và song song các chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiểm chế của Chính phủ Modi đối với Trung Quốc:

(i) Triển khai chính sách hợp tác

Mặc dù không phải là trọng tâm trong khía cạnh hợp tác giữa Ấn Độ và Trung Quốc nhưng cuộc tập trận chống khủng bố và các hoạt động cứu trợ Nhân đạo và thảm họa (HARD) giữa hai nước đã diễn ra dưới sự ủy quyền của Liên hợp Quốc. Bên cạnh đó, hai nước cũng triển khai các cuộc tập trận “Hand in Hand” (Tay trong tay). Cuộc tập trận này có ý nghĩa biểu tượng rất lớn cho mối quan hệ căng thẳng an ninh giữa hai nước, đó là giúp xây dựng và củng cố lòng tin giữa hai nước. Cuộc diễn tập này đã diễn ra 7 lần, trong đó năm 2004, 2016 và 2019 được tổ chức tại Ấn Độ, còn năm 2017 bị gián đoạn do căng thẳng 72 ngày tại cao nguyên Doklam.

Bên cạnh sự kiện này, Ấn Độ và Trung Quốc còn có các hoạt động hợp tác có tính “ngoại giao quân sự” sau: tháng 2/2016, trong Lễ duyệt binh Hải quân của Ấn Độ được thực hiện tại Visakhapatnam, hai tàu hải quân Trung Quốc đã tham gia. Ngày 13/11/2018, Đối thoại Quốc phòng và An ninh thường niên (ADSD) Ấn - Trung lần thứ 9 đã được tổ chức tại Bắc Kinh. Bên cạnh đó, tháng 4/2019, hai tàu hải quân của Ấn Độ, INS Kolkata và INS Shakti đã tham gia lễ duyệt binh hải quân của Trung Quốc tổ chức tại Thanh Đảo, Sơn Đông. Ngoài ra, Ấn Độ và Trung Quốc cũng có Cơ chế Đối thoại Cấp cao về Chống Khủng bố và An ninh. Cơ chế này đã tổ chức cuộc họp đầu tiên tại Bắc Kinh vào tháng 9/2016.

(ii) Triển khai chính sách quản lý xung đột đối với vấn đề biên giới

Khía cạnh xung đột được thể hiện rất rõ ở tranh chấp biên giới. Đây là khía cạnh xung đột có từ trước khi Thủ tướng Modi lên cầm quyền nhưng trong giai đoạn 2014-2019, khía cạnh xung đột này vẫn tiếp diễn và có những diễn biến mới, trong đó vấn đề biên giới giữa hai nước đang phát triển theo chiều hướng “hòa bình lạnh”.

Việc triển khai chính sách quản lý xung đột của Ấn Độ đối với Trung Quốc được thể hiện rất rõ trong cách xử lý vấn đề của Ấn Độ đối với sự kiện đụng độ ở cao nguyên Doklam (năm 2017), vấn đề Jammu và Karshmir (2019) và sự kiện ở thung lũng Galwan (tháng 5/2020).

Đối với sự kiện ở cao nguyên Doklam (tháng 6-8/2017)

Cao nguyên Doklam là một vùng đất trên dãy Himalaya gần ngã ba Bhutan, Tây Tạng và bang Sikkim của Ấn Độ - khu vực có vị trí chiến lược nổi bật trung tâm của Ấn Độ với 7 bang quan trọng ở khu vực Đông Bắc Ấn. Xung đột diễn ra khi Trung Quốc bắt đầu xây dựng một con đường trên lãnh thổ mà Buhtan tuyên bố chủ quyền tại cao nguyên Doklam - khu vực mà Trung Quốc coi là một phần lãnh thổ của mình nhưng Ấn Độ lại công nhận là một phần của Bhutan. Dự án này bị Buhtan phản đối. Với tư cách là đồng minh gần như duy nhất của Ấn Độ ở khu vực Nam Á, New Delhi ủng hộ tuyên bố của Buhtan và sau đó quyết định tăng quân số của mình ở khu vực này¹⁹. Sau hơn 70 ngày giàn quân ở biên giới kể từ ngày 16/6/2017, hai bên đã giải quyết ổn thỏa và đều rút quân khỏi khu vực tranh chấp. Một quan chức Bộ Ngoại giao Ấn Độ tuyên bố với hãng tin AP rằng hai bên đã đồng ý trở lại “nguyên trạng”. Như vậy, có thể thấy, đây là kiểu dàn quân “mặt đối mặt”, “bốn mắt nhìn nhau” để phô trương sức mạnh và để giúp “giữ nguyên hiện trạng” ở khu vực tranh chấp” [Lê Thị Hằng Nga, 20/8/2017].

¹⁹ Ấn Độ và Bhutan vốn có hiệp định về hợp tác được ký kết từ năm 1949 và đã ký lại vào năm 2007. Theo hiệp định đó, Ấn Độ được phép can thiệp vào các công việc của Bhutan để giúp bảo vệ an ninh cho Bhutan. Ngoài ra, trong sự kiện này phía Bhutan cũng đưa ra đề nghị Ấn Độ can dự để giúp họ giải quyết những lo ngại về an ninh của quốc gia. Bhutan cũng là nước duy nhất trong khu vực mà Trung Quốc không có mối quan hệ ngoại giao trực tiếp. Mọi việc với Bhutan, Trung Quốc phải giải quyết qua phái đoàn ngoại giao ở Delhi [Lê Thị Hằng Nga, 20/8/2017].

Tuy nhiên, theo nhiều đánh giá, đây là bước đi khôn ngoan của cả Ấn Độ và Trung Quốc, bởi nếu có xung đột quân sự diễn ra, đối với cả hai nước sẽ “mất nhiều hơn được”. Còn đối với Thủ tướng Modi, sự kiện này cho thấy hiệu quả của chính sách quản lý xung đột với Trung Quốc, thể hiện ở các lập trường:

Thứ nhất, quyết tâm giải quyết và quyết định can dự đúng thời điểm. Điều này được thể hiện quyết tâm của Ấn Độ rằng, New Delhi sẽ chấp nhận giải quyết bất đồng với Bắc Kinh nhưng sẽ không chấp nhận những nỗ lực đơn phương nhằm thay đổi hiện trạng từ phía Trung Quốc. Và giải quyết vấn đề chỉ được thực hiện thông qua biện pháp đàm phán. Hơn nữa, khi quyết định can dự giúp đỡ Bhutan, đây không chỉ đơn thuần là vấn đề đảm bảo cam kết trong quan hệ với Bhutan, bởi xét về khía cạnh an ninh, con đường mà Trung Quốc tiến hành xây dựng có khả năng cắt đứt dải đất hẹp nối vùng trung tâm của Ấn Độ với các bang Đông Bắc Ấn trong trường hợp xảy ra chiến tranh, còn ở góc độ chiến lược, hành động của Trung Quốc vừa là phép thử đối với các cam kết của Ấn Độ đối với các đối tác truyền thống ở Nam Á, vừa là bài toán thử đối với vai trò chính trị và an ninh ở New Delhi ở khu vực ảnh hưởng truyền thống của mình .

Thứ hai, kiềm chế. Mặc dù, một chính sách quyết đoán là rất cần thiết, nhưng xét về tổng thể và lợi ích lâu dài thì kiềm chế cũng vậy. Trong sự kiện ở Doklam, trước các hành động và các tuyên bố có tính “răn đe” của Trung Quốc khi truyền thông nhà nước của Trung Quốc đã liên tục đề cập đối với New Delhi về những hậu quả nghiêm trọng nếu nước này không chịu rút quân. Trong bối cảnh đó, Ấn Độ vẫn rất kiềm chế và hạn chế những lời lẽ có tính chất trả đũa - vốn có thể làm leo thang tình hình nhằm kiềm chế các hoạt động có tính hung hăng của Trung Quốc đối với Bhutan và làm phức tạp thêm quan hệ Ấn - Trung.

Thứ ba, tăng cường năng lực để luôn sẵn sàng ứng phó và không bị động. Giải quyết vấn đề phức tạp và nhạy cảm như vấn đề biên giới đòi hỏi việc sử dụng tổng hợp các công cụ ngoại giao, quân sự và các năng lực khác nhằm gây sức ép lên đối phương. Trái ngược với cuộc chiến tranh biên giới năm 1962, lúc đó Ấn Độ ở trong thế bị động và năng lực kinh tế và quân sự cũng yếu kém hơn Trung Quốc nên thất

bại trong cuộc chiến tranh chớp nhoáng với Bắc Kinh. Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã khác, mặc dù chưa thể ngang bằng với Trung Quốc về sức mạnh kinh tế và quân sự nhưng hoàn toàn đủ khả năng để đáp trả các động thái có tính gây hấn của Trung Quốc mà không bị rơi vào thế bị động. Trong bối cảnh đang diễn ra căng thẳng ở Doklam, phát biểu tại Lễ kỷ niệm Ngày độc lập Ấn Độ, Thủ tướng Modi nhấn mạnh: “*An ninh đất nước là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Dù là đường biển hay biên giới, không gian hay không gian mạng, Ấn Độ hiện nay có khả năng giải quyết mọi thách thức an ninh*” [dnaindia.com, August 18, 2017]. Sự sẵn sàng can dự của Ấn Độ đối với sự kiện ở cao nguyên Doklam cũng là câu trả lời của New Delhi đối với Bắc Kinh về sức mạnh quân sự và kinh tế hiện nay của nước này.

Và thứ tư, quản lý xung đột để hợp tác. Chính phủ Modi hoàn toàn nhận thức được rằng, biên giới chỉ là một phần quan trọng trong mối quan hệ của một Ấn Độ đang nổi lên và một Trung Quốc đang trỗi dậy. Do vậy, cạnh tranh và tiềm ẩn xung đột chỉ là một chiều cạnh khác trong mối quan hệ đa diện Ấn - Trung. Nên quản lý xung đột không phải là thụ động đối phó, mà bước đi để tạo ra các kênh để giải quyết xung đột, mâu thuẫn cũng như mở ra cánh cửa hợp tác trong lĩnh vực khác.

Đối với vấn đề Jammu và Kashmir

Jammu và Kashmir là khu vực lãnh thổ đang có tranh chấp giữa Ấn Độ và Pakistan. Trung Quốc liên quan đến vấn đề này do: mục tiêu quốc tế hóa vấn đề Jammu và Kashmir của Pakistan; với tư cách là “đối tác chiến lược mọi hoàn cảnh”, Pakistan đã yêu cầu sự hỗ trợ từ Trung Quốc trước sự kiện Ấn Độ sửa đổi hiến pháp và biến Jammu và Kashmir từ một tiểu bang có quyền tự chủ tương đối trở thành một lãnh thổ liên minh, chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền trung ương.

Cụ thể, vào tháng 8/2019, sau khi được sự chấp thuận của Hạ viện và Tổng thống, Chính phủ Modi đã chính thức bãi bỏ điều 370 và Điều 35A của Hiến pháp, theo đó trao cho bang Jammu và Kashmir các quyền đặc biệt trong liên bang Ấn Độ. Điều này có nghĩa, Chính phủ Ấn Độ biến Jammu và Kashmir từ một tiểu bang có quyền tự chủ tương đối trở thành một lãnh thổ liên minh, chịu sự quản lý trực tiếp của chính quyền trung ương và biến Ladakh - khu vực tranh chấp giữa Ấn Độ và Trung Quốc

nằm trọn ở phía Đông của bang Jammu và Kashmir - thành một lãnh thổ liên minh độc lập, tách rời khỏi bang Jammu và Kashmir, chịu sự quản lý trực tiếp của New Delhi [*Press Information Bureau*, 2019, August 6]. Phản ứng trước sự kiện này, đề quốc tế hóa vấn đề, Ngoại trưởng Pakistan đã đến Bắc Kinh và có động thái kêu gọi sự hỗ trợ từ Trung Quốc, sau đó phát ngôn viên của Trung Quốc đã chỉ trích động thái của Ấn Độ đối với Ladakh và nhấn mạnh rằng: “*điều này thách thức các lợi ích chủ quyền của Trung Quốc*” [Vinay Kaura, 2020, p.6]. Trước tuyên bố của Trung Quốc, Chính phủ Modi đã ra thông cáo: “*Ấn Độ không can dự vào công việc nội bộ của các quốc gia khác, nên hi vọng các quốc gia khác cũng nên hành động như vậy*” [Chaudhury, 2019b]. Điều này tiếp tục được khẳng định trong chuyến thăm Trung Quốc của Ngoại trưởng Jaishankar năm 2019. Theo *Tân hoa xã*, Ngoại trưởng Vương Nghị tiếp tục nêu lên quan điểm của Bắc Kinh đối với Kashmir và hi vọng Ấn Độ sẽ “*đóng vai trò mang tính xây dựng đối với hòa bình và ổn định khu vực*” [Xinhua, 2019]. Ngoại trưởng Jaishankar đã trả lời với người đồng cấp Trung Quốc rằng: “*những thay đổi lập pháp liên quan đến Jammu và Kashmir là vấn đề nội bộ của Ấn Độ... và không liên quan đến LAC với Trung Quốc*” [Ministry of External Affairs, 2019a, August 12]. Động thái này cho thấy, Ấn Độ sẽ không chấp nhận sự can thiệp hoặc các hành động phi lý của Trung Quốc đối với vấn đề Jammu và Kashmir.

Việc Chính phủ Modi bãi bỏ điều 370 và Điều 35A của Hiến pháp, liên quan đến vấn đề Jammu và Kashmir đã tạo ra một bất đồng mới giữa Ấn Độ và Trung Quốc²⁰. Bắc Kinh đã lên tiếng ủng hộ Pakistan và giúp đỡ Pakistan trong việc quốc tế hóa vấn đề Kashmir bằng cách tìm kiếm sự can thiệp của Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc (UNSC) đối với động thái của Ấn Độ nhằm thay đổi hiện trạng của Jammu và Kashmir. Tuy nhiên các nỗ lực chung của Trung Quốc và Pakistan đã thất bại vì trong cuộc họp diễn ra vào ngày 16/8/2019, hầu hết các thành viên của UNSC cho rằng không cần thiết phải có bất kỳ tuyên bố hoặc tham vấn nào đối với vấn đề Jammu và

²⁰ Hiện nay, Trung Quốc đang kiểm soát Thung lũng Shaksgam thuộc khu vực Kashmir do Pakistan kiểm soát (PoK) do được Pakistan nhượng lại cho Trung Quốc theo thỏa thuận biên giới năm 1963, tuy nhiên Ấn Độ không công nhận điều này. Thỏa thuận này đã mở đường cho việc xây dựng Đường cao tốc Karakoram giữa Trung Quốc và Pakistan.

Kashmir [News18, 2019]. Đến tháng 1/2020, Trung Quốc tiếp tục một nỗ lực khác tại Liên hợp Quốc để quốc tế hóa vấn đề Kashmir nhưng vẫn thất bại bởi 14 thành viên khác của UNSC cho rằng, vấn đề này không cần phải thảo luận thêm [Mohan, 2020]. Sau đó, Bộ Ngoại giao Ấn Độ đã ra thông cáo rằng, Kashmir là vấn đề song phương giữa Ấn Độ và Pakistan, Bộ Ngoại giao Ấn Độ yêu cầu “*Trung Quốc chấp nhận sự đồng thuận toàn cầu (global consensus) về Kashmir và tránh nêu vấn đề này tại Liên hợp Quốc*” [Associated Press, 2020]. Sự kiện này được xem là một thành công ngoại giao của Chính phủ Modi đối với Trung Quốc. Bởi qua sự kiện này cho thấy, Ấn Độ không những nhận được sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế mà còn tiếp tục duy trì các khía cạnh quan hệ khác với Trung Quốc bất chấp những bất đồng về vấn đề biên giới khi năm 2019 vẫn được hai nước tổ chức 70 hoạt động để kỷ niệm 70 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, trong đó, năm 2020 được lãnh đạo hai nước đồng ý là “Năm giao lưu nhân dân và văn hóa Ấn - Trung” [Ministry of External Affairs, 2019b].

Đối với sự kiện ở thung lũng Galwan (tháng 5/2020)

Trong sự kiện này, mặc dù vẫn duy trì chính sách quản lý xung đột nhưng phản ứng của Ấn Độ quyết đoán hơn. Cuộc đụng độ này diễn ra trong bối cảnh cả Ấn Độ và Trung Quốc đang mở rộng cơ sở hạ tầng quân sự ở khu vực biên giới. Từ khi trở thành Thủ tướng Ấn Độ (2014), Modi đã quyết định xây dựng và mở rộng các con đường ở 4 khu vực biên giới, trong phạm vi 100km của LAC ở Arunachal Pradesh và Sikkim ở phía Đông, Himachal Pradesh và Uttarakhand ở phía Tây. Các dự án ở đây triển khai khá chậm tuy nhiên từ sau vụ đụng độ với Trung Quốc ở cao nguyên Doklam (2017), các dự án này được đẩy mạnh, với trọng tâm là xây dựng cơ sở hạ tầng quân sự như mở đường, tiền đồn biên giới, hàng rào, bãi đỗ xe, đèn pha,... cũng như các dự án hạ tầng dân sự như mở đường, bến bãi đỗ xe. Thung lũng Galwan, nằm ở vùng Ladakh, dọc theo LAC giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Cuộc đụng độ bắt đầu vào ngày 5-6/5/2020 khi xảy ra xô xát giữa các đội tuần tra của Ấn Độ và Trung Quốc bên bờ phía Bắc của hồ Pangong Tso thuộc khu vực Ladakh. Đến giữa tháng 6/2020 thì tình hình ở biên giới được kiểm soát. Kể từ năm 1975, đây là cuộc xung đột đầu tiên dẫn đến thương vong binh lính của cả hai bên, là sự leo thang quân sự căng thẳng nhất

giữa hai nước trong gần nửa thập kỷ qua. Theo đó, ít nhất 20 binh lính Ấn Độ thiệt mạng, còn Trung Quốc thì không đưa ra con số chính thức [Vinay Kaura, 2020, p.2]. Sự kiện này dường như làm sụp đổ những kết quả của hai hội nghị thượng đỉnh không chính thức giữa Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình năm 2018 và 2019 đồng thời thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức của giới chính sách Ấn Độ đối với Bắc Kinh.

Trước khi diễn ra đụng độ ở Ladakh, về tổng thể Chính phủ Modi luôn duy trì cách tiếp cận “đồng thuận Vũ Hán” với Trung Quốc. Tuy nhiên, sau sự kiện này, Ấn Độ đã có bắt đầu có các động thái “tra đũa”. Cụ thể, các dự án cơ sở hạ tầng ở Ấn Độ do các nhà thầu Trung Quốc thực hiện đã bị đình chỉ hoặc thu hồi. Khoảng 60 ứng dụng của Trung Quốc cũng bị cấm hoạt động ở Ấn Độ [Sunil, S., & Beniwal, V., 2020, July 1]. Thậm chí đối với vấn đề Hồng Kông, tại cuộc họp của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp Quốc (UNHRC) ở Geneva ngày 1/7/2020, đại diện thường trực của Ấn Độ tại Liên hợp Quốc phát biểu: “*chúng tôi (Ấn Độ) đang theo dõi chặt chẽ những diễn biến gần đây ở Hồng Kông*” và mặc dù không trực tiếp đề cập đến Trung Quốc nhưng nhấn mạnh rằng: “*Ấn Độ hy vọng rằng các bên liên quan sẽ xem xét, giải quyết vấn đề một cách đúng đắn, nghiêm túc và khách quan*” [ANI, 2020 July 1]. Bằng các biện pháp kinh tế và chính trị, Ấn Độ đang có những bước đi quyết đoán hơn trong quan hệ với Trung Quốc.

(iii) Triển khai chính sách cân bằng quyền lực và kiềm chế ở cấp độ hệ thống

Yếu tố cạnh tranh thể hiện ở khía cạnh nhiều khía cạnh. *Thứ nhất*, mặc dù về kinh tế, Ấn Độ không phải là đối thủ “*nặng ký*” của Trung Quốc, nhưng ở khía cạnh chính trị, New Delhi vẫn duy trì một sự hiện diện, ảnh hưởng mạnh mẽ ở khu vực biên giới của cả Ấn Độ và Trung Quốc, đặc biệt là ở Nam Á. *Thứ hai*, cạnh tranh trong quan điểm giữa hai nước về tư cách thành viên của Ấn Độ tại Hội đồng Bảo an Liên hợp Quốc, Nhóm các nước cung cấp hạt nhân, sự chia sẻ các lợi ích toàn cầu, tự do hàng hải, tôn trọng pháp luật quốc tế và cách tiếp cận để ứng phó với chủ nghĩa khủng bố. *Thứ ba*, sự tăng trưởng kinh tế nhanh của hai đối thủ ở châu Á, và sự đối lập về hệ thống quản trị - trong khi quyền lực chính trị ở Trung Quốc ngày càng tập trung thì ở chiều ngược lại Ấn Độ ngày càng mở rộng và khẳng định các giá trị dân chủ. *Thứ tư*, là cạnh tranh ảnh hưởng chiến lược ở các địa bàn, khu vực có lợi ích của hai nước.

Nếu trong lịch sử, Trung Quốc được xem là một thách thức trên lục địa xét về mặt quân sự của Ấn Độ, thì hiện nay, Bắc Kinh đang trở thành một thách thức cả trên lục địa lẫn trên biển/đại dương đối với New Delhi. Trong đó, Ấn Độ Dương được xem là địa bàn cạnh tranh của hai nước. Các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng của Trung Quốc ở các láng giềng trực tiếp của Ấn Độ là Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka và Myanmar trong thập kỷ qua cùng với việc thiết lập căn cứ quân sự ở nước ngoài đầu tiên của Trung Quốc ở Djibouti gần đây đã khiến Ấn Độ lo ngại về việc bị Trung Quốc bao vây quân sự trên biển [James R Holmes, 2008, pp.367-394]. Ngoài ra, việc Trung Quốc ngày càng nỗ lực quân sự hóa và các hoạt động có tính gây hấn ở Biển Đông cũng sẽ giúp Bắc Kinh có khả năng triển khai sức mạnh quân sự của mình ở eo biển Malacca trong tương lai gần. Đây chính là thách thức trực tiếp đối với lợi ích và an ninh hàng hải của Ấn Độ. Từ trước đến nay, Ấn Độ luôn có lợi thế hơn so với Trung Quốc ở eo biển Malacca do Ấn Độ có căn cứ quân sự ba binh chủng ở Port Blair (quần đảo Andaman và Nicobar). Mặc dù Ấn Độ khó có thể thực hiện chiến lược “phong tỏa biển” hoặc “kiểm soát biển” đối với Trung Quốc ở eo biển Malacca hoặc các địa bàn khác ở Ấn Độ Dương, nhưng Ấn Độ đang tăng cường năng lực quân sự và xây dựng quan hệ đối tác với các quốc gia có cùng chí hướng như Mỹ để tăng cường khả năng răn đe đối với đối thủ của mình. Nhận thức được bản chất lâu dài của thách thức từ Trung Quốc đối với Ấn Độ ở Ấn Độ Dương trong bối cảnh sự bất cân xứng sức mạnh ngày càng gia tăng giữa hai nước, đại sứ Ấn Độ tại Mỹ từ năm 2007 đã nhấn mạnh rằng “khía cạnh Thái Bình Dương của Mỹ nên được đưa vào chính sách hướng Đông của Ấn Độ” [Ronen Sen, 28 June 2007], còn Thủ tướng Singh cũng khẳng định vai trò của Ấn Độ là “chủ thể cung cấp an ninh” ở Ấn Độ Dương [Vinay Kumar, 2013] và động thái này của Ấn Độ cũng được Mỹ ủng hộ. Các chính sách này của các chính phủ tiền nhiệm đã và đang được Thủ tướng Modi tiếp tục kế thừa và phát triển, được thể hiện rõ qua tuyên bố “tầm nhìn chung về châu Á và Ấn Độ Dương” với Mỹ [The White House, 25 January 2015]. Cạnh tranh chiến lược ở Nam Á, quyền lực khu vực của Ấn Độ đã phần nào bị suy yếu bởi sự tham gia kinh tế ngày

càng tăng của Trung Quốc với các nước láng giềng của Ấn Độ là Bangladesh, Maldives, Nepal, Pakistan và Sri Lanka.

Cạnh tranh ảnh hưởng ở Ấn Độ Dương - khu vực vốn được xem là vùng ảnh hưởng truyền thống, “*sân sau chiến lược*”, “*miền hợp pháp*” và “*vận mệnh hiển nhiên*” của Ấn Độ” [Asia-Pacific Center for Security Studies, 2003]. Ở địa bàn cạnh tranh này, mặc dù Ấn Độ có lợi thế hơn Trung Quốc do nằm ở vị trí chiến lược ở Ấn Độ Dương cũng như SLOCs quan trọng gồm cả “*con đường tơ lụa trên biển*” của Trung Quốc nhưng ở chiều ngược lại, Trung Quốc có lợi thế về mặt kinh tế thông qua các khoản viện trợ, đầu tư và những đòn bẩy khác với các quốc đảo ở đây. Hiện nay “*con đường tơ lụa trên biển*” là “*murú k  con ngựa thành Troy*” (ám chỉ hành động nghi binh) đề b nh trư ng vị thế địa chính trị của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương” [TTXVN, 13/1/2005] thông qua đẩy mạnh hiện diện và phát triển các tuyến vận tải biển, hành lang năng lượng xuyên lục địa thông qua Trung Á, được các nhà phân tích Mỹ gọi là “*Chuỗi ngọc trai*” của Trung Quốc. Để đối trọng, cạnh tranh với Trung Quốc, Ấn Độ cũng đang đề cập đến một kế hoạch mang tên “*chiếc vòng cổ kim cương*” [Dalbir Ahlawat, 12 July 2012], với các căn cứ ở nội địa như Kochi, Karwar, Mumbai và Vishakhapatnam và với các quốc đảo ở Ấn Độ Dương - Lakshadweep, quần đảo Andaman, quần đảo Nicobar, quan hệ đối tác với Seychelles, Mauritius, Madagascar và Oman như một gọng kìm đối với Trung Quốc.

Bên cạnh Nam Á/Ấn Độ Dương, cạnh tranh chiến lược giữa hai nước còn thể hiện ở các địa bàn khác như như Đông Nam Á, Trung Á, châu Phi, Mỹ Latinh. Ở những địa bàn này, Trung Quốc có ưu thế vượt trội hơn so với Ấn Độ bởi sức mạnh kinh tế, và mặc dù là nước đi sau nhưng Ấn Độ vẫn kiên trì cạnh tranh. Ở các khu vực này, trong khi đối với Trung Quốc là những bước đi chiến lược đầy toan tính (thông qua BRI), thì Ấn Độ chủ yếu là những phản ứng mang tính chiến thuật.

Tiểu kết chương 3

Như vậy, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi là một tập hợp các phản ứng chiến lược và sự thay đổi sách lược đối với một nước láng giềng đang trỗi dậy quyết đoán. Dựa trên cách tiếp cận thực dụng, nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia trên hết và nhìn nhận Trung Quốc vừa là đối tác, vừa là đối thủ nên việc triển khai đồng thời bốn chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiềm chế ảnh hưởng là những bước đi mang tính chiến lược của Chính phủ Modi. Trong chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc đấu tranh là yếu tố cần thiết trong khi hợp tác là một lựa chọn khi có thể. Hiện nay, thứ nhất, Ấn Độ và Trung Quốc là láng giềng, hai nước không thể không có vấn đề. Thứ hai, cả hai nước đều là nước lớn, trỗi dậy đồng thời, do đó, quan hệ hai nước sẽ vừa là đối tác hợp tác vừa là đối thủ cạnh tranh, hợp tác và cạnh tranh sẽ cùng tồn tại và trở thành trạng thái bình thường trong quan hệ hai nước [TTXVN, 2018, tr.69-70]. Do đó, một đặc điểm dễ thấy trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc là chính sách hợp tác được triển khai đồng thời với chính sách kiềm chế. Nguyên nhân là do sự chi phối bởi lợi ích kinh tế và cách tiếp cận thực dụng trong quan hệ với Bắc Kinh của New Delhi. Điều này tác động trực tiếp đến cách hành xử của New Delhi đối với Bắc Kinh ở cấp độ song phương và đa phương.

So với giai đoạn trước chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi không có sự thay đổi nhiều về bản chất, mà do tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực đã thúc đẩy Ấn Độ có những điều chỉnh mang tính chiến thuật trong ngắn hạn để phù hợp với chiến lược trong dài hạn và thích ứng với tình hình khu vực và quốc tế. Nhưng những điều chỉnh mang tính chiến thuật này tác động tích cực đến mối quan hệ song phương hai nước, đặc biệt là trong vấn đề biên giới và quan hệ kinh tế. *Điều đó cho thấy, chỉ khi không xung đột, không đối đầu, tôn trọng lẫn nhau và hợp tác cùng thắng thì Ấn - Trung mới có thể duy trì mối quan hệ láng giềng ổn định ở châu Á.* Nhưng trong tương lai gần, điều này khó xảy ra. Do đó, cạnh tranh, hợp tác, xung đột và ngăn chặn sẽ tiếp tục là những khía cạnh đan xen, trong đó yếu tố vừa hợp tác vừa cạnh tranh là rõ nét nhất.

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT CHÍNH SÁCH CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC (2014 - 2019) VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

Trên cơ sở các nội dung đã được trình bày ở ba chương trước, chương này sẽ nhận xét, đánh giá lại chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc, rút ra những đặc điểm chính sách đối ngoại của Ấn Độ, qua đó chỉ ra những thành tựu và hạn chế của chính sách cũng như những tác động của chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc đến khu vực.

4.1 Đánh giá chung

Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc trong nhiệm kỳ I (2014 - 2019) của Thủ tướng Modi có những vấn đề nổi bật sau:

Một là, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc không chỉ là kết quả của sự tác động tổng hợp các nhân tố bên trong và bên ngoài mà đây còn là sản phẩm của tư duy chiến lược Ấn Độ dưới sự ảnh hưởng của bối cảnh lịch sử, văn hóa chiến lược quốc gia, nền tảng tư tưởng, các lực lượng kinh tế, chính trị, xã hội cũng như thế giới quan của Narendra Modi. Những điều này đã định hướng mục tiêu, nguyên tắc, nội dung cũng như quá trình triển khai và hiệu quả chính sách. Do đó, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc không chỉ là chiến lược chủ động bởi sự tác động của các yếu tố bên trong và bên ngoài mà còn là sự phản ứng đối với tình thế, là các động thái có tính chủ động, phản ánh văn hóa chiến lược của Ấn Độ.

Hai là, bên cạnh các yếu tố cấp độ hệ thống và khu vực, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc chịu ảnh hưởng rõ nét của yếu tố cá nhân Thủ tướng Modi. Điều này được thể hiện ở các điểm sau: thứ nhất, Thủ tướng Modi là người có tính cách quyết đoán, và chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi yếu tố này. Thứ hai, chính sách đối với Trung Quốc chịu ảnh hưởng của thế giới quan cá nhân Thủ tướng Modi về sự phức tạp của hệ thống quốc tế đương đại. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại nói chung của Ấn Độ mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cách hành xử của New Delhi đối với Bắc Kinh ở cấp độ khu vực cũng như toàn cầu, ở khía cạnh hợp tác kinh tế song phương

và phối hợp trong các thể chế đa phương của thế giới cũng như vấn đề lãnh thổ, an ninh.

Ba là, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi là một tập hợp các phản ứng chiến lược của một nước lớn đang trỗi dậy với một quốc gia láng giềng, một nước lớn đang trỗi dậy quyết đoán ở cấp độ toàn cầu. Các tập hợp phản ứng này bao gồm chính sách hợp tác khi nhìn nhận Trung Quốc là đối tác, chính sách kiềm chế, duy trì hiện trạng khi nhìn nhận Bắc Kinh là đối thủ, chính sách cân bằng quyền lực bởi cách tiếp cận xem Trung Quốc đối trọng và chính duy trì hiện trạng và quản lý xung đột khi đặt Trung Quốc là chủ thể có tranh chấp biên giới và là thách thức an ninh của Ấn Độ. Trong đó, một trong những chính sách trọng điểm của Ấn Độ với Trung Quốc là yếu tố vừa hợp tác vừa đấu tranh ở đa lĩnh vực thông qua đa công cụ được triển khai ở đa cấp độ. Các chính sách này không chỉ là công cụ để đảm bảo lợi ích quốc gia mà còn phản ánh nhận thức của Ấn Độ đối với Trung Quốc.

Bốn là, về tổng thể, chính sách Ấn Độ nhìn nhận Trung Quốc là “đối thủ” hơn là “đối tác” và là “đối tượng” nên cần có chính sách “quyết đoán” hơn. Nên ngoại giao đa phương là yếu tố cần thiết để Ấn Độ tiếp tục tăng cường quan hệ chiến lược với Mỹ và các quốc gia có “cùng chí hướng” khác để tìm kiếm một vị thế vững chắc hơn trong đối phó với Trung Quốc [Center for Policy Research, February 29, 2012]. Cách tiếp cận trong chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc tập trung vào 3 vấn đề chính: duy trì ổn định quan hệ chính trị, thúc đẩy hợp tác kinh tế song song với cạnh tranh về ảnh hưởng địa chính trị ở châu Á với Trung Quốc và giải quyết bất đồng dựa trên sự thỏa hiệp giữa hai nước.

Trong quá trình triển khai chính sách, Chính phủ Modi đã kết hợp ngoại giao song phương và ngoại giao liên minh. Ngoại giao song phương thể hiện ở chỗ, ông luân phiên kết hợp hài hòa giữa yếu tố hợp tác và cạnh tranh trong quan hệ trực tiếp với Trung Quốc. Còn ngoại giao liên minh thể hiện quan điểm cứng rắn song phương của New Delhi đối với Bắc Kinh hướng đến xây dựng các liên minh (chứ không phải xây dựng các đồng minh) với các đối tác có “cùng chí hướng” (like minded) nhằm tăng cường khả năng thương lượng của Ấn Độ trong các “đàm phán” với Trung Quốc.

Chính sách đối với Trung Quốc của Thủ tướng Modi được triển khai song song ở cả hai khía cạnh: ngoại giao song phương và ngoại giao liên minh (coalition diplomacy). Về khía cạnh song phương, Modi đã kết hợp song song và xen kẽ giữa hợp tác và kiềm chế/ngăn chặn: nghĩa là vừa hợp tác với Trung Quốc ở cấp song phương nhưng thể hiện sự ngăn chặn/kiềm chế, thể hiện công khai các bất đồng với Bắc Kinh một cách quyết đoán đồng thời tăng cường quan hệ với các quốc gia có mâu thuẫn lợi ích hoặc xung đột với Trung Quốc. Về khía cạnh ngoại giao liên minh, trong khi các chính phủ tiền nhiệm bắt đầu xây dựng các liên minh thông qua chính sách Hành động phía Đông vào những năm 90 của thế kỷ XX, thì Modi đã cam kết Ấn Độ không chỉ “hướng Đông” mà cần “hành động phía Đông” nhằm hợp tác với các nước Đông Á, Đông Nam Á và xa hơn là hợp tác với các cường quốc khu vực nhằm kiềm chế Trung Quốc [Narendramodi.in, 2018].

Năm là, đánh giá về sự kế thừa, tiếp nối chính sách của Thủ tướng Modi so với các chính phủ tiền nhiệm

Chính sách của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc là sự kế thừa, tiếp nối chính sách của các chính phủ tiền nhiệm điển hình là Thủ tướng M. Singh và Thủ tướng Vajpayee. Sự tiếp nối và kế thừa thể hiện thể hiện ở các điểm sau:

(i) Thủ tướng Modi tiếp tục áp dụng cách tiếp cận vừa cứng rắn vừa sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc về các vấn đề song phương và triển khai chính sách cân bằng quyền lực ở cấp độ đa phương.

(ii) Thủ tướng Modi tiếp tục tiếp nối cách tiếp cận của Thủ tướng M. Singh với Trung Quốc trong ba vấn đề trong quan hệ hai nước: *một là*, ổn định quan hệ chính trị; *hai là*, thúc đẩy quan hệ kinh tế và *ba là* cạnh tranh ảnh hưởng địa chính trị ở châu Á và bốn là giải quyết vấn đề biên giới [Sinderpal Singh, 2016, tr.3-4]. Trong đó, trong vấn đề biên giới thể hiện rất rõ việc tiếp nối chính sách của Modi so với các chính phủ tiền nhiệm, khi ông tiếp tục nhấn mạnh rằng, biên giới là “vấn đề cố hữu” cần được giải quyết triển để trong quan hệ hai nước. Thậm chí sự kế thừa còn được thể hiện ở các cơ chế giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Khi từ năm 1993 đến nay, tranh chấp biên giới Ấn - Trung chủ yếu được quản lý bởi khuôn khổ liên quan

đến Thỏa thuận duy trì hòa bình dọc theo Đường kiểm soát thực tế ở biên giới Ấn - Trung năm 1993, các cuộc đàm phán của nhóm chuyên gia và Cơ chế đại diện đặc biệt (SR) từ năm 2003. Mặc dù, dưới thời Modi, Ấn Độ và Trung Quốc đã nhấn mạnh về việc tìm ra một giải pháp công bằng, hợp ký và được cả hai bên chấp nhận nhưng vấn đề biên giới giữa hai nước vẫn chủ yếu được quản lý bởi các cơ chế này.

(iii) Sự tiếp nối về cách tiếp cận thực dụng, nhấn mạnh đến hợp tác kinh tế, thương mại của chính phủ của Liên minh tiến bộ Thống nhất trong một thập niên trước (giai đoạn 2004 - 2014). Trên thực tế, cách tiếp cận hiện nay của Ấn Độ đối với Trung Quốc đã được Thủ tướng Rajiv Gandhi (Đảng Quốc đại) đặt nền móng trong chuyến thăm Trung Quốc năm 1988. Khi đó, lãnh đạo hai nước đã nhấn mạnh “*thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương sẽ chỉ đến sau khi Trung Quốc, Ấn Độ và các nước khác trong khu vực phát triển*” [Tan Chung, 2015, p.252]. Nói cách khác, lãnh đạo hai nước đã quyết định bắt đầu quá trình hợp tác kinh tế và “gác lại” những tranh cãi còn tồn đọng trong quan hệ hai nước (bao gồm cả vấn đề biên giới). Tuy nhiên, trên thực tế, song song với cách tiếp cận thực dụng này, Thủ tướng Rajiv Gandhi cũng tiến hành hiện đại hóa quân đội để rút ngắn khoảng cách ngày càng tăng với Trung Quốc. Và hiện nay, mặc dù có những điều chỉnh mang tính chiến thuật và chiến lược nhưng về tổng thể, Thủ tướng Modi vẫn tiếp nối cách tiếp cận của chính quyền tiền nhiệm đối với Trung Quốc.

Sáu là, đánh giá về sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi so với các chính phủ tiền nhiệm

Từ sự tác động của các nhân tố mới từ cấp độ hệ thống, quốc gia và cá nhân, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi đã có nhiều điều chỉnh so với các chính phủ tiền nhiệm, với nhiều điểm mới, *trước hết*, đó là mục tiêu hướng đến quan hệ đối tác chia sẻ, chia sẻ trách nhiệm; *thứ hai*, Thủ tướng Modi đặt Ấn Độ ở vị thế ngang bằng/đồng đẳng với Trung Quốc trong “*trạng thái cân bằng châu Á*” (*Asian equilibrium*); *thứ ba*, hướng tới hợp tác “song phương trên cấp độ toàn cầu”, tăng cường “quan hệ đối tác phát triển” dựa trên “quan hệ đối tác bền vững”; *thứ tư*, từ cách tiếp cận phòng thủ chuyển sang “kiểm soát gây hấn”; *thứ năm*

là đối tác ngang hàng/đồng đẳng. Những điều chỉnh này vừa là nét mới vừa là khuôn khổ quan hệ Ấn - Trung dưới thời Thủ tướng N. Modi. Thủ tướng Modi nhấn mạnh về sự hợp tác đa lĩnh vực, đối tác phát triển ở cấp độ toàn cầu với vị thế ngang bằng, đồng đẳng với Trung Quốc trong bối cảnh Trung Quốc đang ngày càng vượt Ấn Độ về sức mạnh tổng hợp quốc gia. Bản chất của mối quan hệ đối tác này là nhằm thúc đẩy các mối liên hệ kinh tế lên cấp độ cao hơn, khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước xích lại gần nhau hơn và tạo dựng mạng lưới hiểu biết trên các diễn đàn kinh tế khu vực và toàn cầu nhằm làm cho mối quan hệ đối tác trở nên ‘bền vững’ và toàn diện.

Bảy là, về phản ứng chính sách của Trung Quốc đối với sự triển khai chính sách của Ấn Độ. Về tổng thể, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách hợp tác về kinh tế và ở các thể chế đa phương với Ấn Độ. Và nhìn nhận Ấn Độ là một chủ thể có vai trò quan trọng ở châu Á khi luôn đưa ra lời mời New Delhi tham gia BRI. Mặt khác, Trung Quốc vẫn duy trì chính sách cứng rắn nhằm kiềm chế Ấn Độ. Rõ nét nhất là việc Bắc Kinh tiếp tục cản nỗ lực trở của Ấn Độ trong việc trở thành thành viên của Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc và Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân. Đặc biệt, vấn đề biên giới, đẩy các căng thẳng ở vấn đề biên giới tiếp tục là con bài mà Trung Quốc sử dụng nhằm “răn đe” đối với các động thái đến gần hơn với Mỹ của Ấn Độ.

Và tám là, chính sách của Thủ tướng Modi đối với Trung Quốc tác động trực tiếp đến quan hệ Ấn - Trung. Hiện nay, xét một cách tổng thể, quan hệ Ấn Độ và Trung Quốc hiện nay là *mối quan hệ “ấm” về kinh tế, “lạnh” về chính trị - an ninh* khi luôn ở trong tình trạng nghi kỵ và có những mâu thuẫn có tính cấu trúc như cạnh tranh ảnh hưởng tại châu Á, bất đồng liên quan tới chủ quyền lãnh thổ tại khu vực biên giới trên đất liền và cạnh tranh về lợi ích chiến lược ở Ấn Độ Dương. Dưới thời Thủ tướng Modi, quan hệ Ấn - Trung đã phát triển theo chiều hướng khá ổn, nhưng vẫn trong khuôn khổ “hòa bình lạnh” bởi các xung đột chính trị vẫn chưa được giải quyết triệt để, xung đột lẻ tẻ dọc biên giới vẫn diễn ra. Mặt khác, cách tiếp cận hòa giải hiện nay của Ấn Độ đối với Trung Quốc, phần lớn do bối cảnh kinh tế toàn cầu và an ninh khu vực [Shyam Saran, 2018] hơn là vì lợi ích của cả hai bên. Các cam kết ngoại giao

hiện nay giữa hai nước mặc dù không đảm bảo cho một mối quan hệ ổn định, bền vững nhưng là những bước đi tích cực để quản lý căng thẳng giữa hai người khổng lồ châu Á trong tầm ngắn và trung hạn. Do đó, có thể thấy rằng, dưới thời Thủ tướng Modi, bản chất của mối quan hệ Trung - Ấn hầu như không thay đổi, điều thay đổi là bối cảnh quốc tế và khu vực đã thúc đẩy hai bên có những điều chỉnh mang tính chiến thuật trong ngắn hạn để phù hợp với chiến lược trong dài hạn và thích ứng với tình hình khu vực và quốc tế. Nhưng những điều chỉnh mang tính chiến thuật này tác động tích cực đến mối quan hệ song phương hai nước, đặc biệt là trong quan hệ kinh tế. Nhưng trong tương lai gần, điều này khó xảy ra bất chấp những nỗ lực của cả hai bên. Trong tầm ngắn hạn, không có khả năng cho có bước đột phá lớn (điển hình là giải quyết triệt để vấn đề biên giới) trong quan hệ Ấn - Trung. Theo đó, *hợp tác, cạnh tranh, xung đột và kiềm chế/ngăn chặn sẽ tiếp tục là những khía cạnh đan xen trong quan hệ hai nước, trong đó yếu tố vừa hợp tác vừa cạnh tranh là rõ nét nhất.*

4.2 Đánh giá kết quả triển khai chính sách

4.2.1 Kết quả đạt được

(i) Kết quả nổi bật nhất trong chính sách đối với Trung Quốc của Thủ tướng N. Modi trong giai đoạn 2014 - 2019 đó là: việc triển khai đồng thời 4 chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiềm chế ảnh hưởng đã giúp duy trì mối quan hệ ổn định của hai gã khổng lồ châu Á. Xét về hiệu quả triển khai chính sách, bên cạnh duy trì được các thành tựu về hợp tác kinh tế, sự quyết đoán của Ấn Độ đối với vấn đề biên giới vẫn rất rõ nét (được thể hiện thông qua đụng độ ở cao nguyên Doklam). Như vậy, kết quả nổi bật của chính sách Modi đối với Trung Quốc là đã đạt được một số kết quả trong việc thực hiện đồng thời và song song cả 4 chính sách với Trung Quốc. *Việc triển khai đa chính sách thông qua đa công cụ (kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh - quốc phòng) đã giúp Ấn Độ đạt được đa mục tiêu trong quan hệ với Trung Quốc.* Điều này được thể hiện rõ nét trong quan hệ của Ấn - Trung ở khía cạnh chính trị, kinh tế, giải quyết vấn đề biên giới.

(ii) *Tận dụng tốt bối cảnh khu vực, quốc tế và giành được sự ủng hộ của quốc tế trong triển khai chính sách với Trung Quốc.* Có thể khẳng định rằng, Ấn Độ dưới

thời Thủ tướng Modi đã tận dụng tốt tình hình khu vực và quốc tế khi triển khai và xử lý mối quan hệ với Trung Quốc phù hợp với chính sách của nước này. Trong giai đoạn 2014 - 2019, mặc dù có khoảng cách lớn về sức mạnh tổng hợp quốc gia giữa Ấn Độ và Trung Quốc, nhưng Ấn Độ hoàn toàn đúng khi nhận thức được rằng, so với Trung Quốc đang gặp bất lợi trong môi trường quốc tế hiện nay thì Ấn Độ đang nhận được sự ủng hộ của Mỹ, phương Tây và các nước đang phát triển khác. Không chỉ xu hướng “bài Trung” ở các nước phương Tây và Mỹ và xu hướng “thoát Trung” cũng bắt đầu manh nha xuất hiện ở các nước nhận đầu tư, có mối quan hệ “kinh tế theo mô hình không cân xứng” với Trung Quốc. Bên cạnh mối quan hệ ngày càng xấu đi với Mỹ, quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản cũng có căng thẳng ở khu vực biển phía Đông cũng như tranh chấp lãnh hải với một số quốc gia Đông Nam Á. Vì vậy, Trung Quốc không thể tập trung toàn lực để đối phó và “gây rối” với Ấn Độ nên Ấn Độ một mặt “rảnh tay” trong đối phó với Bắc Kinh, mặt khác thu được lợi ích bằng cách trở thành một thị trường tiềm năng của Trung Quốc. Thậm chí, Ấn Độ cũng xác định rõ rằng, áp lực từ bối cảnh đó sẽ khiến Trung Quốc coi trọng mối quan hệ với Ấn Độ hơn và phải nỗ lực tìm kiếm một mối quan hệ ổn định () với quốc gia láng giềng Ấn Độ.

(iii) Tách bạch rõ giữa lợi ích an ninh và lợi ích kinh tế trong quan hệ với Trung Quốc. Điều này không những giúp đảm bảo được lợi ích quốc gia của Ấn Độ mà còn giúp New Delhi tận dụng sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc để phục vụ cho các mục tiêu kinh tế và hoàn thành các sáng kiến, chiến lược phát triển, cải cách kinh tế quốc gia của Ấn Độ (như sáng kiến Sản xuất tại Ấn Độ). Ấn Độ đã làm tốt cân bằng quan hệ với Trung Quốc, là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu, nhưng vẫn xác định rõ Trung Quốc vẫn là nhân tố cản đường Ấn Độ gia nhập Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Nhóm các nước cung ứng hạt nhân.

(iv) Triển khai và kết hợp hài hòa nguyên tắc tự chủ chiến lược và cân bằng quyền lực bên ngoài nhằm triển khai hiệu quả chính sách cân bằng và kiềm chế Trung Quốc. Điều này góp phần giúp Ấn Độ giữ được sự “tự chủ chiến lược” trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối với Trung Quốc. Có được kết quả này chính là nhờ

việc theo đuổi chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế của Thủ tướng Modi. Theo nhiều học giả, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi ngày càng thể hiện ngoại giao song phương quyết đoán hơn và hướng đến các mục tiêu chiến lược rõ ràng đồng thời Modi đang có những động thái xây dựng các liên minh nhằm tăng khả năng mặc cả trong quan hệ với Bắc Kinh [Kanti Bajpai, 2017, pp.69-70]. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ có được sự ủng hộ và kỳ vọng của phương Tây mà còn giúp New Delhi đảm bảo được lợi ích cốt lõi của quốc gia, có được vị thế quốc tế tốt hơn trong các đàm phán và mặc cả với Trung Quốc. Trong bối cảnh Mỹ đang có nhiều bước đi nhằm kiềm chế Trung Quốc, sự nổi lên của Ấn Độ đã trở thành một nhân tố tích cực cho sự lựa chọn của Washington nhằm đối trọng với Trung Quốc. Việc triển khai chính sách cân bằng quyền lực của Ấn Độ với Trung Quốc cũng như chính sách hình thành các “liên minh” chứ không phải “đồng minh” đã giúp Ấn Độ tăng cường khả năng mặc cả trong quan hệ với Trung Quốc.

C. Raja Mohan, một trong những học giả hàng đầu của Ấn Độ về chính trị quốc tế, coi sự lãnh đạo của Thủ tướng Modi là sự khởi đầu của một “nền Cộng hòa thứ Ba” (Third Republic) và một chính sách đối ngoại mới, điều này đặc biệt đúng trong chính sách với Trung Quốc [C.Raja Mohan, 2015, pp.1-20]. Chính sách đối ngoại truyền thống của Ấn Độ thường nhấn mạnh đến quyền tự chủ, tính linh hoạt và tránh phụ thuộc vào các cường quốc mạnh hơn. Theo đó, nguyên tắc cốt lõi của chính sách không liên kết là tự chủ về an ninh, linh hoạt trong việc lựa chọn đối tác và thận trọng khi hợp tác với các cường quốc [Vipin Narang, Paul Staniland, 2012, p.76]. Và dưới thời Thủ tướng Modi, các nguyên tắc này đang được kế thừa có chọn lọc đồng thời có nhiều điều chỉnh.

(v) Đạt được các kết quả về kinh tế và vấn đề biên giới trong quan hệ với Trung Quốc thông qua triển khai đồng thời và song song chính sách hợp tác và quản lý xung đột. Trong quan hệ với nước lớn láng giềng đang trỗi dậy đầy tham vọng hiện nay, Ấn Độ rất linh hoạt khi: một mặt triển khai chính sách hợp tác để đảm bảo lợi ích kinh tế, hợp tác ở các thể chế đa phương quốc tế; mặt khác đối với vấn đề biên giới, Ấn Độ dưới thời Modi đang ngày càng vượt xa khỏi các cách tiếp cận thận trọng, với

các đàm phán chính thức, thay vào đó là phản ứng quyết đoán, “các hành động có tính trả đũa” bằng các công cụ kinh tế, thậm chí xây dựng các đồng minh có cùng chí hướng để ứng phó với Trung Quốc. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ tăng khả năng mặc cả với Trung Quốc mà còn giúp quốc gia này đảm bảo được các lợi ích cốt lõi của dân tộc.

(vi) Chính sách của Ấn Độ dưới thời Modi đang dần thoát khỏi các vấn đề ý thức hệ được triển khai bằng một chính sách quyết đoán do một chính phủ quyết đoán đề xướng. Đây chính là tiền đề cho việc triển khai chiến lược phòng bị kết hợp với một chính sách can dự mạnh mẽ hơn đối với Trung Quốc. “*Trong mối quan hệ với Trung Quốc, trong khi cái bóng của cuộc chiến tranh năm 1962 vẫn phủ lên bất kỳ cuộc đối thoại nào liên quan đến vấn đề an ninh, hai nước đã mở rộng phạm vi đối thoại bao gồm một loạt các vấn đề không gây tranh cãi*” [Shrikant Paranjpe, 2017, tr.181]. Ngoài ra, để cân bằng quyền lực với Trung Quốc, Modi đã mở rộng quan hệ với các phương Đông và phương Tây, rõ nét nhất là với Mỹ.

Một chính sách quyết đoán trước Trung Quốc là kết quả của kỷ nguyên có một “chính phủ quyết đoán” của Thủ tướng Modi. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự thay đổi tư duy trong chính sách đối ngoại và những biến động trong quan hệ Ấn - Trung giai đoạn 2014 - 2019. Việc Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi trở nên quyết đoán và chủ động hơn trong chính sách đối ngoại theo quan điểm của nhiều học giả bị ảnh hưởng rất lớn bởi địa vị chính trị và phong cách điều hành của Modi với một “chính phủ quyết đoán” để đạt được mục tiêu trở thành một cường quốc trên thế giới. Và điều cần nhấn mạnh là sự quyết đoán của Thủ tướng Modi không xuất phát từ sự thay đổi cán cân và tương quan sức mạnh của Ấn Độ hay sức mạnh tương đối của Ấn Độ mà bắt nguồn từ sự thay đổi trong *tâm lý/tâm thế triển khai* các chính sách đối ngoại của quốc gia này. Điều này đặc biệt rõ ràng trong mối quan hệ ngoại giao của Ấn Độ với Trung Quốc. Trong giai đoạn 2014- 2019, đã có những thay đổi đáng kể trong cách thực thi chính sách ngoại giao và chính sách đối ngoại quốc gia đối với quan hệ Ấn - Trung so với các chính phủ tiền nhiệm. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự ra đời

của một chính phủ quyết đoán và một chính sách quyết đoán của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi.

Thứ nhất, xét ở cấp độ nội bộ quốc gia, ngoại giao quyết đoán là một truyền thống của truyền thống đối ngoại Ấn Độ. Ngay cả trong thời kỳ của Đảng Quốc đại, mặc dù thể hiện chính sách đối ngoại thận trọng nhưng khát vọng của Ấn Độ về một vị trí cường quốc trên thế giới luôn được nhắc đến.

Thứ hai, đối với Ấn Độ, một chính sách ngoại giao quyết đoán đối với đối tác và đối thủ đang trỗi dậy Trung Quốc hoàn toàn phù hợp với tham vọng đạt được vị thế cường quốc thế giới của “*Ấn Độ mới*” và “*chủ nghĩa phát triển mới*” đã được lãnh đạo BJP nhiều lần đề cập [Suhas Palshikar, 18 August 2018, pp. 36-42].

Thứ ba, xét ở cấp độ bộ máy chính phủ, với chiến thắng đa số của N. Modi trong cuộc tổng tuyển cử tháng 5/2014 - lần đầu tiên sau ba thập kỷ - BJP thành lập chính phủ đa số. Sự tái xuất hiện của chính phủ đa số được lãnh đạo bởi “một đảng đồng thuận” là nền tảng rất quan trọng cho việc hoạch định một đường lối đối ngoại quyết đoán và chủ động.

Thứ tư, chính phủ do Modi lãnh đạo có sự ủng hộ của quần chúng cao nhất kể từ những năm 90 của thế kỷ XX. Mặc dù sự ủng hộ này ít nhiều do sự thất vọng về sự lãnh đạo kém hiệu quả của Đảng Quốc đại trước đó nhưng sự ủng hộ của cộng đồng người Ấn đối với chính phủ Modi vẫn mang lại cho N. Modi nguồn lực chính trị vững chắc hơn, do đó chính phủ của ông thực hiện các chính sách chủ động hơn theo ý tưởng của họ. Tất nhiên, điều này cũng mang lại cho Thủ tướng Modi một áp lực chính trị đáng kể, buộc ông phải đạt được những thành tựu chính trị đối nội và đối ngoại phù hợp với sự ủng hộ ấy.

Mặc dù chính sách quyết đoán và tích cực của chính phủ do Thủ tướng Modi lãnh đạo chưa thật sự tạo ra sức bật và sự gia tăng đáng kể về sức mạnh tổng hợp quốc gia và khả năng cạnh tranh quốc tế của Ấn Độ trong ngắn hạn, nhưng xét về dài hạn, lập trường quyết đoán và mạnh mẽ như vậy đã cải thiện đáng kể sự tự tin và vị thế của Ấn Độ trong xử lý các vấn đề đối ngoại, đặc biệt là với chủ thể nhạy cảm như Trung Quốc. Và điều này đã ít nhiều cải thiện hình ảnh và vị thế của Ấn Độ trên

trường quốc tế trong ngắn hạn. Dưới thời Modi, chính sách trung lập, và ngoại giao không liên kết đã nhường đường cho sự mở rộng của chính sách đa liên kết. Chính sách quyết đoán này không những giúp Ấn Độ chủ động trong mối quan hệ với Trung Quốc mà còn trở nên tự tin hơn khi đặt Trung Quốc trong vị thế đồng đẳng với Ấn Độ trong xử lý các vấn đề và tồn tại trong quan hệ song phương và đa phương giữa hai nước.

4.2.2 Hạn chế/thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được thì chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc vẫn còn một số hạn chế như:

(i) *Vẫn còn khoảng cách giữa mục tiêu đặt ra và kết quả đạt được trong triển khai chính sách đối với Trung Quốc.* Đặc biệt là vẫn còn độ vênh giữa các nguyên tắc đặt ra và thực tế ứng xử của Ấn Độ với Trung Quốc. Rõ nhất hiện nay là vấn đề biên giới. Mặc dù, trong tuyên ngôn tranh cử cũng như sau khi đắc cử, Thủ tướng Modi luôn nhấn mạnh phải có một bộ giải pháp nhằm giải quyết vấn đề biên giới với Trung Quốc. Nhưng thực tế trong nhiệm kỳ I của Thủ tướng Modi, sau hai cuộc đụng độ ở Cao nguyên Dooklam và Ladakh, vấn đề biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc vẫn ở lần ranh của hòa bình và chiến tranh, hai bên vẫn giàn quân ở biên giới và luôn trong thế “sẵn sàng có đụng độ và xung đột”. Rõ ràng, hiện nay, Ấn Độ chưa đủ nguồn lực, sức mạnh và vị thế quốc tế để đạt được các mục tiêu trong chính sách đối ngoại với Bắc Kinh. Xét về cấp độ quốc tế, Ấn Độ hiện nay chưa được xem là một “cực” trong hệ thống quốc tế hiện tại cũng chưa phải là quốc gia tạo ra trật tự khu vực do quốc gia này tuyên bố ở khu vực Ấn Độ Dương, đặc biệt quốc gia này chưa là thành viên của Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc, do đó chưa thể có vị thế ngang hàng với Trung Quốc để triển khai một chính sách quyết đoán và cứng rắn với Bắc Kinh. Do đó hạn chế quá trình chính sách kiềm chế và cân bằng quyền lực đối với Trung Quốc. Về mặt thực tiễn ngoại giao, Ấn Độ vẫn là nước đi sau và tuân thủ luật pháp quốc tế hơn là chủ thể tạo ra trật tự quốc tế hay khu vực. Do đó, trong tương quan vị thế quốc tế và đạt được mục tiêu trở thành một chủ thể có vị thế đồng đẳng/ngang hàng với Trung Quốc trong hệ thống quốc tế là chưa đạt được.

Ngoài ra, các nỗ lực kiềm chế Trung Quốc thông qua chính sách kiềm chế của Ấn Độ cũng chưa thật sự hiệu quả. Điều này thể hiện ở việc, bất chấp các biện pháp nhằm kiềm chế nhưng trên thực địa, Bắc Kinh vẫn tiếp tục thực hiện các yêu sách và các hàng động hơn phương áp đặt đối với New Delhi, đặc biệt là đối với vấn đề lãnh thổ và sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc ở các khu vực ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ.

(ii) Chính sách ngoại giao quyết đoán của Ấn Độ là rất rõ nét nhưng thực tế cho thấy, trong giải quyết các mối quan hệ với Trung Quốc và nhìn vào vị thế của Ấn Độ trong chiến lược quốc gia ngoại vi của Trung Quốc, kết quả đạt được chưa thực sự rõ nét, rõ nhất hiện nay là vấn đề thâm hụt thương mại với Trung Quốc mặc dù có xu hướng giảm nhưng chưa triệt để và không đáng kể, khả năng cạnh tranh về thị trường và hàng hóa của Ấn Độ so với Trung Quốc còn yếu.

(iii) *Có sự mâu thuẫn giữa mục tiêu chiến lược trong dài hạn và mục tiêu ngắn hạn.* Đặc biệt, chính sách ngoại giao quyết đoán của Ấn Độ đối với Trung Quốc hiện nay mặc dù rõ ràng đạt được mục tiêu trong ngắn hạn, tuy nhiên, sẽ cản trở việc đạt được các mục tiêu hợp tác Ấn - Trung ở cấp độ toàn cầu cũng như tạo ra thế kỷ châu Á mà Ấn Độ và Trung Quốc đều có không gian phát triển của riêng mình như Ấn Độ đã đề cập.

(iv) Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc mặc dù nhấn mạnh cách tiếp cận dựa trên chủ nghĩa thực dụng, tuy nhiên có thể thấy, lập trường và cách triển khai chính sách vẫn còn “dư âm” của chủ nghĩa lý tưởng trong quan hệ quốc tế của chính phủ tiền nhiệm. Điều này được thể hiện ở chỗ, mặc dù nhấn mạnh việc tận dụng sức mạnh quân sự trong “mặc cả” với Trung Quốc, nỗ lực có một vị trí đồng đẳng/ngang hàng với Trung Quốc ở khu vực và toàn cầu nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh vào việc sử dụng các thể chế hiện có như một khuôn khổ hợp tác giữa hai nước. Quan điểm này không đạt mục tiêu mang lại một sự thay đổi tổng thể trong hệ thống toàn cầu về phân chia lại quyền lực nhưng mong muốn việc hoạch định chính sách toàn cầu có nhiều sự tham gia hơn về thực chất. Điều này thể hiện quan điểm xét lại, với các ví dụ rõ nhất là là nguyện vọng xét lại của Ấn Độ hướng tới trật tự toàn cầu đang

bị chi phối bởi P-5 (5 thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc) hoặc G-7 (nhóm các nước công nghiệp phát triển) [Shrikant Paranjpe, 2017, p.155]. Điều này phần nào hạn chế khả năng cạnh tranh để giành ưu thế ngang bằng với Trung Quốc của Ấn Độ. Bởi quan điểm truyền thống xét lại của nước này nhằm giải quyết sự nguyên trạng do các cường quốc tạo ra, và đòi hỏi một vị trí của Ấn Độ trong nhóm các nước ra quyết định của thế giới [Shrikant Paranjpe, 2017, p.171-172]. Điều này hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên, điều này phần nào cản trở việc Ấn Độ xây dựng một trật tự khu vực mới có lợi cho Ấn Độ theo hướng có một vị thế toàn cầu hơn.

(v) *Chính sách của Ấn Độ hiện nay chưa đưa ra được một lộ trình chiến lược để đối phó với Trung Quốc.* Hiện nay, phần lớn chính sách của Modi đối với Trung Quốc được mô tả là phản ứng chiến thuật hơn là tính toán chiến lược. Điển hình như các chính sách kinh tế, thương mại và áp thuế hiện nay của Ấn Độ đối với Trung Quốc sau vụ đụng độ ở biên giới năm 2020, Ấn Độ cấm gần 60 ứng dụng của Trung Quốc. Điều này xuất phát từ sự hạn chế và độ vĩnh về sức mạnh của Ấn Độ so với Trung Quốc. Do đó, Ấn Độ cần có một “học thuyết chiến lược với sức mạnh tiềm năng của Ấn Độ” để đối phó với Trung Quốc [K. Subrahmanyam, ngày 6/10/1997]. Do đó, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc là biểu hiện của phương pháp tiến cận kiểm chế chiến lược. Đây là sản phẩm của văn hóa chính trị chứ không phải là sản phẩm của sự thiếu hụt các nguồn lực... “Cụ thể, đó là nền văn hóa chính trị luôn nhấn mạnh đến việc tránh đối đầu, ủng hộ cách tiếp cận hòa bình và tư duy phòng thủ” [Shrikant Paranjpe, 2017, p.176]. Điều này một mặt tạo ra hình ảnh một Ấn Độ linh hoạt trong chiến lược và chiến thuật tuy nhiên, nó cũng hạn chế khả năng chủ động của Ấn Độ trong đối phó với Trung Quốc. Theo đó, Ấn Độ thể hiện sự bị động và mang tính phản ứng với các tình huống hơn là ngăn chặn và kiểm soát có chủ động các tình huống, vấn đề với Trung Quốc.

Nguyên nhân của hạn chế bắt nguồn từ: *một là*, biến số quan trọng đầu tiên là văn hóa chiến lược; *Hai là*, sự thiếu thể chế hóa việc hoạch định chính sách đối ngoại ở Ấn Độ [Brahma Chellaney, 2012]. Mặc dù, vào cuối những năm 1990, Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của BJP đã thành lập Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC) để nghiên cứu

các mối đe dọa quân sự, kinh tế và chính trị đối với quốc gia và tư vấn cho chính phủ để đối phó với những thách thức này theo cách thức phù hợp, kịp thời và hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế cơ quan này chưa có sự kết nối nhiều với Bộ Ngoại giao Ấn Độ. Do đó, đối với chính sách Trung Quốc của Ấn Độ, sự thiếu thể chế hóa hiệu quả trong việc hoạch định chính sách đối ngoại đã khiến Ấn Độ gặp khó khăn trong việc đánh giá tác động của một Trung Quốc đang trỗi dậy ở các biên giới trực tiếp của mình. *Ba là*, mặc dù Ấn Độ được coi là cường quốc đang lên cả về quân sự cũng như kinh tế nhưng về năng lực vẫn đứng sau Trung Quốc. Ngoài ra, hiện nay, thách thức của chính quyền Modi là làm thế nào xử lý mối quan hệ với Trung Quốc, Mỹ và những nước khác trong môi trường đa cực đang nổi lên ở cấp độ hệ thống.

4.3. Tác động

4.3.1 Đối với khu vực Đông Nam Á

Có thể thấy rằng, việc Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi có những điều chỉnh trong chính sách đối với Trung Quốc, đồng thời triển khai 4 chính sách đối với Trung Quốc sẽ có những tác động sau. Một mặt, việc Ấn Độ triển khai chính sách cân bằng quyền lực, một mặt khi nước này tăng cường quan hệ với Mỹ sẽ thúc đẩy QUAD và các nước lớn trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương gia tăng can dự ở Biển Đông, góp phần cân bằng lực lượng trong khu vực, hạn chế những hành động có tính gây hấn đối với các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực. Và điều này hoàn toàn có lợi cho Việt Nam cũng như cho ổn định và phát triển khu vực. Mặt khác, khi Ấn Độ tăng cường quan hệ với các cường quốc khác, sẽ thúc đẩy cạnh tranh và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á. Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc nói riêng và quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh Ấn - Trung nói chung tác động đến khu vực này ở 3 góc độ:

Thứ nhất, rủi ro về bất ổn an ninh khu vực do cạnh tranh chiến lược giữa Ấn Độ và Trung Quốc liên quan đến an ninh khu vực và lợi ích quốc gia, lợi thế kinh tế của hai quốc gia này. Nếu trong thập niên đầu của thế kỷ XXI, trật tự khu vực có thứ bậc ở Đông Nam Á được thể hiện: Mỹ là quốc gia đứng đầu và là siêu cường duy nhất; Trung Quốc ở bậc thứ hai với vị trí là cường quốc khu vực còn Nhật Bản và Ấn Độ

ở bậc thứ ba với tư cách là các nước lớn ở khu vực. Tuy nhiên, bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, trật tự này đã thay đổi, trong khi Mỹ vẫn duy trì được ở vị trí số một, thì Ấn Độ đã vươn lên cùng Trung Quốc đứng ở vị thế thứ hai, và vị thế thứ ba vẫn là Nhật Bản [Sinderpal Singh, 2019, tr.4-5]. Điều này khiến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc đặt trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á không chỉ ảnh hưởng đến các lựa chọn liên kết có sẵn trong khu vực mà còn tác động đến việc các quốc gia Đông Nam Á triển khai chiến lược cân bằng bên ngoài để bù đắp các ảnh hưởng tiêu cực của Trung Quốc, trong đó, Ấn Độ là một lựa chọn tự nhiên và an toàn. Ngoài ra, điều này cũng ảnh hưởng đến xu hướng phòng ngừa rủi ro và sự khác biệt về chiến lược và hành vi an ninh của các quốc gia Đông Nam Á.

Thứ hai, tạo khả năng bị chia rẽ theo hai hướng: kinh tế và chính trị của các nước trong khu vực. Nhiều nước trong khu vực này có mối quan hệ kinh tế và đầu tư chặt chẽ với Trung Quốc nhưng về mặt chính trị, an ninh lại hướng về Ấn Độ. Thế lưỡng nan này rất khó hòa giải trong bối cảnh hiện nay.

Sự phân mảnh trong khu vực thành hai nhóm, một nhóm tập trung theo Ấn Độ; một nhóm vì lợi ích kinh tế theo Trung Quốc. Tuy nhiên, ở chiều hướng tích cực, với chính cân bằng bên ngoài và đa liên kết, Ấn Độ cũng tăng cường kết nối với khu vực này, đặc biệt là với ASEAN, các các nước CLMV. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy kết nối và hội nhập liên khu vực Đông Nam Á. Cụ thể, hiện nay, Hành lang kinh tế Mê Kông - Ấn Độ (MIEC) được xem là minh chứng rõ nhất cho sự kết nối liên khu vực giữa Ấn Độ và ASEAN. Các quốc gia này bao gồm Ấn Độ và các nước Tiểu vùng Mê Kông (Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam). Dự án này sẽ kết nối Đông Nam Á với Vịnh Bengal với Biển Đông bằng đường bộ thông qua kết nối Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) với Dawei (Myanmar) qua Thành phố Bangkok (Thái Lan) và Thành phố Phnom Penh (Campuchia) tới Chennai ở Ấn Độ. Với khoản đầu tư khoảng 88 tỷ USD [*Economic Research Institute for ASEAN and East Asia*, 2009, p.46]. Sở dĩ dự án này sẽ góp phần thúc đẩy hội nhập liên khu vực bởi sẽ tạo điều kiện hội nhập, kết nối kinh tế cho toàn khu vực Đông Nam Á và Ấn Độ, thúc đẩy kết nối hàng hải giữa Biển Đông (Thái Bình Dương) và Ấn Độ Dương. Bên cạnh đó, xét

ở khía cạnh kinh tế, đối với Ấn Độ, các hiệp định thương mại tự do song phương như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEPA) và Hiệp định Hợp tác Kinh tế Toàn diện (CECA) với Thái Lan, Singapore và Malaysia cũng như việc FTA về Thương mại trong lĩnh vực dịch vụ và đầu tư giữa Ấn Độ và các nước ASEAN đã mở ra các lĩnh vực thương mại mới với các nền kinh tế này. Đặc biệt, hiện nay các nước CLMV được xem là các nhân tố chính trong chính sách Hành động phía Đông của Ấn Độ. Điều này góp phần giúp các quốc gia này tích hợp vào chuỗi giá trị khu vực thông qua tích hợp với khu vực Đông Bắc của Ấn Độ.

Thứ ba, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc cũng góp phần tạo ra một trạng thái cân bằng địa chính trị trong khu vực. Bởi với mục tiêu hướng đến một trật tự đa cực trong khu vực, Ấn Độ trở thành một chủ thể cân bằng quyền lực tự nhiên đối với Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á. Điều này được thể hiện thông qua sự gia tăng hiện diện của Ấn Độ ở Đông Nam Á thông qua các sáng kiến như kết nối trên bộ và hàng hải, cũng như tăng cường hợp tác quốc phòng và hàng hải với các quốc gia như Singapore, Malaysia, Indonesia, Việt Nam và Philippines.

4.3.2 Đối với khu vực Nam Á/Ấn Độ Dương

Nam Á/Ấn Độ Dương được xem là sân sau, vùng ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ. Việc triển khai chính sách cân bằng quyền lực của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở cấp độ khu vực và sự cạnh tranh chiến lược giữa New Delhi và Bắc Kinh đã tạo ra những tác động đối với khu vực Nam Á. Với căng thẳng vốn có giữa hai quốc gia trước đây các vấn đề biên giới, nhiều người Ấn Độ xem hành động của Trung Quốc như là một “vòng tròn leo thang” [John W. Garver, 2012, p.392] và một thách thức đối với khu vực Nam Á:

Một là, xu hướng địa kinh tế hướng tâm vào Trung Quốc và hướng tâm về an ninh của các nước Nam Á đối với Ấn Độ do sự triển khai chính sách cân bằng quyền lực và kiềm chế ảnh hưởng của New Delhi đối với Bắc Kinh. Điều này tạo ra sự ly tâm địa chiến lược từ bên trong các quốc gia Nam Á. Hiện nay, Trung Quốc đang mở rộng dấu chân ảnh hưởng ngày càng sâu rộng ở khu vực Nam Á thông qua chiến lược “quyền lực mềm, đồng tiền mạnh” với các quốc gia khu vực này. Điều này góp phần

giải quyết “con khát cơ sở hạ tầng” - một công cụ thúc đẩy sự hội nhập và liên kết hạ tầng, thương mại và kinh tế trong khu vực Nam và loại bỏ các “nút cổ chai” trong phát triển kinh tế [Keith Johnson, February 12 2015], thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Hai là, sự bất ổn trong cấu trúc an ninh khu vực. Trong bối cảnh cả Ấn Độ và Trung Quốc đang cạnh tranh ảnh hưởng tại khu vực này, Nam Á đang chứng kiến một cấu trúc quyền lực phức tạp, một kiến trúc an ninh “đa tầng nấc” và “bất đối xứng” [Nguyễn Thị Oanh, 2020, tr.27-37]. Từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, Nam Á luôn là khu vực địa chiến lược quan trọng trên bản đồ chính trị thế giới với vị thế quốc tế ngày càng nổi bật. Trong đó, bên cạnh cặp quan hệ Ấn Độ - Pakistan là trực chính ảnh hưởng đến các mối quan hệ khác cũng như tình hình an ninh trong khu vực thì cạnh tranh Ấn - Trung và việc triển khai các chính sách gia tăng ảnh hưởng của khu vực này cũng tác động rất lớn đến tình hình an ninh ở khu vực này. Kiến trúc an ninh khu vực Nam Á hiện nay là “*một trật tự an ninh bá quyền*” trong đó, Ấn Độ chiếm ưu thế gần như tuyệt đối về sức mạnh hải, lục, không quân so với các nước khác, còn các nước nhỏ hơn (ngoại trừ Pakistan) đang theo đuổi chính sách “phù thịnh” (bandwagoning) nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và không bị “đe dọa” bởi các nước lớn [Nguyễn Thị Oanh, 2020, tr.27-37]. Ngược lại, Trung Quốc cũng nỗ lực gia tăng hiện diện ở Nam Á thông qua cách tiếp cận đa mặt trận, trên đất liền cũng như trên biển “từ ngoại giao kinh tế” với chiến lược “quyền lực mềm, đồng tiền mạnh” thông qua hành lang kinh tế CPEC, AIIB, “ngoại giao cơ sở hạ tầng” đến chiến lược “Chuỗi ngọc trai” ở Ấn Độ Dương nhằm thiết lập một “hành lang năng lượng”, lôi kéo “liên minh” quân sự, thiết lập các căn cứ quân sự để bao vây Ấn Độ [Jeff M. Smith, 2015] ở Nam Á nhằm tạo ra sự phụ thuộc về kinh tế đối với các quốc gia láng giềng Nam Á.

Ba là, xu hướng xây dựng sức mạnh biển/đại dương của các quốc gia Ấn Độ Dương. Trong một thời gian dài, mối quan tâm về xây dựng sức mạnh an ninh chủ yếu của các nước Nam Á là trên lục địa, đặc biệt là phía Tây Bắc, thay vì xây dựng sức mạnh trên biển. Kể từ năm 1947 đến nay, căng thẳng chính trị và quân sự vẫn tồn tại dai dẳng giữa Ấn Độ với Pakistan. Và điều này trở thành ưu tiên chính trong chiến lược an ninh của cả hai nước, dẫn đến các tác động tiêu cực dài hạn đối với an ninh

khu vực. Theo đó, quan điểm xây dựng *Cường quốc lục địa trước, sức mạnh trên biển sau* đã tạo nên một sự bất đối xứng ở phương diện quan điểm của kiến trúc an ninh khu vực Nam Á [Yang Xiaoping, 2011, p.1]. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế kỷ XX - thế kỷ của “Biển và Đại dương”, “Biển và Kinh tế biển”, “Biển và Sức mạnh quốc phòng” [Hồ Công Cường, Bùi Kiều Anh, 2016, tr.153], cũng như Ấn Độ Dương đang trở thành địa bàn cạnh tranh chiến lược của New Delhi và Bắc Kinh, các quốc đảo trong khu vực này theo đó, bên cạnh tăng cường sức mạnh lục địa, các quốc gia sẽ đẩy mạnh gia tăng xây dựng sức mạnh biển, điển hình là Ấn Độ và các quốc đảo, duyên hải Ấn Độ Dương như Sri Lanka, Maldives, Mauritius, Seychelles,... thậm chí các quốc gia có các cảng biển quan trọng như Pakistan và Bangladesh sẽ ngày càng được nâng cao vị thế trong khu vực. Do sở hữu vị trí “đắc địa”, những quốc gia nhỏ này đang đóng vai trò lớn trong “trò chơi địa chính trị mới ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” [Jeff M. Smit, 20 May 2015]. Theo đó, sức mạnh hải quân có tầm quan trọng đối với các quốc gia ven Ấn Độ Dương.

4.3.3 Đối với Việt Nam

Việc Ấn Độ điều chỉnh chính sách với Trung Quốc nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và cân bằng quyền lực với Bắc Kinh đã tác động rất lớn đến tình hình và sự lựa chọn chính sách của các quốc gia trong khu vực. Những điều chỉnh chính sách trên cùng các hoạt động triển khai trên thực địa nhằm ngăn ngừa sự hình thành một trật tự mà Trung Quốc ở vai trò lãnh đạo ở khu vực Đông Nam Á của Ấn Độ đã tác động rất rõ nét đến Việt Nam - quốc gia liền núi, kề sông, sát biển, có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc. Hiện nay, Ấn Độ và Trung Quốc là hai trong tổng số ba Đối tác chiến lược của Việt Nam²¹. Do đó, sự điều chỉnh chiến lược của hai nước lớn đang trở dậy đồng thời ở châu Á này đối với đối phương hay sự biến động của mối quan hệ hai nước này, tác động rất rõ nét đến Việt Nam ở nhiều phương diện:

Một là, ở cấp độ khu vực Đông Nam Á, việc triển khai chính sách cân bằng quyền lực và kiềm chế ảnh hưởng của Ấn Độ đối với Trung Quốc ở khu vực này sẽ khiến tình hình khu vực phức tạp hơn. Trong bối cảnh đó, Việt Nam sẽ ở vào thế “lưỡng

²¹ Đến năm 2021, Việt Nam có 3 Đối tác chiến lược toàn diện là: Trung Quốc, Nga và Ấn Độ.

nan”, đứng trước sức ép cân bằng và “chọn bên” trong quan hệ với Ấn Độ và Trung Quốc. Bởi, trong khi Ấn Độ là một đối tác an ninh tin cậy thì Trung Quốc lại là quốc gia láng giềng lớn nhất, đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Thậm chí, Việt Nam cũng sẽ gặp “sức ép” từ phía Trung Quốc khi mối quan hệ Việt - Ấn ngày càng phát triển bền chặt. Tuy nhiên, trong bối cảnh cả hai nước lớn này đều nỗ lực tranh giành ảnh hưởng trong khu vực thì đây cũng là cơ hội để Việt Nam đa dạng hóa thị trường, tăng cường hợp tác nội khối và quan trọng nhất là đẩy mạnh chính sách tự cường dân tộc, giảm phụ thuộc vào nước lớn. Mặt khác, cùng với việc mở rộng ảnh hưởng, Ấn Độ và Trung Quốc cũng đồng thời thúc đẩy đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, đây chính là cơ hội để tăng cường kết nối khu vực và liên khu vực cho các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Hai là, dưới tác động của chính sách kiềm chế và cân bằng quyền lực của Ấn Độ với Trung Quốc thông qua chính sách Hành động phía Đông tại khu vực này, một mặt sẽ thúc đẩy sự cạnh tranh ảnh hưởng Ấn - Trung tại Đông Nam Á nhưng cũng góp phần thúc đẩy hơn nữa “quốc tế hóa” vấn đề Biển Đông. Ấn Độ đã thể hiện lập trường rất rõ về vấn đề Biển Đông khi năm 2014, Thủ tướng Modi nhấn mạnh, “vì hòa bình và ổn định ở Biển Đông, mọi người phải tuân theo các quy tắc và luật quốc tế, bao gồm Công ước của Liên hợp Quốc về Luật Biển. Chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ trở thành quy tắc cho tuyên bố chung về ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 và điều đó sẽ đạt được sự đồng thuận cơ bản trong thời gian tới” [Ministry of External Affairs, GoI, 12/11/2014]. Điều này hoàn toàn có lợi cho Việt Nam. Ngoài ra, bối cảnh này cũng thúc đẩy sự tập hợp lực lượng linh hoạt trong khu vực, cụ thể như sự hình thành các “liên minh không chính thức” giữa Việt Nam, Ấn Độ với các quốc gia đang có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc ở khu vực Đông Nam Á như Philippines, Malaysia, Brunei, Indonesia. Bởi rõ ràng, các quốc gia này đều có chung nhận thức rằng, chủ nghĩa dân tộc của Trung Quốc chỉ là sự biện minh ngụy biện cho tham vọng mở rộng lãnh thổ của Bắc Kinh.

Ba là, tác động đối với ASEAN và vấn đề Biển Đông. Hiện nay, trong khi chính quyền Narendra Modi coi Đông Nam Á là “trái tim” và “cực trung tâm” trong chính

sách “Hướng Đông” [Ministry of External Affairs, GoI, 2017], thì đối với Trung Quốc Đông Nam Á là địa bàn chiến lược làm bàn đạp cho sự gia tăng mở rộng ảnh hưởng của Bắc Kinh, nên Đông Nam Á, mà cụ thể là ASEAN có thể trở thành “chủ thể bị lôi kéo” của cả Ấn Độ và Trung Quốc. Do đó, trong khi Ấn Độ sử dụng văn hóa, kinh tế, “ngoại giao quân sự” thì ở chiều ngược lại, Trung Quốc tìm mọi cách lôi kéo ASEAN bằng nhiều phương diện từ ngoại giao, kinh tế, chính trị, kể cả “đi đêm” với từng nước trong ASEAN. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự đoàn kết, tính trung tâm cũng như hiệu quả của cơ chế đồng thuận của ASEAN. Và rõ ràng, tác động tiêu cực của vấn đề này rất rõ nét đối với Việt Nam trong vấn đề Biển Đông. Hiện nay, xuất phát từ vấn đề lợi ích quốc gia, các nước ASEAN không có tiếng nói chung trong vấn đề Biển Đông. Ví dụ rõ nét nhất là sự kiện ngày 12/7/2016, khi Tòa Trọng tài Thường trực Quốc tế (PCA) đưa ra phán quyết bác bỏ yêu sách chủ quyền “đường 9 đoạn” của Trung Quốc với Philippines ở Biển Đông thì vì lợi ích quốc gia, vì sự tác động của nhân tố Trung Quốc, một số nước ASEAN đã sử dụng nguyên tắc đồng thuận để ngăn cản việc đưa vấn đề tranh chấp ở chủ quyền ở Biển Đông vào các văn kiện chính thức của ASEAN. Nên trong Tuyên bố chung của Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 49 tại Lào (tháng 7/2016) đã không đề cập đến phán quyết của PCA. Điều này hoàn toàn bất lợi cho Việt Nam trong việc tận dụng ASEAN như một cơ chế khu vực để gập áp lực lên Trung Quốc và lấy đó làm cơ sở để đấu tranh pháp lý về chủ quyền biển đảo ở Biển Đông với Trung Quốc. Bởi Việt Nam có thể sử dụng Phán quyết của PCA đối với Philippines làm cơ sở pháp lý chống lại các hành động sai trái tương tự của Trung Quốc đối với Việt Nam ở Biển Đông.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh Ấn - Trung ở Đông Nam Á thì Việt Nam lại có thêm một đối tác trong giải quyết vấn đề Biển Đông: Chính quyền Thủ tướng Modi luôn khẳng định Ấn Độ có lợi ích ở Biển Đông. Trên cơ sở này, việc giải quyết tranh chấp một cách hoà bình, tôn trọng luật pháp quốc tế là định hướng mà Ấn Độ nhất quán theo đuổi. Điều này hoàn toàn phù hợp với cách tiếp cận và lợi ích của Việt Nam.

Bên cạnh đó, việc Ấn Độ tiến hành tập trận hải quân với các quốc gia Đông Nam Á cũng khiến Trung Quốc có các phản ứng, do đó Biển Đông - khu vực có lợi ích chiến lược của Việt Nam - cũng có nguy cơ trở thành địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng mở rộng giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Và rõ ràng, điều này cũng không có lợi cho Việt Nam.

Bốn là, tác động đến sự lựa chọn chính sách và triển khai chính sách đối ngoại đa phương/đa liên kết và cân bằng quyền lực của Việt Nam, theo hướng làm sâu sắc mối quan hệ với các quốc gia chia sẻ chung mối quan ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc trong khuôn khổ đa liên kết

Về tổng thể, các nước nhỏ trong khu vực Đông Nam Á cũng như Việt Nam sẽ triển khai chính sách cân bằng quan hệ với các nước lớn, trong đó có Ấn Độ và Trung Quốc. Chính sách cân bằng này khác với chính sách “phù thịnh” hay “trung lập”, thay vào đó, Việt Nam sẽ thắt chặt quan hệ, trước hết ở cấp độ đa phương là với ASEAN, ở cấp độ song phương là các thành viên ASEAN cũng như các đối tác bên ngoài có ảnh hưởng lớn trong khu vực như Mỹ, Nhật Bản,... Lựa chọn chính sách này không những giúp Việt Nam không bị phụ thuộc bất kỳ một nước lớn nào mà còn tranh thủ được lợi thế của các nước lớn cũng như đảm bảo được chính sách đối ngoại đa phương của mình.

Như vậy, với sự tác động từ mối quan hệ Ấn - Trung và do yếu thế hơn về sức mạnh tổng hợp quốc gia hiện nay, *thứ nhất*, Việt Nam đang nỗ lực thúc đẩy quan hệ với các cường quốc khác, chủ yếu là Mỹ và Ấn Độ, để đối phó với mối đe dọa ngày càng tăng từ Trung Quốc. *Thứ hai*, Việt Nam tiếp tục tăng cường đa liên kết để cân bằng bên ngoài với Trung Quốc, qua đó nỗ lực phát đi hiệu cho thấy Việt Nam không có ý định liên minh để chống lại một nước thứ ba. *Thứ ba*, thúc đẩy Việt Nam tham gia và đóng góp nhiều hơn cho các thể chế khu vực và thế giới, điển hình như hoạt động gìn giữ hòa bình Liên hợp Quốc. Có hai mục đích của hoạt động này: một là, khi tham gia vào các thể chế đa phương khu vực và quốc tế sẽ góp phần tăng cường vị thế, tiếng nói và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Mặt khác, thông qua tăng cường tham gia vào các cơ chế đa phương bao, tạo cơ hội để Việt Nam sử dụng

quan hệ đối tác chiến lược để phòng ngừa rủi ro dựa trên luật pháp quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế và đảm bảo các lợi ích cốt lõi quốc gia.

Năm là, Việt Nam tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ phía Ấn Độ. Có thể nói, quan hệ Việt - Trung, Ấn - Trung càng căng thẳng thì quan hệ Việt - Ấn càng được thúc đẩy theo hướng ngày càng bền chặt. Điều này xuất phát từ lịch sử quan hệ hữu nghị của hai nước, sự tương đồng quan điểm về một trật tự khu vực dựa trên luật lệ và mối đe dọa chung bắt nguồn từ Trung Quốc.

Dựa trên mối quan hệ chính trị tốt đẹp và quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện, ngày nay, trước sự trỗi dậy quyết đoán của Trung Quốc, Ấn Độ đã, đang và sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam tăng cường sức mạnh quốc phòng. Bộ trưởng Quốc phòng hai nước đã ký *Tuyên bố tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ giai đoạn 2015 - 2020*²². Đặc biệt, Ấn Độ luôn tích cực hỗ trợ Việt Nam đào tạo sĩ quan Hải quân, Không quân về công nghệ thông tin, tiếng Anh và huấn luyện quân sự. Mặt khác, Ấn Độ cũng là thị trường cung cấp khí tài quân sự cho Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam đang sử dụng tương tự của Ấn Độ như Su-30, Su-27, một số loại máy bay vận tải và trực thăng. Tháng 9/2014, Ấn Độ cam kết cung cấp cho Việt Nam khoản vay 100 triệu USD để mua 4 tàu tuần tra, tên lửa siêu thanh BrahMos cho Việt Nam. Tháng 10/2014, hai bên thảo luận việc Ấn Độ bán 4 tàu tuần tra cho Việt Nam. Tháng 9/2016, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi cam kết cấp khoản vay tín dụng quốc phòng trị giá 500 triệu USD để Việt Nam mua trang thiết bị quốc phòng của Ấn Độ. Tháng 3/2018, Ấn Độ tái khẳng định tăng cường hợp tác quốc phòng, đẩy nhanh thực hiện thỏa thuận cấp khoản vay 100 triệu USD để giúp Việt Nam đóng tàu tuần tra, ký thỏa thuận khung cấp tín dụng quốc phòng trị giá 500 triệu USD [TTXVN, 11/09/2019].

Hiện nay, hợp tác hải quân giữa Việt Nam và Ấn Độ cũng được đẩy mạnh. Ấn Độ liên tục đưa tàu Hải quân đến thăm và diễn tập cùng Hải quân Việt Nam. Đến nay, Ấn Độ là quốc gia duy nhất tập trận hải quân chung thường xuyên với Việt Nam ở

²² Hiện nay Bộ Quốc phòng Việt Nam đã ký với Bộ Quốc phòng Ấn Độ các *Bản ghi nhớ về Hợp tác và Trao đổi Quốc phòng* (tháng 11/2009), *Thỏa thuận về Bảo vệ Tương hỗ đối với Trao đổi Thông tin mật* (tháng 11/2013), *Biên bản ghi nhớ về Đào tạo Sĩ quan Hải quân và Không quân Việt Nam* (tháng 11/2013), *Bản ghi nhớ về Thiết lập quan hệ phối hợp nhằm Phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia và Phát triển hợp tác chung* (tháng 5/2015) giữa Cảnh sát Biển Việt Nam và Lực lượng Bảo vệ bờ biển Ấn Độ.

cảng thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Nẵng và Hải Phòng (tháng 8/2014, 6/2016, 9 và 10/2017, 5/2018), cảng quốc tế Cam Ranh (tháng 5/2016). Đặc biệt, hai nước cũng tiến hành hợp tác thăm dò và khai thác tài nguyên dầu khí ở Biển Đông.

Tuy nhiên, Trung Quốc cũng là lực cản trong mối quan hệ Việt - Ấn. Bởi do Việt Nam theo đuổi chính sách ngoại giao cân bằng nước lớn, ngoại giao đa phương nên không để Trung Quốc mượn cớ “mối quan hệ đặc biệt với Ấn Độ” để áp dụng chính sách kiềm chế đối với Việt Nam. Vì vậy, mối quan hệ Việt - Ấn dù có nhiều điểm hội tụ lợi ích nhưng không kết thành liên minh. Mặc dù vậy, nhưng trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam và Ấn Độ đều không liên minh quân sự, tôn trọng luật pháp quốc tế, không đe dọa hay tạo ra mối đe dọa đối với lợi ích của bất cứ nước thứ ba nào, có mục tiêu chung là một cấu trúc an ninh hợp tác ở châu Á. Do đó, Ấn Độ đóng vai trò là yếu tố phòng bị chính của Việt Nam để đối phó với Trung Quốc.

4. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Ấn Độ và Việt Nam hiện nay đều quốc gia đang phát triển ở châu Á và có vị thế ngày càng nổi bật trên chính trường thế giới. Trong khi Ấn Độ là nước lớn đang trỗi dậy trên thế giới, là nước lớn hàng đầu ở khu vực Nam Á/Ấn Độ Dương thì Việt Nam cũng đang “chuyển mình” ở Đông Nam Á với vai trò ngày càng nổi bật ở châu Á. Hiện nay, trong quan hệ với Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam có nhiều điểm chung, tương đồng: (i) Ấn Độ và Việt Nam đều là quốc gia láng giềng với Trung Quốc; (ii) cả hai nước đều có tranh chấp biên giới (Ấn Độ ở trên đất liền, Việt Nam ở trên biển) với Bắc Kinh; (iii) Trung Quốc là đối tác thương mại hàng đầu và quan trọng của cả Ấn Độ và Việt Nam; và (iv) bên cạnh có được những cơ hội trong hợp tác kinh tế với Trung Quốc thì cả Ấn Độ và Việt Nam đều phải đối phó với những thách thức từ sự trỗi dậy đầy quyết đoán của Trung Quốc. Xuất phát từ những điều trên cùng với đánh giá những thành tựu, hạn chế trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quan hệ với quốc gia láng giềng Trung Quốc như sau:

Thứ nhất, bài học về xử lý tranh chấp lãnh thổ (Biển Đông) với Trung Quốc. Từ chính sách đối với vấn đề giải quyết tranh chấp biên giới của Ấn Độ đối với Trung

quốc, Việt Nam cần rút ra bài học kinh nghiệm là cần có quan điểm dứt khoát, kiên định nhưng khôn khéo với Trung Quốc, đặc biệt là giải quyết triệt để vấn đề Biển Đông. Từ vấn đề biên giới Ấn - Trung có thể thấy rằng, Trung Quốc chưa bao giờ từ bỏ tham vọng mở rộng lãnh thổ, và thường sử dụng chiến thuật “salami”, lấn dần từng bước nhỏ, chia rẽ sự tập trung của đối thủ, cũng như tránh phản ứng của các nước và dư luận quốc tế đối với vấn đề biên giới. Mặt khác, với tư cách là quốc gia láng giềng đang có tranh chấp lãnh hải, Việt Nam có khả năng bị Trung Quốc áp dụng những phương thức trên với Ấn Độ nhằm vừa đe dọa vừa lôi kéo và trấn áp răn đe. Hơn nữa, từ quan hệ Ấn - Trung, có thể thấy, vấn đề biên giới chính là nguồn gốc cho mối quan hệ đối đầu, căng thẳng của hai nước lớn châu Á kéo dài hơn nửa thế kỷ. Do đó, trong quan hệ với Trung Quốc, có một chiến lược khôn khéo để từng bước giải quyết vấn đề Biển Đông là vấn đề cấp thiết và chiến lược của Việt Nam. Bởi nếu không có chiến lược, Việt Nam cũng sẽ phải đối diện với vấn đề giải quyết tranh chấp lãnh thổ dai dẳng với Trung Quốc như Ấn Độ đã và đang trải qua. Thậm chí, trong bối cảnh khoảng cách sức mạnh tổng hợp quốc gia giữa Trung Quốc và Việt Nam ngày càng gia tăng thì chắc chắn Việt Nam sẽ có bất lợi trong xử lý tranh chấp với Trung Quốc.

Thứ hai, bài học về cân bằng quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Đối với Việt Nam, Trung Quốc vừa là quốc gia láng giềng lớn nhất, vừa là nước lớn láng giềng đang trỗi dậy, hai nước “núi liền núi, sông liền sông, biển liền biển”, còn Ấn Độ là đối tác truyền thống hữu nghị của Việt Nam. Do đó, những thay đổi trong chính sách của Ấn Độ với Trung Quốc nói riêng và quan hệ song phương, đa phương Ấn - Trung nói chung tác động rất lớn đến ổn định, an ninh và phát triển của Việt Nam. Như vậy, một mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa Ấn Độ và Trung Quốc cũng có lợi cho sự phát triển của Việt Nam, góp phần duy trì, hòa bình, hợp tác và phát triển ở Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Đối với Việt Nam, là một nước nhỏ trong khu vực và có liên quan trực tiếp đến cả Ấn Độ và Trung Quốc, trước hết cần thực hiện chính sách cân bằng quan hệ với các cường quốc, trong đó có Ấn Độ và Trung Quốc. Theo đó, một mặt tiếp tục tranh thủ Trung Quốc về mặt kinh tế, nhưng vẫn phải tranh thủ Ấn Độ về mặt an ninh.

Giữa một nước láng giềng lớn đang trỗi dậy (Trung Quốc) và một người bạn lớn (Ấn Độ), Việt Nam sẽ không chọn bên này hoặc bên kia, theo đó luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp Quốc là lựa chọn của Việt Nam. Bên cạnh phải đảm bảo an ninh quốc gia, Việt Nam cần duy trì hợp tác thay vì đối đầu, mặt khác định vị lại các phương thức phát triển trong nước cũng như quốc tế nhưng cần quan tâm đến phát triển bao trùm nhưng không loại trừ, “chọn phe” hay “chọn bên” nào ra ngoài xu hướng phát triển. Có thể thấy, Ấn Độ đã rất thành công trong việc, mặc dù muốn kiềm chế, đối trọng Trung Quốc nhưng chưa bao giờ Ấn Độ có các tuyên bố công khai là trở thành một phe hoặc một chiến tuyến để đối đầu với Trung Quốc.

Thứ ba, củng cố sức mạnh quốc gia thông qua cân bằng nội bộ và cân bằng bên ngoài. Việt Nam cần làm tốt vấn đề cân bằng nội bộ, nghĩa là xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia lớn mạnh, đặc biệt là kinh tế và quân sự đồng thời triển khai ngoại giao đa phương và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các quốc gia trong và ngoài khu vực. Ngoài ra, bên cạnh duy trì mối quan hệ kinh tế nhưng luôn cảnh giác và có thái độ quyết đoán với Trung Quốc về vấn đề lãnh thổ. Từ sự kiện đụng độ ở cao nguyên Doklam giữa Ấn Độ và Trung Quốc, có thể thấy, Trung Quốc ngày càng mạnh động và quyết đoán trong vấn đề biên giới, xung đột vũ trang đã diễn ra với Ấn Độ thì có khả năng Việt Nam cũng không ngoại lệ. Do đó, bài học về cân bằng nội bộ quốc gia, tức là xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia, đặc biệt là sức mạnh kinh tế và hải quân là rất cần thiết cho Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Thứ tư, bài học về sự linh hoạt và chính sách ngoại giao thực dụng, trong đó xem Trung Quốc vừa là đối tác, vừa là đối tượng, vừa là láng giềng vừa là nước lớn đang trỗi dậy quyết đoán do đó bên cạnh chính sách hợp tác cần có chính sách cảnh giác với chiến lược và sự trỗi dậy của quốc gia này. Theo đó, cần duy trì chính sách vừa hợp tác vừa chính sách phòng ngừa các rủi ro với Trung Quốc, trong từng trường hợp cụ thể, đặc biệt là hợp tác kinh tế có thể “gác lại tranh chấp, cùng nhau phát triển” tuy nhiên đối với vấn đề lãnh thổ, Việt Nam cần có chính sách nhất quán với trọng tâm là lợi ích dân tộc, chủ quyền quốc gia là trên hết. Kết hợp song song chính sách thực dụng về kinh tế nhưng luôn có chiến lược phòng ngừa rủi ro đối với Trung Quốc.

Thứ năm, bài học về chính sách tự chủ chiến lược trong chính sách đối ngoại. Có thể nói, Ấn Độ đã triển khai rất hiệu quả nguyên tắc tự chủ chiến lược trong chính sách đối ngoại. Mặc dù thực thi chính sách đối ngoại đa liên kết, trở thành một nhân tố quan trọng trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Tự do và Mở của Mỹ, một trụ cột của QUAD nhưng quốc gia này luôn hướng đến xây dựng các liên minh thay vì các đồng minh. Điều này không chỉ giúp New Delhi tự chủ trong quá trình hoạch định và ra quyết định chính sách đối ngoại mà còn tránh bị phụ thuộc bất kỳ cường quốc hoặc nước lớn nào trong quan hệ quốc tế. Hiện nay, vấn đề Biển Đông đang ngày càng bị quốc tế hóa với sự can dự của nhiều bên, nhiều nước lớn, bên cạnh việc Việt Nam cần tận dụng sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế, sự hỗ trợ của các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản thì nguyên tắc độc lập tự chủ trong chính sách đối ngoại cần được nhấn mạnh, tránh phụ thuộc bất kỳ nước lớn nào trong quan hệ quốc tế.

Thứ sáu, xây dựng cơ sở hạ tầng quân sự dọc biên giới. Trong giai đoạn 2014 - 2019, các dự án ở khu vực biên giới Ấn - Trung đều liên quan đến vấn đề xây dựng và mở rộng cơ sở hạ tầng dọc khu vực biên giới giữa hai nước. Thực tế trên cho thấy, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng dọc biên giới, đặc biệt là đồng bộ hóa cơ sở hạ tầng cứng và hạ tầng mềm đang trở thành xu thế tất yếu của các quốc gia có tranh chấp biên giới. Bởi đây là yếu tố ảnh hưởng đến lợi thế chiến thuật trong trường hợp xảy ra xung đột. Việt Nam có đường biên giới dài trên bộ với Trung Quốc, nên hiện đại hóa cơ sở hạ tầng dọc khu vực biên giới sẽ giải pháp vừa có tính chất phòng ngừa, vừa là bước đi chiến lược để ứng phó trong trường hợp có xung đột. Bên cạnh đó, Việt Nam cần phải xây dựng được “thế trận lòng dân” (trong đó có con người điều hành cơ sở hạ tầng, vũ khí trang bị ở khu vực biên giới) gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc, trong tổng thể khu vực phòng thủ để đảm bảo an ninh lãnh thổ quốc gia trong thời bình cũng như khi có xung đột, chiến tranh.

Và thứ bảy, tăng cường mối quan hệ Đối tác chiến lược Ấn Độ - Việt Nam trên cơ sở chia sẻ sự tương đồng trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Xuyên suốt lịch sử, Ấn Độ và Việt Nam có mối quan hệ mạnh mẽ và hữu nghị trên tất cả các lĩnh vực. Hiện nay, hai nước đều có chung thách thức về sự trỗi dậy của Trung Quốc, và vấn

đề tranh chấp lãnh thổ chưa được giải quyết với Bắc Kinh. Do vậy, bên cạnh đẩy mạnh mối quan hệ với New Delhi, Việt Nam cần có chính sách chủ động hơn với Ấn Độ, lôi kéo Ấn Độ tham gia các kết nối đa dạng với Việt Nam nói riêng và ASEAN nói chung để Ấn Độ.

Tiểu kết chương 4

Như vậy, chính sách của Modi đã tác động toàn diện và sâu sắc đối với quan hệ song phương và đa phương Ấn - Trung, cũng như ảnh hưởng đến tình hình khu vực Đông Nam Á cũng như Nam Á. Dưới thời Thủ tướng Modi, quan hệ hợp tác và sự hội tụ chiến lược giữa hai nước vẫn hiện diện, tuy nhiên, dưới sự tác động tổng hợp của các nhân tố bên trong và bên ngoài, khía cạnh cạnh tranh, ngăn chặn tăng lên nhiều, cho thấy “cục diện phức tạp vấn đề cũ chưa được giải quyết đã xuất hiện vấn đề mới” [TTXVN, 2018, tr.68-69]. Tuy còn có một số hạn chế, nhưng có thể thấy rằng, chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Modi đã đạt được một số kết quả bước đầu, điều này được thể hiện rõ nét qua những kết quả đạt được trong quan hệ hai nước trong giai đoạn 2014 -2019.

Đối với Việt Nam, cần nhận thức sâu sắc và đánh giá đúng đắn những chính sách và diễn biến mới của quan hệ Ấn - Trung trong giai đoạn hiện nay để đưa ra được chủ trương chính sách đối ngoại kịp thời, thích hợp. Trong đó, lợi ích quốc gia, chủ quyền dân tộc luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại. Bài học kinh nghiệm từ Ấn Độ trong triển khai chính sách và trong quan hệ với Trung Quốc có giá trị tham khảo rất lớn, gợi mở cho Việt Nam về cách ứng xử với quốc gia láng giềng có tranh chấp lãnh thổ và các nước lớn trong các vấn đề khu vực. Theo đó, trên cơ sở theo đuổi chính sách thực dụng, Việt Nam cần “đa phương hóa” quan hệ đối ngoại để cân bằng bên ngoài, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia để cân bằng nội bộ và “quốc tế hóa” vấn đề tranh chấp Biển Đông với Trung Quốc.

Về dự báo xu hướng quan hệ Ấn - Trung trong giai đoạn tới. Mặc dù trong cuộc gặp vào tháng 10/2019 Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình luôn nhấn mạnh mối quan hệ hợp tác mà hai nước đã cố gắng vun đắp trong hai thập kỷ qua. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2020, sau sự kiện đụng độ ở Ladakh, các yếu tố cạnh tranh và xung đột trong quan hệ Ấn - Trung đã chiếm ưu thế - và có khả năng vẫn tiếp tục. Sau sự kiện này, cựu Ngoại trưởng Ấn Độ Shyam Saran đã khẳng định vào tháng 7/2020 rằng, “căng thẳng có thể giảm bớt, nhưng mối quan hệ sẽ không bao giờ như cũ nữa” [Indian Ministry of External Affairs, June 17, 2020].

KẾT LUẬN

Thứ nhất, về các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự hình thành của Ấn Độ đối với Trung Quốc: chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc là kết quả của sự tác động tổng hợp của các nhân tố bên trong và bên ngoài ở 4 cấp độ: toàn cầu, khu vực, quốc gia và cá nhân. Có thể thấy, mặc dù biến số cá nhân lãnh đạo và các vấn đề cấp quốc gia đóng vai trò quan trọng, có tính quyết định đến việc xác định hành vi chính sách đối ngoại, nhưng không thể phủ nhận vai trò của các nhân tố cấp độ quốc tế và khu vực. Bất kỳ sự thay đổi nào trong cả 4 cấp độ đều có thể dẫn tới những thay đổi trong chính sách đối ngoại, nhưng không một yếu tố riêng lẻ nào mà tự bản thân nó có thể mang lại sự thay đổi hay điều chỉnh lớn trong chính sách đối ngoại của một quốc gia. Thông thường, một sự điều chỉnh hay thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại của một quốc gia là kết quả của sự thay đổi của các biến số hệ thống (quốc tế và khu vực), sau đó là do sự thay đổi của một trong hai hoặc cả hai biến số còn lại. Những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi không nằm ngoài xu hướng này. Điều này cũng góp phần làm rõ vai trò của các biến số trong việc định hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Thứ hai, về mức độ tác động của các nhân tố, nếu các biến số cấp độ hệ thống tác động trực tiếp đến cách thức lựa chọn công cụ, chiến lược và mục tiêu chính sách đối ngoại của một quốc gia thì chính sách đối ngoại là sự tiếp nối của chính sách đối nội, phục vụ chính sách đối nội. Vì vậy, trong khi các nhân tố bên ngoài (ở cấp độ khu vực và quốc tế) là những nhân tố có tính điều kiện thì tình hình trong nước (ở cấp độ quốc gia, cá nhân) là những nhân tố có tính nguyên nhân, tác động trực tiếp nhất tới quá trình xây dựng và triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Những thay đổi về các biến số trong nước quyết định mức độ liên tục (kế thừa) và thay đổi (điều chỉnh) trong chính sách đối ngoại.

Thứ ba, về nội dung chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc, tính đa dạng và phức tạp của các nhân tố bên trong và bên ngoài đã quyết định tính phức tạp và “đa hướng” trong nội dung chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh. Điều này được

thể hiện ở việc triển khai đồng thời 4 chính sách: hợp tác, quản lý xung đột, cân bằng quyền lực và kiềm chế ảnh hưởng của New Delhi đối với Bắc Kinh. Chính sách của ông Modi đối với Trung Quốc có thể được hiểu trong luận điểm: “Chính phủ Ấn Độ mong muốn duy trì quan hệ hòa bình và thân thiện với các nước, nhưng sẽ không tránh đôi đầu nếu cần thiết” [cand.com.vn]. Có thể nói đây là một lời tuyên bố đề cập đến chính sách cứng rắn của ông Modi đối với những quốc gia đang có tranh chấp với Ấn Độ, trong đó nổi bật là người hàng xóm Trung Quốc.

Do đó, đối với New Delhi, *Bắc Kinh vừa là đối tác, vừa là đối thủ cạnh tranh. Có yếu tố cạnh tranh trong hợp tác và ở chiều ngược lại có yếu tố hợp tác trong cạnh tranh.* Sự song trùng tồn tại của các tiếp cận vừa là đối tác, đối thủ, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh đang trở thành chuẩn mực trong quan hệ giữa các nước lớn trong bối cảnh quốc tế hiện nay. Đây không chỉ là cách tiếp cận trong chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc mà còn là hiện trạng và xu hướng của quan hệ Ấn - Trung.

Thứ tư, về sự tiếp nối và điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Modi so với các chính phủ tiền nhiệm. Dưới thời Modi, *sự tiếp nối chính sách được thể hiện ở 4 điểm:* một là, ổn định quan hệ chính trị để phát triển kinh tế; hai là, cách tiếp cận thực dụng để phát triển kinh tế; ba là, cạnh tranh ảnh hưởng ở châu Á và bốn là, giải quyết vấn đề biên giới. Về chính sách của New Delhi đối với Bắc Kinh là sự tiếp nối, kế thừa có điều chỉnh các chính sách của giai đoạn trước, trong đó rõ nhất là nguyên tắc tự chủ chiến lược. Còn *sự điều chỉnh chính sách* được thể hiện rõ nét ở cách tiếp cận của Ấn Độ khi đặt Trung Quốc trong vị thế ngang hàng, đồng đẳng với Trung Quốc, triển khai chính sách cân bằng bên ngoài để kiềm tỏa Trung Quốc. Như vậy, sự thay đổi về bối cảnh quốc gia và quốc tế, khu vực đã tác động đến sự điều chỉnh chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc. Do đó, Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã áp dụng một chiến lược hỗn hợp với đối thủ bất đối xứng của mình bao gồm: hợp tác ở cấp độ song phương (kinh tế) và đa phương; cạnh tranh ở cấp độ khu vực (Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương); bác bỏ, không ủng hộ các sáng kiến đơn phương của Trung Quốc (BRI) và răn đe (đối với vấn đề biên giới). Mục đích của chiến lược hỗn hợp này là nhằm: bảo vệ chủ quyền và toạ vạ lãnh

thổ của Ấn Độ; ngăn chặn sự bá quyền của Trung Quốc ở châu Á đồng thời tạo ra không gian chiến lược của mình với tư cách là một cường quốc ở châu Á đa cực.

Thứ năm, về quan hệ Ấn - Trung dưới thời Thủ tướng Modi. Về tổng thể, trong giai đoạn 2014 - 2019, mặc dù có nhiều điều chỉnh chính sách từ phía Ấn Độ, tuy nhiên có thể thấy, quan hệ Ấn - Trung vẫn duy trì được xu thế phát triển ổn định, trong khuôn khổ “hòa bình lạnh” và có sự biến động trong mối quan hệ song phương Trung - Ấn, từ mối quan hệ “ấm” về kinh tế, “lạnh” về chính trị - an ninh sang xu hướng hợp tác theo chiều hướng ổn định hơn, nhưng vẫn trong không khí của “hòa bình lạnh” bởi các xung đột chính trị, an ninh, biên giới vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Thứ sáu, đối với Việt Nam, cần nhận thức sâu sắc và đánh giá đúng đắn những chính sách và diễn biến mới của quan hệ Ấn - Trung trong giai đoạn hiện nay để đưa ra được chủ trương chính sách đối ngoại kịp thời, thích hợp. Trong đó, lợi ích quốc gia, chủ quyền dân tộc luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại. Bài học kinh nghiệm từ Ấn Độ trong triển khai chính sách và trong quan hệ với Trung Quốc có giá trị tham khảo rất lớn, gợi mở cho Việt Nam về cách ứng xử với quốc gia láng giềng có tranh chấp và các nước lớn trong các vấn đề khu vực. Theo đó, trên cơ sở theo đuổi chính sách thực dụng, Việt Nam cần “đa phương hóa” quan hệ đối ngoại để cân bằng bên ngoài, tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia để cân bằng nội bộ và “quốc tế hóa” vấn đề tranh chấp Biển Đông với Trung Quốc.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Các công trình tiếng Việt

1. Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Oanh (2018), “Chiến lược biển của Ấn Độ hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 10 (71), tr. 1-7, ISSN: 0866-7314;
2. Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Văn Linh (2018), “Phản ứng của Ấn Độ đối với Sáng kiến vành đai và con đường của Trung Quốc”, *Tạp chí Đối ngoại, Ban Đối ngoại Trung Ương* (108), tr. 13-17, ISSN: 1859-2899;
3. Nguyễn Thị Oanh (2018), “Một số nét về chính sách hạt nhân của Ấn Độ từ năm 1947 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 11 (72), tr. 30-39, ISSN: 0866-7314;
4. Nguyễn Thị Oanh (2019), “Chính sách “kết nối phía Tây” của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng N. Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 11 (84), tr. 1-10, ISSN: 0866-7314;
5. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Những đặc điểm cơ bản của hệ thống đảng chính trị nước Cộng hòa Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 5 (90), tr. 46-56, ISSN: 0866-7314;
6. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Vai trò của Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 7(92), tr.1-8, ISSN 0866-7314;
7. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Tác động của nhân tố nội bộ đến chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng N. Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (11-96), tr.9-17, ISSN 0866-7314;
8. Nguyễn Thị Oanh (2021), “Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* 4(236), tr.38-56, ISSN: 0868-3670.
9. Nguyễn Thị Oanh (2021), “Chính sách quản lý xung đột của Ấn Độ với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi và gợi ý chính sách cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* 10(546), tr. 73-82, ISSN: 0866-7494.

Các công trình tiếng Anh

1. Nguyen Thi Oanh, Pham Thuy Nguyen (2019), “The “Modi Doctrine” and “the rise” of India: From Vietnam’s perspectives”, *Vietnam Journal for Indian and Asian Studies* Vol 1(1), pp. 24-36, ISSN: 0866-7314;
2. Nguyen Thi Oanh (2020), “India in the Indo - Pacific region and the prospects of India - Vietnam cooperation” in Jayachandra Reddy G, Nguyen Xuan Trung (eds, 2020), *India - Vietnam Enhancing Partnership*, Narendra Publishing House, New Delhi, India -110085 (India), pp. 218-231, ISBN: 9789389695960;
3. Nguyen Thi Oanh, Nguyen Xuan Trung (2020), “China- India Relations after the 19th National Congress of the Communist Party of China: A perspective of Vietnam”, in Nguyễn Xuân Trung, Lê Thị Hằng Nga, Đặng Thu Thủy (eds, 2020), *International Conference Proceedings India’s Relations with neighbouring countries in the new contexts*, Social Sciences Publishing House, pp. 165-194, ISBN: 978-604-308-053-7,
4. Nguyen Le Thy Thuong, Nguyen Thi Oanh (2021), “Vietnam in the Indo-Pacific Region: Perception, Position and Perspectives”, *India Quarterly* Vol 1(14), Indian Council of World Affairs (ICWA & SAGE), Scopus Q3, DOI: 10.1177/09749284211005036 journals.sagepub.com/home/iqq
5. Nguyen Thi Oanh, Pham Thuy Nguyen (2021), “Vietnam and India’s approach to the Indo-Pacific region: implication for bilateral relation promotion”, *Journal of Liberty and International Affairs* Vol 6(3), Publisher: Institute for Research and European Studies - Bitola (North Macedonia), eISSN: 1857-9760, pp. 62-78, DOI: <https://www.doi.org/10.47305/JLIA2163062to>;
6. Nguyen Thi Oanh, Nguyen Van Linh (2021), “China’s Infrastructure Diplomacy in South Asia: Motives and Impacts”, *IAR Journal of Humanities and Social Science* Vol 2(2), ISSN Print: 2708-6259; ISSN online: 2708-6267, pp. 34-42; DOI: 10.47310/iarjhss.2021.v02i02.006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bảo Nguyễn Trọng Nghĩa (2018), “Quan hệ chính trị Ấn -Trung: từ liên kết sách lược đến đối thủ chiến lược (giai đoạn đầu thập niên 1950 - đầu thập niên 1970)”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (1), tr. 12-13.
2. Đại sứ Phạm Sỹ Tam (2020), *Một số nét về cạnh tranh chiến lược Ấn - Trung ở châu Á và triển vọng*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước”, do Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tổ chức ngày 12/11/2020, Hà Nội.
3. Đại sứ Tôn Sinh Thành (2020), “Ấn Độ điều chỉnh chính sách đối với Trung Quốc”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế *Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước* do Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tổ chức, ngày 12/11/2020, Hà Nội.
4. Đỗ Tiến Sâm, Viện Nghiên cứu Trung Quốc (2018), *Quan hệ Ấn - Trung sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc*, tại Sinh hoạt khoa học của Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Hà Nội.
5. Edward Luce (2013), *Nghịch lý Ấn Độ - Bất chấp thần thánh Ấn Độ trỗi dậy*, NXB Tri Thức, Hà Nội, tr .257.
6. Faisal Ahmed (2018), *Các yếu tố địa kinh tế trong các thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam và Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở”, Hà Nội, tr. 43-45.
7. Hồ Công Cường, Bùi Kiều Anh (2016), “Chính sách phát triển kinh tế biển Việt Nam trong tình hình mới”, Hội thảo quốc tế *Tăng cường hội nhập khu vực vì hòa bình, hữu nghị và thịnh vượng ở Đông Nam Á*, Hà Nội, tr. 153.
8. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, tr. 21-22.
9. Khương An (2001), *Lôgic lịch sử và quan niệm nhân văn của quan hệ chính trị quốc tế*, NXB Đại học sư phạm Đông Bắc, tr. 21-54.

10. Lại Thái Bình (2019), “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: cơ hội và thách thức”, *Tạp chí Cộng sản* (919), tr. 104.
11. Lê Thị Hằng Nga, Hà Lê Huyền (2020), “Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi: nhà lãnh đạo có sức lôi cuốn”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (8), tr. 81-87.
12. Lê Văn Mỹ (2018), “Việc thực hiện chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc trong thời kỳ mới: tác động và ảnh hưởng đến an ninh Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (6), tr. 17-24.
13. Nguyễn Thanh Minh (2018), *Quan điểm của Ấn Độ đối với vấn đề Biển Đông trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Hợp tác phát triển Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và mở”, Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Oanh (2016), “Ấn Độ trong sự cạnh tranh chiến lược ở Ấn Độ Dương hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 12 (49), tr. 9-16.
15. Nguyễn Thị Oanh (2018), *Chính sách ngoại giao cơ sở hạ tầng của Trung Quốc ở Nam Á*, *Tạp chí đối ngoại, Ban Đối ngoại trung ương* (103), tr. 33-39.
16. Nguyễn Thị Oanh (2020), “Kiến trúc an ninh khu vực Nam Á hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu phi và Trung Đông* 03 (175), tr. 27-37.
17. Nguyễn Thị Oanh, Nguyễn Văn Linh (2018), “Phản ứng của Ấn Độ đối với Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc”, *Tạp chí Đối ngoại, Ban Đối ngoại Trung Ương* (10), tr. 23-34.
18. Nguyễn Xuân Trung (2020), Báo cáo đề dẫn Hội thảo “Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước” do Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á tổ chức chủ trì, ngày 12/11/2021.
19. Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Oanh (2019), “Quan hệ Trung Quốc - Ấn Độ từ sau Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* 01 (209), tr. 12-19.
20. Nguyễn Xuân Trung, Nguyễn Thị Oanh, “Chiến lược biển của Ấn Độ hai thập niên đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* (10), tr. 3-6.

21. Phan Thị Thu Dung (2019), “Tác động của cạnh tranh địa chiến lược Nga - Mỹ đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương và một vài dự báo”, *Tạp chí Cộng sản* (919), tr. 107.
22. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Quan hệ Ấn Độ - Nga trong bối cảnh thế giới mới”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (017), tr. 18.
23. Thông tấn xã Việt Nam (2015), “Ấn Độ Dương: điểm nóng trong tranh giành ảnh hưởng Trung - Ấn”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (009), tr. 9.
24. Thông tấn xã Việt Nam (2018), “Chủ nghĩa Modi và tương lai quan hệ Trung - Ấn”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tr. 71.
25. Thông tấn xã Việt Nam (2014), “Những ưu tiên về kinh tế trong chính sách của tân chính phủ Ấn Độ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (1916), tr. 4.
26. Thông tấn xã Việt Nam (2014), “Học giả Ấn Độ: Thủ tướng Modi phải tạo “cú xoay chiến lược” trong chính sách đối ngoại”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (1916), tr. 2.
27. Thông tấn xã Việt Nam (2014), “Một số nét chính về cơ cấu và chính sách của Chính phủ mới Ấn Độ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (1919), tr. 7.
28. Thông tấn xã Việt Nam (2014), “Trung Quốc hướng tới tăng cường hợp tác với Ấn Độ”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (1926), tr. 4.
29. Tôn Sinh Thành (2020), “Quan hệ Ấn - Mỹ: thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 10, tr. 20-18
30. Trần Anh Đức (2018), “Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á* 7, tr. 33-40.
31. Trần Hoa Phượng (2018), *Những thuận lợi và khó khăn trong phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Ấn Độ trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở*, Kỷ yếu hội thảo Quốc tế “Hợp tác Việt Nam - Ấn Độ trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bối cảnh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: tự do và rộng mở”, Hà Nội, tr. 205.
32. Trần Nam Tiến (2017), “Sức mạnh mềm” trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ thời kỳ Narendra Modi”, *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Sức mạnh mềm Ấn Độ, sức*

mạnh mẽm Việt Nam: trong bối cảnh khu vực hóa và toàn cầu hóa, Hà Nội, tr. 145.

33. Thông tấn xã Việt Nam (2017), “Học giả Trung Quốc phân tích về chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt* (2911), tr. 8.

Tiếng Anh

34. Ashish Singh (2021), “Strategies for a Two-Front Dilemma: Lessons from History”, *ORF Occasional Paper* (302), Observer Research Foundation, pp. 43-56.
35. A.P. Rana (1976), *The Imperatives of Nonalignment: A Conceptual Study of India’s Foreign Policy Strategy in the Nehru Period*, Delhi: Macmillan Co. of India.
36. Adithi Sanjay (2020), “The Creation and Mobilization of Anti-China Sentiment by Interest Groups in Indian Society (2012-2018)”, *Georgetown Journal of International Affairs*, GU India Ink, Zeeba Investment Group, and Georgetown Global Consulting, pp.1-25.
37. Amrita Narlikar (2014), “India Rising: Responsible to Whom?” *International Affairs*, 89(3), pp. 595-614.
38. Ananth Krishnan (2020), *India’s China Challenge - A Journey through China’s Rise and What it means for India*, Harper Collins, pp. 65-91.
39. Angana Das (2016), “India’s Neighbourhood Policy: Challenges and Prospects”, *Jindal Journal of International Affairs* 4, Issue 1, pp. 12-18.
40. Anil Sigdel (2020), *India in the Era of China’s Belt and Road Initiative How Modi Responds to Xi*, Rowan & Littlefield, pp. 4-34.
41. Anirudh Deshpande (2006), “Revisiting Nehruvian Ideals in the Context of Contemporary Imperialism,” *Political and Economic Weekly* Vol 41 (52), pp. 9-16.
42. Anja Manuel (2016), *This Brave New World: India, China, and the United States*, New York: Simon and Schuster Publisher, p.106.

43. Anit Mukherjee (2014), *India as a Net Security Provider: Concept and Impediments*, Policy Brief, Rajaratnam School of International Studies, Nanyang Technological University, Singapore, p. 2.
44. Alex Mintz, Karl Derouen (2010), *Understanding Foreign Policy Decision Making*, Cambridge University Press, pp. 169-191.
45. Ashley J. Tellis (2005), *India as a New Global Power: An Action Agenda for the United States*, Washington, DC: Carnegie Endowment for International Peace, p. 30.
46. Bajpai, Kanti (2017), “Narendra Modi’s Pakistan and China Policy: Assertive Bilateral Diplomacy, Active Coalition Diplomacy”, *International Affairs* 93 (1), pp. 69-91.
47. Bajpai, Kanti (2018), “Modi’s China Policy and the Road to Confrontation”, *Pacific Affairs* 91, pp. 245-260
48. Bajpai, Kanti. (2015), ‘Continuity-But with Zeal’, *Seminar* 668, no. April, pp. 23-27.
49. Bana, N., Yhome, K. (2017), *The road to Mekong: The India-Myanmar-Thailand trilateral highway project (ORF Issue Brief)*, Observer Research Foundation.
50. Basrur, Rajesh (2017), “Modi’s Foreign Policy Fundamentals: A Trajectory Unchanged”, *International Affairs* Vol 93 (1), pp. 7-26.
51. Brahma Chellaney (1999), *Securing India’s Future in New Millennium*, Orient Longman, New Delhi, p. 338.
52. Byman, Daniel L. and Kenneth M. Pollack (2001), “Let Us Now Praise Great Men: Bringing the Statesman Back In”, *International Security* Vol 25 (4), pp. 107-146.
53. C. Raja Mohan (2003), *Crossing the Rubicon: the shaping of India’s new foreign policy*, New York: Palgrave Macmillan, p. 268.
54. C. Raja Mohan (2015), *Modi’s world: expanding India’s sphere of influence*, New Delhi: Harper Collins India, pp. 1-20.

55. Chandra Prakash and Prem Arora (2001), *Comparative Politics and International Relations*, Cosmos Bookshive, New Delhi, pp. 31-33.
56. Chandra, S. (2014), "The style and substance of Modi's foreign policy", *Indian Foreign Affairs Journal* Vol 9(3), pp. 213-218.
57. Chaulia, Sreeram (2016), *Modi doctrine: The foreign policy of India's Prime Minister*, Bloomsbury Publishing, pp. 34-52.
58. Chietigj Bajpae (2015), "China - India: Regional Dimensions of the Bilateral Relationship Strategic", *Studies Quarterly Strategic Studies Quarterly* Vol 9 (4), pp. 108-145.
59. Christian Wagner (2016), "The Role of India and China in South Asia", *Strategic Analysis* 40, p. 4.
60. Cooper, Andrew F., and Farooq, Asif B. (2016), "The Role of China and India in the G20 and BRICS" Commonalities or Competitive Behaviour?", *Journal of Current Chinese Affairs* 45 (3), pp.73-106.
61. Cuiping, Zhu (2015), "Dilemmas and Strategic Options vis-à-vis India's China Policy under the Modi Administration", *South Asian Studies* 03, pp.6-17.
62. Dalbir Ahlawat (2012), *India's Strategic Perceptions: Dilemmas and Opportunities*, Centre for Policing, Intelligence and Counter-Terrorism Macquarie University, Sydney, p.12.
63. Daniel Twining (2015), "India's Foreign Policy toward East Asia and the Neighborhood under Modi: Implications for Europe", *NFG Policy Paper* No. 10/2015, p. 5.
64. Daniel Twining (2015), *India's Foreign Policy toward East Asia and the Neighborhood under Modi: Implications for Europe*, NFG Policy Paper No. 10.
65. Devare, Sudhir (2006), *India and South East Asia: Towards Security Convergence*, Institute of South East Asian Studies, pp. 23-65.
66. Devika Sharma, Jason Miklian (2016), *India's global foreign policy engagements a new paradigm?*, Norwegian Peacebuilding Resource Centre, p.5.

67. Department for Promotion of Industry and Internal Trade (2021), *FDI data*, <https://dpiit.gov.in/publications/fdi-statistics>, ngày truy cập 14/5/2021.
68. Department of Commerce, India, (2016, May 26), *China, Export - Import Data Bank*, <http://commerce.nic.in/eidb/iecnt.asp>, ngày truy cập 14/5/2021.
69. Dr Dalbir Ahlawat (2012), *India's Strategic Perceptions: Dilemmas and Opportunities*, Centre for Policing, Intelligence and Counter-Terrorism Macquarie University, Sydney.
70. Dr. Bharti Das (2005), *Irritants in Indo - Pak Relations*, Kilaso Books, New Delhi, pp. 93-98.
71. ERIA (2009), "Mekong-India Economic Corridor Development", *Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA)*, p. 46
72. External Affairs Minister of Indian, S. Jaishankar (2020), *The Indian Way: Strategies for an Uncertain World*, Harper Collins India, pp. 48-60.
73. Fantu Cheru and Cyril Obi (2010), *The rise of China and India in Africa Challenges, opportunities and critical interventions*, Zed Books, London, pp. 91-98.
74. Fen Osler Hampson, Paul Heinbecker (2011), The "New" Multilateralism of the Twenty- First Century", *Global Governance* (17), p. 299.
75. G. Jayachandra Reddy (2016), *India and China Relations Historical, Cultural and Security Issues*, UGC Centre for Southeast Asian and Pacific Studies Sri Venkateswara University, p.vii.
76. G.V.C. Naidu (2017), *India and China in the Emerging Dynamics of East Asia*, Springer.
77. Ganguly, Anirban, Vijay Chauthaiwale, and Uttam Sinha, eds. (2016), *The Modi Doctrine: New Paradigms in India's Foreign Policy*, SCB Distributors.
78. Ganguly, S. (2018), "India and China: On a collision course?", *Pacific Affairs* Vol 91(2), pp. 231-244.

79. Ganguly, Sumit. (2015), “Hindu Nationalism and the Foreign Policy of India’s Bharatiya Janata Party”, *Paper Series No. 2*. Washington, DC: Transatlantic Academy, pp. 5-21.
80. Gideon Rachman (2017), *Easternization: Asia's Rise and America's Decline from Obama to Trump and Beyond*, Other Press.
81. Hailen Ye (2017), “India’s Policy Towards China Under the Mindset of “Assertive Government”, *Current Chinese Economic Report Series*, pp. 36-37.
82. Hall Ian (2016), “Multialignment and Indian Foreign Policy Under Narendra Modi”, *The Round Table: The Commonwealth Journal of International Affairs* 105, pp. 271-86.
83. Hall Ian (2017), “Narendra Modi and India’s Normative Power”, *International Affairs* 93, pp. 113- 131.
84. Hall, Ian (2017), ‘Is a “Modi Doctrine” Emerging in Indian Foreign Policy?’ *Australian Journal of International Affairs* Vol 6(3), pp. 247-252.
85. Hans Joachim Morgenthau (1952), *Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Alfred A. Knopf, pp. 189-201.
86. Harder, A. (2015), *Not at the cost of China: New evidence regarding US proposals to Nehru for joining the United Nations Security Council (Working Paper 76)*, Woodrow Wilson International Center for Scholars.
87. Harsh V. Pant, Ritika Passi (2017), “India’s Response to China’s Belt and Road Initiative: A Policy in Motion”, *Asia Policy* (24), p. 89.
88. Harsh V. Pant (2019), *China Ascendant: Its Rise and Implications*, Harper Collins.
89. Hailin Ye (2018), “Modi’s “Issue-by-Issue” Diplomacy with China”, *Strategic Studies* Vold 38 (1) , pp. 48-65.
90. Hermann, Margaret G. and Joe D. Hagan (1998), ‘International Decision Making: Leadership Matters’, *Foreign Policy* (110), Springer, pp. 124-137.
91. Hornung, Jeffrey W. (2018), “The Potential of the Quadrilateral”, *The RAND Blog*, 22 February.

92. Ian Hall (2015), "Is a 'Modi doctrine' emerging in Indian foreign policy?", *Australian Journal of International Affairs* (69), pp.7-11.
93. Ian Hall (2016), "Multialignment and Indian Foreign Policy under Narendra Modi, The Round Table", *The Commonwealth Journal of International Affairs* (105), No. 3, pp. 271-286.
94. Indian Headquarters Army Training Command (October 2004), *Indian Army Doctrine*, p.6.
95. Indian Integrated Headquarters Ministry of Defence (Navy), *Freedom to Use the Seas*, no.23, p.4.
96. Integrated Headquarters, Ministry of Defence (Navy) (2015), *Suring secure seas: Indian Maritime security seas*, Indian Maritime Security Strategy, p.4
97. Iskander Rehman (2017), "India's fitful quest for seapower", *India Review* (16), Issue 2, pp. 8-15.
98. Jabin T. Jacob (2017), "China's Belt and Road Initiative: Perspectives from India", *China & World Economy* 25, Issue 5, pp. 78-100.
99. Jackson, Robert and Georg Sørensen (2013) *Introduction to International Relations*, Oxford University Press, New York, p.257.
100. Jacob, Janbin. T (2020), "China's Belt and Road Initiative: Perspectives from India", *China and World Economy* (25), No.5, pp.78-100.
101. Jagannath P. Panda (2016), "Narendra Modi's China policy: between pragmatism and power parity", *Journal of Asian Public Policy* (6), p.1.
102. Jagannath Panda (2019), *India and China in Asia: Between Equilibrium and Equations*, Routledge, p.34-67.
103. Jagannath Panda (2020), "The Strategic Imperatives of Modi's Indo – Pacific Ocean Initiative", *Asia Pacific Bulletin* 503, Washington, DC: East-West Center, pp.45-72.
104. James R Holmes and Toshi Yoshihara (2008), "China's Naval Ambitions in the Indian Ocean", *Journal of Strategic Studies* Vol 31(3), 2008, pp. 367-394.

105. Jawaharlal Nehru (1946), *The Discovery of India*, Centennial Edition, Oxford University Press, Delhi, p. 199.
106. Jayachandra Reddy (2016), *India and China Relations Historical, Cultural and Security Issues*, UGC Centre for Southeast Asian and Pacific Studies Sri Venkateswara University, pp. 8-11.
107. Jayshree Sengupta (2018), *Modi's new China Policy*, Observer Research Foundation, pp. 3-9.
108. Jeff M. Smith (2016), *China - India Relations in the Modi- Xi Era*, US - China Economic and Security Review Commission, pp.1-3.
109. Jeff A. Smith (2015), *Cold peace: China-India rivalry in the twenty-first century*, New York: Lexington, pp. 23-27.
110. Jessica van der Schalk (January 20, 2020), *Towards a multipolar world order*, <https://freedomlab.org/towards-a-multipolar-world-order/>
111. John Garver (2001), *Protracted Conflict; Sino-Indian Rivalry in the Twentieth Century*, Seattle: University of Washington Press.
112. John Mearshiemer (2001), *The Tragedy of Great Power Politics*, New York: Norton, pp. 8-9.
113. John W Garver (2001), *Protracted Contest: Sino - Indian Rivalry in the Twentieth Century*, University of Washington Press, Seattle, p. 15.
114. John W. Garver (2012), "The Diplomacy of a Rising China in South Asia", *Orbis* 56, no. 3, p.392.
115. Jonathan Woetzel, Jeongmin Seong (2019), *We've entered the Asian Century and there is no turning back*, World Economic Forum, 11 Oct.
116. Joshi, M. (2018, June), *The Wuhan summit and the India-China border dispute* (ORF Special Report 62), Observer Research Foundation.
117. Kanti Bajpai (1998), "India: Modified Structuralism," in Muthiah Alagappa ed. *Asian Security Practice: Material and Ideational Influences*, Stanford: Stanford University Press, pp.6-19.

118. Kanti Bajpai (2017), "Narendra Modi's Pakistan and China policy: assertive bilateral diplomacy, active coalition diplomacy", *International Affairs* (93), Issue 1, 1 January 2017, pp.69-91.
119. Kanti Bajpai, Huang Jing, Kishore Mahbubani (2016), *China - India: cooperation and conflict*, Routledge, pp.11-27.
120. Kanti Bajpai, Selina Ho, Manjari Chatterjee Miller (2020), *Handbook of China - India Relations*, Routledge, pp. 6-9.
121. Kenneth Waltz (1979), *The Theory of International Politics*, Boston, MA: McGraw-Hill, p. 63.
122. Khurana, Gurpreet S. (2016a), *Porthole: Geopolitical, Strategic and Maritime Terms and Concepts*, New Delhi: Pentagon Press, p. 186.
123. Kinnvall, Catarina (2019), "Populism, Ontological Insecurity and Hindutva: Modi and the Masculinization of Indian Politics", *Cambridge Review of International Affairs* 32, no. 3, pp. 283-302.
124. Lavina Lee (2015), "India as a Nation of Consequence in Asia: The Potential and Limitations of India's 'Act East' Policy", *Journal of East Asian Affairs* 29, no. 2.
125. Lorne J. Kavic (1997), *India's Quest for Security; Defence Policies, 1947-1965*, Berkeley: University of California Press, pp.8-23.
126. Manjari Chatterjee Miller, Kate Sullivan De Estrada (2017), *Pragmatism in Indian foreign policy: how ideas constrain Modi*, Oxford University Press, pp. 27-30.
127. Manoj Jonoj Joshi (2018), *The Wuhan Summit and the India -China Border Dispute*, Observer Research Foundation.
128. Mehraj Uddin Gojree (2014), *Foreign Policy of India towards China: Principles and Perspectives*, International Research Journal of Social Science 3(9), p.50-58,
129. Michael Brecher (1968), *India and World Politics: Krishna Menon's View of the World*, London: Oxford University Press.

130. Mintz, A., Geva, N (1997), “The poliheuristic theory of foreign policy decisionmaking”, in Mintz, A., Geva, N (Eds), *Decisionmaking on war and peace: The cognitive-rational debate*, Boulder, Co: Lynne Rienner, pp. 81-100.
131. Ministry of External Affairs (2019b, October 2), *2nd India-China informal summit*, Government of India.
132. Monsonis, G. (2010), “India’s Strategic Autonomy and Rapprochement with the US”, *Strategic Analysis* Vol 34(4), pp.611-624.
133. Moravcsik, Andrew (1997), “Taking Preferences Seriously: A Liberal Theory of International Politics”, *International Organization* (51), no. 4, p.513.
134. Ogden Chris (2014), *Hindu Nationalism and the Evolution of Contemporary Indian Security*, New Delhi: Oxford University Press, p. 62
135. Parama Sinha Palit (2017), *Analyzing China’s Soft Power Strategy and Comparative Indian Initiatives*, Los Angeles, London, New Delhi, SAGE.
136. Paramita Mukherjee, Arnab K. Deb, Miao Pang (2016), *China and India: history, culture, cooperation and competition*, New Delhi, Sage Publication, pp. 111-134.
137. Pardesi, M. (2019), “Managing the 1986-87 Sino-Indian Sumdorong Chu crisis”, *India Review* Vol 18(4), pp. 534-55.
138. Pardesi, Manjeet S. (2018), “The Initiation of the Sino-Indian rivalry”, *Asian Security*, pp. 253-284.
139. Pavel Chakrabortya, Michael Henry (2019), “Chinese competition and product variety of Indian firms”, *Journal of Comparative Economics* 47, Issue 2, pp. 367-395.
140. Peter Koenig (04.07.2017), China and Russia, Beijing’s “Belt and Road” Initiative, Towards an Economy of Peace?, ngày truy cập 11/12/2019.
141. Peter W. Schulze (2019), *Multipolarity and multilateralism: Cooperative or rival cornerstones of a new world order?*, Dialogue of Civilization of Research Institute, Berlin, 3 December.

142. PP Shukla ed. (2014), *India-US Partnership: Asian Challenges and Beyond*, Wisdom Tree, New Delhi, pp. 123-134.
143. PHD Research Bureau (2019), *India - China Trade Relationship: The Trade Giants of the Past, Present and the Future*, PHD Chamber of Commerce and Industry.
144. Press Information Bureau (2019, August 6), *Parliament approves resolution to repeal article 370; Paves way to truly integrate J&K with Indian Union*, Ministry of Home Affairs, Government of India.
145. Quadrennial Defense Review Report (February 2010), US Department of Defense, p. 60.
146. Rahul Roy-Chaudhury (2018), "India's perspective towards China in their shared South Asian neighbourhood: cooperation versus competition", *Contemporary Politics* (24), pp. 3-11.
147. Rajesh Basrur, Anit Mukherjee, T. V. Paul (2019), *India - China Maritime Competition: The Security Dilemma at Sea*, Abingdon & New York: Routledge, Taylor & Francis Group.
148. Rajesh Rajagopalan (2017), *India's strategic choices: China and the Balance of Power in Asia*, Jawaharlal Nehru University in New Delhi, pp.123-145.
149. Rajiv Sikri (2011), "The Tibet factor in India - China Relations", *Journal of International Affairs* (64), No. 2, p. 12-18.
150. Rajiv Sikri (2009), *Challenge and Strategy: rethinking India's Foreign Policy*, SAGE Publications India Pvt Ltd, pp. 19-22.
151. *Remarks by External Affairs Minister at the Launch of the Book 'The Modi Doctrine' at IIC, New Delhi,* August 13, 2016, <http://www.mea.gov.in>.
152. Ripsman, Norrin M., Jeffrey W. Taliaferro, and Steven E. Lobell (2016), *Neoclassical Realist Theory of International Politics*, Oxford University Press, New York, pp. 58-79.

153. Robert D. Blackwill (2020), *Implementing Grand Strategy Toward China Twenty-Two U.S. Policy Prescriptions*, Council on Foreign Relations, Council Special Report No. 85, pp.1-3.
154. Robert Owen Keohane (2003), *Power and Governance in a Partially Globalized World*, Routledge, pp.117-132.
155. Sandra B. Rosenthal (1994), *Charles Peirce's Pragmatic Pluralism*, SAGE Publications' Encyclopedia of Business.
156. Schulze, P. W. (Ed.) (2018), *Multipolarity: The promise of disharmony*, Frankfurt: Campus Verlag.
157. Sinderpal Singh (2016), *Modi and the World: (Re) Constructing Indian Foreign Policy*, World Scientific Publishing, pp. 3-4.
158. Sheldon Pollock and Benjamin Elman (2018), *What China and India Once Were: The Pasts That May Shape the Global Future*, Columbia University Press.
159. Shivshankar Menon (2016), *What China's rise means for India*, Brookings.
160. Shrikanr Paranje (2014), *India's Strategic Culture: the making of National Security Policy*, Routledge - Taylor and Francis Groups, India, pp. 23-76.
161. Shrikant Paranjpe (2017), *India's strategic culture: the making of national security policy*, do Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ (biên dịch, 2017), NXB Thông tin và Truyền thông, pp. 56-63.
162. Sinderpal Singh (2017), *Modi and the World - (Re) Constructing Indian Foreign Policy*, World Scientific Publishing, pp. 160-168.
163. Suhas Palshikar (2018), 'Towards Hegemony: BJP Beyond Electoral Dominance', *Economic and Political Weekly* 53 (33), pp. 36-42.
164. Sumit Ganguly (June 2015), "Hindu nationalism and the foreign policy of India's Bharatiya Janata Party", *Transatlantic Academy Paper Series*, no. 2, Washington DC: Transatlantic Academy.
165. Sumit Ganguly, Manjeet S. Pardesi (2009), 'Explaining sixty years of India's foreign policy', *India Review* Vol 8 (1), p. 4

166. Summer Zhen (2015), “Chinese Firm Takes Control of Gwadar Port Free-Trade Zone in Pakistan,” *South China Morning Post*, 11 November.
167. T. V. Paul (2018), *The China-India Rivalry: Contention and Competition*, Washington, DC: Georgetown University Press, pp. 61-67.
168. Tan Chung (2015), *Himalaya Calling: The Origins of China and India*, World Scientific, pp. 11-17.
169. The Author(s) (2020), *China - India relations after Doklam*, The Chinese Journal of International Politics, Oxford University Press on behalf of The Institute of International Relations, Tsinghua University, pp.1-26.
170. Tushaar Shah, Ashok Gulati, Hemant P, Ganga Shreedhar, R C Jain (2009) “Secret of Gujarat's Agrarian Miracle after 2000”, *Economic and Political Weekly* 44 (52), pp. 45-55.
171. Twining, D., (2015), “India’s foreign policy toward East Asia and the neighbourhood under Modi: implications for Europe”, *NFG Policy Paper* 10, p.8.
172. Twining, Daniel (2014c), “Building U.S. Partnerships for the 21st Century: The Case of (and for) India,” in Tellis, Ashley et al, *Strategic Asia 2014-15: U.S. Alliances and Partnerships at the Center of Global Power*, Washington, DC: National Bureau of Asian Research.
173. V. Longor (1988), *India’s foreign policy*, Sterling, New Delhi, p. 118.
174. Vikash Chandra (2017), “Modi Government and Changing Patterns in Indian Foreign Policy”, *Jadavpur Journal of International Relations* Vol 21(2), pp. 100-101.
175. Vinay Kaura (2020), “India’s Relations with China from the Doklam Crisis to the Galwan Tragedy”, *India Quarterly: A Journal of International Affairs*, <https://doi.org/10.1177/0974928420961768>
176. Vipin Narang, Paul Staniland (2012), ‘Institutions and worldviews in Indian foreign security policy’, *India Review* Vol 11 (2), p. 76.

177. Watson, Michael P. (2002), *Balance of Power vs. Balance of Threat: The case of China and Pakistan*, United States Marine Corps Command and Staff College, p.I.
178. Werner Levi (1952), *Free India in Asia*, University of Minnesota Press, Minneapolis, p. 38.
179. Willem van Eekelen (2016), *Indian Foreign Policy and the Border Dispute with China: A New Look at Asian Relationships*, Leiden & Boston: Brill Nijhoff.
180. X.G. Iu - rơ - cốp (1982), *Châu Á trong các kế hoạch của Bắc Kinh*, NXB Sự Thật, Hà Nội, tr. 29.
181. Yang Lu (2013), *Dynamics of National Interest and National Identity: A constructivist approach to the India - China relations from 2003 - 2012*, Heidelberg University, pp. 15-21.
182. Yang Xiaoping (2011), *The Security Architecture of South Asia: Problems and Prospects*, Institute of Asia-Pacific Studies, Chinese Academy of Social Sciences, and International Visiting Fellow of IDSA, p.1.
183. Ying Zhu, Deepak Sardana, S. Tamer Cavusgil (2020), *Weathering the Storm in China and India Comparative Analysis of Societal Transformation under the Leadership of Xi and Modi*, Routledge.

Tài liệu tiếng Trung

184. 高尚涛 (2018), 印度对“一带一路”倡议的看法及中国之应对. 对外传播期:008 页码:35-37
185. 李家胜 (2017), 印度洋相遇-印度应对中国进入印度洋的行为逻辑. 世界经济与政治. 期: 9, 页码 : 37-61
186. 陈水胜·席桂桂 (2015), "一带一路"倡议的战略对接问题:以中国与印度的合作为例. 南亚研究季刊 (4), 页码 : 72-79

187. 田丰 (2015), 中国企业如何投资印度?. 《中国外资》2014年第3期
42-44页
188. 徐华 (2018), 中国与印度贸易关系的测度和分析. 现代商贸工业
期:001 页码:42-45
189. 李小军 (2019), 印度与中国关系中的"核因素"及其影响. 南亚东
南亚研究, 2019, (2), 页码: 1-19
190. 杨思灵 (2020), 加勒万河谷流冲突: 印度的危险游戏及其对中印
关系的影响. 《云梦学刊》2020年第5期 1-10页

Website

191. Alka Acharya (June 19, 2013), "The Strategic Stasis in the India-China Relationship", *Economic & Political Weekl* (48), No.26-27, <http://www.epw.in/journal/2013/26-27/commentary/strategic-stasis-india-china-relationship.html>, ngày truy cập 25/7/2019.
192. Amitai Etzioni (2017), "China and India: A Lesson in Conflict Resolution", *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2017/09/china-and-india-a-lesson-in-conflict-resolution>, ngày truy cập 10/9/2020.
193. Ankit Panda (2014), 'Chinese foreign minister makes inroads with Modi government', *The Diplomat*, 10 June, <http://thediplomat.com/2014/06/chinese-foreign-minister-makes-inroads-with-modi-government/>, ngày truy cập 25/9/2019.
194. Ashley J. Tellis (2016), "India as a Leading Power", Carnegie Endowment for International Peace, http://carnegieendowment.org/files/CP_268_Tellis_India_final1.pdf, ngày truy cập 20/9/2019.

195. Asia Times (2020), David D. Goldman (2020), *Asian century began in May 2020*, <https://asiatimes.com/2020/05/the-asian-century-began-in-may-2020/>, ngày truy cập 22/7/2020.
196. Asia-Pacific Center for Security Studies (2003), Executive Summary, Conference on India and the Emerging Geopolitics of the Indian Ocean Region, 17-19 August, http://www.apcss.org/core/Conference/CR_ES/030819-21ES.htm, ngày truy cập 25/9/2019.
197. Associated Press (2020, January 16), “Avoid raising Kashmir dispute at United Nations, India asks China”, *South China Morning Post*, <https://www.voanews.com/south-centralasia/india-asks-china-avoid-raising-kashmir-dispute-un>, ngày truy cập 8/11/2020.
198. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (6/5/2015), *Thủ tướng Ấn Độ chuẩn bị thăm chính thức Trung Quốc*, <https://dangcongsan.vn/the-gioi/tin-tuc/thu-tuong-an-do-chuan-bi-tham-chinh-thuc-trung-quoc-301845.html>, ngày truy cập 10/9/2020.
199. NDTV (June 10, 2016), “*Modi Doctrine*: Prime Minister’s Vision Gets a New Name in Washington,” <https://www.ndtv.com/india-news/as-indo-us-ties-aim-for-global-good-us-calls-pms-vision-modi-doctrine-141761>, ngày truy cập 23/7/2019.
200. Anniversary of Panchsheel, www.mea.gov.in/articles-in-indian-media.htm?dtl/15408/Revitalising+Panchsheel, ngày truy cập 25/7/2019.
201. Baomoi.com (2017), *Thế bế tắc trong quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc*, <https://baomoi.com>, ngày truy cập 27/07/2019.
202. Brahma Chellaney (2016), “China’s Pakistani Outpost,” *Project Syndicate*, <https://www.project-syndicate.org/commentary/pakistan-becoming-chinese-client-state-by-brahma-chellaney-2016-05>, ngày truy cập 27/07/2019.
203. Business Standard (May 28 2015), *Full Text of Narendra Modi’s Interview*, <http://www.business-standard.com/article/economy-policy/full-text-of-pm->

- narendramodi-s-interview-to-pti-115052800367_1.html, ngày truy cập 27/07/2019.
204. C. Raja Mohan (June 18, 2015), “Modi and the Indian Ocean: Restoring India’s Sphere of Influence,” *Asia Maritime Transparency Initiative*, <http://amti.csis.org/modi-and-the-indian-ocean-restoring-indias-sphere-of-influence/>, ngày truy cập 25/9/2019.
205. cand.com.vn, *Trung Quốc gấp gáp xích lại gần Ấn Độ: Tính toán đầy thâm ý*, <http://antg.cand.com.vn/News/PrintView.aspx?ID=83376>, ngày truy cập 28/5/2020.
206. CGTN (2018), *China, India agree to enhance mutual trust after Xi-Modi informal meeting in Wuh*, https://news.cgtn.com/news/3d3d514e7a55544d77457a6333566d54/share_p.html, ngày truy cập 23/7/2019.
207. Center for Policy Research (February 29, 2012), “*Non-Alignment 2.0: A Foreign and Strategic Policy for India in the Twenty-First Century*,” <http://www.cprindia.org/research/reports/nonalignment-20-foreign-and-strategic-policy-india-twenty-first-century>, ngày truy cập 8/6/2020.
208. Chandra, P. (30 May 2014), *China top priority in India’s foreign policy: Modi tells Chinese premier LiKeqiang*, Deccan Chronicle, <http://www.deccanchronicle.com/140529/nation-current-affairs/article/will-deal-outstanding-issues-narendra-modi-tells-chinese-prime>, ngày truy cập 8/6/2020.
209. Chaudhury, D. R. (2019b, August 7), *China should desist from commenting on internal affairs of India*, Economic Times, <https://economictimes.indiatimes.com/news/politicsand-nation/india-rejects-chinas-opposition-to-formation-of-union-territory-of-ladakh/articleshow/70558147.cms?from=mdr>, ngày truy cập 8/6/2020.
210. China Daily (11/4/2014) *Full Text of Li Keqiang’s Speech at Opening Ceremony of Boao Forum*, Ministry of Commerce, People’s Republic of

- China, http://www.chinadaily.com.cn/china/2014-04/11/content_17425516.htm, ngày truy cập 18/7/2018.
211. Department of Commerce, India (2019), *China, Export - Import Data Bank*, <http://commerce.nic.in/eidb/iecnt.asp>, ngày truy cập 25/9/2019.
212. *China, India Should Regard Each Other As "Partners": Xi Jinping*, <https://www.ndtv.com/india-news/china-india-are-backbone-of-worlds-multi-polarization-economic-globalisation-chinese-president-xi-ji-1844293>, ngày truy cập 15/7/2019.
213. China.org.cn, *President Xi Jinping speaks on China-India relations*, http://www.china.org.cn/video/2014-09/19/content_33553486_4.htm, ngày truy cập 25/9/2019.
214. Chinese Ministry of Foreign Affairs (September 19, 2014), *Xi Jinping's Speech at Indian Council of World Affairs (full text)*, http://www.fmprc.gov.cn/web/gjhdq_676201/gj_676203/yz_676205/1206_677220/1209_677230/, ngày truy cập 23/9/2018.
215. Choudhury, U., (12 Oct 2012), *How Chinese telecom firms will thrive in India despite "spy alert"*, Firstpost.com. <http://www.firstpost.com/world/how-chinese-telecom-firms-willthrive-in-india-despite-spy-alert-488008.html>, ngày truy cập 23/9/2018.
216. Dantri.com, *Tổng thư ký Liên Hợp Quốc: Chiến tranh lạnh đã trở lại*, <http://dantri.com.vn/the-gioi/tong-thu-ky-lien-hop-quoc-chien-tranh-lanh-da-tro-lai-20180414061650046.htm>, truy cập ngày 12/4/2018.
217. Defense Intelligence Agency's (2019), *ChinaMilitary Power*, Washington, DC: DIA Military Power Publications, http://www.dia.mil/Portals/27/Documents/News/Military%20Power%20Publications/ChinaMilitary_Power_FINAL_5MB_20190103.pdf, ngày truy cập 25/9/2019.
218. Dhruva Jaishankar (12/06/2020), *In India's China policy, a mix of three approaches*, Opinion, <https://www.hindustantimes.com/columns/in-india-s->

- china-policy-a-mix-of-three-approaches/story-sQ7nPf0ESZ00m3sm0Gu5QP.html, ngày truy cập 20/09/2020.
219. Dixit, S., (2011), “Beijing to hold first ever India-China strategic economic dialogue”, *The Hindu*, 24 September.
220. Embassy of the People’s Republic of China in the Republic of India (2018), *Keynote Speech by Ambassador H.E. Mr. Luo Zhaohui at the Opening Ceremony of China-India Relations Seminar*, http://in.chinaembassy.org/eng/embassy_news/t1569657.htm, ngày truy cập 1/7/2019.
221. Executive Summary (2003), “Conference on India and the Emerging Geopolitics of the Indian Ocean Region”, *Asia-Pacific Center for Security Studies*, http://www.apcss.org/core/Conference/CR_ES/030819-21ES.htm, ngày truy cập 1/7/2019.
222. Global Fire Power (2019), *2018 Military Strength Ranking*, <https://www.globalfirepower.com/countries-listing.asp>, ngày truy cập 12/4/2019.
223. Government of India (2018), *Prime Minister’s Keynote Address at Shangri La Dialogue*, <https://www.mea.gov.in/SpeechesStatements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, ngày truy cập 15/7/2019.
224. Government of India, Prime Minister’s Office (15 May 2015), *Joint statement between India and China during Prime Minister’s visit to China*, Press Information Bureau, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=121755>, ngày truy cập 3/11/2018.
225. Geeta Moohan (2020), *China isolated on Kashmir issue at UNSC, 14 nations refuse discussion in big win for India*, <https://www.indiatoday.in/india/story/china-pakistan-isolated-on-kashmir-issue-at-uns-1637238-2020-01-16>, ngày truy cập 1/2/2021.

226. Harris, Gardiner (2014), Poor Sanitation in India May Afflict Well-Fed Children with Malnutrition, *New York Times*, July 13, <http://www.nytimes.com/2014/07/15/world/asia/poor-sanitation-in-india-may-afflict-well-fed-children-with-malnutrition.html>, ngày truy cập 1/7/2019.
227. Herbert Wulf (2014), *China, India and the three Cs*, Stockholm International Peace Research Institute <https://www.sipri.org/commentary/blog/2014/china-india-and-three-cs>, ngày truy cập 23/7/2019.
228. Huỳnh Tâm Sáng (2018), Giới thiệu về Lý thuyết Kỳ vọng (Prospect Theory), <http://scis.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=70d39f8f-ec50-41c3-bea0-2d6ddbb431ee>, ngày truy cập 10/2/2019.
229. India is now the bright hope for sustaining Asian dynamism and prosperity: PM Modi in Singapore’, *Narendra Modi website*, <http://www.narendramodi.in/text-of-37th-singapore-lecture-india-s-singapore-story-by-prime-minister-during-his-visit-to-singapore--377134>, ngày truy cập 23/7/2020
230. *India Under Narendra Modi: More Continuity Than Change in Foreign Policy*, http://www.huffingtonpost.com/rajan-menon/india-under-narendra-modi_b_5382883.html, ngày truy cập 23/7/2019.
231. Indian Ministry of External Affairs (2015), “IISS Fullerton Lecture by Dr. S. Jaishankar, Foreign Secretary in Singapore”, July 20, 2015, https://mea.gov.in/SpeechesStatements.htm?dtl/25493/IISS_Fullerton_Lecture_by_Foreign_Secretary_in_Singapore, ngày truy cập 23/7/2019.
232. Indian Ministry of Finance (July 23, 2020) “Restrictions on Public Procurement from certain countries,” <https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1640778>, ngày truy cập 23/7/2019.
233. Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office (2015) “*PM to Heads of Indian Missions*,” press release, February

- 7, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=115241>, ngày truy cập 23/7/2019.
234. Ingber, S. & Frayer, L. (2019), *Modi Wins In Landslide Election, A Victory For Hindu Nationalists*, *NPR*, <https://www.npr.org/2019/05/23/726160387/modi-wins-in-landslide-election-a-victory-for-hindu-nationalists>, ngày truy cập 23/7/2019.
235. Jeff M. Smith (2015), *Beware China's Grand Strategy*, <https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2015-05-20/beware-chinas-grand-strategy>, ngày truy cập 20/9/2019.
236. Kashyap Arora, Rimjhim Saxena (2018), *India- China economic relations: an assessment*, <https://southasianvoices.org/india-china-economic-relations-an-assessment/>, ngày truy cập 20/7/2019.
237. Lê Thị Hằng Nga (20/8/2017), *Căng thẳng biên giới Ấn Độ và Trung Quốc*, http://www.viisas.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/DiemNhan/View_Detail.aspx?ItemID=502, ngày truy cập 8/11/2020.
238. Lee Kuan Yew in Nicholas D. Kristof (1993), "The Rise of China," *Foreign Affairs*, November/December, <http://foreignaffairs.com/articles/asia/1993-12-01/rise-china>, ngày truy cập 23/7/2019.
239. Lindsay Hughes (2017), *Implications of the Chinese Communist Party's 19th Congress: Part One: Xi Consolidates Power*, <http://www.futuredirections.org.au/publication/implications-chinese-communist-partys-19th-congress-part-one-xi-consolidates-power/>, ngày truy cập 21/7/2018.
240. Luo Zhaohui, *I believe connectivity is the key to addressing the India-China trade deficit*, <https://www.hindustantimes.com/analysis/i-believe-connectivity-is-the-key-to-addressing-the-india-china-trade-deficit/story-B0oUzoeQOpLRlya56n3ZXP.html>, ngày truy cập 23/7/2019.

241. Madhav, Ram (2014), "The Other Neighbor", *Indian Express*, June 7, <http://indianexpress.com/article/opinion/columns/the-other-neighbour/>, ngày truy cập 8/9/2020.
242. *Mains 2016 current affairs*, General Studies 2, *Modi Doctrine*, <https://neoiias.com/images/pdf/mains-2016/gs2/54.%20MODI%20DOCTRINE.pdf>, p.1.
243. Manoj Joshi (2018), *Fresh overtures hint at a thaw in India-China relations*, <https://www.orfonline.org/research/fresh-overtures-hint-thaw-india-china-relations/>, ngày truy cập 20/7/2020.
244. Mary E (February 19, 2018), *Narendra Modi's Rise in Import Tariffs will hurt India's Economy*, <https://www.piiie.com/commentary/op-eds/narendra-modis-rise-import-tariffs-will-hurt-indias-economy>, ngày truy cập 10/10/2021.
245. Menon, Shivshankar (2013), *Patel, India and the World. Lecture transcript*, 16 October, <http://southasiamonitor.org/detail.php?type=emerging&nid=6220>, ngày truy cập 12/1/2020.
246. Ministry of External Affairs (2020), "Phone call between External Affairs Minister, Dr. S. Jaishankar and Foreign Minister of China, H.E. Mr. Wang Yi," June 17, 2020, <https://bit.ly/3jJXJX7>, ngày truy cập 23/7/2019.
247. Ministry of External Affairs (2020), *Indo-Pacific Division Briefs*, https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/Indo_Feb_07_2020.pdf, ngày truy cập 23/7/2019.
248. Ministry of External Affairs (2019), *India-China Bilateral Relation*, https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/china_brief_sep_2019.pdf, ngày truy cập 1/6/2020.
249. Ministry of External Affairs of India (2020), "Official Spokesperson's response to a media query on the recent developments in the India-China Border Areas," September 1, 2020 <https://bit.ly/3lL81rOa>, ngày truy cập 23/7/2019.
250. Ministry of External Affairs (2019a, August 12), *Visit of the external affairs minister to Beijing*, Government of India, <https://mea.gov.in/press->

- releases.htm?dtl/31718/Visit_of_External_Affairs_Minister_to_China_August_1111_2019, ngày truy cập 1/6/2020.
251. Ministry of External Affairs, Government of India (2017), *Official Spokesperson's response to a query on participation of India in OBOR/BRI Forum*, <https://mea.gov.in/media-briefings.htm?dtl/28463/Official+Spokespersons+response+to+a+query+on+participation+of+India+in+OBORBRI+Forum>, ngày truy cập 18/9/2019.
252. Ministry of External Affairs, Government of India (2018), *Prime Minister's Keynote Address at Shangri La Dialogue*, <https://www.mea.gov.in/SpeechesStatements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, ngày truy cập 15/7/2019.
253. Ministry of External Affairs, Government of India (2019), *India – China Bilateral Relations*, https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/china_brief_sep_2019.pdf, ngày truy cập 12/10/2020.
254. Ministry of External Affairs, Government of India (20 Jul 2004), *Revitalising Panchsheel*, Text based on the former president K.R. Narayanan's keynote address at a seminar organized in June 2004 in Beijing to mark the 50th to mark the 50th anniversary of Panchsheel, ngày truy cập 23/9/2018.
255. Ministry of External Affairs, Government of India (2014), *Press statement by prime minister during the visit of president Xi Jinping of China to India*, <http://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/24014/Press+Statement+by+Prime+Minister+during+the+visit+of+President+Xi+Jinping+of+China+to+India+September+18+2014>, ngày truy cập 23/7/2019.
256. Ministry of External Affairs, Government of India (2015), *'Joint Statement between the India and China during Prime Minister's Visit to China'*, 15 May, <http://www.mea.gov.in/bilateral-documents>.

- htm?dtl/25240/Joint_Statement_between_the_India_and_China_during_Prime_Ministers_visit_to_China, ngày truy cập 23/7/2019.
257. Ministry of External Affairs, Government of India, “Joint Statement on a Comprehensive Strategic Partnership between Republic of India and Australia,” June 4, 2020, ngày truy cập 23/7/2020.
258. Ministry of Externational, Government of India (November 14 2017), *15th ASEAN-India Summit and 12th East Asia Summit in Manila, Philippines*, [https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?>](https://www.mea.gov.in/press-releases.htm?), ngày truy cập 23/9/2018.
259. Ministry of Commerce, CRISIL, Moneycontrol Research (2021), *How dependent is India on China? Here is what trade data reveals*, <https://www.moneycontrol.com/news/business/moneycontrol-research/how-dependent-is-india-on-china-here-is-what-trade-data-reveals-5346201.html>, ngày truy cập 23/4/2021.
260. Mohan, C. Raja (2003), ‘Beyond India’s Monroe Doctrine’, *The Hindu*, January 2.
261. Mohan, G. (2020, January 16), China isolated on Kashmir issue at UNSC, 14 nations refuse discussion in big win for India, *India Today*, <https://www.indiatoday.in/india/story/china-pakistan-isolated-on-kashmir-issue-at-unsc-1637238-2020-01-16>, ngày truy cập 8/6/2020.
262. Moneycontrol Research (2020), *How dependent is India on China? Here is what trade data reveals*, <https://www.moneycontrol.com/news/business/moneycontrol-research/how-dependent-is-india-on-china-here-is-what-trade-data-reveals-5346201.html>, ngày truy cập 1/2/2021.
263. National Security Strategy (2017), <https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>, ngày truy cập 23/7/2019.
264. ndtv.com, 16 May 2015, *Full text of Prime Minister Narendra Modi’s speech at the India-China business forum in Shanghai*, NDTV,

- <http://www.ndtv.com/india-news/full-textof-prime-minister-narendra-modis-speech-at-the-india-china-business-forum-in-shanghai-763508>, ngày truy cập 3/11/2018,
265. *News18* (2019, August 17), *Lost battle due to China’: How Pak’s effort to internationalise Kashmir issue was broken piece by piece at UN*, <https://www.news18.com/news/india/pakistans-efforts-to-internationalise-kashmir-snubbed-as-unsc-consultations-endwithout-outcome-2273895.html>, ngày truy cập 8/11/2020.
266. Nghiên cứu Biển Đông (17/3/2015), *Vì sao Thủ tướng Ấn Độ lại thăm ba nước Ấn Độ Dương*, <http://nghiencuubiendong.vn/tin-quoc-te-tong-hop/4681-vi-sao-thu-tuong-an-do-lai-di-tham-3-nuoc-an-do-duong>, ngày truy cập 23/9/2019.
267. Nguyễn Hoàng Như Thanh (24/05/2016), *Sự thống nhất của các trường lý luận quan hệ quốc tế: mô hình duy lý và hành vi quốc gia*, <http://nghiencuuquocte.org/2016/05/24/mo-hinh-duy-ly-ve-hanh-vi-quoc-gia/>, ngày truy cập 3/11/2018.
268. Nguyễn Văn (6/10/2016), *Kinh tế Ấn Độ sau 25 năm tự do hóa*, <http://baoquocte.vn/kinh-te-an-do-sau-25-nam-tu-do-hoa-37084.html>, ngày truy cập 10/2/2018.
269. Nitin A Gokhale, “Modi, Japan and Diplomatic Balancing”, *The Diplomat*, September 3, 2014, <http://thediplomat.com/2014/09/modi-japan-and-diplomatic-balancing/>, ngày truy cập 23/9/2018.
270. *Nikkei Asia* (February 11, 2021), *India tariff hikes target mainly China in protectionist drive*, <https://asia.nikkei.com/Economy/Trade/India-tariff-hikes-target-mainly-China-in-protectionist-drive>, ngày truy cập 23/9/2021.
271. *Observation on the 19th Congressreport*, <http://chinamediaproject.org/2017/10/24/observations-on-the-19th-congress-report/>, ngày truy cập 15/7/2018.

272. Observer Research Foundation (2021), *India - China economic ties: impact of Galwan*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/india-china-economic-ties-impact-galwan/>, ngày truy cập 5/2/2021.
273. pib.nic.in (16 Sep 2014). India-China ties from “inch towards miles”: PM’s conversation with Chinese journalists based in New Delhi. Press Information Bureau: Government of India, Prime Minister’s Office, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=109709>, ngày truy cập 23/9/201
274. PM India, pmindia.gov.in (23 Nov 2015), *Text of PM’s 37th Singapore lecture “India’s Singapore Story” during visit to Singapore*, http://pmindia.gov.in/en/news_updates/text-of-37th-singapore-lecture-indias-singapore-story-by-prime-minister-during-his-visit-to-singapore/
275. *PM Narendra Modi talks of foreign policy goals with Indian envoys* <https://timesofindia.indiatimes.com/india/pm-narendra-modi-talks-of-foreign-policy-goals-with-indian-envoys/articleshow/58555674.cms>, ngày truy cập 25/8/2020.
276. Press Information Bureau, Ministry of Home Affairs, Government of India (2019, August 6), *Parliament approves Resolution to repeal Article 370; paves way to truly integrate J&K with Indian Union*, <https://pib.gov.in/Pressreleaseshare.aspx?PRID=1581391>, ngày truy cập 1/5/2020.
277. *PM to Heads of Indian Missions,*” Indian Press Information Bureau, Prime Minister’s Office, February 7, 2015, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=115241>, ngày truy cập 23/9/2018.
278. Press Information Bureau, Government of India (February 7 2015), “PM to Heads of Indian Missions”, Press Information Bureau, Government of India, <http://pib.nic.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=115241>, ngày truy cập 23/9/2020.

279. *Prime Minister's Keynote Address at Shangri La Dialogue*, <https://www.mea.gov.in/SpeechesStatements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, ngày truy cập 15/8/2018.
280. Prime Minister's Remarks at the Commissioning of Offshore Patrol Vessel (OPV) Barracuda in Mauritius, March 12, 2015, http://www.mea.gov.in/SpeechesStatements.htm?dtl/24912/Prime_Ministers_Remarks_at_the_Commissioning_of_Offshore_Patrol_Vessel_OPV_B, ngày truy cập 23/9/2018
281. PTI. (2019, June 13), *PM Modi holds 'extremely fruitful meeting' with Chinese President Xi*, Livemint. <https://www.livemint.com/news/india/pm-modi-holds-extremely-fruitfulmeeting-with-chinese-president-xi-1560429738834.html>, ngày truy cập 8/11/2020.
282. Rajeswari Pillai Rajagopalan (2018), *What does the Modi-Xi summit mean for Sino-Indian relations?*, <https://www.orfonline.org/research/what-does-the-modi-xi-summit-mean-for-sino-indian-relations/>, ngày truy cập 21/7/2019.
283. Rajeswari Pillai Rajagopalan, *What does the Modi-Xi summit mean for Sino-Indian relations?*, <https://www.orfonline.org/research/what-does-the-modi-xi-summit-mean-for-sino-indian-relations/>, ngày truy cập 23/9/2018
284. Ralph Jennings (2018), *China Eyes Improved India Ties In Case Of Sino -U.S. Trade War*, <https://www.forbes.com/sites/ralphjennings/2018/04/03/china-moves-to-reconcile-with-india-amid-threat-of-sino-u-s-trade-war/#7140f8785896>, ngày truy cập 20/7/2019.
285. *Regional aspirations, national ambitions to define India's development: Modi*, http://www.xinhuanet.com/english/2019-05/25/c_138089325.htm, ngày truy cập 17/6/2019.
286. Ronen Sen, *Building Strategic Asia - The United States, Japan, and India*, Ambassador's Address at CSIS, Embassy of India, Washington DC, 28 June

- 2007, https://www.indianembassy.org/archives_details.php?nid=877, ngày truy cập 23/9/2018.
287. Sana Hashmi (2018), *What to Expect from India-China Relations in 2018?*, <http://theasiadialogue.com/2018/01/15/what-to-expect-from-india-china-relations-in-2018/>, ngày truy cập 18/7/2019.
288. Selig S Harrison (2010), “China’s Discreet Hold on Pakistan’s Northern Borderlands,” *New York Times*, 26 August.
289. Sergey Radchenko (2014), “The rise and fall of Hindi - Chini Bhai Bhai”, <http://foreignpolicy.com/2014/09/>,
/18/the-rise-and-fall-of-hindi-chini-bhai-bhai/, ngày truy cập 20/05/2017.
290. Speech by Foreign Secretary at Raisina Dialogue in New Delhi, Indian Ministry of External Affairs, 2 March 2015, <http://mea.gov.in/Speeches-Statements>,
[htm?dtl/26433/Speech_by_Foreign_Secretary_at_Raisina_Dialogue_in_New_Delhi_March_2_2015#](http://mea.gov.in/Speeches-Statements/htm?dtl/26433/Speech_by_Foreign_Secretary_at_Raisina_Dialogue_in_New_Delhi_March_2_2015#), ngày truy cập 23/9/2018
291. Sudeep Kumar (2018), *China's growing strategic influence in Asia is a threat to India*, <http://www.wionews.com/world/chinas-growing-strategic-influence-in-asia-carries-grave-implications-for-india-23307>, accessed on 15/7/2018.
292. Sumanth Samsami (2021), “India - China economic ties: impact of Galwan”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/india-china-economic-ties-impact-galwan/>, ngày truy cập 5/2/2021.
293. Sunil, S., & Beniwal, V., (2020, July 1), *India’s growing economic reliance on China may be tough to break*, Bloomberg, <https://www.bloomberg.com/news/articles/2020-07-01/india-s-growing-economic-reliance-on-china-may-be-tough-to-break>, ngày truy cập 8/6/2020.
294. Sutirtho Patranobis (2017), *Stronger, more powerful Xi Jinping will bring foreign policy challenges for India*, <https://www.hindustantimes.com/world-news/stronger-more-powerful-xi-jinping-will-bring-foreign-policy-challenges-for-india/story-1O183Yy85172kKQN0k0gnK.html>, ngày truy cập 12/9/2019

295. Tạp chí Tài chính (3/9/2019), *Chủ nghĩa bảo hộ đe dọa kinh tế toàn cầu*, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/chu-nghia-bao-ho-de-doa-kinh-te-toan-cau-312242.html>, ngày truy cập 11/9/2020.
296. The Indian Economic Times (2020), *China bigger threat to India than Pakistan: Sharad Pawar*, <https://economictimes.indiatimes.com/news/politics-and-nation/china-bigger-threat-to-india-than-pakistan-sharad-pawar/articleshow/76919271.cms?from=mdr>, ngày truy cập 23/9/2020.
297. The New Indian Express (Oct 2015), *India, China growth will help dream of Asian century: Modi*, <http://www.newindianexpress.com/nation/India-China-Growth-Will-Help-Dream-of-Asian-Century-Modi/2015/10/01/article3057202.ece>
298. *The News International* (1/9/2014), *Pakistan Factor in Sino-Indian relations - I*, <https://www.thenews.com.pk/archive/print/132113-pakistan-factor-in-sino-indian-relations-%E2%80%94-i>, ngày truy cập 23/9/2018
299. The Statistics Portal, *Amount of foreign direct investment (FDI) inflows for all sectors in India from FY 2012 to FY 2018*, <https://www.statista.com/statistics/263617/gross-domestic-product-gdp-growth-rate-in-india/>, ngày truy cập 23/9/2019
300. The Statistics Portal (2021), *India: Real gross domestic product (GDP) growth rate from 2012 to 2022*, <https://www.statista.com/statistics/263617/gross-domestic-product-gdp-growth-rate-in-india/>, ngày truy cập 23/1/2021.
301. The Time of India (15 May 2015), *Full text: PM Modi's speech at Tsinghua University, Beijing*, <http://timesofindia.indiatimes.com/india/Read-fulltext-PM-Modis-speech-at-Tsinghua-UniversityBeijing/articleshow/47295807.cms>
302. The Time of India (2014), *Modi in Arunachal: China should shed expansionist mindset*, <https://timesofindia.indiatimes.com/india/Modi-in-Arunachal-China-should-shed-expansionist-mindset/articleshow/30844702.cms>, ngày truy cập 7/1/2019.

303. The Washington Post (2015), *What China's and Pakistan's special friendship means*,
<https://www.washingtonpost.com/news/worldviews/wp/2015/04/21/what-china-and-pakistans-special-friendship-means/>, ngày truy cập 26/8/2020.
304. Timofeev, I. (2019, August 6). A new anarchy? Scenarios for world order dynamics. *Russian International Affairs Council*,
<https://russiancouncil.ru/en/analytics-and-comments/analytics/a-new-anarchy-scenarios-for-world-order-dynamics/>, ngày truy cập 8/11/2020.
305. Tiwari Ravish (April 4 2015), “BJP Calls for a Muscular Foreign Policy: Panchamrit to Replace Panchsheel”, *India Today*,
<http://indiatoday.intoday.in/story/bjp-foreign-policy-national-executive/1/428383.html>, ngày truy cập 15/1/2021.
306. *Tranh chấp Ấn - Trung ở Doklam và “Cuộc Chơi Lớn” của châu Á*,
<https://www.rfi.fr/vi/chau-a/20170815-tranh-chap-an-trung-o-doklam-va-%E2%80%9Ccuoc-choi-lon%E2%80%9D-cua-chau-a>, truy cập ngày 12/4/2019.
307. U.S.-India Joint Vision for the Asia-Pacific and Indian Ocean Region, The White House, 25January 2015, <https://www.whitehouse.gov/the-press-office/2015/01/25/usindia-joint-strategic-vision-asia-pacific-and-indian-ocean-region>, ngày truy cập 23/9/2018.
308. Uri Friedman (March 19, 2017), *What a World Led by China Might Look Like*,
<https://www.theatlantic.com/international/archive/2017/03/donald-trump-china-rachman/521055/>, ngày truy cập 10/4/2020.
309. Vietnam+ (24/7/20119), *Nga, Ấn Độ và Trung Quốc cùng nỗ lực tăng cường ổn định chiến lược*,
<https://www.vietnamplus.vn/nga-an-do-trung-quoc-cung-no-luc-tang-cuong-on-dinh-chien-luoc/579369.vnp>, ngày truy cập 25/7/2019.
310. Vinay Kumar, “India well positioned to become a net provider of security: Manmohan Singh,” *The Hindu*, 24 May 2013

311. *What is 'multi-alignment' and how it is different from 'non-alignment'?*, <http://www.idsa.in/askanexpert/multi-alignment-non-alignment-india>, truy cập này 15/3/2019.
312. *Why China will go full steam ahead in the nuclear arms race*, <http://www.scmp.com/comment/insight-opinion/article/2133033/why-china-will-go-full-steam-ahead-nuclear-arms-race>, truy cập ngày 12/4/2020.
313. William Yale (April 24, 2015), “AIIB: China’s ‘Phase Zero Operation’?”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2015/04/aiib-chinas-phase-zero-operation/>, ngày truy cập 3/11/2018.
314. World Bank (2014), *Regional Integration in South Asia*, March 24; <http://www.worldbank.org/en/region/sar/brief/south-asia-regional-integration>, ngày truy cập 8/6/2020.
315. World Economic Forum (2019), *We’ve entered the Asian Century and there is no turning back*, <https://www.weforum.org/agenda/2019/10/has-world-entered-asian-century-what-does-it-mean/>, ngày truy cập 23/9/2018
316. World Economic Forum (2020), *India is now the world’s 5th largest economy*, <https://www.weforum.org/agenda/2020/02/india-gdp-economy-growth-uk-france/>, ngày truy cập 28/2/2020.
317. Xinhua (2019, August 12), *Chinese FM holds talks with Indian external affairs minister on ties*, http://www.xinhuanet.com/english/2019-08/12/c_138303948.htm, ngày truy cập 8/11/2020
318. Xinhua (3/8/2018), *Chinese FM Calls for Mutual Trust with India*, http://www.xinhuanet.com/english/2018-03/08/c_137024429.htm, ngày truy cập 25/9/2019.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

BIÊN NIÊN NHỮNG SỰ KIỆN CHÍNH TRỊ - NGOẠI GIAO TIÊU BIỂU TRONG QUAN HỆ AN ĐỘ - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2014 - 2021

| Thời gian | Sự kiện |
|-----------|--|
| Năm 2014 | Ngày 27/5/2014: Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường gửi thông điệp chúc mừng tới Narendra Modi khi ông chiến thắng tổng tuyển cử và trở thành Thủ tướng Cộng hòa Ấn Độ; |
| | Ngày 4/6/2014: Ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị thăm Trung Quốc với tư cách là Đặc phái viên của Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | Ngày 11/6/2014: Ngoại trưởng Vương Nghị hội đàm với Ngoại trưởng Ấn Độ Sushma Swaraj |
| | Ngày 11/6/2014: Cố vấn An ninh quốc gia Ấn Độ Ajit Doval gặp Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 11/6/2014: Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee hội đàm với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 11/6/2014: Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi có cuộc hội đàm với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 5/7/2014: Phó Tổng thống Ấn Độ có cuộc gặp với Tổng thống Myanmar U Thein Sein và Thủ tướng Lý Khắc Cường |
| | 5/7/2014: Phó Tổng thống Ấn Độ Mohammad Hamid Ansari có cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | 20/7/2014: Thủ tướng N. Modi có cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | 12/8/2014: Cuộc gặp song phương giữa Ngoại trưởng Ấn Độ Sushma và Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | 11/9/2014: Chủ tịch Tập Cận Bình có chuyến thăm cấp Nhà nước tới Tajikistan, Maldives, Sri Lanka và Ấn Độ |

| | |
|----------|--|
| | Ngày 17/9/2014: Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình có chuyến thăm cấp Nhà nước đến Ấn Độ |
| | 18/9/2014: Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherje tiếp đón trọng thể Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | Ngày 18/9/2014: Phó Tổng thống Ấn Độ có cuộc hội đàm với Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | Ngày 18/9/2014: Chủ tịch Tập Cận Bình có cuộc hội đàm với Thủ tướng N. Modi về Xây dựng mối quan hệ đối tác chặt chẽ hơn vì phát triển hướng tới phát triển hòa bình và cùng nhau hợp tác phát triển |
| | Ngày 18/9/2014: Chủ tịch Tập Cận Bình đến thăm bang Gurajat do Thủ tướng Modi tiếp đón |
| | Ngày 19/9/2014: Chủ tịch Tập Cận Bình có cuộc gặp với Chủ tịch Hạ viện Ấn Độ Sumitra Mahajan |
| | Ngày 19/9/2014: Chủ tịch Tập Cận Bình có cuộc hội đàm với Chủ tịch Đảng Quốc đại Ấn Độ Sonia Gandhi và nguyên Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh |
| | Ngày 19/9/2014: Tập Cận Bình hội kiến với Tổng thống Ấn Độ Pranab Mukherjee |
| | 11/10/2014: Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj có cuộc gặp với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| Năm 2015 | Ngày 16/3/2015: cuộc gặp cấp Bộ trưởng giữa Ngoại trưởng Ấn Độ, Nga và Trung Quốc tại Bắc Kinh |
| | Ngày 16/3/2015: Ngoại trưởng Ấn Độ Sushma Swaraj có cuộc hội đàm với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 16/3/2015: Ngoại trưởng Ấn Độ có cuộc hội kiến với Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | Ngày 28/5/2015: Thủ tướng Modi và Thủ tướng Lý Khắc Cường tham dự buổi Giao lưu văn hóa Yoga - Thái Cực Quyền của Ấn Độ và Trung Quốc |

| | |
|------|---|
| | <p>Ngày 28/5/2015: trong cuộc gặp giữa Thủ tướng N. Modi và Thủ tướng Lý Khắc Cường, hai bên nhấn mạnh sự cần thiết của việc Ấn Độ và Trung Quốc cùng nhau hợp tác để xây dựng mối quan hệ đối tác phát triển chặt chẽ hơn.</p> |
| | <p>Ngày 28/5/2015: Tuyên bố chung giữa Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc nhân chuyến thăm của Thủ tướng Modi đến Trung Quốc</p> |
| | <p>Ngày 28/5/2015: Thủ tướng Modi đến thăm thành phố Tây An cùng Chủ tịch Tập Cận Bình</p> |
| 2016 | <p>Ngày 21/1/2016: Trao đổi học thuật giữa học giả Ấn Độ và Trung Quốc được tổ chức tại Mumbai</p> |
| | <p>Ngày 16/2/2016: Ấn Độ tăng cường khuôn khổ hợp tác tác chính với các bên trong nhiệm kỳ Chủ tịch BRICs</p> |
| | <p>Ngày 22/10/2016: Chủ tịch Tập Cận Bình đến Goa của Ấn Độ để tham dự Hội nghị thượng đỉnh BRICs</p> |
| 2017 | <p>Ngày 23/3/2017: Đối thoại chiến lược Trung - Ấn được tổ chức tại Bắc Kinh</p> |
| | <p>Ngày 9/6/2017: Chủ tịch Tập Cận Bình hội kiến với Thủ tướng N. Modi</p> |
| | <p>Ngày 5/9/2017: Chủ tịch Tập Cận Bình hội kiến Thủ tướng Modi</p> |
| | <p>Ngày 7/9/2017: Ngoại trưởng Vương Nghị phát biểu về đảm bảo mối quan hệ Trung - Ấn không đi chệch hướng, đối đầu hoặc vượt tầm kiểm soát và thúc đẩy khu vực dãy Himalây trở thành vùng đất mới cho sự phát triển của châu Á</p> |
| | <p>Ngày 11/12/2017: Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc -Nga - Ấn Độ lần thứ 15</p> |
| | <p>Ngày 22/12/2017: Thủ tướng Narendra Modi có cuộc gặp với Ủy viên Bộ Chính trị Dương Khiết Trì</p> |
| | <p>Ngày 22/12/2017: cuộc họp của các Đại diện đặc biệt lần thứ 20 giữa Ấn Độ và Trung Quốc về vấn đề biên giới được tổ chức tại New Delhi</p> |

| | |
|--|--|
| Năm 2018 | Ngày 23/2/2018: Bí thư đối ngoại Ấn Độ Vijay Gokhale có cuộc gặp với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 24/2/2018: Bí thư đối ngoại Ấn Độ Vijay Gokhale có cuộc gặp với ông Dương Khiết Trì |
| | 21/3/2018: Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình có cuộc điện đàm về quan hệ song phương Ấn - Trung |
| | 23/3/2018: Cuộc họp về vấn đề biên giới Ấn -Trung được tổ chức tại New Delhi |
| | Ngày 26/3/2018: Phiên họp thứ 11 về Nhóm hoạt động chung về Kinh tế và Thương mại Ấn - Trung tại Ấn Độ |
| | Ngày 7/4/2018: Bí thư đối ngoại Ấn Độ Vijay Gokhale gặp Thứ trưởng Ngoại giao Khổng Huyền Hựu |
| | Ngày 10/4/2018: Ấn Độ và Trung Quốc có cuộc họp về kiểm soát vũ khí (Hold Arms Control Consultation) tại Bắc Kinh |
| | Ngày 23/4/2018: Phó Chủ tịch Trung Quốc Vương Kỳ Sơn có cuộc gặp với Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj |
| | Ngày 25/4/2018: Bộ trưởng Vương nghị có cuộc gặp với ngoại trưởng Ấn Độ Sushma Swaraj |
| | Ngày 28/4/2018: Thủ tướng N. Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình có cuộc gặp không chính thức tại Vũ Hán |
| | Ngày 30/4/2018: Ấn Độ và Trung Quốc đạt được sự đồng thuận trong nhiều vấn đề trong Hội nghị thượng không chính thức |
| | Ngày 6/5/2018: Ngoại trưởng Sushma Swaraj gặp Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 9/6/2018: Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận Bình hội kiến |
| Ngày 13/7/2018: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức Vòng đối thoại thứ hai về hợp tác hàng hải | |

| | |
|------|--|
| | Ngày 21/8/2018: Ấn Độ và Trung Quốc cam kết tăng cường trao đổi và hợp tác quân sự |
| | Ngày 27/9/2018, Thứ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Khổng Huyền Hựu đón phái đoàn các nhà ngoại giao cấp cao Ấn Độ |
| | Ngày 24/11/2018: cuộc họp lần thứ 21 của Các đại diện đặc biệt Ấn - Trung về vấn đề biên giới đạt được nhiều đồng thuận quan trọng |
| | 30/11/2018: Các nhà lãnh đạo BRICs thống nhất thúc đẩy chủ nghĩa đa phương |
| | 30/11/2018: lãnh đạo Ấn Độ và Trung Quốc thống nhất nâng cấp quan hệ hai nước |
| | Ngày 21/12/2018: Tổng thống Ấn Độ Ram Nath Kovind gặp Thủ tướng Vương Nghị |
| | Ngày 21/12/2018: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp cấp cao đầu tiên về Cơ chế trao đổi văn hóa và giao lưu nhân dân Ấn – Trung do Bộ trưởng hai nước đồng chủ trì |
| | Ngày 22/12/2018: lãnh đạo ngoại giao hai nước tham dự Lễ khai mạc Diễn đàn truyền thông cấp cao Ấn - Trung |
| | Ngày 23/12/2018: Cố vấn An ninh Quốc gia Ấn Độ Ajit Doval có cuộc gặp với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| 2019 | Ngày 29/2/2019: Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc, Nga và Ấn Độ đạt được 8 điểm đồng thuận |
| | Ngày 27/2/2019: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj gặp Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 28/3/2019: Các cựu quan chức cấp cao thảo luận về quan hệ Ấn Trung trong đối thoại cấp cao |
| | Ngày 22/4/2019: Bí thư đối ngoại Ấn Độ Vijay Keshav Gokhale có cuộc gặp với Ngoại trưởng Vương Nghị |

| |
|--|
| Ngày 23/4/2019: Bí thư đối ngoại Ấn Độ Vijay Keshav Gokhale có cuộc gặp với Thứ trưởng ngoại giao Lạc Ngọc Thành |
| Ngày 22/5/2019, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj có cuộc gặp với Bộ trưởng ngoại giao Vương Nghị |
| Ngày 30/5/2019: Thủ tướng Lý Khắc Cường chúc mừng N. Modi tái đắc cử Thủ tướng |
| Ngày 31/5/2019: Chủ tịch Tập Cận Bình chúc mừng N. Modi tái đắc cử Thủ tướng |
| Ngày 6/8/2019: Ấn Độ và Trung Quốc cam kết tăng cường tin cậy lẫn nhau, mở rộng hợp tác |
| Ngày 18/6/2019: Thủ tướng Modi và Chủ tịch Tập Cận bình có cuộc hội kiến |
| Ngày 12/8/2019: Phó Thủ tướng Trung Quốc có cuộc gặp với Ngoại trưởng Ấn Độ |
| Ngày 12/8/2019: Ngoại trưởng Vương Nghị có cuộc hội đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar |
| Ngày 12/8/2019: Cuộc họp lần thứ hai về Cơ chế cấp cao về giao lưu văn hóa và giao lưu nhân dân Trung - Ấn được tổ chức tại Bắc Kinh do Bộ trưởng Ngoại giao hai nước đồng chủ trì |
| Ngày 12/8/2019: Ngoại trưởng Vương Nghị đề cập đến vấn đề Kashmir ở Hội đồng bảo an Liên hợp Quốc |
| Ngày 12/8/2019: Phó Chủ tịch Vương Kỳ Sơn gặp Ngoại trưởng Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar |
| Ngày 10/9/2019: Đối thoại kinh tế chiến lược lần thứ 6 giữa Ấn Độ và Trung Quốc được tổ chức ở Ấn Độ |
| Ngày 29/9/2019: Ngoại trưởng Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar gặp Ngoại trưởng Vương Nghị |

| | |
|------|---|
| | Ngày 17/10/2019: Thủ tướng Modi có cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình |
| | Ngày 17/10/2019: Cuộc họp không chính thức lần thứ hai giữa các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Ấn Độ |
| | Ngày 17/10/2019: Thủ tướng Modi tiếp tục có cuộc gặp với Chủ tịch Tập Cận Bình tại Chennai |
| | Ngày 27/11/2019: Chủ tịch Tập Cận Bình hội kiến với Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi |
| | Ngày 22/12/2019: Phó Tổng thống Ấn Độ có cuộc gặp với Ngoại trưởng Vương Nghị |
| | Ngày 22/12/2019: Cuộc họp lần thứ 22 của các đại diện đặc biệt của Trung Quốc và Ấn Độ về vấn đề biên giới được tổ chức tại New Delhi |
| 2020 | Ngày 23/5/2020: Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị điện đàm với Ngoại trưởng Ấn Độ, Subrahmanyam Jaishankar |
| | Ngày 1/4/2020: Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị có cuộc điện đàm với Ngoại trưởng Ấn Độ nhân kỷ niệm 70 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Trung Quốc và Ấn Độ |
| | Ngày 17/6/2020: Ngoại trưởng Ấn Độ, Subrahmanyam Jaishankar có cuộc điện đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị |
| | Ngày 24/6/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức Cuộc họp về Cơ chế Làm việc Tham vấn và Điều phối về các vấn đề Biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |
| | Ngày 10/7/2020: Cố vấn an ninh quốc gia Ấn Độ Ajit Doval có cuộc điện đàm với Ngoại trưởng Vương Nghị về giảm căng thẳng ở biên giới |
| | Ngày 10/7/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 16 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |

| | |
|------|---|
| | Ngày 24/7/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 17 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |
| | Ngày 20/8/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 18 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |
| | Ngày 7/9/2020: Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ và Trung Quốc thảo luận về căng thẳng biên giới ở Moscow |
| | Ngày 11/9/2020: Ngoại trưởng Ấn Độ và Trung Quốc ra Thông cáo báo chí chung và 5 điểm đồng thuận chung giữa hai nước (Both Sides Reach Five-point Consensus) |
| | Ngày 11/9/2020: Ngoại trưởng Ấn Độ Subrahmanyam Jaishankar có cuộc gặp với Bộ trưởng Trung Quốc Vương Nghị |
| | Ngày 30/9/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 19 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |
| | Ngày 18/12/2020: Ngày 30/9/2020: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 20 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |
| 2021 | Ngày 12/3/2021: Ấn Độ và Trung Quốc tổ chức cuộc họp lần thứ 21 về Cơ chế làm việc tham vấn và phối hợp về các vấn đề biên giới Trung Quốc-Ấn Độ |

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Embassy of the People's Republic of China in India (2021); Embassy of the Republic of India in China (2021).